HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH QUỐC GIA
CÁC BỘ MÔN KHOA HỌC MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

GIÁO TRÌNH
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

GIÁO TRÌNH

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

3K5H4 (371.01)
Mã số: ―――――
CTQG - 2003

HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH QUỐC GIA
CÁC BỘ MÔN KHOA HỌC MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

GIÁO TRÌNH
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội – 2003

HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH QUỐC GIA CÁC BỘ MÔN KHOA HỌC MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đồng chí **Đào Duy Tùng**, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, **Chủ tịch**;
2. Đồng chí **Nguyễn Đức Bình,** giáo sư, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, phụ trách khối Tư tưởng - Văn hoá và Khoa giáo, **Phó Chủ tịch;**
3. Đồng chí **Nguyễn Đình Tứ**, giáo sư, phó tiến sĩ, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương, **Phó Chủ tịch**;
4. Đồng chí **Nguyễn Khánh,** Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, **Phó Chủ tịch**;
5. Đồng chí **Nguyễn Duy Quý,** giáo sư, tiến sĩ, Uỷ viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Khoa học xã hội Việt Nam, **Tổng thư ký;**
6. Đồng chí **Đặng Xuân Kỳ,** giáo sư, Uỷ viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Mác - Lênin, Uỷ viên;
7. Đồng chí **Trần Chí Đáo,** phó giáo sư, phó tiến sĩ, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Uỷ viên;
8. Đồng chí **Trần Ngọc Hiên,** giáo sư, phó tiến sĩ, Phó Giám đốc Học viện Nguyễn Ái Quốc, Uỷ viên;
9. Đồng chí **Trần Xuân Trường,** giáo sư, Giám đốc Học viện Chính trị - Quân sự, Uỷ viên;
10. Đồng chí **Dương Phú Hiệp,** phó giáo sư, phó tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Uỷ viên;
11. Đồng chí **Hà Học Hợi,** phó giáo sư, Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Uỷ viên;
12. Đồng chí **Nguyễn Văn Phùng**, giáo sư, Uỷ viên;
13. Đồng chí **Đỗ Nguyên Phương,** phó giáo sư, phó tiến sĩ, Phó Giám đốc Học viện Nguyễn Ái Quốc, Uỷ viên.

(Theo Quyết định số 255-CT ngày 13-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng)

BAN BIÊN SOẠN:

1. GS. Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên)
2. GS. Vũ Khiêu
3. GS. Song Thành

CỘNG TÁC VIÊN:

Hà Nội

1. PGS, TS. Hoàng Chí Bảo
2. GS, TS. Đỗ Huy
3. PGS. Trần Đình Huỳnh
4. TS. Nguyễn Đình Lộc
5. PGS, TS. Nguyễn Bá Linh
6. GS, TS. Phan Ngọc Liên
7. GS, TS. Trịnh Nhu
8. GS, TS. Phùng Hữu Phú
9. GS, TS. Phạm Hồng Sơn
10. Luật sư Nguyễn Văn Thảo

Thành phố Hồ Chí Minh

1. GS. Trần Văn Giàu
2. Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng
3. Nhà nghiên cứu Trịnh Gia Ban
4. Nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Cư
5. Nhà nghiên cứu Dương Văn Diêu
6. Nhà nghiên cứu Trần Giang
7. TS. Đoàn Thanh Hương
8. Nhà nghiên cứu Bùi Hữu Khánh
9. PGS, TS. Trần Tuấn Lộ
10. TS. Trần Nhu
11. PGS, TS. Tạ Văn Thành
12. Thượng tướng Trần Văn Trà

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta".

Đối với Đảng và cách mạng nước ta, kiên trì, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có tính nguyên tắc số một. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được quán triệt trong mọi chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam, có nắm được tư tưởng Hồ Chí Minh mới hiểu thấu đáo đường lối cách mạng Việt Nam. Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là nhằm thấm nhuần sâu sắc

hệ thống quan điểm và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, nâng cao thêm lòng yêu nước, tinh thần phục vụ nhân dân, đạo đức cách mạng của mỗi người, để làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam trong hành động của chúng ta.

Với tinh thần đó, Đảng và Nhà nước ta yêu cầu phải đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học lý luận Mác - Lênin, tiến hành biên soạn giáo trình mới về các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để có tài liệu giảng dạy và học tập thống nhất trong cả nước. Ngày 13-7-1992 Chính phủ đã quyết định thành lập **Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh**.

Sau một thời gian chuẩn bị, nghiên cứu và biên soạn công phu, nghiêm túc, đến nay công trình đã hoàn thành, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia cho xuất bản lần đầu ***Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh***. Giáo trình này được tập thể tác giả gồm các giáo sư, tiến sĩ, các nhà nghiên cứu, hoạt động chuyên ngành nổi tiếng biên soạn, do Giáo sư Đặng Xuân Kỳ chủ biên.

Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 12 chương, mở đầu trình bày khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp theo tập trung luận chứng các nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh, chương cuối là việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Giáo trình này đóng vai trò định hướng về những quan

điểm cơ bản cho việc giảng dạy và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh thế giới và nước ta hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ môn mới ra đời và đang trên con đường phấn đấu để trở thành một bộ môn khoa học, giáo trình này lần đầu tiên được biên soạn và xuất bản ở nước ta, chưa có điều kiện kế thừa những thành tựu đã có như giáo trình các bộ môn khoa học Mác - Lênin khác. Vì vậy, trong quá trình biên soạn, biên tập chúng tôi đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi còn thiếu sót. Rất mong bạn đọc đóng góp ý kiến để giáo trình ngày càng hoàn thiện.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2003

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh được biên soạn theo quyết định của "Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh", sau một thời gian triển khai thực hiện, nay đã hoàn thành và ra mắt bạn đọc.

Nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh - cuộc đời, sự nghiệp, đạo đức, phong cách,... đã được tiến hành ở nước ta từ hơn 1/2 thế kỷ nay; nhưng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh một cách toàn diện và hệ thống, chủ yếu mới được đặt ra từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta (năm 1991). Biên soạn một bộ giáo trình về tư tưởng Hồ Chí Minh trong lúc việc nghiên cứu tư tưởng của Người cũng mới đang triển khai ở giai đoạn đầu, nhiều vấn đề chưa được tổng kết, nhiều giá trị tiềm ẩn đang dần dần được phát hiện, đó thực sự là một công việc mới mẻ, đầy khó khăn. Nhưng do thực tế đòi hỏi phải sớm có bộ giáo trình về tư tưởng Hồ Chí Minh để kịp đưa vào giảng dạy cùng với giáo trình các bộ môn Mác - Lênin khác, tập thể tác giả đã phấn đấu vượt qua khó khăn, với tinh thần thận trọng khoa học và trách nhiệm để hoàn thành việc biên soạn bộ giáo trình này. Hy vọng rằng sau một thời gian đưa vào giảng dạy, cùng với những thành

tựu mới đạt được trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta sẽ từng bước bổ sung, nâng cao và hoàn chỉnh bộ giáo trình bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Giáo trình này nhằm trước hết phục vụ cho đối tượng được đào tạo *cử nhân chính trị* thuộc các Học viện, trường Đảng, các khoa Mác - Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc các trường đại học khoa học xã hội và nhân văn. Tuy nhiên, nó cũng là giáo trình cơ bản, sau khi có sự điều chỉnh nhất định, vẫn có thể dùng cho các trường đại học chuyên ngành khác như là cái khung định hướng về quan điểm và liều lượng tri thức cơ bản.

Trong quá trình biên soạn, tập thể tác giả đã cố gắng phấn đấu thực hiện theo *các yêu cầu cơ bản* sau đây:

- Giới thiệu được tương đối toàn diện và có hệ thống những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

- Phản ánh được những thành tựu mới nhất trong nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đến nay.

- Trình bày được những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh kết hợp với việc đề xuất vận dụng, quán triệt tư tưởng ấy trong công cuộc đổi mới.

Về tính chất, giáo trình cố gắng đảm bảo:

- *Tính khoa học:* tức tính khách quan của sự lý giải, đánh giá, nghĩa là phải xuất phát từ văn kiện, tác phẩm, con người, cuộc đời cùng với thực tiễn chỉ đạo, hoạt động của Hồ Chí Minh, không áp đặt mà cũng không hiện đại hoá tư tưởng của Người, đồng thời phải đảm bảo tính chính xác của tư liệu, sự kiện.

- *Tính sư phạm*: nghĩa là những kiến thức cơ bản, chính xác, hệ thống cần được trình bày qua một hệ thống luận điểm rành mạch, sáng sủa, có sự cân đối hợp lý.

- *Tính thực tiễn*: nghĩa là lý luận phải liên hệ với thực tế, nhận thức để hành động, góp phần đấu tranh - phê phán mọi mưu toan hạ thấp, xuyên tạc ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm chống chủ nghĩa xã hội và xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng ta.

Về kết cấu, theo ý kiến của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin - tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh bước đầu gồm có 12 chương, tương đương với 12 bài, được trình bày, nghiên cứu trong 60 tiết trên lớp. Đây chưa phải là toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Các trường đại học chuyên ngành, xuất phát từ mục tiêu, nhiệm vụ đối tượng đào tạo của mình có thể điều chỉnh, bổ sung những chuyên đề thích hợp với ngành mình (tư tưởng kinh tế, tư tưởng ngoại giao, tư tưởng triết học, tư tưởng dân vận, tư tưởng về báo chí, tư tưởng về tôn giáo, v.v.).

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ môn mới ra đời và đang trên con đường phấn đấu để trở thành một bộ môn khoa học. Để trở thành một bộ môn khoa học - cũng như mọi khoa học khác - cùng một lúc, nó phải giải quyết cả ba vấn đề: đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, hệ thống khái niệm và phạm trù bộ môn.

- *Đối tượng nghiên cứu* chủ yếu của bộ môn *Tư tưởng Hồ Chí Minh* là hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là hệ thống tri thức mang tính quy luật về đối tượng, đòi hỏi

phải có thời gian mới có điều kiện xác lập được một cách đầy đủ và chính xác. Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ được phản ánh trong văn kiện, tác phẩm của Người mà còn được quán triệt trong mọi chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta do Người đứng đầu, trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp cách mạng mà Người để lại cho chúng ta. Những nội dung đó đều phải được xem là đối tượng nghiên cứu của bộ môn *Tư tưởng Hồ Chí Minh*.

- *Phương pháp nghiên cứu*: trên cơ sở vận dụng phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, cần tìm ra những nguyên tắc phương pháp luận và hệ thống phương pháp nghiên cứu riêng của bộ môn, xuất phát từ đối tượng và phù hợp với đối tượng. Giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh cần kết hợp với nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy kết quả nghiên cứu để bổ sung và nâng cao chất lượng giảng dạy. Có nghiên cứu tốt mới giảng dạy tốt.

- Mỗi bộ môn đều có một *hệ thống khái niệm và phạm trù*, như là những công cụ, những bậc thang nhận thức để chiếm lĩnh đối tượng. Vậy hệ thống khái niệm và phạm trù của bộ môn *Tư tưởng Hồ Chí Minh* là gì? Đây là một việc làm lâu dài, sẽ được hoàn chỉnh dần cùng với thành tựu nghiên cứu, với sự phát triển và trưởng thành của đội ngũ nghiên cứu và giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh. Khái niệm là đường dây dẫn dắt cho sự nghiên cứu. Có xác định đúng nội hàm của khái niệm, việc nghiên cứu mới có triển vọng. Ngược lại, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh, một bộ môn lý luận - tư tưởng, thuộc lĩnh vực triết học, cũng phải làm rõ khái niệm, từ khái niệm mà hình thành tư tưởng.

Nếu giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh mà chỉ kể lể tư liệu, sự kiện, không hình thành được tư tưởng là chưa đúng với tính chất của bộ môn.

Trên đây là những nhận thức có tính định hướng cho các tác giả trong quá trình biên soạn. Tuy nhiên, từ nhận thức đến thực tế vẫn còn một khoảng cách. Đây là bộ giáo trình mang tính quốc gia về bộ môn *Tư tưởng Hồ Chí Minh* lần đầu tiên được biên soạn và xuất bản ở nước ta, chưa có điều kiện kế thừa những thành tựu đã qua như giáo trình các bộ môn khoa học Mác - Lênin khác, nên những nhược điểm, thiếu sót là điều không tránh khỏi.

Chúng tôi mong được các bạn đồng nghiệp, các cán bộ, học viên, sinh viên và bạn đọc xa gần có quan tâm đến tư tưởng Hồ Chí Minh, trong khi sử dụng giáo trình này, gửi cho chúng tôi những lời phê bình, nhận xét, giúp chúng tôi bổ khuyết, nâng cao hơn nữa trong lần xuất bản sau.

Xin chân thành cám ơn.

BAN BIÊN SOẠN

CHƯƠNG I

KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đảng Cộng sản Việt Nam, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (tháng 2-1951) trở lại đây, đã liên tục khẳng định vai trò, ý nghĩa, tác dụng của đường lối chính trị, tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách,... Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6-1991), Đảng đã trân trọng ghi vào *Cương lĩnh* và *Điều lệ* của mình: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"[1]. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) một lần nữa khẳng định lại điều này.

Đây là một sự tổng kết chính xác và là bước phát triển mới trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta. Đây cũng là một quyết định có tầm lịch sử quan trọng, đáp ứng được tình cảm và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta. Để tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vai trò chỉ đạo trong

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 127.

đời sống tinh thần xã hội, Đảng cũng chỉ rõ cần tổ chức việc học tập, nghiên cứu một cách có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm vận dụng quán triệt trong sự nghiệp đổi mới.

I. KHÁI NIỆM VÀ HỆ THỐNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX có đoạn nói về tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

"***Tư tưởng Hồ Chí Minh*** là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội,...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta"[1].

Đây là một định hướng cơ bản cho các nhà nghiên cứu

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 83-84.

để trên cơ sở đó đi tới một khái niệm có khả năng bao quát được những nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là một tập hợp đơn giản những ý tưởng, những suy nghĩ cụ thể của Hồ Chí Minh trong những hoàn cảnh cụ thể, mà là một hệ thống những quan điểm, quan niệm về con đường cách mạng Việt Nam được hình thành trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một khái niệm khoa học, định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh cần được trình bày cô đọng, chặt chẽ, ở cấp độ lý luận nhằm phản ánh được bản chất và nội dung cốt lõi của nó.

Theo kết quả nghiên cứu đạt được trong những năm qua, có thể bước đầu định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hoá, nhân nghĩa và thực tiễn cách mạng Việt Nam với tinh hoa văn hoá nhân loại, được nâng lên tầm cao mới dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt hơn 70 năm qua và tiếp tục soi sáng con đường chúng ta tiến lên xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống bao gồm nhiều lĩnh vực, là đối tượng nghiên cứu của nhiều bộ môn khoa học khác nhau. Bước đầu, giáo trình lựa chọn giới thiệu những tư tưởng chủ yếu sau đây:

- Tư tưởng về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc;
- Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội;
- Tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc;
- Tư tưởng về quân sự;
- Tư tưởng về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân;
- Tư tưởng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;
- Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh;
- Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh;
- Tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh...

Trên đây mới chỉ là một số nội dung cơ bản trong tư tưởng chính trị, tư tưởng văn hoá - đạo đức của Hồ Chí Minh. Chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu và từng bước đưa vào giáo trình các vấn đề về tư tưởng triết học, tư tưởng kinh tế, tư tưởng dân

vận, tư tưởng giáo dục, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh,... khi có điều kiện. Ở các trường, các khoa, các chuyên ngành khác nhau có thể lựa chọn, bổ sung những chuyên đề phù hợp với yêu cầu đào tạo của mình.

II. ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ - XÃ HỘI, NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Điều kiện lịch sử - xã hội

Tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là sản phẩm chủ quan, phản ánh tâm lý nguyện vọng của nhân dân Việt Nam đối với lãnh tụ kính yêu của mình. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam, ra đời do yêu cầu khách quan và là sự giải đáp những nhu cầu bức thiết do cách mạng Việt Nam đặt ra từ đầu thế kỷ XX đến nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành dưới tác động, ảnh hưởng của những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể của dân tộc và thời đại mà Người đã sống và hoạt động. Thiên tài Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã nắm bắt chính xác xu hướng phát triển của thời đại để tìm ra con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc mình.

a) *Xã hội Việt Nam* thế kỷ XIX cho đến khi Pháp xâm lược vẫn là một xã hội phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, trì trệ. Sau khi lật đổ được triều đại Tây Sơn, chính quyền nhà Nguyễn đã thi hành một chính sách đối nội, đối ngoại bảo thủ, phản động: tăng cường đàn áp, bóc lột ở bên trong và thực hiện bế quan toả cảng đối với bên ngoài; cự tuyệt mọi đề án cải cách, dù là nhỏ bé và đã quá muộn mằn, nên đã không mở ra được khả năng cho Việt Nam cơ

hội tiếp xúc và bắt nhịp với sự phát triển của thế giới, đặc biệt là với thị trường tư bản Tây Âu. Vì vậy, đã không phát huy được những thế mạnh của dân tộc và đất nước (về địa lý - chính trị, tài nguyên, con người thông minh, cần cù, dũng cảm,...); không tạo ra được tiềm lực vật chất và tinh thần đủ sức bảo vệ Tổ quốc, chống lại âm mưu xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Để rơi vào cảnh mất nước, trách nhiệm đó trước hết thuộc về bọn vua chúa nhà Nguyễn.

Nói như vậy để khẳng định: việc chúng ta mất nước vào cuối thế kỷ XIX không phải là một định mệnh lịch sử. Dân tộc Việt Nam, trong quá khứ đã từng đọ sức với những kẻ thù hùng mạnh hơn mình gấp bội mà vẫn chiến thắng oanh liệt. Tri thức đánh giặc, giữ nước vốn là một trong những đỉnh cao của trí tuệ Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là sức mạnh thần kỳ của nhân dân Việt Nam. Nếu những người cầm quyền sáng suốt, biết nhìn xa trông rộng, trong dựa vào nhân dân, ngoài cải thiện bang giao, chuẩn bị thực lực, quyết tâm lãnh đạo nhân dân kháng chiến, bảo vệ đất nước thì mươi nghìn quân Pháp lúc bấy giờ không phải là một lực lượng bất khả chiến thắng.

Nhưng triều đình nhà Nguyễn, trong thì sợ nhân dân, ngoài thì bạc nhược trước kẻ thù, lúc đầu có chống cự yếu ớt, sau đã từng bước nhân nhượng, cầu hoà, cuối cùng là cam chịu đầu hàng để giữ lấy ngai vàng và lợi ích riêng của hoàng tộc. Trong điều kiện đó, cuộc kháng chiến của nhân dân ta lâm vào một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, phải cùng lúc chống "cả Triều lẫn Tây".

Từ năm 1858 đến cuối thế kỷ XIX, phong trào vũ trang kháng chiến chống Pháp rầm rộ bùng lên, dâng cao và lan rộng trong cả nước: từ Trương Định, Nguyễn Trung Trực,... ở Nam Bộ; Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Xuân Ôn, Phan Đình Phùng,... ở miền Trung đến Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích,... ở miền Bắc. Các cuộc nổi dậy đều được thúc đẩy bởi tinh thần yêu nước nhiệt thành và chí căm thù giặc sục sôi, song trước sau đều lần lượt thất bại vì chưa có một đường lối kháng chiến rõ ràng. Lãnh đạo họ là các sĩ phu văn thân mang ý thức hệ phong kiến, còn nặng tư tưởng tôn quân, chưa thật tin vào lực lượng của nhân dân nên cũng chưa thật tin vào thắng lợi cuối cùng. Điều đó cho thấy sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trước nhiệm vụ lịch sử.

Bước sang đầu thế kỷ XX, sau khi tạm thời dập tắt được các cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân ta, thực dân Pháp bắt tay vào cuộc khai thác lần thứ nhất. Xã hội Việt Nam bắt đầu có sự biến chuyển và phân hoá, các tầng lớp tiểu tư sản và mầm mống của giai cấp tư bản bắt đầu xuất hiện. Cùng lúc đó, các "tân thư" và ảnh hưởng của cuộc vận động cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu tràn vào Việt Nam. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản với sự xuất hiện của các phong trào như Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân, Việt Nam Quang phục hội,... Nhưng các phong trào ấy cũng chỉ rộ lên được một thời gian ngắn rồi lần lượt bị dập tắt, một phần vì chưa lôi cuốn được các tầng lớp nhân dân, phần khác vì các phong trào đó chủ yếu vẫn do các sĩ phu phong kiến cựu học

truyền bá và dẫn dắt, nên không tránh khỏi hạn chế và thất bại.

Khi Nguyễn Tất Thành lớn lên, phong trào cứu nước đầu thế kỷ đang ở vào một thời kỳ khó khăn nhất. Trường Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa (tháng 12-1907), cuộc biểu tình chống sưu thuế ở Huế và các tỉnh miền Trung bị đàn áp (tháng 4-1908), vụ Hà Thành đầu độc bị thất bại và tàn sát (6-1908), căn cứ nghĩa quân Yên Thế bị bao vây và đánh phá (tháng 1-1909), phong trào Đông Du bị tan rã, Phan Bội Châu và các đồng chí của ông bị trục xuất khỏi nước Nhật (tháng 2-1909), các lãnh tụ của phong trào Duy Tân Trung kỳ, người bị lên máy chém (Trần Quý Cáp, Nguyễn Hằng Chi,...), người bị đày ra Côn Đảo (Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn,...).

Phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn giành được thắng lợi phải đi theo một con đường mới.

b) Quê hương và gia đình

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, gần gũi với nhân dân, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ của Người là một nhà nho cấp tiến, có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. Tấm gương lao động cần cù, tấm gương về ý chí kiên cường vượt qua gian khổ, khó khăn để đạt được mục tiêu, đặc biệt là *tư tưởng thương dân*, chủ trương lấy dân làm hậu thuẫn cho mọi cải cách chính trị - xã hội của cụ Bảng Sắc đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với sự hình thành nhân cách của Nguyễn Tất Thành. Sau này, cái chủ thuyết học được ở người cha bắt gặp trào lưu tư tưởng mới của thời đại đã được Nguyễn Ái Quốc nâng lên

thành tư tưởng cốt lõi trong đường lối chính trị của mình.

Nghệ Tĩnh, quê hương của Hồ Chí Minh là mảnh đất giàu truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm; đó cũng là quê hương của nhiều anh hùng nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam như Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung; các lãnh tụ yêu nước cận đại như Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu,... và biết bao con người ưu tú khác của dân tộc Việt Nam.

Ngay mảnh đất Kim Liên cũng đã thấm máu anh hùng của bao liệt sĩ chống Pháp như Vương Thúc Mậu, Nguyễn Sinh Quyến,... cả chị và anh của Nguyễn Tất Thành cũng đều tham gia hoạt động yêu nước, chống Pháp, bị bắt giam và lưu đày hàng chục năm. Không phải ngẫu nhiên mà Nghệ Tĩnh có vinh dự sinh ra vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà tư tưởng, nhà văn hoá kiệt xuất của nước Việt Nam mới.

Từ nhỏ, Nguyễn Sinh Cung đã đau xót chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị đàn áp, bị bóc lột cùng cực của đồng bào mình ngay trên mảnh đất quê hương. Những năm ở Huế, Anh đã tận mắt nhìn thấy tội ác của bọn thực dân và thái độ ươn hèn, bạc nhược của bọn quan lại Nam triều. Tất cả đã thôi thúc Anh phải ra đi tìm một con đường mới để cứu dân, cứu nước. Quê hương, gia đình, truyền thống dân tộc,... đã chuẩn bị cho Anh về nhiều mặt, nhưng Anh sẽ không thể thành công nếu Anh không đến được với trào lưu mới của thời đại.

c) Thời đại

Nguyễn Ái Quốc bước lên vũ đài chính trị vào lúc mà chủ nghĩa tư bản đã từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển

sang giai đoạn tư bản độc quyền, tức chủ nghĩa đế quốc, đã xác lập được sự thống trị của chúng trên phạm vi thế giới. Chủ nghĩa đế quốc là một hiện tượng quốc tế, một hệ thống thế giới, chúng vừa tranh giành, xâu xé thuộc địa, vừa vào hùa với nhau để nô dịch các dân tộc nhỏ yếu trong vòng kìm kẹp thuộc địa của chúng.

Vì vậy, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sang thế kỷ XX không còn là hành động riêng rẽ của nước này chống lại sự xâm lược và thống trị của nước khác như trước kia, mà đã trở thành cuộc đấu tranh chung của các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản quốc tế.

Trong điều kiện lịch sử mới, mỗi thuộc địa là một mắt khâu của hệ thống đế quốc, do đó cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của mỗi nước nếu chỉ tiến hành riêng rẽ thì không thể nào giành được thắng lợi. Sự thất bại của các phong trào cứu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX không phải do nhân dân ta thiếu anh hùng, các lãnh tụ phong trào kém nhiệt huyết mà vì họ không nhận thức được đặc điểm của thời đại nên vẫn tiến hành đấu tranh theo đường lối và phương pháp cũ: tự mình nổi dậy đấu tranh như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám; đấu tranh không thắng nổi thì đi cầu ngoại viện, như trường hợp của Phan Bội Châu và nhiều người khác.

Khi còn ở trong nước, Nguyễn Tất Thành tuy chưa nhận thức được đặc điểm của thời đại, nhưng từ thực tế lịch sử, Anh đã thấy rõ con đường của các bậc cha anh là cũ kỹ, không đem lại kết quả. Anh phải đi tìm một con đường mới.

Anh đã vượt ba đại dương, bốn châu lục, đặt chân lên khoảng gần 30 nước, là một trong những nhà hoạt động chính trị đã đi nhiều nhất, có vốn hiểu biết phong phú nhất về thực tế các thuộc địa cũng như các nước tư bản đế quốc chủ yếu nhất trong những thập niên đầu của thế kỷ XX... Nhờ đó, Anh đã hiểu được bản chất chung của chủ nghĩa đế quốc và màu sắc riêng của từng nước đế quốc khác nhau; đã hiểu được trình độ phát triển cụ thể về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,... của nhiều nước thuộc địa cùng cảnh ngộ.

Khoảng cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh về Pháp, đến sống và hoạt động tại Pari, thủ đô nước Pháp, một trung tâm văn hoá, khoa học và chính trị của châu Âu. Đây là một sự kiện rất quan trọng trong cuộc đời của Anh. Nhờ lăn lộn trong phong trào lao động Pháp, sát cánh với những người yêu nước Việt Nam và những người cách mạng từ các nước thuộc địa của Pháp, Anh đã nhanh chóng đến được với *phái tả* của cách mạng Pháp và không lâu sau đó, gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng duy nhất của nước Pháp bênh vực các dân tộc thuộc địa. Anh trở thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa.

Năm 1919, nhân dịp Hội nghị hoà bình được triệu tập tại Vécxây, Nguyễn Ái Quốc nhân danh những người Việt Nam yêu nước gửi tới Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, đòi các quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho Việt Nam. Mặc dù rất ôn hoà, những yêu sách đó đã không được chấp nhận. Qua sự thật tàn nhẫn đó, anh Nguyễn rút ra bài học: Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào bản thân mình.

Tuy nhiên, đến lúc đó, Nguyễn Ái Quốc vẫn chưa ý thức được đầy đủ và rõ ràng về con đường giải phóng dân tộc mình và các dân tộc thuộc địa nếu không có tác động quyết định của hai sự kiện vĩ đại là Cách mạng Tháng Mười và việc thành lập Quốc tế III.

Cuộc cách mạng Nga bùng nổ từ tháng 10-1917, nhưng tác động cách mạng của nó chưa đến ngay được với Thủ đô Pari, vì biến cố vĩ đại này xảy ra vào lúc nỗi lo âu về sự được thua trong chiến tranh đang đè nặng lên nước Pháp, ngay cả đối với những đảng viên xã hội. Sau nữa là sự bưng bít của hàng rào báo chí tư sản, vì chúng rất sợ ảnh hưởng của cuộc cách mạng vô sản vĩ đại này.

Tháng 3-1919, V.I. Lênin thành lập Quốc tế III. Tiếp theo là việc Nhà nước Xôviết đánh bại cuộc chiến tranh can thiệp của 14 nước đế quốc và bọn bạch vệ. Từ năm 1920, tiếng vang và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười lan rộng ra châu Âu và toàn thế giới. Cuộc khủng hoảng trong phong trào công nhân châu Âu diễn ra từ mấy năm trước, đến thời điểm này càng thêm sâu sắc, dẫn đến sự phân liệt không tránh khỏi trong nội bộ các Đảng Dân chủ Xã hội - Quốc tế II. Sự phân hoá về đường lối diễn ra trên hầu khắp các vấn đề cơ bản: đấu tranh giải phóng, cách mạng xã hội, chuyên chính vô sản, chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế, trong đó có vấn đề dân tộc - thuộc địa.

Là một đảng viên hoạt động tích cực trong Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc không thể đứng ngoài cuộc tranh luận. Muốn tham gia đấu tranh, phải tìm hiểu về lý luận. Tháng 7-1920, báo *Luymanitê (L' Humanité)* đăng

Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I.Lênin và các văn kiện khác chuẩn bị đưa ra Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản.

Trước khi tiếp cận với *Luận cương* của V.I.Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã sơ bộ đi đến kết luận: chủ nghĩa tư bản, đế quốc ở đâu cũng tàn bạo, độc ác, bất công; người lao động ở đâu cũng bị áp bức, bóc lột, đầy đoạ, "dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"[1].

Như vậy là từ nhận thức về quan hệ *áp bức dân tộc* Anh đã đi tới nhận thức về quan hệ *áp bức giai cấp,* từ *quyền của các dân tộc*, Anh đã đi tới *quyền của con người*, trước hết là của những người lao động; từ xác định rõ *kẻ thù* là chủ nghĩa đế quốc, Anh cũng đã thấy được bạn *đồng minh* là nhân dân lao động ở các chính quốc và thuộc địa.

Có thể nói, trước *Đại hội Tua*, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp cận gần kề với chân lý của Lênin, Người suy nghĩ về những vấn đề mà Lênin đã viết, tuy chưa rõ ràng và sáng tỏ. Đến khi đọc *Luận cương* của Lênin, thấy Lênin diễn đạt một cách đầy đủ và sâu sắc những điều mình đang nung nấu, do vậy Người đã mừng rỡ đến trào nước mắt, đã reo lên như tìm ra một phát kiến vĩ đại! Chính *Luận cương* của Lênin đã giúp Người tìm ra con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 1, tr. 266.

Đêm kết thúc *Đại hội Tua* (ngày 30-12-1920) đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc: từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc mình trong sự nghiệp giải phóng tất cả các dân tộc, đồng thời cũng đánh dấu bước ngoặt mới của cách mạng nước ta, mở ra bước chuyển biến cho bao thế hệ người Việt Nam: từ người yêu nước thành người cộng sản.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự gặp gỡ giữa trí tuệ lớn của Hồ Chí Minh với trí tuệ của dân tộc và trí tuệ thời đại. Chính sự vận động, phát triển của tư tưởng yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đến những năm 20 của thế kỷ XX, khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, đã hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ tiếp thu, vận dụng sáng tạo, Hồ Chí Minh từng bước góp phần bổ sung, phát triển, làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin bằng những luận điểm mới, được rút ra từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình.

Đó là bối cảnh và điều kiện đã hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh

Cũng như mọi tư tưởng khác, tư tưởng Hồ Chí Minh có nguồn gốc thực tiễn của nó, xuất phát từ điều kiện lịch sử - xã hội Việt Nam như đã trình bày ở trên. Dưới đây, chỉ đề cập các nguồn tư tưởng có ảnh hưởng.

a) Tư tưởng và văn hoá truyền thống Việt Nam

Muốn hiểu được sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh phải bắt đầu từ tìm hiểu những truyền thống tư tưởng -

văn hoá của dân tộc đã góp phần hun đúc nên con người Hồ Chí Minh.

Dân tộc Việt Nam trong hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã tạo lập cho mình một nền văn hoá riêng, phong phú và bền vững với những truyền thống tốt đẹp và cao quý.

Trước hết, đó là *chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước*. Từ văn hoá dân gian đến văn hoá bác học, từ nhân vật truyền thuyết đến các tên tuổi sáng ngời trong lịch sử: Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi,... đều đã phản ánh chân lý đó một cách hùng hồn. Chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ lưu chảy xuyên suốt trường kỳ lịch sử Việt Nam, là chuẩn mực cao nhất, đứng đầu bảng giá trị văn hoá - tinh thần Việt Nam. Mọi học thuyết đạo đức, tôn giáo từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam đều được tiếp nhận khúc xạ qua lăng kính của tư tưởng yêu nước đó.

Thứ hai là *tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái,* "lá lành đùm lá rách" trong hoạn nạn, khó khăn. Truyền thống này cũng hình thành cùng một lúc với sự hình thành dân tộc, từ hoàn cảnh và nhu cầu đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên và với giặc ngoại xâm. Người Việt Nam quen sống gắn bó với nhau trong tình làng nghĩa xóm, tắt lửa tối đèn có nhau. Bước sang thế kỷ XX, mặc dù xã hội Việt Nam đã có sự phân hoá về giai cấp, truyền thống này vẫn còn rất bền vững. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã chú ý kế thừa, phát huy sức mạnh của truyền thống nhân nghĩa, nhấn mạnh bốn chữ "đồng" (đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh).

Thứ ba, dân tộc Việt Nam là một dân tộc có *truyền thống lạc quan, yêu đời*. Trong muôn nguy, ngàn khó, người lao động vẫn động viên nhau "chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo". Tinh thần lạc quan đó có cơ sở từ niềm tin vào sức mạnh của bản thân mình, tin vào sự tất thắng của chân lý, chính nghĩa, dù trước mắt còn đầy gian truân, khổ ải phải chịu đựng, vượt qua. Hồ Chí Minh chính là hiện thân của truyền thống lạc quan đó.

Thứ tư, dân tộc Việt Nam là một dân tộc *cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo* trong sản xuất và chiến đấu nên cũng là một dân tộc *ham học hỏi và không ngừng mở rộng cửa đón nhận tinh hoa văn hoá của nhân loại*, từ Nho, Phật, Lão của phương Đông đến tư tưởng - văn hoá hiện đại phương Tây. Nhờ vị trí địa lý thuận lợi, ở giữa đầu mối của sự giao lưu văn hoá Bắc - Nam và Đông - Tây, người Việt Nam từ xưa đã rất xa lạ với đầu óc hẹp hòi, thủ cựu, thói bài ngoại cực đoan. Trên cơ sở giữ vững bản sắc của dân tộc, nhân dân ta đã biết chọn lọc, tiếp thu, cải biến những cái hay, cái tốt, cái đẹp của người thành những giá trị riêng của mình. Hồ Chí Minh là hình ảnh sinh động và trọn vẹn của truyền thống đó.

b) Tinh hoa văn hoá nhân loại

Hồ Chí Minh xuất thân trong gia đình khoa bảng, từ nhỏ Người đã được hấp thụ một nền Quốc học và Hán học khá vững vàng. Khi ra nước ngoài, Người đã không ngừng làm giàu trí tuệ mình bằng tinh hoa văn hoá của nhân loại. Vì vậy, lúc đấu tranh, Hồ Chí Minh có thể viết văn Anh, văn Pháp, sắc sảo như một nhà báo phương Tây thực thụ, nhưng khi có nhu cầu "tự bạch" thì Người lại làm thơ bằng chữ Hán. Chính điều đó làm nên nét đặc sắc

ở Hồ Chí Minh, một con người tượng trưng cho sự kết hợp hài hoà văn hoá Đông - Tây.

- Tư tưởng và văn hoá phương Đông

Trước hết nói về Nho giáo. Chúng ta thấy, trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh sử dụng khá nhiều mệnh đề của Nho giáo và đưa vào đó những nội dung và ý nghĩa mới.

Trong Nho giáo có những yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động như tư tưởng đẳng cấp, khinh lao động chân tay, khinh phụ nữ, nói chung là khinh thường thực nghiệp, doanh lợi,... mà Hồ Chí Minh đã từng phê phán, bác bỏ. Nhưng Nho giáo cũng có nhiều yếu tố tích cực nên mới có sức sống mãnh liệt trong mấy ngàn năm. Những mặt tích cực của Nho giáo đó là *triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời*; đó là *lý tưởng về một xã hội bình trị*, tức là ước vọng về một xã hội an ninh, hoà mục, một "thế giới đại đồng"; là *triết lý nhân sinh: tu thân dưỡng tính,* chủ trương từ thiên tử đến thứ dân, ai cũng phải lấy tu thân làm gốc.

Mặt tích cực nữa của Nho giáo là nó *đề cao văn hoá, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học*. Về điểm này, Nho giáo hơn hẳn các học thuyết cổ đại, bởi vì nhiều học thuyết cổ đại chủ trương ngu dân để dễ cai trị.

Hồ Chí Minh đã khai thác Nho giáo, lựa chọn những yếu tố tích cực, phù hợp để phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng. Người dẫn lời của Lênin: "Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại"[1].

---

1. *Sđd,* t. 6, tr. 46.

Tiếp theo là về Phật giáo. Phật giáo vào Việt Nam từ rất sớm. Ngay khi Nho giáo đã trở thành quốc giáo, Phật giáo vẫn còn ảnh hưởng rất mạnh trong nhân dân, để lại nhiều dấu ấn trong văn hoá Việt Nam, từ tư tưởng, tình cảm, tín ngưỡng đến phong tục tập quán, lối sống,... Nói Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng của văn hoá truyền thống là đã bao hàm trong đó có ảnh hưởng của Phật giáo. Tất nhiên, Phật giáo là tôn giáo, nên có nhiều mặt tiêu cực không tránh khỏi. Nhưng những mặt tích cực cũng đã để lại những dấu ấn rất sâu sắc trong tư duy, hành động, cách ứng xử của con người Việt Nam.

Thứ nhất là *tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân*, một tình yêu bao la đến cả chim muông, cây cỏ.

Thứ hai là nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm điều thiện.

Thứ ba là tinh thần bình đẳng, *tinh thần dân chủ chất phác* chống lại mọi phân biệt đẳng cấp. Đức Phật nói: "Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành".

Thứ tư là Phật giáo *Thiền tông* đề ra *luật* "*chấp tác*": "*nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực*", đề cao lao động, chống lười biếng.

Cuối cùng, Phật giáo vào Việt Nam, gặp chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta, đã hình thành nên Thiền phái *Trúc lâm Việt Nam*, chủ trương không xa đời mà sống *gắn bó với nhân dân, với đất nước*, tham gia vào cộng đồng, vào cuộc đấu tranh của nhân dân, chống kẻ thù dân tộc.

Như thế, có thể nói, những mặt tích cực của Phật giáo

Việt Nam đã đi vào đời sống tinh thần dân tộc và nhân dân lao động. Gia đình Bác Hồ là gia đình nhà nho nghèo, gần gũi với nông dân, cũng thấm nhuần tinh thần đó và để lại dấu ấn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, còn có thể tìm thấy nhiều trích dẫn khác nữa của các nhà tư tưởng phương Đông như Lão tử, Mặc tử, Quản tử,... trong các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh. Cũng như sau này, khi đã trở thành người mácxít, Nguyễn Ái Quốc vẫn tìm hiểu thêm về *Chủ nghĩa Tam dân* của Tôn Trung Sơn và tìm thấy trong đó "những điều thích hợp với điều kiện nước ta". Là người mácxít tỉnh táo và sáng suốt, Hồ Chí Minh đã biết khai thác những yếu tố tích cực của tư tưởng và văn hoá phương Đông để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của nước ta.

- Tư tưởng và văn hoá phương Tây

Trong ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Hồ Chí Minh sống chủ yếu ở châu Âu nên Người cũng chịu ảnh hưởng rất sâu rộng của *nền văn hoá dân chủ và cách mạng của phương Tây*. Ngay từ khi còn học ở Trường tiểu học Đông Ba rồi vào học Trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành đã làm quen với văn hoá Pháp. Đặc biệt, Anh rất ham mê môn lịch sử, rất muốn tìm hiểu cuộc Đại cách mạng Pháp 1789.

Khi xuất dương, Người đã từng sang Mỹ, đến sống ở New York, làm thuê ở Bruclin và thường đến thăm khu Haclem của người da đen. Trong các bài viết sau này, Người thường nhắc đến ý chí đấu tranh cho tự do, độc lập, cho quyền sống của con người được ghi lại trong *Tuyên ngôn độc lập 1776* của nước Mỹ.

Khoảng đầu năm 1913, Người sang Anh, nơi đang diễn ra cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Airơlen. Chính ở Anh, Người đã đi những bước đi đầu tiên trong cuộc đời hoạt động chính trị của mình, gia nhập công đoàn thủy thủ và cùng với giai cấp công nhân Anh tham gia các cuộc biểu tình, đình công bên bờ sông Thêmdơ,...

Cuối năm 1917, Hồ Chí Minh từ Anh sang Pháp. Việc Người chuyển đến sống và hoạt động ở thủ đô nước Pháp là một quyết định có ý nghĩa lịch sử, mở ra một thời kỳ mới trong cuộc đời của mình.

Là thủ đô chính trị của nước Pháp, Pari cũng đồng thời là trung tâm văn hoá - nghệ thuật của châu Âu. Các trào lưu triết học và các trường phái nghệ thuật nổi tiếng thế giới phần lớn đều được hình thành và ra mắt tại đây. Sống ở giữa nơi hợp lưu của các dòng văn hoá thế giới, anh Nguyễn đã có điều kiện thuận lợi để nhanh chóng chiếm lĩnh vốn tri thức của thời đại, đặc biệt là truyền thống văn hoá dân chủ và tiến bộ của nước Pháp.

Sống và hoạt động ở Pari, viết văn và làm báo để tuyên truyền cho dân tộc và cách mạng, phải dùng ngôn ngữ Pháp, phải đáp ứng yêu cầu và trình độ của công chúng Pháp, điều này đã thúc đẩy anh Nguyễn phải nhanh chóng làm chủ được ngôn ngữ và văn hoá Pháp.

Đến với quê hương của lý tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Nguyễn Ái Quốc được tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm của các nhà tư tưởng khai sáng: Vonte (Voltaire), Rútxô (Rousseau), Môngtétxkiơ (Montesquieu),... những lý luận gia của Đại cách mạng Pháp 1789, như *Tinh thần pháp luật* của Môngtétxkiơ, *Khế ước xã hội* của Rútxô, v.v.. *Tư*

tưởng dân chủ của các nhà khai sáng đã có ảnh hưởng tới tư tưởng của Người.

Ngoài ra, Nguyễn Ái Quốc còn hấp thụ được *tư tưởng dân chủ* và hình thành được *phong cách dân chủ* của mình từ trong cuộc sống thực tiễn. Rõ ràng là ở Pháp, Anh đã có thể hoạt động và đấu tranh cách mạng một cách tương đối tự do, thuận lợi hơn ở trên đất nước mình, dưới chế độ thuộc địa. Anh có thể tự do hội họp, tham gia đảng phái, ra báo, phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm của mình trước dư luận Pháp, có thể viết bài phê phán bọn quan lại, vua chúa của nước mình, phê phán cả thống sứ, toàn quyền ở thuộc địa như đã làm đối với A. Xarô (A. Sarraut), Liôtây (Lyautey), Varen (Varenne),...

Anh Nguyễn còn học được *cách làm việc dân chủ* ngay trong cách sinh hoạt khoa học ở *Câu lạc bộ Phôbua (Faubourg)*, trong sinh hoạt chính trị của Đảng Xã hội Pháp mà tiêu biểu nhất là không khí tranh luận ở Đại hội Tua (tháng 12-1920).

Tóm lại, nhờ được rèn luyện trong phong trào công nhân Pháp và sự cổ vũ, dìu dắt trực tiếp của nhiều nhà cách mạng và trí thức tiến bộ Pháp như M. Casanh (M. Cachin), P.V. Cutuyariê (P.V. Couturier), G. Môngmútxô (G. Monmousseau)..., Nguyễn Ái Quốc đã từng bước trưởng thành. Con người ấy, trên hành trình cứu nước, đã biết làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây, vừa thâu hái, vừa gạn lọc để có thể từ tầm cao của tri thức nhân loại mà suy nghĩ và lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.

c) Chủ nghĩa Mác - Lênin: cơ sở thế giới quan và

phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh

Tác động biện chứng của mối quan hệ giữa cá nhân với dân tộc và thời đại đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, từ người yêu nước trở thành người cộng sản. Nhờ có thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã hấp thụ và chuyển hoá được những nhân tố tích cực và tiến bộ của truyền thống dân tộc cũng như của tư tưởng và văn hoá nhân loại để tạo nên hệ thống tư tưởng của mình. Vì vậy, *tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng Mác - Lênin, những phạm trù cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nằm trong những phạm trù cơ bản của lý luận Mác - Lênin; đồng thời tư tưởng Hồ Chí Minh còn là sự vận dụng sáng tạo, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên giành độc lập, tự do và xây dựng xã hội mới*. Điều này sẽ được từng bước làm rõ trong phần nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Vấn đề cần làm sáng tỏ là: Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin như thế nào và vì sao Người lại có thể vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên một loạt luận điểm cơ bản? Có thể rút ra *những đặc điểm* gì về con đường Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin?

Thứ nhất, khi ra đi tìm đường cứu nước, ở tuổi 20, Nguyễn Tất Thành đã được dân tộc, quê hương và gia đình trang bị cho *một vốn học vấn chắc chắn, một năng lực trí tuệ sắc sảo*, giúp Anh phân tích, tổng kết các phong trào yêu nước chống Pháp từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế

kỷ XX. Dù mục đích, tôn chỉ, hình thức, biện pháp của các phong trào ấy có khác nhau, tựu trung cũng chỉ xoay quanh hai đường lối: quân chủ hay dân chủ, hai phương pháp: cách mạng hay cải lương. Cả hai đường lối và phương pháp này đều không thoả mãn được yêu cầu giải phóng dân tộc trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đã thành một hệ thống thế giới.

Trong mười năm đầu (1911-1920) của quá trình bôn ba tìm đường cứu nước, Người đã hoàn thiện cho mình một *vốn văn hoá, vốn chính trị* và *vốn sống thực tiễn* phong phú, tạo thành một bản lĩnh trí tuệ mà không một nhà cách mạng trẻ tuổi Việt Nam nào vào thời ấy có thể so sánh được. Cái bản lĩnh đó đã nâng cao khả năng độc lập, tự chủ và sáng tạo ở Người khi tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin để không rơi vào sao chép, giáo điều, rập khuôn, mà biết tiếp thu và vận dụng có chọn lọc những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của Việt Nam lúc bấy giờ.

Thứ hai, khác với nhiều trí thức tư sản phương Tây đến với chủ nghĩa Mác - Lênin chủ yếu như đến với một học thuyết, nhằm giải quyết những vấn đề về tư duy hơn là hành động; Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin là để tìm kim chỉ nam cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, tức là từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*, Hồ Chí Minh đã cắt nghĩa một cách chân thành và giản dị quá trình hình thành tư tưởng của mình: "Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự

nhiên... Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình... Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các "ông bà" ấy - (hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế) đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như Đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu"[1].

Tóm lại, như Người đã viết: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"[2]. Tuy lúc đó đã là một đảng viên xã hội, nhưng căn bản Nguyễn Ái Quốc vẫn là một người dân mất nước, đang khao khát đi tìm độc lập, tự do cho dân tộc mình và cho các dân tộc bị áp bức khác. Tác phẩm của Lênin đã chỉ ra mối quan hệ gắn bó thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản với sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa. Nhờ Lênin, Người đã tìm thấy "con đường giải phóng chúng ta" và từ Lênin, Người đã trở lại nghiên cứu Mác sâu sắc hơn.

Thứ ba, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu lý luận Mác - Lênin theo phương pháp nhận thức mácxít, đồng thời theo lối "đắc ý, vong ngôn" của phương Đông, cốt nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất chứ không tự trói buộc trong cái vỏ ngôn từ. Người vận dụng *lập trường, quan điểm* và *phương pháp* của chủ nghĩa Mác - Lênin để tự tìm ra những chủ trương, giải pháp, đối sách phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể, từng thời kỳ cụ thể của cách mạng Việt Nam chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách

---

1, 2. *Sđd,* t. 10, tr. 126, 128.

vở kinh điển.

d) Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Nguyễn Ái Quốc

Cuối cùng, phải kể đến *những nhân tố chủ quan* thuộc về phẩm chất cá nhân của Nguyễn Ái Quốc. Chẳng hạn như có bao nhiêu người đã nhìn thấy quả táo rơi mà chỉ có một mình Niutơn phát hiện ra Định luật vạn vật hấp dẫn. Có bao nhiêu đảng viên Đảng Xã hội Pháp là người Việt Nam và người thuộc địa đã đọc *Luận cương* của Lênin mà chỉ có một mình Nguyễn Ái Quốc tìm thấy trong đó con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước và giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Những nhân tố nào đã giúp cho người tìm đường gặp gỡ người dẫn đường trong cùng một phương hướng suy nghĩ?

- Trước hết, đó là *tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo* cộng với *đầu óc phê phán* tinh tường, sáng suốt trong việc nghiên cứu, tìm hiểu các cuộc cách mạng tư sản hiện đại, không để bị đánh lừa bởi cái hào nhoáng bên ngoài.

- Đó là sự khổ công học tập nhằm chiếm lĩnh *vốn tri thức phong phú của thời đại, vốn kinh nghiệm đấu tranh* của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế để có thể tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin, khoa học về cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế.

- Cuối cùng, đó là *tâm hồn của một nhà yêu nước, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng*, một trái tim yêu nước, thương dân, thương yêu những người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng những hy sinh cao nhất vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của đồng bào.

Chính những phẩm chất cá nhân hiếm có đó đã quyết định việc Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hoá, phát triển những tinh hoa của dân tộc và thời đại thành tư tưởng đặc sắc của mình.

3. Quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm của Người về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết hợp thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm đi tới giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Tư tưởng đó không thể hình thành ngay một lúc mà đã trải qua một quá trình tìm tòi, xác lập, phát triển và hoàn thiện, gắn liền với quá trình phát triển, lớn mạnh của Đảng ta và cách mạng Việt Nam.

- Từ 1890 - 1911: giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng

Đây là giai đoạn Nguyễn Sinh Cung tiếp nhận truyền thống yêu nước và nhân nghĩa của dân tộc; hấp thụ vốn văn hoá Quốc học, Hán học và bước đầu tiếp xúc với văn hoá phương Tây; chứng kiến cuộc sống khổ cực, điêu đứng của nhân dân và tinh thần đấu tranh bất khuất của cha anh, hình thành hoài bão cứu dân cứu nước. Nhờ đó, Anh đã tìm được hướng đi đúng, đích đi đúng, cách đi đúng để sớm đi tới thành công.

- Từ 1911 - 1920: giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm

Đây là thời kỳ Nguyễn Tất Thành bôn ba khắp các châu lục để tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới

và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Năm 1920, được tiếp xúc với *Luận cương* của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Người biểu quyết tán thành đứng về Quốc tế III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện đó đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước thành người cộng sản.

- Từ 1921 - 1930: giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam

Đây là thời kỳ hoạt động thực tiễn và lý luận cực kỳ sôi nổi và phong phú của Nguyễn Ái Quốc để tiến tới thành lập chính đảng cách mạng ở Việt Nam. Người hoạt động tích cực trong *Ban nghiên cứu thuộc địa* của Đảng Cộng sản Pháp, tham gia sáng lập *Hội liên hiệp thuộc địa*, xuất bản báo *Le Paria* nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào các nước thuộc địa.

Giữa năm 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Mátxcơva dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào đoàn chủ tịch của Hội. Sau đó, Người tiếp tục tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V và Đại hội các đoàn thể quần chúng khác: Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ, Quốc tế Công hội đỏ,...

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) tổ chức ra *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, ra báo *Thanh niên*, mở các lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ, đưa họ về nước hoạt động. Tháng 2-1930, Người

chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và trực tiếp thảo ra các văn kiện: *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình và Điều lệ vắn tắt* của Đảng.

Các văn kiện này cùng với hai tác phẩm Người hoàn thành và xuất bản trước đó là *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925) và *Đường Kách mệnh* (năm 1927) đã đánh dấu sự hình thành cơ bản *tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng của Việt Nam*.

- Từ 1930 - 1941: giai đoạn vượt qua thử thách, kiên trì con đường đã xác định cho cách mạng Việt Nam

Do không nắm được tình hình thực tế các thuộc địa ở phương Đông và Việt Nam, lại bị chi phối bởi quan điểm "tả" khuynh đang ngự trị lúc bấy giờ, Quốc tế Cộng sản đã chỉ trích và phê phán đường lối của Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra trong Hội nghị hợp nhất. Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 của Đảng ta, theo chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, cũng ra nghị quyết thủ tiêu *Chánh cương* và *Sách lược vắn tắt*, đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Khi nguy cơ của chủ nghĩa phátxít và chiến tranh thế giới mới đang đến gần, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản đã có sự tự phê bình về khuynh hướng "tả", cô độc, biệt phái, bỏ rơi mất ngọn cờ dân tộc và dân chủ, để cho các đảng tư sản, tiểu tư sản và phátxít nắm lấy mà chống phá cách mạng. Đại hội có sự chuyển hướng về sách lược, chủ trương thành lập *Mặt trận dân chủ chống phátxít*. Năm 1936, Đảng ta đề ra chiến sách mới, phê phán những biểu hiện "tả" khuynh, cô độc, biệt phái trước đây, đồng thời

chỉ rõ: "Chiến sách mới của Đảng là chiến sách theo điều kiện hiện thực ở xứ Đông Dương, theo kinh nghiệm tranh đấu của Đảng, học kinh nghiệm của Quốc tế Cộng sản và kinh nghiệm của cuộc vận động cộng sản thế giới, không phải đem kinh nghiệm xứ này sang xứ khác một cách như máy"[1]. Trên thực tế, vấn đề phân hoá kẻ thù, tranh thủ bạn đồng minh,... đã trở lại với *Chánh cương, Sách lược vắn tắt* của Nguyễn Ái Quốc. Nghị quyết Trung ương tháng 11-1939 cũng khẳng định rõ: "Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết"[2]. Điều đó phản ánh quy luật của cách mạng Việt Nam, giá trị và sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Từ 1941 - 1969: giai đoạn phát triển và thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp chỉ đạo Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa I (tháng 5-1941), đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết, tạm thời gác lại khẩu hiệu cách mạng điền địa, xoá bỏ vấn đề Liên bang Đông Dương, lập ra *Mặt trận Việt Minh*, thực hiện đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở công nông liên minh, đưa tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám. Đó cũng là thắng lợi đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 6, tr. 158, 539.

+ Sau khi giành được chính quyền, Đảng ta và nhân dân ta phải tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh giải phóng miền Nam.

Đây cũng là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh được bổ sung, phát triển và hoàn thiện trên một loạt vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam: về đường lối chiến tranh nhân dân "toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính", về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, quá độ lên chủ nghĩa xã hội không trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong điều kiện đất nước bị chia cắt và có chiến tranh; về xây dựng Đảng với tư cách là một Đảng cầm quyền; về xây dựng Nhà nước kiểu mới - của dân, do dân, vì dân; về củng cố và tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, v.v..

Trước khi qua đời, Hồ Chí Minh để lại *Di chúc* thiêng liêng, kết tinh trong đó cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân hiếm có, đã suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc và nhân loại. *Di chúc* đã tổng kết sâu sắc những bài học đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đồng thời cũng vạch ra những định hướng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển của đất nước và dân tộc ta sau khi kháng chiến thắng lợi.

Thấm thía về cái giá phải trả cho những sai lầm, khuyết điểm do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, Đảng ta và nhân dân ta càng nhận thức sâu sắc hơn đối với di sản tinh thần vô giá mà Người để lại cho chúng ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm

nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã thực sự là nguồn trí tuệ, nguồn động lực soi sáng và thúc đẩy công cuộc đổi mới của chúng ta.

Những biến động chính trị to lớn của thế giới diễn ra trong hơn mười năm qua vừa kiểm chứng, vừa khẳng định tính khoa học, đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo, giá trị dân tộc và ý nghĩa quốc tế của tư tưởng Hồ Chí Minh. Như đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO đã phát biểu: Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này[1].

III. Ý NGHĨA VIỆC HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thuộc hệ tư tưởng Mác - Lênin. Hồ Chí Minh đã

---

1. Xem: Tiến sĩ M. Ahmed. Hội thảo quốc tế: *Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 22.

vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, phù hợp với lịch sử và văn hoá Việt Nam, xuất phát từ đất nước và con người Việt Nam, giải đáp những yêu cầu lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Nói cách khác, tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam; có nắm được tư tưởng Hồ Chí Minh mới hiểu được đường lối của cách mạng Việt Nam. Cách mạng nước ta có được thắng lợi to lớn như ngày nay trước hết là nhờ có chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng đồng thời cũng là nhờ có tư tưởng Hồ Chí Minh. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta đã khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Vì vậy, phải nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời phải đẩy mạnh việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải nhấn mạnh cả hai, nếu chỉ chú ý một vế là không đầy đủ, không đúng với nghị quyết của Đảng ta.

Nghị quyết số 09 - NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VII) Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay đã chỉ rõ:

"Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là học thuyết cách mạng và khoa học, là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc ta... Việc Đại hội VII khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động là một bước phát triển hết sức quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta... Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc

đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan toả ra thế giới.

... Khi các thế lực thù địch ra sức tấn công nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm đẩy chúng ta đi chệch hướng thì đấu tranh để bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh càng là vấn đề quan trọng, trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong công tác chính trị, tư tưởng và lý luận của toàn Đảng, toàn dân ta"[1].

Trong tình hình đó, học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh là để kiên định mục tiêu, nâng cao nhận thức - tư tưởng, cải tiến phương pháp và phong cách công tác của chúng ta, góp phần đưa công cuộc đổi mới đi tới những thắng lợi ngày càng to lớn hơn nữa.

2. Cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Suốt đời mình, Hồ Chí Minh đã kiên trì và nhất quán đi theo con đường đã lựa chọn. Dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã vững bước tiến lên giành được những thắng lợi lịch sử có tầm thời đại.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX một lần nữa đã nhấn mạnh: "Trong quá trình đổi mới phải kiên trì

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết số 09 - NQ/TW của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*, tr. 2-3.

mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh"[1]. Thế giới hiện nay đã thay đổi rất nhiều, song cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vẫn đang diễn ra gay gắt. Đổi mới, mở cửa, hội nhập, hợp tác liên quốc gia, liên khu vực,... là một xu thế tất yếu, trong đó các đối tác vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau một cách gay gắt. Các thế lực phản động, thù địch không từ bỏ âm mưu "diễn biến hoà bình" nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội đối với nước ta thông qua kinh tế thị trường và trao đổi, giao lưu văn hoá. Trong điều kiện đó, làm sao để mở cửa, hợp tác, liên doanh,... phát triển kinh tế mà vẫn giữ vững được độc lập, chủ quyền dân tộc, không đi chệch mục tiêu, bản chất của chủ nghĩa xã hội? Muốn thế, chúng ta phải tạo ra được những năng lực nội sinh làm nền tảng bền vững cho sự phát triển của đất nước. Một trong những năng lực nội sinh đó, về mặt định hướng giá trị là tư tưởng Hồ Chí Minh: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội". Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết là nhằm quán triệt quan điểm cơ bản này.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh là mẫu mực của tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới và sáng tạo

Kinh nghiệm lịch sử đã chỉ ra rằng: khi nào chúng ta đứng vững trên tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, biết

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 81.

học tập có chọn lọc và cải biến kinh nghiệm của các nước, khi đó chúng ta thành công, nếu ngược lại là không tránh khỏi sai lầm và thất bại. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu cho chúng ta một tấm gương sáng chói về mặt đó. Suốt đời mình, từ trẻ đến già, Hồ Chí Minh là con người của độc lập, tự chủ, đổi mới và sáng tạo. Luôn luôn xuất phát từ thực tế, hết sức tránh lặp lại những lối cũ, đường mòn, không ngừng đổi mới và sáng tạo, đó là nét đặc sắc nhất của tinh thần Hồ Chí Minh, phong cách Hồ Chí Minh.

Ngày nay, thế giới đang diễn biến theo xu hướng khu vực hoá, toàn cầu hoá, mối quan hệ giữa độc lập và phụ thuộc lẫn nhau diễn ra trên nhiều phương diện, khái niệm độc lập và chủ quyền cũng mang những sắc thái mới. Quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày nay cũng có nhiều điểm khác với cách hiểu, cách nghĩ của chúng ta mấy chục năm trước đây. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước từ điểm xuất phát thấp, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt,... vậy chúng ta phải bắt đầu từ đâu, với hình thức, bước đi, cách làm như thế nào được coi là phù hợp, có hiệu quả?

Trong việc này, chúng ta phải trở về với lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần cách mạng và khoa học, cái tinh thần biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, để giải quyết cho tốt những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn đổi mới hiện nay, tức là phải luôn luôn biết gắn lý luận với thực tiễn, từ tổng kết thực tiễn mà bổ sung, làm phong phú thêm lý luận.

Tóm lại, nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là để thấm nhuần sâu sắc hệ thống quan điểm và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, nâng cao thêm lòng yêu nước, tinh thần phục vụ nhân dân, đạo đức cách mạng của mỗi người, để làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của chúng ta.

CHƯƠNG II

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có truyền thống yêu nước, quật cường chống ngoại xâm, sẵn sàng xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, cha ông ta đã phải đương đầu với những kẻ thù xâm lược mạnh hơn mình gấp bội. Từ thực tiễn đấu tranh chống ngoại xâm, cha ông ta đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm và bài học quý báu. Trí tuệ đánh giặc, giữ nước là một trong những đỉnh cao của trí tuệ Việt Nam.

Ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh mang theo trí tuệ đó của dân tộc. Trên hành trình cứu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời cũng tìm hiểu thêm tư tưởng của một số nhà yêu nước lỗi lạc khác của châu Á, nâng nó lên một tầm cao mới, phù hợp với thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc vừa là sự kết hợp tinh hoa dân

tộc và trí tuệ thời đại, vừa thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Người trong việc vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam và các nước phương Đông, chính vì vậy tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh giải phóng dân tộc được coi là bước phát triển mới học thuyết của Lênin về cách mạng thuộc địa ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh cho độc lập, tự do.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Dân tộc là một vấn đề rộng lớn, bao gồm những quan hệ về chính trị, kinh tế, lãnh thổ, pháp lý, tư tưởng và văn hoá giữa các dân tộc, các nhóm dân tộc và bộ tộc

C. Mác, Ph. Ăngghen đã nêu ra các quan điểm cơ bản có tính chất phương pháp luận để nhận thức và giải quyết những vấn đề về nguồn gốc, bản chất của vấn đề dân tộc, những quan hệ cơ bản của dân tộc, thái độ của giai cấp công nhân và đảng của nó với vấn đề dân tộc.

Trên cơ sở những quan điểm này, Lênin đã phát triển lên thành một hệ thống lý luận toàn diện, sâu sắc về vấn đề dân tộc, làm cơ sở cho cương lĩnh, đường lối, chính sách của các Đảng Cộng sản kiểu mới về vấn đề dân tộc.

Theo quan điểm Mác - Lênin, dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Trước dân tộc là những hình thức cộng đồng tiền dân tộc như *thị tộc, bộ tộc, bộ lạc*. Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự ra đời của các nhà nước dân tộc tư bản chủ

nghĩa. Khi chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các nước đế quốc thi hành chính sách vũ trang xâm lược.cướp bóc, nô dịch các dân tộc nhược tiểu, vấn đề dân tộc trở nên gay gắt, từ đó xuất hiện *vấn đề dân tộc thuộc địa*. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, với sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh, dẫn đến sự tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, nhiều nước thuộc địa cũ trở thành các quốc gia dân tộc độc lập.

Khi bàn về sự phát triển của vấn đề dân tộc, V.I. Lênin cũng đã đề cập hai xu hướng phát triển của vấn đề dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản.

- Xu hướng thứ nhất là sự thức tỉnh của ý thức dân tộc, của phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc sẽ dẫn tới việc thành lập các quốc gia dân tộc độc lập.

- Xu hướng thứ hai là với việc tăng cường và phát triển các mối quan hệ giữa các dân tộc sẽ dẫn tới việc phá hủy hàng rào ngăn cách dân tộc, thiết lập sự thống nhất quốc tế của chủ nghĩa tư bản, của đời sống kinh tế, chính trị, khoa học, v.v.[1] nói chung.

Xu hướng thứ nhất chiếm ưu thế trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản mới phát triển, còn xu hướng thứ hai là đặc trưng của chủ nghĩa tư bản già cỗi sắp chuyển sang xã hội xã hội chủ nghĩa; cả hai xu hướng đều phát triển trong điều kiện đối kháng giai cấp gay gắt. Tuy nhiên, chủ

---

1. Xem: V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980, t. 24, tr. 158.

nghĩa tư bản và chủ nghĩa dân tộc tư sản không thể giải quyết được vấn đề dân tộc mà chỉ làm cho mối xung đột dân tộc ngày càng tăng lên. Chỉ có cách mạng vô sản và chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở thủ tiêu ách áp bức giai cấp và áp bức dân tộc, mới tạo điều kiện để thực hiện sự bình đẳng dân tộc và xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc, làm cho các dân tộc ngày càng xích lại gần nhau. Từ đó Lênin yêu cầu các Đảng Cộng sản phải kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện của *chủ nghĩa dân tộc tư sản* và *chủ nghĩa sôvanh*, giành thắng lợi cho *chủ nghĩa quốc tế vô sản.*

2. Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh được đề cập ở đây không phải là vấn đề *dân tộc* nói chung. Như đã nói ở trên, khi chủ nghĩa đế quốc đi xâm chiếm thuộc địa để mở rộng thị trường, thực hiện sự áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hoá đối với các nước bị xâm chiếm, thì vấn đề dân tộc đã trở thành *vấn đề dân tộc thuộc địa.*

Vấn đề dân tộc thuộc địa thực chất là vấn đề đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa nhằm thủ tiêu sự thống trị của nước ngoài, giành độc lập dân tộc, xoá bỏ ách áp bức, bóc lột thực dân, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

Ở thời đại mà chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản, việc nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc như thế nào có quan hệ đến toàn bộ đường lối, chiến lược, sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản được thể hiện trong mấy luận điểm cơ bản sau đây:

a) Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Lịch sử Việt Nam là lịch sử không ngừng đấu tranh dựng nước và giữ nước. Tinh thần yêu nước luôn luôn đứng ở hàng đầu của bảng giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam.

Đối với một người dân mất nước, cái quý nhất trên đời là *độc lập của Tổ quốc, tự do của nhân dân*. Như Hồ Chí Minh đã từng nói: Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập... Trên đường tiếp cận chân lý cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm hiểu *Tuyên ngôn độc lập 1776* của nước Mỹ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791* của cách mạng Pháp, và tiếp nhận những nhân tố có giá trị trong hai bản tuyên ngôn bất hủ ấy. Từ đó, Người đã khái quát nên chân lý bất di bất dịch về quyền cơ bản của các dân tộc: *Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.*

Năm 1919, vận dụng nguyên tắc dân tộc tự quyết thiêng liêng đã được các đồng minh thắng trận long trọng thừa nhận, dưới tên ký Nguyễn Ái Quốc, thay mặt cho những người Việt Nam yêu nước, Người gửi đến Hội nghị hoà bình Vécxây một bản *Yêu sách* 8 điểm, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam.

Đây là hình thức thử nghiệm đầu tiên của Hồ Chí Minh về sử dụng pháp lý tư sản trong đấu tranh bằng phương pháp hoà bình. Bản *Yêu sách*, từ nội dung đến lời lẽ đều

rất ôn hoà, chưa đề cập vấn đề *độc lập* hay *tự trị*, mà mới chỉ tập trung vào hai nội dung cơ bản:

- Một là *đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý* cho người bản xứ Đông Dương như đối với người châu Âu là phải xoá bỏ các toà án đặc biệt dùng làm công cụ khủng bố, đàn áp bộ phận trung thực nhất trong nhân dân (tức những người yêu nước); phải xoá bỏ chế độ cai trị bằng *sắc lệnh* (một cách độc tài) và thay thế bằng chế độ ra các *đạo luật*.

- Hai là đòi *các quyền tự do dân chủ* tối thiểu cho nhân dân, đó là các quyền tự do ngôn luận, báo chí, tự do lập hội, hội họp, tự do cư trú,...

Trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, một người Việt Nam chưa có tên tuổi, giữa sào huyệt của kẻ thù, dám đưa yêu sách về "quyền của các dân tộc" là một hành động yêu nước dũng cảm; biết đưa ra những đòi hỏi trong phạm vi cải cách dân chủ là một hành động tài trí, khôn ngoan.

Mặc dầu vậy, bản *yêu sách* đã không được các tên trùm đế quốc để ý. Được những sự thật ấy rèn luyện, Nguyễn Ái Quốc rút ra bài học: *Muốn được giải phóng các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình...*[1].

Sau khi đã trở thành lãnh tụ có uy tín, đứng ra hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, thành lập *Đảng Cộng sản Việt Nam*, trong *Chánh cương vắn tắt* cũng như

---

1. Xem: Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 30.

trong *Lời kêu gọi* sau khi thành lập Đảng do Hồ Chí Minh trực tiếp khởi thảo, Người đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là: "a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.

b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập"[1].

Đầu năm 1941, Hồ Chí Minh về nước, chủ trì Hội nghị Trung ương 8 của Đảng, viết thư *Kính cáo đồng bào*, chỉ rõ: "Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*"[2]. Người chỉ đạo thành lập Mặt trận *Việt Nam độc lập đồng minh*, ra báo *Việt Nam độc lập*, thảo *Mười chính sách của Việt Minh,* trong đó mục tiêu đầu tiên là: "Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền". Hồ Chí Minh đã đúc kết ý chí đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân ta trong một câu nói bất hủ: "Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập!"...

Cách mạng Tháng Tám thành công, Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, long trọng khẳng định trước quốc dân đồng bào và trước thế giới:

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 3, tr. 1.

2. *Sđd,* tr. 198.

độc lập ấy"[1].

Trong các bức thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào thời gian đó, Người đã *trịnh trọng tuyên bố rằng* "nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước"[2].

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, Người ra lời kêu gọi vang dậy núi sông: "Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"[3].

Khi đế quốc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh leo thang ra miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại đưa ra một chân lý bất hủ, có giá trị cho mọi thời đại: "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*"[4]. Được sự cổ vũ của tinh thần đó, nhân dân ta ở hai miền Nam Bắc đã kiên cường chiến đấu, hy sinh, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, phải chấp nhận điều 1 của chương I nói về các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam:

"Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng *độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ* của nước Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận".

Tóm lại, "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" không

---

1. *Sđd,* t. 4, tr. 4.
2. *Sđd,* tr. 469.
3. *Sđd,* tr. 480.
4. *Sđd,* t. 12, tr. 108.

chỉ là tư tưởng mà còn là lẽ sống, là học thuyết cách mạng của Hồ Chí Minh. Đó là lý do chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của Việt Nam, đồng thời cũng là nguồn động viên đối với các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Vì vậy, Người không chỉ được tôn vinh là "Anh hùng giải phóng dân tộc" của Việt Nam mà còn được thừa nhận là "Người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX".

b) Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế

Các cuộc vận động yêu nước, chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đều được dẫn dắt bởi ý thức hệ phong kiến hoặc tư sản. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam vẫn chủ yếu dừng lại ở chủ nghĩa yêu nước truyền thống.

Đến Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc được tiến hành dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, giành độc lập dân tộc để tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp được đặt ra. Đây là một vấn đề lý luận quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn to lớn trong thời đại cách mạng vô sản.

* Vấn đề dân tộc, ở thời đại nào cũng được nhận thức và giải quyết trên lập trường và theo quan điểm của một giai cấp nhất định. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh rằng: Chỉ đứng trên lập trường của giai cấp vô sản và cách mạng vô sản mới giải quyết được đúng đắn vấn đề dân tộc.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen

đã đề cập mối quan hệ giai cấp và dân tộc. Các ông viết: Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nhằm lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, ở giai đoạn đầu của nó là mang tính chất dân tộc, vì "Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số"[1]. Vì vậy, "Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc"[2]. Từ đó, Mác kêu gọi: "giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu"[3].

Theo Mác - Ăngghen, trong thời đại ngày nay, chỉ có giai cấp vô sản mới thống nhất được lợi ích của giai cấp mình với lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Có triệt để xoá bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp mới có điều kiện xoá bỏ ách áp bức dân tộc, mới đem lại độc lập thật sự cho dân tộc mình và cho các dân tộc khác. Chỉ có giai cấp vô sản với bản chất cách mạng và sứ mệnh lịch sử của mình mới có thể thực hiện được điều này. Chỉ có cuộc cách mạng do chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo mới thực hiện được sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Tuy nhiên, ở thời đại Mác - Ăngghen, các ông không đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc vì về cơ bản vấn đề dân tộc ở

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 611.

3. *Sđd*, tr. 623 - 624.

Tây Âu đã được giải quyết trong cách mạng tư sản; nhất là các ông chưa có điều kiện bàn nhiều về *vấn đề dân tộc thuộc địa*. Đúng như Lênin đã từng nhận xét, đối với Mác, so với vấn đề giai cấp vô sản thì vấn đề dân tộc chỉ là một vấn đề thứ yếu thôi.

Bước sang thời đại Lênin, chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản, Lênin mới có cơ sở thực tiễn để phát triển vấn đề dân tộc thuộc địa thành một hệ thống lý luận, được coi là học thuyết về cách mạng thuộc địa. Theo Lênin, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc sẽ không thể giành được thắng lợi nếu nó không biết liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Từ đó, Người đã bổ sung khẩu hiệu của Mác thành "Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!". Đúng như Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: "Lênin đã đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa"[1].

Tóm lại, Mác, Ăngghen, Lênin đã nêu ra những quan điểm cơ bản về mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, tạo cơ sở lý luận và phương pháp luận cho việc xác định chiến lược, sách lược của các Đảng Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Tuy nhiên, xuất phát từ yêu cầu và mục tiêu của cách mạng vô sản ở châu Âu, các ông vẫn tập trung nhiều hơn vào vấn đề giai cấp, vẫn "đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 2, tr. 136.

thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản"[1]. Điều đó hoàn toàn đúng với đòi hỏi của thực tiễn cách mạng vô sản Tây Âu đang đặt ra lúc bấy giờ.

* Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ một người yêu nước, đang tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin đã tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc mình theo con đường của cách mạng vô sản, tức là đã tiếp thu lý luận về giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi viết rằng: "Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó... thì đó càng là thắng lợi cả cho người An Nam"[2], tức là Hồ Chí Minh đã nhận thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa dân tộc và giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Nhưng tiếp thu lý luận Mác - Lênin lại phải biết vận dụng sáng tạo lý luận ấy vào việc giải quyết nhiệm vụ cụ thể của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, phù hợp với đặc điểm lịch sử - xã hội của các nước phương Đông. Việc xử lý mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp đặt ra cho các Đảng Cộng sản ở châu Âu và châu Á có khác nhau:

- Khi Mác - Ăngghen viết *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là lúc mà đối kháng giai cấp trong thời đại tư sản ở châu Âu đã đơn giản hoá. "Xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau:

---

1. C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 614.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 1, tr. 469.

giai cấp tư sản và giai cấp vô sản"[1] Vì vậy, các ông nói nhiều hơn về đấu tranh giai cấp và cách mạng vô sản.

Vào sinh thời của Mác - Ăngghen, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa tư bản đã được mở rộng, nhưng các cuộc đấu tranh giành độc lập chưa phát triển mạnh, chưa có ảnh hưởng đến sự tồn tại và suy vong của chủ nghĩa tư bản. Trung tâm cách mạng thế giới vẫn ở châu Âu, vận mệnh loài người vẫn được coi là phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Do đó, tương lai của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa cũng được nhìn nhận trong sự phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc.

- Trái lại, vấn đề đặt ra trước mắt cho các nước thuộc địa phương Đông không phải là làm ngay một cuộc cách mạng vô sản, mà trước hết là phải đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc, có độc lập dân tộc rồi mới có địa bàn để tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, yêu cầu bức thiết của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc không cho phép ỷ lại, ngồi chờ thắng lợi của cách mạng vô sản ở châu Âu để được trả lại nền độc lập cho các dân tộc thuộc địa.

Từ thực tiễn đó, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành đấu tranh, phê phán quan điểm sai trái của một số Đảng Cộng sản Tây Âu trong cách nhìn nhận, đánh giá về vai trò, vị trí, cũng như tương lai của cách mạng thuộc địa và đi đến luận điểm: Các dân tộc thuộc địa phải dựa vào sức của chính mình, đồng thời biết tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 597.

của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới để *trước hết phải đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc*, rồi từ thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và đóng góp thiết thực vào sự nghiệp cách mạng vô sản thế giới.

Qua đó, có thể khẳng định: ngay từ khi trở thành người cộng sản, Hồ Chí Minh đã thực hiện được sự kết hợp đúng đắn dân tộc với giai cấp, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về *kết hợp dân tộc với giai cấp,* dân tộc với quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội được thể hiện ở những luận điểm sau đây:

- Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là một động lực lớn của đất nước.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết: ở các nước thuộc địa, "chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước". Khái niệm *chủ nghĩa dân tộc* mà Nguyễn Ái Quốc dùng ở đây, như Mác nói, "không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu". Chủ nghĩa dân tộc bản xứ mà Nguyễn Ái Quốc nói ở đây chính là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính của nhân dân Việt Nam đã được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử, vốn là một động lực tinh thần vô giá trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc; nó khác về bản chất so với chủ nghĩa dân tộc sôvanh, vị kỷ của giai cấp tư sản đã bị lịch sử lên án. Theo phân tích của Nguyễn Ái Quốc, do kinh tế còn lạc hậu, chưa phát triển, nên sự phân hoá giai cấp ở Đông Dương chưa triệt để, cuộc đấu tranh giai cấp ở đây không diễn ra giống như ở phương Tây.

Trong *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ* gửi Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc viết:

"Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây"[1], bởi vì xã hội Đông Dương, Ấn Độ hay Trung Quốc, xét "về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây"[2]... "Những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ..."[3].

"... Nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn..., nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tơrớt... Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được"[4]. Trái lại, giữa họ vẫn có một sự tương đồng lớn: dù là địa chủ hay nông dân, họ đều là người nô lệ mất nước. Chính vì thế mà có cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, có phong trào Đông Du và có việc Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917, v.v..

Từ sự phân tích đó, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Đối với các dân tộc thuộc địa ở phương Đông, "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước"[5]. Theo Người, trong cách mạng giải phóng dân tộc, "người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ"[6].

1, 2, 3, 4, 5, 6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 1, tr. 464, 465, 464, 466, 467.

Từ luận điểm đó, Nguyễn Ái Quốc kiến nghị về *Cương lĩnh* hành động của Quốc tế Cộng sản: "Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế"[1].

Qua đó có thể thấy: xuất phát từ vị trí của người dân thuộc địa mất nước, từ truyền thống dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc với nghĩa là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, coi đó là một động lực lớn mà những người cộng sản phải nắm lấy và phát huy, không để ngọn cờ dân tộc rơi vào tay giai cấp nào khác, phải nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên lập trường của giai cấp vô sản, kết hợp chủ nghĩa dân tộc với chủ nghĩa quốc tế.

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Ngay từ khi gặp được *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, hình thành đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, ở Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong bài *Cuộc kháng chiến* viết đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã sớm thấy rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản nên đã đi tới khẳng định: "Cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ

---

1. *Sđd*, tr. 467.

nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới"[1].

Năm 1930, trong *Chánh cương, Sách lược vắn tắt,* Hồ Chí Minh xác định cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: làm *tư sản dân quyền cách mạng* và *thổ địa cách mạng* (tức cách mạng dân tộc - dân chủ) để đi tới *xã hội cộng sản* (tức cách mạng xã hội chủ nghĩa).

Đến năm 1960, Người khẳng định lại rõ hơn: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"[2].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn bó thống nhất giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Xoá bỏ ách áp bức dân tộc mà không xoá bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp thì nhân dân lao động vẫn chưa được giải phóng. Chỉ có thiết lập được chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất mới xoá bỏ được tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột; chỉ có thiết lập được một Nhà nước kiểu mới, một Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân mới bảo đảm cho quyền làm chủ của người lao động, mới thực hiện được sự phát triển hài hoà giữa cá nhân và xã hội, giữa độc lập dân tộc với tự do và hạnh phúc của con người. Hồ Chí Minh nói: "Nếu nước độc lập mà dân không

---

1. *Sđd,* tr. 416.
2. *Sđd,* t. 10, tr. 128.

được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"[1]. Do đó, giành được độc lập rồi, phải tiến lên chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa xã hội là "làm sao cho dân giàu, nước mạnh", "là mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do". Sự phát triển đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội là một bảo đảm vững chắc cho nền độc lập của dân tộc.

Vì vậy, Hồ Chí Minh nói: "Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"[2].

Như vậy, đến Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước truyền thống đã phát triển thành chủ nghĩa yêu nước hiện đại, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Độc lập cho dân tộc mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.

Hồ Chí Minh đã khẳng định: Quyền tự do, độc lập là quyền bất khả xâm phạm của các dân tộc, "dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Là một chiến sĩ quốc tế chân chính, Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức. Ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước chân chính luôn luôn thống nhất với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Ngay từ năm 1914, trên đất Anh, vào lúc cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất vừa nổ ra, anh Nguyễn đã

---

1. *Sđd,* t. 4, tr. 56.
2. *Sđd,* t. 9, tr. 173.

đem toàn bộ số tiền dành dụm được từ đồng lương ít ỏi của mình ủng hộ quỹ kháng chiến của người Anh và nói với người bạn của mình rằng: "Chúng ta phải tranh đấu cho tự do, độc lập của các dân tộc khác như là tranh đấu cho dân tộc ta vậy"[1].

Đầu năm 1930, sau khi chủ trì hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước lại, Hồ Chí Minh đề nghị đặt tên Đảng là *Đảng Cộng sản Việt Nam*. Theo Người, mỗi Đảng cộng sản là thuộc về một dân tộc, trước hết phải chịu trách nhiệm trước dân tộc mình, bởi vì theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã chủ trương dân tộc tự quyết thì cách mạng ở mỗi nước không thể do Đảng Cộng sản của nước khác áp đặt, làm thay.

Nêu cao tinh thần dân tộc tự quyết, nhưng Hồ Chí Minh vẫn không quên nghĩa vụ quốc tế của mình trong việc giúp đỡ thành lập các Đảng Cộng sản anh em ở một số nước Đông Nam Á, vào đầu những năm 30 và đầu những năm 50 của thế kỷ XX. Người nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào và Campuchia, đề ra khẩu hiệu "giúp bạn là tự giúp mình", và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc vừa

---

1. *Hồ Chí Minh truyện*, bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thức, Bát Nguyệt xuất bản xã, Thượng Hải, tháng 6-1949, tr. 32. (tiếng Trung).

mang tính khoa học đúng đắn, vừa có tính chất cách mạng sâu sắc thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, độc lập cho dân tộc mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc. Điều đó hoàn toàn phù hợp với nhận định của Ăngghen: "Những tư tưởng dân tộc chân chính trong phong trào công nhân bao giờ cũng là những tư tưởng quốc tế chân chính"[1].

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bỏ ra gần mười năm để tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức ở nhiều nước thuộc địa.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. *Luận cương* của Lênin đã làm cho Người sáng tỏ, tin tưởng, cảm động đến phát khóc. Người đã biểu quyết tán thành gia nhập Quốc tế III, đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước thành người cộng sản.

Sau đó là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc tham gia hoạt động lý luận và thực tiễn cực kỳ sôi nổi trong Đảng Cộng sản

---

1. C. Mác - Ph. Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1981, t. 33, tr. 374 (tiếng Nga).

Pháp và trong Quốc tế Cộng sản.

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu (Trung Quốc) sáng lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, xuất bản báo *Thanh niên*, mở các lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ, đưa họ về nước hoạt động. Trong thời gian này, Người đã cho xuất bản các tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925) và *Đường Kách mệnh* (1927). Tháng 2-1930, tại Hội nghị hợp nhất của Đảng, Người trực tiếp thảo ra các văn kiện: *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình* và *Điều lệ vắn tắt* của Đảng. Những văn kiện này đã đánh dấu sự hình thành cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể tóm tắt thành một hệ thống luận điểm như sau:

1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản

Thất bại của các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở nước ta là do chưa có đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn khi chủ nghĩa đế quốc đã thành một hệ thống thế giới. Chủ nghĩa đế quốc vừa tranh giành nhau trong việc xâu xé thuộc địa vừa liên kết với nhau trong việc đàn áp phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa. Các thuộc địa chẳng những cung cấp nguyên vật liệu cho các nhà máy mà còn cung cấp binh lính cho quân đội đế quốc nhằm đàn áp các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở chính quốc. Trong

cuộc đấu tranh tự giải phóng, giai cấp vô sản ở chính quốc và nhân dân các dân tộc thuộc địa có chung một kẻ thù, vì vậy phải phối hợp hành động và cổ vũ lẫn nhau.

Từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: Chủ nghĩa đế quốc là một con đỉa hai vòi, một vòi bám vào chính quốc, một vòi bám vào thuộc địa. Muốn đánh bại chủ nghĩa đế quốc phải đồng thời cắt cả hai cái vòi của nó đi, tức là phải kết hợp cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa; phải xem cách mạng ở thuộc địa như là "một trong những cái cánh của cách mạng vô sản", phát triển nhịp nhàng với cách mạng vô sản; mặt khác cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản, tức là phải đi theo đường lối Mác - Lênin.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo

Nguyễn Ái Quốc đã sớm khẳng định: Muốn giải phóng dân tộc thành công "Trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[1]. Như vậy Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đặt dưới sự

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 2, tr. 267-268.

lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, Đảng đó phải được xây dựng theo các nguyên tắc Đảng kiểu mới của Lênin, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin.

Các lãnh tụ yêu nước tiền bối cũng đã bước đầu nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của chính đảng cách mạng. Phan Chu Trinh đã nói: ngày nay, muốn độc lập, tự do, *phải có đoàn thể*, nhưng ông chỉ mới nói mà chưa kịp làm. Phan Bội Châu đã tổ chức ra Đảng *Việt Nam Quang phục hội*, sau dự định cải tổ nó thành *Việt Nam quốc dân Đảng* theo kiểu Tôn Trung Sơn, nhưng ông chưa kịp thực hiện thì đã bị bắt, bị đưa về giam lỏng tại Huế.

Dù đã thành lập hay chưa thì các đảng kiểu đó cũng không thể lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thành công, vì nó thiếu một đường lối chính trị đúng đắn và một đường lối tổ chức chặt chẽ; lại không có cơ sở rộng rãi trong quần chúng, nên sớm muộn cũng rơi vào tan rã và thất bại.

3. Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết của toàn dân, trên cơ sở liên minh công - nông

Cách mạng giải phóng dân tộc như Nguyễn Ái Quốc viết "là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người"[1], vì vậy phải đoàn kết toàn dân, "sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền". Nhưng trong sự tập hợp rộng rãi đó, Người nhắc nhở không được quên cái cốt của nó là công - nông. Phải nhớ: "Công nông là người chủ cách mệnh... Công nông là gốc cách mệnh"[2].

1, 2. *Sđd,* tr. 262, 266.

Trong phạm vi của cách mạng giải phóng dân tộc mà đối tượng cần đánh đổ trước hết là bọn đế quốc và đại địa chủ phong kiến tay sai nhằm giành lại độc lập dân tộc và dân chủ cho nhân dân, trước hết là nông dân, nên Nguyễn Ái Quốc chủ trương cần vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân Việt Nam đang mất nước, đang bị làm nô lệ trong một *mặt trận dân tộc thống nhất* rộng rãi nhằm huy động sức mạnh của toàn dân tộc, đấu tranh giành độc lập, tự do.

Người đã viết trong *Sách lược vắn tắt* tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930: "Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v., để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ"[1].

Do chưa phân biệt được sự khác nhau giữa yêu cầu, mục tiêu của cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, lại chịu sự chi phối của quan điểm "tả" khuynh của đường lối "giai cấp chống giai cấp" đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản lúc bấy giờ, nên đã có ý kiến cho rằng Nguyễn Ái Quốc quá chú trọng vấn đề dân tộc, "chỉ nghĩ đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp đấu tranh", v.v..

Thực ra, trong khi chủ trương đoàn kết, tập hợp rộng

---

1. *Sđd,* t. 3, tr. 3.

rãi các lực lượng dân tộc chống đế quốc, Hồ Chí Minh vẫn nhắc nhở phải quán triệt quan điểm giai cấp: "Công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ cũng bị tư sản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi"[1]. Và "Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp"[2].

4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

Đây là một luận điểm mới mẻ và sáng tạo của Hồ Chí Minh.

Trong phong trào cộng sản quốc tế, như đã nói ở trên, đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc trực tiếp vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. *Tuyên ngôn* thành lập của Quốc tế Cộng sản năm 1919, có đoạn viết: "Công nhân và nông dân không những ở An Nam, Angiêri, Bengan mà cả Ba Tư hay Ácmênia *chỉ có thể giành được độc lập khi mà công nhân các nước Anh và nước Pháp lật đổ được Lôiit Gioócgiơ và Clêmăngxô*, giành chính quyền nhà nước vào tay mình"[3]. *Những luận cương về phong trào cách mạng trong*

---

1. *Sđd,* t. 2, tr. 266.
2. *Sđd,* t. 3, tr. 3.
3. *Lênin và Quốc tế Cộng sản,* Mátxcơva, 1970, tr. 143 (tiếng Nga).

các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được thông qua tại Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, ngày 1-9-1928 viết: "Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến"[1]. Quan điểm này, vô hình trung đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của các phong trào cách mạng ở thuộc địa.

Phát biểu tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (tháng 6-1924), Nguyễn Ái Quốc đã phân tích: "Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa... nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa"[2], nếu khinh thường cách mạng ở thuộc địa tức là "muốn đánh chết rắn đằng đuôi"[3].

Vận dụng công thức của C. Mác: "Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân", Nguyễn Ái Quốc đã đi tới luận điểm: "Công cuộc giải phóng anh em (tức nhân dân thuộc địa) chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực

---

1. *Những luận cương về Nghị quyết Đại hội VI Quốc tế Cộng sản*, Paris, 1928, tr. 174 (tiếng Pháp). Dẫn lại theo Nguyễn Thành.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 1, tr. 273 - 274.

của bản thân anh em"[1].

Do nhận thức được thuộc địa là một khâu yếu trong hệ thống của chủ nghĩa đế quốc, do đánh giá đúng đắn sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, ngay từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã sớm cho rằng: "*Cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước*", và "trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[2].

Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn rất to lớn, một cống hiến rất quan trọng vào kho tàng lý luận Mác - Lênin, đã được thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang trong nhân dân

Ngay từ đầu năm 1924, trong *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ,* Nguyễn Ái Quốc đã đề cập khả năng một cuộc vũ trang khởi nghĩa ở Đông Dương. Để có cơ thắng lợi, theo Người, cuộc khởi nghĩa vũ trang đó:

- Phải có tính chất *một cuộc khởi nghĩa quần chúng*

---

1. *Sđd,* t. 2, tr. 128.
2. *Sđd*, t. 1. tr. 36.

chứ không phải một cuộc nổi loạn,... phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu các cuộc cách mạng châu Âu.

- Phải được nước Nga ủng hộ.
- Phải trùng hợp với cách mạng vô sản Pháp.
- Phải gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản thế giới.

Tháng 5-1941, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khoá I do Người chủ trì đã đưa ra nhận định: Cuộc cách mạng Đông Dương kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang, mở đầu có thể là bằng một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương... mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn.

Để chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng chỉ đạo xây dựng căn cứ địa, đào tạo, huấn luyện cán bộ, xây dựng các tổ chức chính trị của quần chúng, lập ra các đội du kích vũ trang, chủ động đón thời cơ, chớp thời cơ, phát động Tổng khởi nghĩa Tháng Tám và giành được chính quyền cả nước chỉ trong có hơn 10 ngày.

Tóm lại, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết của Lênin về cách mạng thuộc địa thành một hệ thống luận điểm mới mẻ, sáng tạo, bao gồm cả *đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp* tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã chứng minh hùng hồn tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta đã khẳng định: Những thành tựu đạt được sau 15 năm đổi mới là to lớn và rất quan trọng, làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều. Đồng thời, Đại hội cũng chỉ rõ: sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước cũng đang đứng trước những thời cơ và thách thức to lớn mà chúng ta phải chủ động đón lấy và sáng suốt vượt qua. Trong công việc này, chúng ta cần nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm tạo ra những nguồn lực mới, đưa sự nghiệp đổi mới vững bước tiến lên những thắng lợi mới.

1. Khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ đất nước

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đặt vấn đề phải xác định rõ các nguồn lực và nhấn mạnh phải phát huy tối đa các nguồn nội lực. Nội lực, hiểu một cách toàn diện, bao gồm con người, trí tuệ, truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, đất đai, tài nguyên, vốn liếng,... nhưng tựu trung lại, yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất vẫn là nguồn lực con người với tất cả sức mạnh thể chất và tinh thần của nó.

Con người Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước,

gắn kết cộng đồng, có ý chí kiên cường, bất khuất, không chịu làm nô lệ, không cam phận nghèo hèn,... Trong đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta". Chúng ta phải ra sức phát triển tinh thần yêu nước ấy, làm cho nó được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, tinh thần yêu nước ấy đã được phát huy cao độ, biến thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng vô song, đưa đến thắng lợi vĩ đại ở Điện Biên Phủ và Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, truyền thống quý báu ấy cần được tiếp tục khơi dậy mạnh mẽ, biến nó thành một nguồn nội lực vô tận để đưa đất nước vượt qua mọi nguy cơ, thử thách, vững bước tiến lên.

2. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp

Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, nhưng Người cũng luôn luôn đứng vững trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc. Quan điểm kết hợp nhuần nhuyễn giai cấp và dân tộc của Hồ Chí Minh đã được trình bày cụ thể trong các phần trên, đó là các quan điểm:

- Luôn luôn khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp

công nhân, vai trò độc quyền lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân trong quá trình cách mạng Việt Nam từ giải phóng dân tộc đi tới chủ nghĩa xã hội.

- Chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi nhưng phải dựa trên nền tảng liên minh công nông và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Trong đấu tranh giành và giữ chính quyền, cần thiết phải biết sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù.

- Mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội,...

Đó là những quan điểm có tính nguyên tắc, bất biến mà chúng ta cần vận dụng quán triệt trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Trong phong trào cách mạng thế giới, có lúc đã từng diễn ra khuynh hướng chỉ nhấn mạnh một chiều quan điểm giai cấp, coi nhẹ vấn đề dân tộc. Gần đây lại chuyển sang một cực đoan khác: chỉ nhấn mạnh yếu tố dân tộc, yếu tố nhân loại, coi nhẹ hoặc vứt bỏ yếu tố giai cấp, từ bỏ đấu tranh cách mạng, từ bỏ chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Dù tình hình thế giới có biến động đến đâu, dù Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không còn, thì vẫn còn đó những nét cơ bản của thời đại: "Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức"[1].

Khi xã hội còn đấu tranh giai cấp mà bỏ rơi quan điểm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 76.

giai cấp, chỉ nhấn mạnh bảo vệ sự sống, bảo vệ lợi ích toàn nhân loại, kết quả tai hại là đã làm suy yếu phong trào cách mạng thế giới, dẫn đến sự tan rã hệ thống xã hội chủ nghĩa đã từng tồn tại hàng nửa thế kỷ.

Khuynh hướng chỉ nhấn mạnh lợi ích dân tộc, từ bỏ chủ nghĩa quốc tế chân chính đã dẫn đến sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc sôvanh, để cho kẻ thù lợi dụng, kích động, làm cho tình hình một số khu vực mất ổn định kéo dài, các cuộc chiến tranh sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ,... diễn ra liên miên, gây đau thương tang tóc cho nhân dân các dân tộc, chỉ làm giàu cho túi tiền của bọn tài phiệt, lái súng.

Ở nước ta, quan điểm xem xét vấn đề dân tộc tách rời quan điểm giai cấp cũng được bộc lộ dưới nhiều hình thức và mức độ. Có ý kiến cho rằng đất nước đi theo con đường nào cũng được, chế độ nào cũng được, miễn là có cuộc sống sung sướng, tự do. Có ý kiến nêu vấn đề: độc lập dân tộc có nhất thiết phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội? Cũng có ý kiến cho rằng chủ nghĩa xã hội là một lý tưởng tốt đẹp, nhưng là điều không tưởng,... từ đó họ khuyên chúng ta nên từ bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng. Khuynh hướng đó cũng được thể hiện trong việc đòi hỏi phải xem xét, đánh giá lại một số sự kiện và nhân vật lịch sử, v.v..

Mặt khác, cũng cần khắc phục quan điểm sơ cứng, giáo điều trong việc nhìn nhận vấn đề giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thoát ly bối cảnh và điều kiện lịch sử cụ thể của dân tộc. Phải thấy, chúng ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội nhằm mục tiêu "dân giàu nước mạnh,

xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", nhân dân ấm no, hạnh phúc,... mục tiêu đó không phải chỉ là vấn đề giai cấp, mà vừa là giai cấp, lại vừa là dân tộc. Nó chứng tỏ ở Việt Nam chỉ có Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân mới là lực lượng đại biểu chân chính cho lợi ích của dân tộc, mới xây dựng được mặt trận đại đoàn kết dân tộc để thực hiện được mục tiêu trên. Những lệch lạc về phía này hay phía khác đều là trái với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Vì vậy, đi đôi với tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, cần làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh về sự kết hợp dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân, lấy đó làm định hướng cho việc nhận thức và giải quyết các vấn đề của dân tộc và của thời đại hiện nay.

3. Chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em và trong cộng đồng dân tộc Việt Nam

Trong thời kỳ lịch sử mới, Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, ra sức phấn đấu để tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng; lấy mục tiêu độc lập, thống nhất, tiến lên dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc... Chủ trương đó của Đảng đã thực sự đi vào cuộc sống, được các tầng lớp nhân dân, các dân tộc,

các tôn giáo, dù sống ở trong nước hay định cư ở nước ngoài, đồng tình, ủng hộ và đã thu được những kết quả tốt đẹp. Khối đại đoàn kết dân tộc được tăng cường và mở rộng hơn một bước, đã huy động được sức người, sức của của đồng bào ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài đóng góp vào thành tựu của công cuộc đổi mới.

Trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc phải chăm lo giải quyết tốt hơn nữa mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nêu rõ: "*Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng*"[1]. Đại đoàn kết các dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt Nam là một nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Lịch sử đã ghi nhận công lao và đóng góp to lớn của các dân tộc miền núi nước ta vào thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Trong đấu tranh cách mạng thời kỳ bí mật cũng như trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Việt Bắc, Đông Nam bộ và Tây Nguyên,... đều là nơi đặt bản doanh, là căn cứ địa vững chắc của cách mạng. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã nhận định: "Đồng bào miền núi có truyền thống cần cù và dũng cảm. Trong thời kỳ cách mạng và kháng chiến, đồng bào miền núi đã có nhiều công trạng vẻ vang và oanh liệt"[2].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 127.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 10, tr. 608.

Trong việc đền ơn, đáp nghĩa cho đồng bào miền núi, giúp miền núi nhanh chóng tiến kịp miền xuôi, Người chỉ thị: "Các cấp bộ đảng phải thi hành đúng chính sách dân tộc, thực hiện sự *đoàn kết, bình đẳng, tương trợ* giữa các dân tộc"[1], sao cho khoảng sau hai kế hoạch 5 năm, đạt được các mục tiêu:

"Nhân dân no ấm hơn, mạnh khoẻ hơn.

Văn hoá sẽ cao hơn. Giao thông tiện lợi hơn.

Bản làng vui tươi hơn. Quốc phòng vững vàng hơn"[2].

Nhìn lại đời sống các dân tộc miền núi sau hơn 15 năm đổi mới, tình hình đã có một số chuyển biến rõ nét: kinh tế tự nhiên được thu hẹp, sản xuất hàng hoá tại một số vùng được mở rộng, mức sống vật chất và tinh thần của đồng bào miền núi được cải thiện một bước. Tuy nhiên, đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội của đồng bào vẫn đang ở tình trạng nghèo nàn và lạc hậu: thiếu đất canh tác, tình trạng du canh du cư vẫn tiếp diễn, nạn mù chữ còn phổ biến, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan đang phát triển,...

So với nhiều nước trên thế giới hiện nay, mối quan hệ giữa các dân tộc anh em ở nước ta là tốt đẹp và ổn định. Tuy nhiên, không phải không có những cơ sở để cho các thế lực thù địch khai thác, lợi dụng. Có những vấn đề do lịch sử để lại, có vấn đề do kẻ thù gây ra và nuôi dưỡng nhằm chống phá cách mạng thời gian trước đây, có vấn đề do sai lầm của cán bộ ta trong thi hành chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ ở miền núi, vi phạm đến đời

---

1. *Sđd,* t. 9, tr. 457.

2. *Sđd,* t. 10, tr. 610-611.

sống tình cảm, tâm lý, tín ngưỡng, phong tục tập quán của đồng bào,...

Để loại trừ những nguyên nhân có thể dẫn đến căng thẳng trong mối quan hệ giữa các dân tộc, có thể bị kẻ thù lợi dụng, chúng ta phải thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã đề ra cho miền núi, trong đó có nhiệm vụ: xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất hàng hoá, xoá đói, giảm nghèo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; đặc biệt quan tâm vùng gặp nhiều khó khăn, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến; tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số; chống kỳ thị chia rẽ dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc[1].

Nhờ vận dụng sáng tạo và kết hợp nhuần nhuyễn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, Hồ Chí Minh đã rất thành công trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đại đoàn kết các dân tộc đa số và thiểu số, khơi dậy và phát huy được tiềm năng cách mạng của toàn dân tộc, đưa đến thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

Nhìn vào thắng lợi cách mạng Việt Nam hơn 70 năm qua và nhìn rộng ra tình hình thế giới ở thập niên cuối của thế kỷ XX, chúng ta dễ dàng nhận thấy đâu là nguyên nhân dẫn

---

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 127-128.

đến thắng lợi, đâu là nguyên nhân dẫn đến sự tan rã, sụp đổ, đến chiến tranh dân tộc, xung đột sắc tộc,... chúng ta càng trân trọng và tự hào biết bao với di sản tư tưởng lý luận quý báu mà Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và cho dân tộc.

CHƯƠNG III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Định hướng phát triển của cách mạng Việt Nam đã được khẳng định ngay từ đầu những năm 20 thế kỷ XX khi Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường giải phóng dân tộc theo con đường của cách mạng vô sản. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của cách mạng Việt Nam đồng thời cũng là nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, sau thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội là logic phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội có nguồn gốc sâu xa từ *chủ nghĩa yêu nước, truyền thống nhân ái* và *tinh thần cộng đồng làng xã* Việt Nam, được hình thành từ lâu đời trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Trước khi tiếp cận với chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác, Hồ Chí Minh đã từng biết đến *tư tưởng xã hội chủ nghĩa sơ khai ở phương Đông*, qua "thuyết đại đồng" của Nho giáo với các mệnh đề "thiên hạ vi công" "dân vi quý",

"các tận sở năng, các thủ sở nhu", v.v.. Về tổ chức kinh tế, ở phương Đông đã từng tồn tại hàng nghìn năm *chế độ công điền*, *chế độ "tỉnh điền"*. Chính chế độ ruộng công là cơ sở kinh tế tạo nên sự cố kết cộng đồng bền chặt của người Việt Nam.

Sau khi ra nước ngoài khảo sát các cuộc cách mạng thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy trong *học thuyết của Mác* lý tưởng về một xã hội nhân đạo, trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện tự do cho tất cả mọi người"; đã tìm thấy trong chủ nghĩa xã hội của Mác *con đường thực hiện ước mơ giải phóng của các dân tộc bị áp bức khỏi ách nô lệ*.

Giữa năm 1923, Người đến Liên Xô, lần đầu tiên được biết đến hiệu quả tích cực của "*chính sách kinh tế mới*" của Lênin, được chứng kiến những thành tựu bước đầu của nhân dân Xôviết trên con đường xây dựng một chế độ xã hội mới.

Đó là những cơ sở lý luận và thực tiễn góp phần hình thành nên tư tưởng của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢN CHẤT VÀ MỤC TIÊU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Con đường hình thành tư duy Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm sáng tỏ bản chất của chủ nghĩa xã hội *từ những kiến giải kinh tế - xã hội, chính trị - triết học*. Mác bằng học

thuyết hình thái kinh tế - xã hội đã chứng minh rằng hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa tất yếu sẽ được thay thế bằng một hình thái cao hơn, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội.

Mác và Ăngghen đã từng bước xây dựng những luận điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội, chỉ ra những *phương hướng phát triển chủ yếu* và *những đặc trưng bản chất* của nó mà đặc trưng cơ bản nhất là *xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất*, giải phóng cho con người khỏi tình trạng bị bóc lột về kinh tế, bị áp bức về chính trị, bị nô dịch về tinh thần, tạo điều kiện cho con người có thể tận lực phát triển mọi khả năng sẵn có của mình.

Lênin phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh đã chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền, tức giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, chủ nghĩa xã hội đã từ lý luận trở thành hiện thực. Chủ nghĩa xã hội với tư cách một chế độ xã hội, sau khi đã hoàn thiện sẽ là bước phát triển cao hơn và tốt đẹp hơn so với chủ nghĩa tư bản.

b) Hồ Chí Minh cũng tiếp cận chủ nghĩa xã hội khoa học từ quan điểm duy vật lịch sử của Mác, nghĩa là từ học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân - giai cấp trung tâm của thời đại mới. Nói cách khác, Người đã tiếp thu những quan điểm của các tác giả kinh điển về bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin,

Hồ Chí Minh còn tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ chủ nghĩa yêu nước và truyền thống văn hoá dân tộc, nên cũng bổ sung những nét riêng của mình về bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội:

- *Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ lập trường yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc*. Người đã tìm thấy trong học thuyết khoa học và cách mạng của Mác con đường chân chính để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng loài người. Người đã viết: "... chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"[1].

Như vậy, với Hồ Chí Minh, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu được nhân loại, mới thực sự đem lại độc lập, tự do, bình đẳng cho các dân tộc.

- *Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức*. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội được xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, nó đảm bảo cho sự phát triển hài hoà giữa cá nhân và xã hội. Giai cấp công nhân chẳng những đấu tranh để tự giải phóng mà còn để giải phóng cho cả loài người khỏi áp bức, bóc lột. Lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của nhân dân là thống nhất. Chủ nghĩa xã hội do đó xa lạ và đối lập với chủ nghĩa cá nhân. Người viết: "Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên *thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 474.

nghĩa cá nhân"[1]. Người lên án mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân, một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội, và kêu gọi phải tiêu diệt nó, nhưng người không hề phủ nhận cá nhân, trái lại rất chăm lo đến nhu cầu và lợi ích của cá nhân, đề cao năng lực và phẩm chất của mỗi cá nhân. Theo Hồ Chí Minh, "Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa"[2]. Từ đó, Người tin tưởng cổ vũ: "Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người"[3]. Như vậy, đối với Hồ Chí Minh, đạo đức cao cả nhất là đạo đức cách mạng, đạo đức giải phóng dân tộc, giải phóng loài người. Chủ nghĩa xã hội vì vậy cũng là giai đoạn phát triển mới của đạo đức.

- Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ truyền thống lịch sử, văn hoá và con người Việt Nam.

Việt Nam không trải qua thời kỳ chiếm hữu nô lệ, từ ngày lập quốc đã phải liên tục đứng lên chống ngoại xâm.

Việt Nam là một nước nông nghiệp; nông nghiệp lấy đất và nước làm nền tảng. Chế độ công điền và công cuộc trị thủy sớm gắn kết con người Việt Nam lại với nhau. Đó là những nhân tố quan trọng hình thành nên tinh thần cố kết cộng đồng của dân tộc Việt Nam - một nhân tố thuận lợi để đi vào chủ nghĩa xã hội.

Văn hoá Việt Nam lấy *nhân nghĩa* làm gốc, có truyền

1, 2. *Sđd,* t. 9, tr. 291.

3. *Sđd,* tr. 293.

thống *trọng dân, khoan dung, hoà mục để hoà đồng*. Văn hoá Việt Nam là văn hoá *trọng trí thức, hiền tài*.

Con người Việt Nam có tâm hồn trong sáng, giàu lòng vị tha, yêu thương đồng loại, kết hợp được cái chung với cái riêng, gia đình với Tổ quốc, dân tộc và nhân loại... Chính những truyền thống tốt đẹp của văn hoá và con người Việt Nam là một trong những cơ sở dẫn dắt Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa xã hội.

Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội mang trong bản thân nó bản chất nhân văn và văn hoá; chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản về mặt văn hoá và giải phóng con người. Ta hiểu vì sao Hồ Chí Minh là một nhà chính trị đã thấy rất sớm vai trò và sức mạnh của văn hoá.

Nói văn hoá cũng tức là nói con người - chủ thể của văn hoá. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng xây dựng con người, tình người, mối quan hệ nhân văn giữa người với người. Hồ Chí Minh chú trọng nâng cao lý tưởng, đạo đức, văn hoá, khoa học cho con người, vì con người, khát khao chiến đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa thì mới có được chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là sự thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội với các nhân tố nhân văn, đạo đức, văn hoá.

Từ bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã đi tới khẳng định *tính tất yếu của sự lựa chọn xã hội chủ nghĩa* và *con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*. Người nói: “Miền Bắc nước ta đang tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Đó là yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu

người lao động"[1].

2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội

a) *Bản chất của chủ nghĩa xã hội* - với tư cách là một chế độ xã hội, giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản - đã được *các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin* luận giải qua một số *đặc trưng cơ bản* sau đây:

- Xoá bỏ từng bước chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ sở hữu công cộng để giải phóng cho sức sản xuất xã hội phát triển.

- Có một nền đại công nghiệp cơ khí với trình độ khoa học và công nghệ hiện đại có khả năng cải tạo nông nghiệp, tạo ra năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản.

- Thực hiện sản xuất có kế hoạch, tiến tới xoá bỏ sản xuất hàng hoá trao đổi tiền tệ (quan niệm này về sau đã được điều chỉnh với *Chính sách kinh tế mới* của Lênin).

- Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, thể hiện sự công bằng và bình đẳng về lao động và hưởng thụ.

- Khắc phục dần sự khác biệt giữa các giai cấp, giữa nông thôn và thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, tiến tới một xã hội tương đối thuần nhất về giai cấp.

- Giải phóng con người khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, nâng cao trình độ tư tưởng và văn hoá cho nhân dân, tạo điều kiện cho con người tận lực phát triển mọi khả năng

---

1. *Sđd,* tr. 291.

sẵn có của mình.

- Sau khi đã đạt được những điều nói trên, khi giai cấp không còn nữa thì chức năng chính trị của Nhà nước sẽ dần dần tiêu vong, v.v..

Những đặc trưng cơ bản nói trên của chủ nghĩa xã hội là những phán đoán khoa học đã được Mác và Ăngghen nêu lên trên cơ sở phân tích những điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu phát triển nhất vào cuối thế kỷ XIX. Dù sao, các ông cũng mới chỉ vạch ra *những phương hướng phát triển chủ yếu* của chủ nghĩa xã hội nhằm khẳng định tính ưu việt của nó so với chủ nghĩa tư bản. Với sự vận động của lịch sử, với thành tựu khoa học - công nghệ của loài người, với kinh nghiệm của thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đã qua và hiện nay, trong những luận điểm đó, có điểm ngày nay đã được nhận thức lại cho phù hợp với thực tế, đó cũng là điều bình thường. Chính Mác và Ăngghen, để tránh cho những người đi sau không rơi vào rập khuôn, giáo điều, ngay trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, trước khi nêu lên 10 biện pháp xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa có thể áp dụng khá phổ biến ở các nước tiên tiến nhất, hai ông đã căn dặn: "Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều"[1]. Nhiệm vụ của những người mácxít là phải dựa vào tư tưởng của các ông về những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội để bổ sung và phát triển nó trong những điều kiện lịch sử mới.

---

1. C. Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 627.

b) Thống nhất với tư tưởng của các bậc thầy của giai cấp vô sản thế giới về những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản, Hồ Chí Minh trong thực tiễn chỉ đạo công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc nước ta, ở những thời điểm khác nhau, đã nêu lên quan niệm của mình về *những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội.*

Trả lời câu hỏi: "Chủ nghĩa xã hội là gì", Người diễn giải:

- Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Người nhấn mạnh *mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là giải phóng nhân dân lao động khỏi nghèo nàn, lạc hậu.*

- Muốn có chủ nghĩa xã hội phải làm gì? "Nhiệm vụ *quan trọng bậc nhất* của chúng ta hiện nay là phát triển sản xuất, để nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất. Sản xuất là mặt trận chính của chúng ta hiện nay ở miền Bắc"[1]. (Nhấn mạnh *nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là ra sức phát triển sản xuất*).

- "Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v. làm của chung"[2] (*về chế độ sở hữu công cộng*).

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 10, tr. 312.

2. *Sđd,* t. 8, tr. 226.

- Chủ nghĩa xã hội là "một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng"[1] (*về xoá bỏ chế độ bóc lột, về nguyên tắc công bằng, bình đẳng trong lao động và hưởng thụ*).

- Chủ nghĩa xã hội "gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hoá của nhân dân"[2]. "... chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình"[3] (*về phát triển văn hoá và con người*).

- "Chủ nghĩa xã hội là do quần chúng nhân dân tự mình xây dựng nên"[4]. "Đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng"[5] (*về động lực con người* và *vai trò lãnh đạo của Đảng*).

- "... chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ"[6]. "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân"[7] (*về quyền làm chủ của nhân dân, dân là chủ, cán bộ là đầy tớ*).

Từ những lời phát biểu ngắn gọn, giản dị, mộc mạc của

1, 2, 3. *Sđd,* t. 9, tr. 23, 586, 291.

4. *Sđd,* t. 10, tr. 133.

5, 6. *Sđd,* t. 9, tr. 291.

7. *Sđd,* t. 6, tr. 515.

Người, chúng ta có thể khái quát lên những đặc trưng bản chất sau đây của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và con người.

- *Chủ nghĩa xã hội là một chế độ do nhân dân làm chủ*, Nhà nước phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân để huy động được tính tích cực và sáng tạo của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao*, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

- *Chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển cao về văn hoá, đạo đức*, trong đó người với người là bè bạn, là đồng chí, là anh em, con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, có cuộc sống vật chất và tinh thần phong phú, được tạo điều kiện để phát triển hết mọi khả năng sẵn có của mình.

- *Chủ nghĩa xã hội là một xã hội công bằng và hợp lý*: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng; các dân tộc đều bình đẳng, miền núi được giúp đỡ để tiến kịp miền xuôi.

- *Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân*, do nhân dân tự xây dựng lấy *dưới sự lãnh đạo của Đảng*.

Tóm lại, quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là một quan niệm khoa học, hoàn chỉnh, hệ thống, dựa trên học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Mác, đồng thời có bổ sung thêm một số đặc trưng khác phản ánh truyền thống, đặc điểm của Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội

là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, đạo đức và văn minh, một chế độ xã hội ưu việt nhất trong lịch sử, một xã hội tự do và nhân đạo, phản ánh được khát vọng tha thiết của loài người. Người nói: "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì"[1]. Vì vậy, để giữ vững được độc lập, tự chủ, để đảm bảo cho nhân dân một cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc, chúng ta không có con đường nào khác là phải tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* trong đó trình bày rõ quan niệm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội với sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Đó cũng là kết quả của quá trình đổi mới tư duy và nhận thức lại một cách đúng đắn quan niệm về chủ nghĩa xã hội của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội

a) Bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội có quan hệ chặt chẽ với nhau. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh sau khi được nhận thức đều trở thành *những mục tiêu cơ bản* cần đạt tới trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- ***Chế độ chính trị*** *mà chúng ta xây dựng là chế độ do*

---

1. *Sđd,* t. 4, tr. 152.

nhân dân làm chủ. Người nói: "Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo"[1]. Trong Nhà nước đó, mọi người công dân đều có quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan nhà nước, có quyền kiểm soát đối với đại biểu của mình, "có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân"[2]. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình chủ yếu bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, do đó Người đòi hỏi: "Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội"[3].

Trong Nhà nước dân chủ, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân thì Chính phủ là gì? Người trả lời: "Là đày tớ chung của dân, từ Chủ tịch toàn quốc đến làng. Dân là chủ thì Chính phủ phải là đày tớ... Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ"[4]. Vì vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi người cầm quyền phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải "sửa đổi lối làm việc", chống tham ô, lãng phí, quan liêu, v.v..

Mặt khác, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh mối quan hệ giữa quyền làm chủ với nghĩa vụ và tính năng động của

---

1, 2, 3. *Sđd*, t. 9, tr. 586, 591, 590.

4. *Sđd*, t. 5, tr. 60.

người làm chủ: "Đã là người chủ Nhà nước thì *phải* chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà... Đã là người chủ thì phải biết tự mình lo toan, gánh vác, không ỷ lại, không ngồi chờ"[1]. Mọi người công dân trong xã hội đều có nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng và chấp hành pháp luật, tôn trọng và bảo vệ của công, đồng thời có nghĩa vụ học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt để "xứng đáng vai trò của người chủ".

- ***Nền kinh tế** mà chúng ta xây dựng là* "một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến"[2]. "... trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được xoá bỏ dần, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân ngày càng được cải thiện"[3].

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải được tạo lập trên cơ sở chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, ở thời kỳ quá độ, nền kinh tế đó còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính: "Sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân.

Sở hữu của hợp tác xã tức là sở hữu tập thể của nhân dân lao động.

Sở hữu của người lao động riêng lẻ.

Một ít tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản"[4], trong đó "kinh tế quốc doanh là hình thức sở hữu của toàn dân, nó lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và Nhà nước phải đảm bảo cho nó phát triển ưu tiên"[5].

Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thắng chủ nghĩa tư bản khi

---

1. *Sđd,* t. 10, tr. 310.

2, 3, 4, 5. *Sđd,* t. 9, tr. 588, 592, 588.

nó tạo ra được một nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của sức sản xuất, của khoa học và công nghệ. Không có một nền công nghiệp hiện đại thì không thể có chủ nghĩa xã hội. Đối với các nước lạc hậu, chưa trải qua chế độ tư bản thì *công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một quy luật tất yếu và phổ biến*, đến nay vẫn hoàn toàn đúng với tình hình nước ta, tuy công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở thời đại hiện nay có thể được thực hiện bằng nhiều con đường khác nhau.

- *Chủ nghĩa xã hội gắn liền với* ***văn hoá*** và là giai đoạn phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản về mặt giải phóng con người trước hết khỏi mọi ách áp bức bóc lột. Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của tư tưởng, văn hoá, đạo đức, lối sống,... Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, văn hoá - tư tưởng không phụ thuộc một cách máy móc vào điều kiện sinh hoạt vật chất, vào mức sống, mà có khi cách mạng tư tưởng - văn hoá phải đi trước một bước để dọn đường cho cách mạng công nghiệp. Trả lời câu hỏi của phóng viên báo *Luymanitê* (Pháp) về nhân tố nào sẽ biến nước Việt Nam lạc hậu thành một nước tiên tiến, Hồ Chí Minh đã nói: "Có lẽ cần phải để lên hàng đầu những cố gắng của chúng tôi nhằm phát triển văn hoá. Chủ nghĩa thực dân đã kìm hãm nhân dân chúng tôi trong vòng ngu muội để chúng dễ áp bức.

Nền văn hoá nảy nở hiện thời là điều kiện cho nhân dân chúng tôi tiến bộ... Chính vì vậy chúng tôi đã đào tạo nhanh chóng các cán bộ cho tất cả các ngành hoạt động... để công nghiệp hoá đất nước"[1].

---

1. ***Sđd***, t. 10, tr. 392 (Sau này được sửa lại là nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc) - (T.G).

Người yêu cầu "cán bộ phải có văn hoá làm gốc. Nếu ta muốn dùng máy móc mà máy móc ngày một thêm tinh xảo, thì công nhân cũng phải có trình độ kỹ thuật rất cao không kém gì kỹ sư, phải biết tính toán nhiều. Ở nông thôn cũng vậy... nông dân phải biết văn hoá"[1].

Nền văn hoá mà Đảng ta và Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng là một nền văn hoá "lấy hạnh phúc của đồng bào, của dân tộc làm *cơ sở*", "văn hoá phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ", "phải làm cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do". Nói cách khác, "văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi". Tóm lại, "để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hoá phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức"[2], kết hợp với tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá của nhân loại.

- ***Về quan hệ xã hội***: xã hội mà chúng ta xây dựng là một xã hội công bằng, dân chủ, có quan hệ tốt đẹp giữa người với người; các chính sách xã hội được quan tâm thực hiện; đạo đức - lối sống xã hội phát triển lành mạnh.

Nói chuyện tại lớp hướng dẫn giáo viên cấp 2, cấp 3 và Hội nghị sư phạm, Người hỏi một đồng chí giáo viên:

+ "Thế chủ nghĩa xã hội là gì?

(*Một đồng chí mạnh bạo đứng lên nói*: "*Chủ nghĩa xã hội là những tư liệu sản xuất thuộc về nhân dân*")[3]. Người hỏi luôn:

---

1. ***Sđd***, t. 8, tr. 224.
2. ***Sđd***, t. 10, tr. 60.
3. ***Sđd***, t. 8, tr. 226.

+ "Thế giữa người và người như thế nào?"[1].

Điều đó chứng tỏ, một trong những mục tiêu xây dựng của chủ nghĩa xã hội là xây dựng cho được *mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người*.

- "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*"[2]. Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy. Nếu không có con người thiết tha với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, thì không có chủ nghĩa xã hội được. Vì vậy, Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu mục tiêu xây dựng con người.

Con người xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của Hồ Chí Minh phải là con người có tinh thần và năng lực làm chủ; có đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; có kiến thức khoa học - kỹ thuật, nhạy bén với cái mới; có tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm,... Đó là nguồn lực quan trọng nhất để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người, giải phóng mọi tiềm năng sẵn có của con người để phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn có nhiều sức lao động thì phải giải phóng sức lao động của phụ nữ. Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò và lực lượng của phụ nữ trong đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội: "Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng

---

1. *Sđd*, t. 8, tr. 226.
2. *Sđd*, t. 10, tr. 310.

một nửa loài người.

Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa"[1]. Điều đó thể hiện chủ nghĩa nhân văn, tầm văn hoá và nhãn quan chính trị rộng lớn của Hồ Chí Minh.

b) Để hoàn thành được những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, điều quan trọng theo Hồ Chí Minh là phải nhận thức, vận dụng và phát huy tất cả các *động lực* của chủ nghĩa xã hội. Động lực hiểu một cách tóm tắt là tất cả những nhân tố góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoạt động của con người. Đối lập với phát triển là kìm hãm. Vì vậy, bên cạnh phát huy *động lực* còn phải biết triệt tiêu những *trở lực*.

Hệ thống động lực của chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú. Xét đến cùng, các động lực muốn phát huy được tác dụng đều phải thông qua con người, do đó bao trùm lên tất cả vẫn là *động lực con người* - con người trên cả hai bình diện: *cộng đồng* và *cá nhân*.

- Phát huy sức mạnh đoàn kết của cả cộng đồng dân tộc - động lực chủ yếu để phát triển đất nước.

Con người trên bình diện cộng đồng bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, trí thức,... các tổ chức và đoàn thể, các dân tộc và tôn giáo, đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài,... Người cũng không quên nhắc: giai cấp tư sản dân tộc cũng là một lực lượng tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì giai cấp tư sản dân tộc ở ta "có xu hướng chống đế quốc, có xu hướng yêu nước". Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã

---

1. *Sđd*, t. 9, tr. 523.

hội phải ra sức phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, bởi xây dựng chủ nghĩa xã hội không phải chỉ là vấn đề giai cấp mà còn là vấn đề dân tộc, không phải là sự nghiệp riêng của công nông mà là sự nghiệp chung của toàn dân tộc, có xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mới tăng cường được sức mạnh dân tộc, mới giữ vững được độc lập dân tộc.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta chỉ rõ: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"[1].

Đó là sự kế thừa và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về huy động sức mạnh tổng lực của toàn dân tộc trong tình hình mới.

- Phát huy sức mạnh của con người với tư cách cá nhân người lao động.

Sức mạnh cộng đồng được hình thành từ sức mạnh của cá nhân, thông qua sức mạnh của từng cá nhân. Do đó, muốn phát huy được sức mạnh của cộng đồng, phải tìm ra các biện pháp khơi dậy, phát huy động lực của mỗi cá nhân.

Hồ Chí Minh đã đề cập một hệ thống nội dung, biện pháp, vật chất và tinh thần, nhằm tác động vào đó, tạo ra sức mạnh thúc đẩy hoạt động của con người cho chủ nghĩa xã hội.

+ Tác động vào nhu cầu và lợi ích của con người.

Sinh thời Hồ Chí Minh, vấn đề lợi ích vật chất

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 86.

chưa phải là nhân tố có sức kích thích như trong cơ chế thị trường hiện nay. Tuy nhiên, là nhà duy vật mácxít, Hồ Chí Minh hiểu hành động của con người luôn luôn gắn liền với *nhu cầu* và *lợi ích* của họ. Trong đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã huy động được sức mạnh lý tưởng (lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, chủ nghĩa anh hùng...) cũng như đem lại lợi ích vật chất (ruộng đất, cơm áo, nhu cầu vật chất hàng ngày) cho cả cộng đồng và mỗi cá nhân. Đi vào chủ nghĩa xã hội là đi vào một trận tuyến mới, do đó theo Người cũng phải biết kích thích những động lực mới, đó là *lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động*.

Hồ Chí Minh phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân, nhưng hơn ai hết, Người rất quan tâm đến con người, khuyến khích lợi ích cá nhân chính đáng, coi trọng động lực cá nhân, tìm tòi cơ chế chính sách để kết hợp hài hoà lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, như *khoán, thưởng, phạt* trong kinh tế.

+ *Tác động vào các động lực chính trị - tinh thần.*

Coi trọng động lực của *các đòn bẩy kinh tế*, nhưng Hồ Chí Minh cũng cho thấy đó không phải là phương thuốc bách bệnh có thể giải quyết được tất cả. Có những lĩnh vực hoạt động xã hội - tinh thần đòi hỏi những hy sinh, thiệt thòi mà không lợi ích vật chất nào bù đắp được. Trong những hoàn cảnh khó khăn của cách mạng và kháng chiến, khi các điều kiện vật chất còn thiếu, Hồ Chí Minh đề lên hàng đầu việc phát huy các động lực chính trị - tinh thần của nhân dân ta:

* *Phát huy quyền làm chủ* và *ý thức làm chủ của người*

lao động, bao gồm quyền làm chủ sở hữu, làm chủ quá trình sản xuất và phân phối. Người nhắc nhở: các hợp tác xã phải làm cho người nông dân xã viên thấy "mình là *người chủ tập thể của hợp tác xã,* có quyền bàn bạc và quyết định những công việc của hợp tác xã. Có như thế thì xã viên sẽ đoàn kết chặt chẽ, phấn khởi sản xuất và hợp tác xã sẽ tiến bộ không ngừng"[1]. Muốn thế, người cán bộ lãnh đạo không được chuyên quyền, độc đoán, "Cái gì cũng dùng mệnh lệnh. Ép dân chúng làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo..."[2]. Nói cách khác là *phải thực hành dân chủ* mà theo Hồ Chí Minh đó là "cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn"[3]. Người nói, nếu quần chúng thật sự có quyền dân chủ, cán bộ, đảng viên xung phong gương mẫu thì mọi kế hoạch sản xuất sẽ được thực hiện thắng lợi.

Đồng thời với phát huy quyền làm chủ, Người nhắc nhở phải quan tâm bồi dưỡng *ý thức làm chủ, tâm lý làm chủ* cho người lao động mới. Đã là người làm chủ thì phải coi "hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ", "yêu xe như con, quý xăng như máu", "quý trâu như bạn",... Người làm chủ là người tự lực, biết lo toan, gánh vác, không ỷ lại, trông chờ; người làm chủ phải là người biết quản lý, biết kinh doanh giỏi, biết sử dụng hợp lý sức lao động, v.v..

** Thực hiện công bằng xã hội.*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 195.

2. *Sđd*, t. 5, tr. 293.

3. *Sđd*, t. 12, tr. 249.

Hồ Chí Minh đã thấy do thiếu công bằng và dân chủ mà dẫn tới hậu quả bùng nổ những xung đột xã hội căng thẳng. Vì vậy, Người nhắc nhở trong công tác phân phối, lưu thông, có hai điều phải luôn luôn nhớ:

Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng,
Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên.

Công bằng, theo Hồ Chí Minh, không phải là cào bằng một cách bình quân, giỏi kém như nhau, làm triệt tiêu mất động lực kinh tế, xã hội.

* *Sử dụng vai trò điều chỉnh của các nhân tố tinh thần khác:* chính trị, văn hoá, đạo đức, pháp luật.

Sức mạnh của con người được huy động vào sự nghiệp cách mạng bao gồm cả chính trị, văn hoá, đạo đức, pháp luật. Để tác động vào tính tích cực xã hội của con người Hồ Chí Minh nhắc nhở cũng phải biết tác động một cách toàn diện.

Trước hết là *lý tưởng chính trị*. Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, "cần có ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, một lòng một dạ phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội"[1]. Những biến động của hệ thống xã hội chủ nghĩa những năm qua đã cho thấy: nếu không có những con người kiên trì phấn đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa thì chủ nghĩa xã hội cũng không tồn tại được.

Nhân loại đang bước vào kỷ nguyên văn minh trí tuệ, trong đó khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão. Do đó phải *phát triển dân trí*, phải coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Ai không được đào tạo, người ấy sẽ bị

---

1. *Sđd,* t. 9, tr. 457.

đào thải. Hồ Chí Minh đòi hỏi: Đảng và Nhà nước phải nắm vững khoa học - kỹ thuật, mỗi đảng viên đều phải cố gắng học tập văn hoá, học tập khoa học và kỹ thuật.

Sống trong xã hội, con người chịu sự ràng buộc của các quan hệ xã hội, trong đó có quan hệ *pháp lý - đạo đức*. Con người được giáo dục về đạo đức thì *nhu cầu hướng thượng* lại càng cao, càng muốn theo đuổi những giá trị cao đẹp như chân lý, chính nghĩa, tự do, công bằng, dân chủ, nhân đạo,... Nhờ đó, lao động, cống hiến của họ cho chủ nghĩa xã hội càng tích cực, tự giác hơn.

Khắc phục các trở lực kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa xã hội:

Muốn khai thông những động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội đồng thời phải nhận diện để khắc phục *những lực cản* trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bước vào xây dựng xã hội mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra những căn bệnh có thể dẫn đến nguy cơ thoái hoá, biến chất của một đảng cầm quyền, đến an nguy của chế độ xã hội chủ nghĩa. Do đó, Người yêu cầu:

+ *Phải đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân*, căn bệnh mẹ đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm. Người nhấn mạnh: Chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó.

+ *Phải đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu*, "bạn đồng minh của thực dân phong kiến", vì "Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính"[1].

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 490.

+ *Phải chống chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật*, vì những hành động ấy "làm giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng, ngăn trở bước tiến của cách mạng"[1].

+ *Phải chống chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng, không chịu học tập cái mới*,... Đó cũng là những trở lực đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong hệ thống các động lực của chủ nghĩa xã hội, ngoài những nội dung nói trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nói nhiều đến *vai trò lãnh đạo của Đảng*, hiệu lực cơ chế, chính sách của *Nhà nước* cùng vai trò của các tổ chức thành viên khác trong hệ thống chính trị, v.v.. Những vấn đề này vì đã được giới thiệu thành bài riêng nên không trình bày ở đây.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, trong khi nhấn mạnh tính khách quan của sự vận động lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đã đề cập *tính tất yếu của thời kỳ quá độ*. Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta*, Mác viết: "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia.

---

1. *Sđd*, t. 9, tr. 288.

Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và Nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*"[1]. Đó là Mác nói đến *con đường quá độ* lên chủ nghĩa xã hội ở các nước tư bản phát triển cao, cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội đã được chủ nghĩa tư bản chuẩn bị tương đối đầy đủ.

Khi tìm hiểu về lịch sử phát triển của nước Nga, Mác đã tán thành ý kiến của Sécnưsepxki - nhà dân chủ cách mạng Nga - rằng "nước Nga... có thể không cần phải trải qua những đau khổ của chế độ đó (tức là chế độ tư bản chủ nghĩa) mà vẫn chiếm đoạt được mọi thành quả của chế độ ấy"[2].

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga đã làm cho lý luận về thời kỳ quá độ có sự phát triển mới. Cái mới là ở chỗ cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra trước tiên ở Nga, một nước tư bản phát triển trung bình. Nước Nga bước vào thời kỳ quá độ từ điểm xuất phát thấp hơn các nước tư bản Tây Âu về kinh tế và văn hoá, giai cấp công nhân chiếm tỷ lệ còn thấp trong dân cư và nước Nga cách mạng còn đang phải vận động trong một biển những người tiểu nông. Do đó, theo Lênin, bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Nga là một thời kỳ lịch sử tương đối dài, nó cần thiết phải thực hiện những bước quá độ nhỏ, những nhịp cầu, những hình thức kinh tế trung gian để dần dần

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 19, tr. 47.

2. *Sđd,* t. 22, tr. 636.

lôi cuốn nhân dân Nga, mà đa số là tiểu nông, đi lên chủ nghĩa xã hội. Lênin viết: "Nếu phân tích tình hình chính trị hiện nay, chúng ta có thể nói rằng chúng ta đang ở vào một thời kỳ quá độ trong thời kỳ quá độ"[1].

Mặt khác, cũng xuất phát từ đặc thù của nước Nga, Lênin đã nêu lên tư tưởng về sự phát triển bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội ở những nước mà đa số dân cư là nông dân với nền sản xuất nhỏ, tiền tư bản chủ nghĩa. Lênin viết: "Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô - viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"[2].

Như vậy là theo quan điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin, có hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội: một con đường *quá độ trực tiếp* lên chủ nghĩa xã hội từ những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao, và một con đường phát triển ở những nước tiền tư bản chủ nghĩa, *quá độ gián tiếp* lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản. Ở trường hợp sau, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch rõ, nó chỉ có thể thực hiện được với điều kiện có sự giúp đỡ của một nước công nghiệp tiên tiến đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công và phải có sự lãnh đạo của một chính đảng vô sản kiên trì đưa đất nước đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t. 42, tr. 266.

2. *Sđd*, t. 41, tr. 295.

b) *Quan niệm của Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ* xuất phát từ quan điểm Mác - Lênin và không thể tách rời quan niệm đang ngự trị trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới lúc bấy giờ.

- Trước hết, Hồ Chí Minh đã lưu ý chúng ta cần nhận thức rõ *tính quy luật chung* và *đặc điểm lịch sử cụ thể của mỗi nước* khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội: "Nhưng tùy hoàn cảnh, mà các dân tộc phát triển theo *con đường khác nhau*... Có nước thì đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội,... có nước thì phải kinh qua *chế độ dân chủ mới,* rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội"[1]. Nói cách khác, *Hồ Chí Minh đã chỉ ra hai phương thức quá độ chủ yếu*: phương thức *quá độ trực tiếp* (từ chủ nghĩa tư bản phát triển lên chủ nghĩa xã hội) và phương thức *quá độ gián tiếp* (từ nghèo nàn, lạc hậu, tiền tư bản chủ nghĩa, qua dân chủ nhân dân đi lên chủ nghĩa xã hội).

Mác, Ăngghen chủ yếu đề cập phương thức quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao lên chủ nghĩa xã hội. Lênin đã đề cập cả hai loại hình quá độ, nhưng ở loại hình thứ hai, Lênin cũng mới chỉ nêu lên ở dạng khái quát, mang tính định hướng lý luận chung; còn Hồ Chí Minh đã căn cứ vào thực tiễn cụ thể của Việt Nam để xây dựng quan niệm và lý giải những vấn đề của phương thức quá độ gián tiếp ở một nước chậm phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội và những tìm tòi lý luận của Người gắn liền với loại hình quá độ này của Việt Nam.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 247.

- Hồ Chí Minh đã chỉ ra những *đặc điểm* và *mâu thuẫn* của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sau năm 1954, miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ quá độ trong bối cảnh quốc tế tương đối thuận lợi. Về tình hình trong nước, ta phải tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vừa có hoà bình, vừa có chiến tranh,... nhưng bao trùm lên *to nhất là đặc điểm* "từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"[1]. Đặc điểm này thâu tóm đầy đủ những mâu thuẫn, khó khăn, phức tạp, chi phối toàn bộ tiến trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nó đặt ra hàng loạt vấn đề lý luận và thực tiễn mà chúng ta cần nhận thức và giải đáp một cách đúng đắn để tìm ra *con đường* với *những hình thức, bước đi* và *cách làm* chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm Việt Nam.

Dựa theo công thức của Lênin, Hồ Chí Minh cũng nói "*tiến thẳng* lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Cách nói này có phần thiên về nhấn mạnh mặt thuận lợi, nghĩa là tránh được cho nhân dân ta không phải trải qua một chế độ đầy bùn và máu là chế độ tư bản chủ nghĩa đã bị lịch sử lên án và bác bỏ.

Nhưng cách nói này có thể chưa giúp cho nhân dân và cán bộ ta nhận thức được đầy đủ những khó khăn, thiếu hụt do chưa trải qua nên chưa đạt tới trình độ phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá - tư tưởng,... mà loài người đạt được trong thời đại tư bản.

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn

---

1. *Sđd,* t. 10, tr. 13.

phá, bỏ qua chế độ tư bản, quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội, đã đặt ra biết bao khó khăn, phức tạp khiến chúng ta không thể chủ quan, nóng vội, đốt cháy giai đoạn, rơi vào phiêu lưu, duy ý chí.

Do đó, mặc dầu nói “tiến thẳng”, nhưng Hồ Chí Minh cũng đã nhiều lần điều chỉnh lại: “Tiến lên chủ nghĩa xã hội, không thể một sớm một chiều. Đó là cả một công tác tổ chức và giáo dục”[1]. “Việt Nam ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, công cuộc đổi xã hội cũ thành xã hội mới gian nan, phức tạp hơn việc đánh giặc”[2]. “Chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần”[3].

Về độ dài của thời kỳ quá độ, lúc đầu dựa theo kinh nghiệm của Liên Xô và Trung Quốc, Hồ Chí Minh cũng dự đoán “chắc sẽ đòi hỏi ba, bốn kế hoạch dài hạn, nếu nhân dân ta cố gắng thì có thể rút ngắn hơn”.

Nhưng quan niệm này, chỉ sau đó ít lâu đã được Hồ Chí Minh điều chỉnh lại. Người nói: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài"[4]. Vì sao? Vì *mâu thuẫn* của thời kỳ quá độ ở nước ta là mâu thuẫn giữa yêu cầu phải tiến lên xây dựng một chế độ mới có kinh tế công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, có văn hoá, khoa học tiên tiến với tình trạng lạc hậu, kém phát triển, lại phải đối phó với bao thế lực cản trở, phá hoại mục tiêu của chúng ta. Người nói: “Cuộc

---

1. *Sđd,* t. 8, tr. 228.
2. *Sđd,* t. 9, tr. 176.
3. *Sđd,* t. 8, tr. 226.
4. *Sđd,* t. 9, tr. 2.

cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất"[1], bởi vì "Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xoá bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới... phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp"[2]. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã khẳng định lại: *thời kỳ quá độ là một thời kỳ lịch sử lâu dài, đầy khó khăn*.

- *Về nhiệm vụ lịch sử* của thời kỳ quá độ, Người chỉ rõ: "... phải *xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội,* đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài"[3]. Từ đó, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực của xã hội ở thời kỳ quá độ: về chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội.

- *Về những nhân tố bảo đảm thực hiện thắng lợi chủ nghĩa xã hội* ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ phải:

+ Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

+ Nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước.

+ Phát huy tính tích cực, chủ động của các tổ chức

1, 2. *Sđd,* t. 8, tr. 493.

3. *Sđd,* t. 10, tr. 13.

chính trị - xã hội.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức và tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Về bước đi và phương thức, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Chủ nghĩa xã hội có mục tiêu, nguyên lý chung giống nhau, nhưng mỗi nước có đặc điểm lịch sử cụ thể khác nhau, nên phương thức, biện pháp, bước đi, cách làm,... chủ nghĩa xã hội không giống nhau. Vì vậy, Hồ Chí Minh nhắc nhở: Phải học tập kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì *nước ta có những đặc điểm riêng của ta*. Hồ Chí Minh thường nhắc đến: truyền thống lịch sử - văn hoá dân tộc, đặc điểm địa lý, tài nguyên, đất đai, con người Việt Nam (về thể chất và tinh thần). Từ đó, Người yêu cầu *phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ, điều tra nghiên cứu,* thông thuộc lịch sử, địa lý và con người Việt Nam... "Ta không thể giống Liên Xô,... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội"[1].

- *Về bước đi của thời kỳ quá độ*, do vấn đề còn quá mới, Hồ Chí Minh chưa có điều kiện làm rõ nó sẽ gồm mấy chặng đường với những nội dung cho từng chặng, nhưng qua thực tế một số năm Người đã chỉ rõ: "Ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ hai bàn tay trắng đi lên thì khó khăn còn nhiều và lâu dài"[2], "phải làm dần dần", "không thể một

---

1. *Sđd,* t. 8, tr. 227.
2. *Sđd,* t. 12, tr. 567.

sớm một chiều", ai nói dễ là chủ quan và sẽ thất bại.

Thấm nhuần những chỉ dẫn của Lênin "phải kiên nhẫn bắc những nhịp cầu nhỏ, vừa tầm, lựa chọn những giải pháp trung gian, quá độ"; tư tưởng chỉ đạo của Hồ Chí Minh về *bước đi* của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là phải qua nhiều bước, "bước ngắn, bước dài, tùy theo hoàn cảnh", nhưng "chớ ham làm mau, ham rầm rộ... Đi bước nào vững chắc bước ấy, cứ tiến dần dần". Ví dụ, về *bước đi trong cải tạo nông nghiệp*, Người nói: "... lúc đầu là cải cách ruộng đất, sau tiến lên một bước là tổ chức tổ đổi công sao cho tốt, cho khắp, lại tiến lên hình thức hợp tác xã dễ dàng, rồi tiến lên hợp tác xã cao hơn..."[1]. *Về bước đi trong phát triển công nghiệp*, Người sớm đề phòng bệnh duy ý chí: Mấy năm kháng chiến, ta chỉ có nông thôn, bây giờ mới có thành thị... nếu muốn công nghiệp hoá gấp là chủ quan... Ta cho *nông nghiệp là quan trọng và ưu tiên*, rồi đến *tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ, sau mới đến công nghiệp nặng*, "làm trái với Liên Xô cũng là mácxít".

- *Về phương pháp, biện pháp, cách thức* tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Người luôn luôn nhắc nhở phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, chống giáo điều, rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài, phải suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo ra cách làm phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Cụ thể:

+ Trong bước đi và cách làm chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, *phải thể hiện được sự kết hợp giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam*: "xây dựng miền Bắc,

---

1. *Sđd,* t. 8, tr. 226.

chiếu cố miền Nam".

+ Khi giặc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, ta có khẩu hiệu "*vừa sản xuất, vừa chiến đấu*", "*vừa chống Mỹ cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội*"; được thế giới coi là một kinh nghiệm sáng tạo của Việt Nam.

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá,... phải *kết hợp cải tạo với xây dựng* trên tất cả các lĩnh vực, mà *xây dựng là chủ chốt và lâu dài*.

+ Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân, vì vậy *cách làm* là "đem *tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân*", *đó là* "*chủ nghĩa xã hội nhân dân*", *không phải là* "*chủ nghĩa xã hội nhà nước*", được ban phát từ trên xuống.

+ Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò quyết định của biện pháp tổ chức thực hiện, Người nhắc nhở: chỉ tiêu một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi,... có như thế kế hoạch mới hoàn thành tốt được.

Những tư tưởng của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, về quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bước đi và phương thức tiến hành chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đang được Đảng ta kế thừa, vận dụng và phát triển trong công cuộc đổi mới hiện nay.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con

đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một hệ thống, bao gồm các luận điểm về *bản chất, mục tiêu* và *động lực* của chủ nghĩa xã hội; về *tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ* và *các hình thức, biện pháp, bước đi* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tất nhiên, trong hoàn cảnh và điều kiện của miền Bắc những năm 60 của thế kỷ XX, khi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta chưa thực sự vận động theo những quy luật của chính nó, nên có nhiều điều Người chưa kịp nghĩ, chưa kịp làm, chưa kịp tổng kết.

Ngày nay, chúng ta đang xây dựng và đổi mới chủ nghĩa xã hội trong một bối cảnh, điều kiện trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi so với sinh thời Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, những luận điểm của Người về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cùng với toàn bộ di sản tư tưởng của Người, *vẫn là cơ sở lý luận và phương pháp luận chỉ đạo chúng ta tiếp tục suy nghĩ, sáng tạo để tìm ra những hình thức, bước đi, cách làm trong tình hình mới*, làm sống động tư tưởng Hồ Chí Minh trước một thực tiễn mới, từ đó góp phần làm phong phú thêm lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học ở thời đại ngày nay.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) đã mở ra một bước chuyển cơ bản cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Đại hội đại biểu toàn

quốc lần thứ VIII (1996) đã tổng kết chặng đường 10 năm đổi mới, rút ra những bài học kinh nghiệm lớn, xác định những chương trình, nhiệm vụ lớn đưa đất nước chuyển sang thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, biến nước ta thành một nước công nghiệp trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng là Đại hội phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu và kết quả đạt được hơn 15 năm qua đã khẳng định đường lối, chính sách đổi mới của Đảng ta là đúng đắn và đang được tiếp tục phát huy. Bên cạnh thời cơ và thuận lợi, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang đứng trước những thử thách gay gắt. Để tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới tiến lên giành những thành tựu mới, Đảng ta đang kiên trì vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm giải quyết tốt các vấn đề dưới đây:

1. Trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu bất biến mà nhân dân ta đã kiên trì phấn đấu hy sinh, theo đuổi suốt hơn 70 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bằng kinh nghiệm lịch sử của mình, nhân dân ta đã thấm thía sâu sắc lời dạy của Hồ Chí Minh, rằng "nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do

thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì". Trải qua gần một trăm năm dưới chế độ thực dân nửa phong kiến, nhân dân ta bị kìm hãm trong vòng nghèo đói, lạc hậu, đời sống vật chất và văn hoá rất thấp kém. Muốn biến đổi tình hình nghèo nàn, lạc hậu ấy, sau khi giành lại độc lập dân tộc, chúng ta không có con đường nào khác là phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được "ham muốn tột bậc" của Bác Hồ và cũng là mong muốn nghìn đời của nhân dân ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc.

Ngày nay, Đảng ta lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" cũng chính là để hoàn thành mục tiêu, lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của nhân dân ta trong một hoàn cảnh mới. Đổi mới đối với chúng ta, không bao giờ là thay đổi mục tiêu. Lợi dụng khủng hoảng, đổ vỡ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, các thế lực thù địch ở bên ngoài và một số người dao động ở trong nước đã gióng lên luận điệu lạc lõng, yêu cầu chúng ta phải từ bỏ sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa.

Nhưng nhân dân ta, qua bài học đắt giá của nước Nga và các nước Đông Âu, đã thấy rõ cái gọi là nền tự do tư sản chỉ là một cái bánh vẽ mà đằng sau nó là một thứ chủ nghĩa tư bản hoang dã đang tàn phá những giá trị tốt đẹp mà nhân dân các nước đó đã phải đổ bao công lao và xương máu để xây dựng nên, nay dù tỉnh ngộ thì cũng đã

quá muộn. Vì vậy, con đường phát triển tư bản chủ nghĩa dứt khoát không phải là sự lựa chọn của chúng ta.

Tuy nhiên, cũng phải thấy: *Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa* là sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực, *là một sự nghiệp khó khăn, phức tạp*. Kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập,... có mặt tích cực và mặt tiêu cực, mặt sáng và mặt tối. Mặt tích cực của kinh tế thị trường là thông qua các quy luật khách quan của nền sản xuất hàng hoá (quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, cạnh tranh, lưu thông tiền tệ,...) nó kích thích sản xuất phát triển, làm cho đời sống kinh tế và con người trở nên năng động, nhộn nhịp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, đào thải những yếu tố bảo thủ, thụ động của kinh tế bao cấp trước kia. Mặt tiêu cực là hàng ngày, hàng giờ nó đang đẻ ra các tệ nạn: buôn gian bán lận, lừa đảo, chạy theo đồng tiền, tham nhũng, ma túy,... nó cũng đang dẫn đến tình trạng phân hoá giàu - nghèo ngày càng tăng, tình trạng thất nghiệp, thất học, đói nghèo, bị bóc lột trở lại ở một bộ phận nhân dân lao động; nó đang làm tha hoá, biến chất một bộ phận cán bộ có chức, có quyền,... biến họ thành những phần tử phá hoại từ bên trong, thành chỗ dựa cho những âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch bên ngoài.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để có thể sử dụng các hình thức, các phương tiện của chủ nghĩa tư bản nhằm phục vụ đắc lực cho chủ nghĩa xã hội mà không đi chệch sang chủ nghĩa tư bản, vẫn giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa; làm sao cho tăng trưởng kinh tế luôn luôn đi đôi với công bằng xã hội, với sự lành mạnh về đạo đức, tinh thần? Câu trả lời

không có sẵn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng Người đã chỉ cho ta phương hướng và phương pháp suy nghĩ để tìm ra những giải pháp hữu hiệu mà không đi chệch bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội như Người đã vạch ra.

2. Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do đó cần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nguồn lực nội sinh, để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một yêu cầu có tính quy luật đối với các nước nông nghiệp lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội chưa qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản. Chúng ta phải tranh thủ thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, của điều kiện giao lưu, hội nhập quốc tế đang mở rộng để nhanh chóng biến nước ta thành một nước công nghiệp hiện đại trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Để công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành công, ta cần phát huy tất cả các nguồn lực bên trong và bên ngoài, nhưng chủ yếu vẫn phải lấy nguồn lực bên trong làm gốc, có phát huy mạnh mẽ nguồn lực trong nước mới sử dụng tốt, có hiệu quả nguồn lực bên ngoài. Phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng; phải "đem *tài* dân, *sức* dân, *của* dân làm lợi cho dân".

Tiềm lực của 78 triệu dân ta với sức lực, của cải, trí tuệ, tài năng,... thật là to lớn. Làm thế nào để khơi dậy

mạnh mẽ nguồn nội lực đó? Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, ta *phải phát huy cao độ quyền làm chủ của người dân*, tạo nên không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội. Muốn thế, phải nâng cao dân trí, bồi dưỡng văn hoá chính trị, trau dồi bản lĩnh công dân, cung cấp thông tin đúng đắn cho người dân, phải thực hiện cơ chế "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", tạo cho người dân có điều kiện tham gia giám sát công việc của Nhà nước.

Đồng thời phải *thực hiện nhất quán chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh*, trên cơ sở lấy liên minh công - nông - trí thức làm nòng cốt, tranh thủ sự đóng góp, ủng hộ của tất cả những ai tán thành đổi mới vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

3. Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Công cuộc đổi mới của nhân dân ta diễn ra vào lúc cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới đang phát triển mạnh, xu thế toàn cầu hoá đang ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển và cuộc sống của các dân tộc. Chúng ta phải ra sức tranh thủ tối đa mọi cơ hội tốt do xu thế nói trên tạo ra, phát huy hiệu lực và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phải có cơ chế, chính sách tốt để thu hút vốn đầu tư, điều chỉnh cơ cấu đầu tư nhằm khai thác và sử dụng tốt nhất các nguồn lực bên ngoài (vốn, kinh nghiệm quản lý và công nghệ hiện đại), thực hiện kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, cũng phải thấy, nói chung không có viện trợ lớn nào hoàn toàn vô tư, không kèm theo những điều

kiện nhất định. Qua cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở các nước Đông Nam Á năm 1997, người ta càng thấy rõ bàn tay của "chủ nghĩa đế quốc về kinh tế". Vì vậy, tranh thủ hợp tác phải đi đôi với thường xuyên khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc, kêu gọi toàn dân sẵn sàng đem nhân lực, vật lực, tài lực để tăng cường sức mạnh quốc gia.

Giao lưu, hội nhập đồng thời *phải không ngừng trau dồi bản lĩnh và bản sắc văn hoá dân tộc*, đặc biệt cho thanh niên. Chỉ có bản lĩnh và bản sắc dân tộc sâu sắc, mạnh mẽ mới tạo ra bộ lọc tốt để tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, đồng thời có sức đề kháng tốt để chống lại mọi yếu tố văn hoá độc hại từ bên ngoài tràn vào.

4. Xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, thực hiện cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội

Để phát huy được quyền làm chủ của người dân, trước hết cán bộ Đảng và Nhà nước, những người thừa hành công vụ phải trong sạch, liêm khiết, phải thực sự là người đầy tớ trung thành và tận tụy của dân như Bác Hồ mong muốn. Dù Đảng và Nhà nước có đường lối, chính sách đúng đắn, nhưng đội ngũ cán bộ thừa hành không tận tụy, mẫn cán, lại hà lạm, sách nhiễu, tham nhũng, cửa quyền,... thì chẳng những họ không làm cho đường lối, chính sách đó đi được vào người dân, mà có khi họ còn trở thành nguyên nhân trực tiếp gây nên những điểm nóng, có thể dẫn tới những bùng nổ xã hội không thể xem thường.

Vì vậy, bài học vô giá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh dày công giáo dục, nhắc nhở chúng ta là phải không ngừng chăm lo tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với dân, muốn thế phải quyết tâm làm trong sạch bộ máy Nhà nước, loại trừ những phần tử thoái hoá biến chất, làm cho Nhà nước ta thực sự là "của dân, do dân, vì dân". Chính tệ quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ, tác phong hách dịch, cửa quyền, lối sống xa hoa, lãng phí, thiếu đạo đức,... của một bộ phận cán bộ có chức, có quyền đã gây nên những vụ bất bình trong dân, làm đổ vỡ niềm tin của quần chúng vào tương lai của chủ nghĩa xã hội.

Sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá cũng đang kích thích lòng tham muốn vật chất và lối sống tiêu dùng trong một bộ phận cán bộ và nhân dân. Hiện nay, nước ta còn rất nghèo, làm chưa đủ ăn, chưa đủ trả nợ, Bác Hồ nói: sản xuất mà không tiết kiệm thì "như gió vào nhà trống, không lại hoàn không". Vì vậy, tiết kiệm không chỉ là một nếp sống đạo đức, nó là một chính sách kinh tế. Những kẻ xa hoa, lãng phí đều dẫn đến xâm phạm tài sản của nhân dân, do đó nó còn là vấn đề chính trị. Phải làm cho khẩu hiệu "cần kiệm xây dựng nước nhà" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào đời sống, trở thành một nét đẹp của văn hoá Việt Nam.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thực sự là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho sự nghiệp đổi mới của chúng ta hiện nay. Vấn đề là phải tiếp tục làm quán triệt những tư tưởng ấy trong cơ chế, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước; trong tổ chức và hành

động của mỗi cán bộ, đảng viên. Chỉ có bằng hiệu quả thực tế trong đổi mới kinh tế và chính trị, đem lại sự cải thiện vật chất và tinh thần cho nhân dân, chúng ta mới củng cố được trong quần chúng niềm tin mà Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Con đường tiến tới chủ nghĩa xã hội của các dân tộc là con đường chung của thời đại, của lịch sử, không ai ngăn cản nổi"[1].

1. *Sđd,* tr. 449.

CHƯƠNG IV

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xây dựng và rèn luyện Đảng Cộng sản thành một đảng cách mạng chân chính, bộ tham mưu sáng suốt và kiên cường của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, để lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong những di sản tư tưởng mà Người để lại, những luận điểm của Người về Đảng Cộng sản, về xây dựng Đảng, đặc biệt trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, là một phần cực kỳ quan trọng. Quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người nhằm chỉnh đốn và đổi mới Đảng, làm cho Đảng thật sự trong sạch vững mạnh, xứng đáng là lực lượng chính trị lãnh đạo toàn xã hội, là *một trong những nhiệm vụ chủ yếu nhất* của toàn Đảng, toàn dân ta. Đây thực sự là *vấn đề then chốt* đảm bảo thắng lợi cho công cuộc đổi mới đang được triển khai rộng khắp trên cả nước ta hiện nay.

I. NHỮNG CƠ SỞ ĐỂ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Cơ sở tư tưởng - lý luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam bắt nguồn từ học thuyết của Mác về Đảng Cộng sản và trực tiếp từ học thuyết về Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, đã được Lênin đưa ra từ những năm đầu của thế kỷ XX. Nhưng xuất phát từ những điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo học thuyết ấy để đưa đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930. Người đã nêu ra nhiều luận điểm mới, làm phong phú thêm học thuyết Mác-Lênin về Đảng Cộng sản, phát triển thêm nhiều vấn đề rất cơ bản, đặc biệt là đối với việc thành lập Đảng Cộng sản ở những nước lạc hậu vốn là thuộc địa và phụ thuộc, nơi mà trình độ kinh tế - kỹ thuật vẫn còn ở thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân còn rất nhỏ bé và những tàn tích phong kiến còn rất nặng nề, những nước mà khi sinh thời, Mác và Ăngghen chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu, còn Lênin cũng mới kịp đề cập ở một chừng mực nhất định.

Nghiên cứu một cách sâu sắc sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đến thế kỷ XIX ở Tây Âu, Mác và Ăngghen đặt sự quan tâm chủ yếu của mình vào vấn đề thành lập các Đảng Cộng sản ở những nước tư bản chủ nghĩa, mà nhiệm vụ chủ yếu là lãnh đạo giai cấp vô sản và quần chúng lao động ở các nước tư bản phát triển nhất tiến hành cách mạng vô sản - còn gọi là cách mạng xã hội chủ

nghĩa hay cách mạng cộng sản chủ nghĩa. Ở đấy giai cấp vô sản, thông qua đảng của mình là Đảng Cộng sản, lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhằm trực tiếp lật đổ chế độ tư bản để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!", đó chính là khẩu hiệu mà Mác và Ăngghen đã đề ra để định hướng cho cách mạng vô sản trên phạm vi thế giới.

Đến Lênin, khi chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, vấn đề dân tộc và thuộc địa đã được đặt ra như một vấn đề bức thiết cần được giải quyết trong phần lớn các quốc gia dân tộc trên thế giới, và chính Lênin đã nêu ra những luận điểm hết sức quan trọng để định hướng cho việc tiến hành cách mạng ở những nước thuộc địa lạc hậu và khả năng những nước này có thể đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Lênin đã bổ sung mở rộng khẩu hiệu của Mác và Ăngghen cho phù hợp với tình hình mới: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!". Phải từ những luận điểm ấy tiến hành xây dựng Đảng Cộng sản thế nào cho phù hợp, đó là nhiệm vụ của những người cách mạng ở các nước thuộc địa ở thời kỳ sau Lênin. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một trong những người cách mạng phải làm nhiệm vụ đó.

Nếu cách mạng ở các nước tư bản phát triển là cách mạng vô sản - cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì cách mạng ở các nước thuộc địa lạc hậu trước hết phải là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực chất bao gồm trong đó hai cuộc cách mạng: cách mạng giải phóng dân tộc làm nhiệm vụ phản đế để giành độc lập cho dân tộc, và cách mạng

dân chủ làm nhiệm vụ phản phong kiến, nhằm đem lại ruộng đất cho dân cày, dân chủ cho nhân dân. Nếu cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển nhằm trực tiếp giải phóng giai cấp vô sản, từ đó giải phóng cho các tầng lớp nhân dân lao động khác và giải phóng con người, thì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở các nước thuộc địa lạc hậu lại nhằm trước hết giải phóng dân tộc, từ đó đi đến giải phóng xã hội (tức giải phóng giai cấp) và giải phóng con người. Ở đây quyền lợi giai cấp gắn liền với quyền lợi dân tộc, phải phục tùng quyền lợi dân tộc, ở đây vấn đề dân tộc và vấn đề dân chủ phải được giải quyết trên lập trường cách mạng triệt để của giai cấp vô sản.

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc rằng cứu nước là sự nghiệp của nhiều người, của đông đảo quần chúng nhân dân, của cả dân tộc, chứ không thể là công việc của một vài người, của một nhóm người, cũng không phải của riêng một giai cấp nào. Phải có tổ chức chính trị vững mạnh đứng ra lãnh đạo, tổ chức quần chúng thì cách mạng mới có thể tiến hành, hơn nữa mới gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, nhằm làm cho cuộc đấu tranh ngày càng mở rộng, ngày càng mạnh mẽ, ngày càng giành được thắng lợi nhiều hơn, lớn hơn, để đi đến thắng lợi cuối cùng. Do đó, trước khi đến được với chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm thấy con đường cứu nước, hiểu được học thuyết Mác-Lênin về Đảng Cộng sản, Người đã liên kết với những người Việt Nam yêu nước ở Pháp và ngày càng mở rộng sự liên kết ấy trong "*Hội những người Việt Nam yêu nước*", mà những nhân vật chính lúc đó là Phan Chu Trinh,

Phan Văn Trường. Bản *Yêu sách* 8 điểm được ký tên Nguyễn Ái Quốc, gửi Hội nghị hoà bình Vécxây năm 1919 mới chỉ là một sự thăm dò để chuẩn bị cho một thời kỳ đấu tranh mới. Cũng trong năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp, với lý do như Người nói: Chỉ vì đây là tổ chức duy nhất bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đây là những bước đầu tiên của Người, để đi vào một cuộc đấu tranh có ý thức, có tổ chức, một cuộc đấu tranh chính trị thực sự.

Tháng 7 - 1920, được đọc tác phẩm của V.I. Lênin *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa*, đăng trên báo *L'Humanité (số ra ngày 16 và 17),* Người đã tìm thấy ở đây con đường giải phóng của các dân tộc thuộc địa. Bản *Luận cương* đã giải đáp tất cả những điều Người trăn trở trong suốt mười năm đi tìm đường cứu nước. Từ đó, Người ra sức tìm hiểu về Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga, tìm hiểu về chủ nghĩa Mác, càng hăng say hoạt động trong phong trào đấu tranh của công nhân và lao động Pháp, ủng hộ nước Nga cách mạng chống lại sự can thiệp của 14 nước tư bản đế quốc muốn bóp chết Nhà nước Xôviết non trẻ. Cuối tháng 12 - 1920, Người đã tán thành Quốc tế III và là người dân thuộc địa duy nhất tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là sự phát triển logic tất yếu của tư duy Nguyễn Ái Quốc. Đây cũng là bước chuyển căn bản của Người kết thúc mười năm *tìm đường* cứu nước để bước vào một thời kỳ mới - thời kỳ xác lập một đường lối cách mạng mới phù hợp với xu thế chung của thời đại, thời kỳ thức tỉnh dân

tộc và đưa dân tộc đi theo con đường cách mạng đúng đắn, thời kỳ chuẩn bị tích cực cho việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Việt Nam, thời kỳ *dẫn đường* cho cả dân tộc đi đến thắng lợi của sự nghiệp giải phóng và phát triển.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm 20 của thế kỷ XX, đã có hàng loạt Đảng Cộng sản được thành lập ở các nước và gia nhập Quốc tế III. Riêng ở châu Á và khu vực Đông Nam Á, nhiều Đảng Cộng sản đã ra đời: năm 1920 - Đảng Cộng sản Inđônêxia; năm 1921 - Đảng Cộng sản Trung Quốc; năm 1922 - Đảng Cộng sản Nhật Bản; năm 1925 - Đảng Cộng sản Triều Tiên; năm 1928 - Đảng Cộng sản Ấn Độ (tiền thân của nó là Đảng Công - Nông toàn Ấn Độ); năm 1928 - Đảng Cộng sản Thái Lan... Nguyễn Ái Quốc đã có quan hệ với nhiều nhà cách mạng, nhiều chiến sĩ cộng sản ở các nước đó, nhưng để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã dốc sức chuẩn bị chu đáo về mặt chủ quan, cũng như thúc đẩy các điều kiện khách quan đi đến chín muồi. Người tiếp tục đi sâu tìm hiểu về chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lênin, về chế độ Xôviết mới ra đời, không phải gián tiếp mà còn trực tiếp trên đất nước đã làm cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới. Người mở rộng sự liên kết với những người Việt Nam yêu nước, với những người cách mạng ở các nước thuộc địa, đồng thời tham gia vào nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản. *Hội Liên hiệp thuộc địa* được tổ chức ở Pari năm 1921, cũng như *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức* được tổ chức ở Quảng Châu năm 1925 đã là *những tổ chức quốc tế đầu tiên của phong*

trào giải phóng dân tộc, mà Nguyễn Ái Quốc vừa là một trong những người khởi xướng, vừa là người tổ chức lãnh đạo chủ yếu nhất.

Như vậy là từ một người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một người cộng sản, một chiến sĩ quốc tế của phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc. Người đã kết hợp chặt chẽ các vấn đề dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản không phải chỉ ở nhận thức lý luận mà còn ở trong hoạt động cách mạng thực tiễn rất phong phú. Ở Nguyễn Ái Quốc, những vấn đề này gắn bó hoà quyện với nhau, không phải chỉ về mặt lý trí, mà còn cả về mặt tình cảm sâu sắc thủy chung, truyền vào cho những người cách mạng Việt Nam, từ đó nhân lên gấp bội khả năng và lực lượng cách mạng, không ngừng đưa phong trào cách mạng tiến lên phía trước.

Trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc đã xác định được đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, chấm dứt sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối mà những người đi trước đã không giải quyết được. Việc thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* - tổ chức tiền thân đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cho việc chuẩn bị về cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức để xây dựng Đảng sau này. Đây là sự kiện hoàn toàn khác với những tổ chức chính trị khác, cũng nhằm mục tiêu chống đế quốc thực dân đã có ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến lúc đó. Nó cũng không giống với hầu hết các Đảng Cộng sản khác trong quá trình thành lập của mình. Thông qua tổ chức tiền thân Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, có Cộng

sản đoàn làm nòng cốt, Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện một nhiệm vụ rất quan trọng là đào tạo bồi dưỡng lớp cán bộ đầu tiên theo chủ nghĩa Mác-chủ nghĩa Lênin và đường lối cách mạng mới, làm một cách khẩn trương, công phu, phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam. Bằng cách mở những lớp huấn luyện ngắn ngày tại Quảng Châu từ năm 1925 đến năm 1927, cũng như chọn người gửi vào học Trường Quân sự Hoàng Phố ở Quảng Châu và trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva, để sau đó trở về Việt Nam, hoạt động trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân khác, *làm cho phong trào từ tự phát trở thành tự giác*. Đây hoàn toàn không phải là sự áp đặt những tư tưởng cách mạng từ bên ngoài vào Việt Nam, mà chính là sự gặp gỡ của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam với tư tưởng cách mạng tiên tiến nhất của thời đại. Ngay từ năm 1921, khi viết bài Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã nhận định: "Không: *người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi*. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến.

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi:

Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"[1]. Chính Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên đã gieo những hạt giống của chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội lên mảnh đất cách mạng Việt Nam đã được chuẩn bị sẵn sàng.

Như vậy là, trong thời kỳ chuẩn bị để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp những người yêu nước tiêu biểu nhất vào trong một tổ chức, mà như Người đã nói, giống như "quả trứng, mà từ đó, nở ra con chim non cộng sản"[2], một tổ chức lúc đầu còn nhỏ bé nhưng sẽ là "cơ sở cho một đảng lớn hơn"[3]. Trong tổ chức đó, Người đã *giác ngộ họ về chủ nghĩa Mác - chủ nghĩa Lênin và đường lối cách mạng mới*, để từ đó truyền bá vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - chủ nghĩa Lênin được Nguyễn Ái Quốc đưa vào Việt Nam không phải bằng con đường kinh viện, sách vở, mà bằng sự kết hợp chặt chẽ với thực tiễn cách mạng Việt Nam, với tất cả những gì cần thiết và phù hợp với cách mạng Việt Nam.

Việc xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam từ giữa năm 1929 đến đầu năm 1930 (*Đông Dương cộng sản đảng* ở Bắc kỳ tháng 6-1929, *An Nam cộng sản đảng* ở Nam kỳ tháng 8-1929, *Đông Dương cộng sản liên đoàn* ở Trung kỳ tháng 1-1930), trong lúc Nguyễn Ái Quốc không có mặt ở Quảng Châu, càng không có mặt ở Việt Nam, hiển nhiên không phải là do ý muốn chủ quan

---

1. *Sđd,* t. 1, tr. 28.
2, 3. *Sđd,* t. 3, tr. 13, 35.

của Nguyễn Ái Quốc, mà chính là do phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân trong nước đã dâng cao, đã có chuyển biến về ý thức, và những người cách mạng ở trong nước đã thấy rằng tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên không còn đáp ứng được yêu cầu của tình hình, cần phải có Đảng Cộng sản thay cho hội đó. Nhưng ở trong một nước không thể cùng tồn tại ba tổ chức cộng sản có cùng mục tiêu, lý tưởng, vì như vậy không thể thống nhất được đường lối và hoạt động, không thể thống nhất được sự lãnh đạo đối với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc. Nguyễn Ái Quốc đã xuất hiện đúng lúc để thống nhất ba tổ chức cộng sản đó thành *Đảng Cộng sản Việt Nam* vào ngày 3 - 2 - 1930, đáp ứng đòi hỏi bức thiết mà cách mạng Việt Nam đang đặt ra. Bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam đã được mở ra từ đó.

II. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CHỦ YẾU CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như truyền thống của dân tộc, Hồ Chí Minh đã khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nhưng quần chúng nhân dân phải được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo theo một đường lối đúng đắn thì mới trở thành lực lượng to lớn, như nhiều chiếc đũa bó thành một bó, chứ không phải "mỗi chiếc một nơi", như

con thuyền phải có người cầm lái vững vàng theo một phương hướng đúng đắn thì thuyền mới vượt qua được gió to sóng cả để đi đến bờ đến bến. Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề: "**Cách mạng trước hết phải có cái gì?**

Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"[1].

Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, ở Việt Nam đã xuất hiện nhiều phong trào yêu nước, nhiều tổ chức chính trị đấu tranh chống thực dân Pháp: Văn Thân, Cần Vương, Nghĩa quân Yên Thế, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Việt Nam Quang phục hội, Tâm tâm xã, Việt Nam quốc dân Đảng... Các phong trào, các tổ chức ấy đã để lại nhiều trang sử vẻ vang, nhiều tấm gương oanh liệt thôi thúc tinh thần đấu tranh của nhân dân cả nước. Nhưng vì bị hạn chế trong khuôn khổ của ý thức hệ phong kiến hay tư sản, tiểu tư sản mà thời đại đã vượt qua, tất cả đã không đưa ra được một sự phân tích đúng đắn về kinh tế-xã hội, về giai cấp, đặc biệt là về giai cấp công nhân và giai cấp nông dân trong cách mạng Việt Nam, về mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới... Do đó đã không đề ra được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, làm cho cách mạng vẫn như đi trong đêm tối mà chưa biết đường ra, không tập hợp và phát huy được lực lượng to lớn của cả dân tộc, không gắn

---

1. *Sđd,* t. 2, tr. 267-268.

được cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, khiến cho mọi cuộc đấu tranh đều bị thất bại.

Trực tiếp tham gia phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin phân tích đúng đắn tình hình kinh tế - xã hội và giai cấp ở Việt Nam, thấy rõ được vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, từ đó rút ra những kết luận rất mới mẻ, đặc biệt là về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Đây chính là cơ sở tư tưởng và lý luận để đi tới xác định được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn.

Như Hồ Chí Minh đã khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, có khả năng đoàn kết,"tập hợp", "lôi kéo" các tầng lớp nhân dân khác đứng lên làm cách mạng. Đây "là đội tiền phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc". Hơn nữa, nó còn phải là "đội tiên phong dũng cảm và đội tham mưu sáng suốt", để xứng đáng với vai trò lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ lịch sử mới. Bao giờ Đảng cũng "tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân", "trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc", "ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác". Đó là độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, ấm no hạnh phúc cho mỗi con người, xây dựng đất nước giàu mạnh đi lên chủ nghĩa xã hội, sống hoà bình hữu nghị với tất cả các dân tộc khác.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước

Xuất phát từ tình hình ở các nước tư bản, trước kia Lênin đã nêu ra luận điểm Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. Trong tác phẩm *Những người bạn dân là thế nào?*(1894) Lênin đã đi tới kết luận: "Khi những đại biểu tiên tiến của giai cấp đó (giai cấp công nhân) đã thấm nhuần được những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng về vai trò lịch sử của công nhân Nga, khi các tư tưởng đó đã được phổ biến rộng rãi và khi mà trong hàng ngũ công nhân đã lập ra được các tổ chức vững chắc có thể biến cuộc chiến tranh kinh tế phân tán hiện nay của công nhân thành một cuộc đấu tranh giai cấp tự giác, thì lúc đó **NGƯỜI CÔNG NHÂN** Nga, đứng đầu tất cả các phần tử dân chủ, sẽ đạp đổ được chế độ chuyên chế và đưa **GIAI CẤP VÔ SẢN NGA** (sát cánh với giai cấp vô sản trong **TẤT CẢ CÁC NƯỚC**), *thông qua con đường trực tiếp đấu tranh chính trị công khai,* tiến tới **CÁCH MẠNG CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA THẮNG LỢI**"[1].

Xuất phát từ tình hình Việt Nam đang là một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, Hồ Chí Minh thấy rằng việc ra đời của Đảng Cộng sản ở đây, nếu chỉ kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1974, t. 1, tr. 385-386.

công nhân thì chưa đủ, vì giai cấp công nhân còn nhỏ bé, phong trào công nhân còn non yếu. Do đó phải kết hợp cả với phong trào yêu nước rộng lớn của các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân; phong trào này đã diễn ra liên tiếp, từ rất lâu trước khi có giai cấp công nhân và phong trào công nhân. Khái quát về quy luật đặc thù của việc ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã viết: "Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930"[1]. Điều này thể hiện hai mặt gắn bó với nhau rất chặt chẽ ở Hồ Chí Minh: *một là,* phải nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin; *hai là,* phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, hiểu rõ phong trào cách mạng Việt Nam để vận dụng sáng tạo, hơn nữa còn bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin. Nếu không nắm được cái kim chỉ nam do một học thuyết cách mạng và khoa học đem lại hoặc bị cầm tù bởi một thứ chủ nghĩa giáo điều xơ cứng thì không thể làm được việc đó.

Yêu nước là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam đã có từ lâu đời. Mỗi khi đất nước bị ngoại xâm, phong trào yêu nước đều dâng cao, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân, toàn thể dân tộc đứng lên chống kẻ thù chung để giành lại và bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời sau khi thực dân Pháp thiết lập nền thống trị của chúng trên đất nước ta,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 10, tr. 8.

nhất là qua hai lần khai thác thuộc địa. Phong trào công nhân mới phát triển từ những năm 20 của thế kỷ XX. Trong một nước thuộc địa, kinh tế lạc hậu như Việt Nam, phong trào yêu nước vẫn là phong trào rộng lớn nhất, lôi cuốn giai cấp nông dân chiếm trên 90% dân số. Tham gia phong trào yêu nước còn có những giai cấp và tầng lớp khác: giai cấp tiểu tư sản, tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc, những nhân sĩ yêu nước, một bộ phận quan lại phong kiến có tinh thần dân tộc chống đế quốc thực dân. Đây là điều khác biệt, không giống với các nước phương Tây. Ở đây phong trào công nhân dù có tiên tiến nhất, nhưng nếu không gắn bó với phong trào yêu nước, trở thành nòng cốt của phong trào yêu nước, thì cũng không mở rộng được cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi.

Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội, từ giác ngộ dân tộc đi đến giác ngộ giai cấp, kết hợp giác ngộ dân tộc với giác ngộ giai cấp trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, đó là con đường Hồ Chí Minh đã đi. Đó cũng là con đường những người cộng sản Việt Nam đã đi. Đây cũng là điểm khác biệt so với những người cộng sản ở các nước đã có chế độ tư bản chủ nghĩa.

Từ luận điểm trên đây của Hồ Chí Minh còn thấy rõ sự gắn bó vấn đề giai cấp và dân tộc mà Người đặt ra ngay trong việc thành lập Đảng, trong việc định hướng đúng đắn và thúc đẩy phong trào cách mạng. Ở một nước thuộc địa, chủ nghĩa Mác-Lênin phải được truyền bá vào phong trào công nhân, đồng thời vào phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân đông đảo, có như vậy nó mới có thể cắm

rễ vào mảnh đất hiện thực, mới có được sức sống mạnh mẽ và bền vững.

Từ đó dẫn tới hệ luận sau đây: không phải mọi người yêu nước đều là cộng sản, nhưng việc tiếp nhận đường lối của Đảng Cộng sản lại là điều kiện cần thiết để xác định được mục tiêu yêu nước đúng đắn; còn mỗi người cộng sản trước hết phải là người yêu nước, hơn nữa phải là người yêu nước tiêu biểu, phải thường xuyên truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, quan điểm đường lối của Đảng trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước, lãnh đạo công nhân và quần chúng nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng.

Ngay đối với cách mạng ở các nước tư bản phát triển, như Mác và Ăngghen đã nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* giai cấp công nhân cũng không thể xa rời dân tộc, mà "phải tự vươn lên trở thành giai cấp dân tộc", “tự mình trở thành dân tộc” thì mới đưa cách mạng đến thắng lợi ngay trên Tổ quốc mình. Hồ Chí Minh càng hiểu ý nghĩa quan trọng của luận điểm đó đối với cách mạng ở các nước thuộc địa. Vì vậy, ngay từ đầu, Người đã thấy phải gắn bó chặt chẽ phong trào công nhân với phong trào yêu nước, phải nắm lấy vũ khí sắc bén là chủ nghĩa Mác-Lênin và ngọn cờ dân tộc. Đảng Cộng sản là Đảng của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc, để cả dân tộc thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng, biến đường lối của Đảng thành những thắng lợi ngày càng to lớn của cách mạng.

Chính với tinh thần ấy, Nguyễn Ái Quốc đã xác định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam khi thành lập, ngày

3 - 2 - 1930. Nhưng sau đó, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, tên Đảng lại được đổi là Đảng Cộng sản Đông Dương. Qua nhiều bước quanh co của lịch sử, đến năm 1951, Đảng ra công khai nhưng không còn cái tên chung là Đảng Cộng sản Đông Dương nữa. Ở Việt Nam, đó là Đảng Lao động Việt Nam; sau đó ở Lào thành lập Đảng Nhân dân cách mạng Lào và ở Campuchia thành lập Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia. Đến năm 1976, Đảng Lao động Việt Nam mới trở lại cái tên lúc đầu đã được Nguyễn Ái Quốc xác định.

Dù cho đã có lúc Nguyễn Ái Quốc bị hiểu lầm, bị đánh giá là nặng về dân tộc, nhẹ về giai cấp, là người dân tộc chủ nghĩa, nhưng thực tiễn phong trào cách mạng Việt Nam cũng như phong trào cách mạng thế giới đã kiểm nghiệm và chứng minh luận điểm của Người về việc gắn Đảng với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, gắn giai cấp với dân tộc là hoàn toàn đúng đắn. Sự gắn bó ấy không phải chỉ là vấn đề của các nước thuộc địa đang phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, mà còn là vấn đề của tất cả các nước đi vào cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, những nước mà nhiều người cho rằng ở đấy vấn đề dân tộc không còn là vấn đề nữa. Thực tiễn cho thấy, đối với mỗi quốc gia, vấn đề dân tộc là vấn đề vô cùng phức tạp, không phải giải quyết một lần, hay chỉ trong một thời gian ngắn là xong.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam - "Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam"

Từ luận điểm phải kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với

phong trào công nhân và phong trào yêu nước để hình thành Đảng Cộng sản, Hồ Chí Minh còn đi đến kết luận: Đảng Cộng sản Việt Nam là *Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam*. Đây cũng là luận điểm mới của Hồ Chí Minh, bổ sung vào học thuyết về Đảng Cộng sản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951), khi đất nước đang tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Người đã khẳng định: "Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"[1].

Khi Miền Bắc đã chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa một số năm, năm 1961, luận điểm đó vẫn được Người nhắc lại: "Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị"[2].

Luận điểm đó đã định hướng cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng có sự gắn bó máu thịt với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc trong mọi giai đoạn, mọi thời kỳ phát triển của cách mạng Việt Nam. Tuyệt đại đa số những người dân Việt Nam, dù là đảng viên hay không phải đảng viên, dù thuộc giai tầng nào, đều cảm thấy Đảng Cộng sản Việt Nam là *Đảng của Bác Hồ, là Đảng của mình*, tự hào với

---

1. *Sđd,* t. 6, tr. 175.
2. *Sđd,* t. 10, tr. 467.

niềm tự hào của Đảng và thấy mình có trách nhiệm trong việc xây dựng Đảng. Và đó cũng chính là niềm vinh dự, tự hào lớn nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, là một cội nguồn tạo nên sức mạnh của Đảng, điều mà không phải Đảng Cộng sản nào cũng có được. Phải có một lãnh tụ vĩ đại là Hồ Chí Minh, một Đảng gắn bó máu thịt với nhân dân, lấy việc phụng sự cho quyền lợi của giai cấp, của nhân dân, của toàn thể dân tộc làm mục tiêu cao nhất mới đem lại được niềm vinh dự, tự hào to lớn đó.

Khi nói Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời là Đảng của dân tộc hoàn toàn không có nghĩa là không thấy rõ bản chất giai cấp của Đảng. Đó là *bản chất giai cấp công nhân*, giai cấp duy nhất gánh vác sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, giai cấp không những chỉ đại diện cho hiện tại mà còn cho cả tương lai của đất nước. Giai cấp nông dân, tuy chiếm số đông nhất trong dân cư và có tinh thần cách mạng rất cao, nhưng do tính phân tán, tư hữu của những người sản xuất nhỏ, do hệ tư tưởng nông dân chỉ tiêu biểu cho những gì đã qua chứ không phải những gì sẽ đến, nên không thể đóng vai trò lãnh đạo cách mạng. Chỉ có chịu sự lãnh đạo và đi theo đường lối của Đảng của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân mới trở thành đồng minh tin cậy của giai cấp công nhân, trở thành lực lượng to lớn nhất của cách mạng, mới giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh để giải phóng cho mình và cho toàn thể dân tộc. Đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác càng không thể đảm đương được vai trò lãnh đạo cách mạng. Điều này đã được Hồ Chí Minh phát hiện từ rất sớm, đây không còn là

vấn đề tranh cãi về mặt lý thuyết, mà đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm. Ngay từ những bước đầu tiếp thu học thuyết cách mạng và khoa học của Mác-Lênin, Người đã nêu rõ vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời phê phán những quan điểm sai trái như không thấy rõ vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, hoặc chỉ thiên về công nông mà không thấy rõ vai trò của các tầng lớp giai cấp khác, cùng với công nông tạo thành sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân.

Cái quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng không phải chỉ ở số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân, mà cơ bản là ở nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin; ở mục tiêu, đường lối của Đảng thực sự vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người; ở vấn đề Đảng nghiêm túc tuân thủ những nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Do đó, Đảng không phải chỉ kết nạp những người ưu tú trong giai cấp công nhân, mà còn kết nạp cả những người ưu tú trong giai cấp nông dân, trong tầng lớp lao động trí óc, và những người thuộc các thành phần khác đã được rèn luyện, thử thách, đã giác ngộ về Đảng và tự nguyện chiến đấu trong hàng ngũ của Đảng. Mặt khác, Đảng đặc biệt chú ý đến việc giáo dục, rèn luyện đảng viên không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác-Lênin, nâng cao giác ngộ về giai cấp và dân tộc.

Quán triệt tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã nêu: “Khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, chúng ta

không tách rời Đảng và giai cấp với các tầng lớp nhân dân lao động khác, với toàn thể dân tộc. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã mang trong mình tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Chính lập trường và lợi ích giai cấp công nhân đòi hỏi trước hết phải giải phóng dân tộc. Đảng tìm thấy nguồn sức mạnh không chỉ ở giai cấp công nhân mà còn ở các tầng lớp nhân dân lao động, ở cả dân tộc. Cũng từ đó nhân dân lao động và cả dân tộc đã thừa nhận Đảng ta là người lãnh đạo, người đại biểu chân chính cho quyền lợi cơ bản và thiết thân của mình"[1].

4. Đảng Cộng sản Việt Nam phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin "làm cốt"

Trong *Đường Kách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã mở đầu bằng một câu theo ý của Lênin: "Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động...Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, Đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong"[2]. Người cũng chỉ rõ: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[3]. Đến thời điểm lúc đó, Người đã tìm thấy lý luận cách mạng tiền phong ở chủ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.128.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 2, tr. 259.

3. *Sđd,* tr. 268.

nghĩa Lênin: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[1]. Đương nhiên, những nhận định và đánh giá đó cũng là nhận định và đánh giá của Người đối với chủ nghĩa Mác-Lênin: "... phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin"[2]. Đây chính là *học thuyết về sự giải phóng* giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và giải phóng con người. Đây cũng chính là *học thuyết về sự phát triển* xã hội lên một hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội, một hình thái cao hơn, tốt đẹp hơn so với hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, một hình thái không những xoá bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, bất công, mà còn xoá bỏ mọi nguồn gốc đẻ ra áp bức, bóc lột, bất công giữa con người với con người. Nhờ lý luận ấy, Người đã tìm thấy con đường cứu nước, đã xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và trang bị cho Đảng vũ khí tinh thần để Đảng làm tròn vai trò tiền phong, vai trò lãnh đạo cách mạng.

Viết về vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với Đảng ta, Hồ Chí Minh đã khẳng định nó "là lực lượng tư tưởng hùng mạnh chỉ đạo Đảng chúng tôi, làm cho Đảng chúng tôi có thể trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc chúng tôi"[3].

Lấy chủ nghĩa Mác-Lênin "*làm cốt*" không có nghĩa là

1, 2. *Sđd,* tr. 268, 280.

3. *Sđd,* t. 7, tr. 517.

giáo điều theo từng câu, từng chữ của Mác, của Lênin, mà như Hồ Chí Minh nói, là nắm vững *tinh thần* của chủ nghĩa Mác-Lênin, nắm vững *lập trường, quan điểm và phương pháp* của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời tiếp thu những tinh hoa của văn hoá dân tộc và nhân loại, tham khảo những kinh nghiệm của các nước, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam để định ra đường lối, chính sách đúng đắn cho cách mạng. Với tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, Hồ Chí Minh đã nêu lên một chuẩn mực cho mọi người cách mạng về sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin để giải quyết thành công những vấn đề mà cách mạng Việt Nam cũng như cách mạng thế giới đặt ra.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xây dựng theo những nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản

Đây chính là những nguyên tắc mà Lênin đã đề ra, để phân biệt với những đảng cơ hội của Quốc tế II, những đảng đã biến thành tôi tớ của giai cấp tư sản, phản bội lại chủ nghĩa Mác và quyền lợi của giai cấp vô sản.

Nếu khái quát những luận điểm của Hồ Chí Minh, có thể thấy Người đã đề cập những nguyên tắc xây dựng Đảng sau đây:

***Một là** tập trung dân chủ.*

Đây là nguyên tắc cơ bản nhất để xây dựng Đảng Cộng sản thành một tổ chức chiến đấu chặt chẽ, vừa phát huy sức mạnh của mỗi người, vừa phát huy sức mạnh của tất cả những ai đã tự nguyện gắn bó với nhau trong một tổ

chức. Nó không biến Đảng thành một câu lạc bộ để mọi người có thể vào ra tuỳ tiện, hoặc vào Đảng nhưng chỉ nói mà không làm, hoặc mỗi người làm một phách, rốt cuộc triệt tiêu sức mạnh của cả tổ chức và của mỗi người. Vì vậy, Hồ Chí Minh gọi *tập trung dân chủ là* ***nguyên tắc tổ chức của Đảng***.

Theo Hồ Chí Minh, dân chủ và tập trung là hai mặt có quan hệ gắn bó và thống nhất với nhau trong một nguyên tắc. Dân chủ để đi đến tập trung, là *cơ sở* của tập trung, chứ không phải là dân chủ theo kiểu phân tán, tuỳ tiện, vô tổ chức. Tập trung là tập trung trên cơ sở dân chủ, chứ không phải tập trung quan liêu theo kiểu độc đoán chuyên quyền.

Về tập trung, Người nhấn mạnh: Phải thống nhất về tư tưởng, tổ chức, hành động. Do đó, thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, mọi đảng viên phải chấp hành vô điều kiện nghị quyết của Đảng. Từ đó làm cho "Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người"[1].

Còn dân chủ, như Người đã phân tích, đó là "của quý báu nhất của nhân dân", là thành quả của cách mạng. Người đã viết: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người.

Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân

---

1. *Sđd,* t. 5, tr. 553.

lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hoá ra *quyền tự do phục tùng chân lý*"[1].

Người đặc biệt nhấn mạnh đến việc thực hiện và phát huy dân chủ nội bộ, vì nếu không có dân chủ nội bộ thì sẽ làm cho "nội bộ của Đảng âm u". Trong tình hình ấy, tập trung không tạo nên sức mạnh của Đảng, bởi lẽ Đảng đã bị suy yếu từ bên trong, như vậy sớm muộn cũng không còn là Đảng Cộng sản. Hơn nữa còn phải thấy rằng có dân chủ trong Đảng, mới có thể nói đến dân chủ trong xã hội, mới định hướng cho việc xây dựng một chế độ dân chủ triệu lần dân chủ hơn chế độ tư bản chủ nghĩa.

Hai là *tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.*

Theo Hồ Chí Minh, đây là ***nguyên tắc lãnh đạo của Đảng.*** Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người đã phân tích rất rõ về nguyên tắc này: một người dù tài giỏi đến mấy cũng không thể thấy hết mọi mặt của một vấn đề, càng không thể thấy hết được mọi việc, hiểu hết được mọi chuyện. Vì vậy, cần phải có nhiều người cùng tham gia lãnh đạo. Nhiều người thì nhiều kiến thức, người thấy mặt này, người thấy mặt kia, do đó hiểu được mọi mặt, mọi vấn đề. Ý nghĩa tập thể lãnh đạo rất đơn giản: "dại bầy hơn khôn độc".

Về cá nhân phụ trách, Người chỉ rõ việc gì đã được tập thể bàn bạc kỹ lưỡng, kế hoạch đã được định rõ thì cần giao cho một người phụ trách, nếu giao cho một nhóm người thì cũng cần có một người phụ trách chính. Như thế công việc mới chạy, như thế mới tránh được thói dựa dẫm,

---

1. *Sđd,* t. 8, tr. 216.

người này ỷ vào người kia, ỷ vào tập thể. Không xác định rõ cá nhân phụ trách, thì giống như "nhiều sãi không ai đóng cửa chùa".

Đối với nguyên tắc này, Người đã kết luận: "Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc.

Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc.

Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau"[1].

Liên hệ với vấn đề dân chủ tập trung, Người đã có một sự giải thích rất mới mẻ:

"Tập thể lãnh đạo là *dân chủ*.

Cá nhân phụ trách là *tập trung*.

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là *dân chủ tập trung*"[2].

***Ba là** tự phê bình và phê bình.*

Lênin đề ra nguyên tắc *phê bình và tự phê bình* để xây dựng một Đảng kiểu mới.

Hồ Chí Minh rất coi trọng nguyên tắc này. Người coi đây là ***nguyên tắc sinh hoạt của Đảng,*** là ***luật phát triển của Đảng***. Có khi Người nói phê bình và tự phê bình, có khi Người nói tự phê bình và phê bình, nhưng thường đặt *tự phê bình **lên trước** phê bình,* vì Người cho rằng mỗi đảng viên trước hết tự mình phải thấy rõ mình, để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, cũng giống như phải tự soi gương rửa mặt hàng ngày. Hơn nữa, nếu

---

1, 2. *Sđd,* t. 5, tr. 505.

biết tự phê bình tốt thì mới phê bình người khác tốt được.

Người nhấn mạnh: "Muốn đoàn kết chặt chẽ trong Đảng, ắt phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình"[1]. Người xem tự phê bình và phê bình là vũ khí để rèn luyện đảng viên, nhằm làm cho mỗi người tốt hơn, tiến bộ hơn và tăng cường đoàn kết nội bộ hơn. Đó cũng là vũ khí để nâng cao trình độ lãnh đạo của Đảng, để Đảng làm tròn sứ mệnh lãnh đạo cách mạng, làm tròn trách nhiệm trước giai cấp và dân tộc. Người đã thẳng thắn vạch rõ: "Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"[2].

Nhưng thực hiện tự phê bình và phê bình thật đúng đắn, nghiêm túc không phải là việc dễ dàng. Tự phê bình và phê bình không những là một vấn đề của khoa học cách mạng, mà còn là của nghệ thuật cách mạng, vì vậy Người lưu ý cán bộ, đảng viên và các cấp bộ Đảng từ trên xuống dưới không những phải "*luôn luôn dùng*" mà còn "*khéo dùng* cách phê bình và tự phê bình"[3]; cán bộ càng cao, trách nhiệm càng lớn, càng phải gương mẫu tự phê bình và phê bình. Muốn thực hiện tốt nguyên tắc này, đòi hỏi mỗi người phải trung thực, chân thành với bản thân

---

1. *Sđd,* t. 7, tr. 492.
2, 3. *Sđd,* t. 5, tr. 261, 265.

mình cũng như với người khác, “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”[1]. Người đã phê phán những thái độ lệch lạc, sai trái thường xảy ra trong tự phê bình và phê bình như thiếu trung thực, che giấu khuyết điểm của bản thân, sợ phê bình, không dám phê bình, nể nang né tránh, dĩ hoà vi quý, hoặc ngược lại lợi dụng phê bình để nói xấu, bôi nhọ, vùi dập, đả kích người khác...

***Bốn là** kỷ luật nghiêm minh và tự giác.*

Đây cũng là một nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, do Lênin đề ra, để phân biệt với các Đảng kiểu cũ của Quốc tế II. Cùng với nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc kỷ luật nghiêm minh và tự giác làm cho Đảng thực sự là một tổ chức chiến đấu chặt chẽ để giành thắng lợi cho sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh rất coi trọng việc xây dựng một kỷ luật nghiêm minh và tự giác trong Đảng để tạo nên sức mạnh to lớn của Đảng: Sức mạnh vô địch của Đảng là ở tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức nghiêm minh của cán bộ, đảng viên. Nghiêm minh là thuộc về tổ chức Đảng, vì đó là kỷ luật đối với mọi cán bộ, đảng viên, không phân biệt cán bộ lãnh đạo cao hay thấp, là cán bộ lãnh đạo hay đảng viên thường, mọi cán bộ, đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng. Tự giác là thuộc về mỗi cá nhân cán bộ, đảng viên đối với Đảng, một tổ chức của những người tự nguyện đứng trong một hàng ngũ để cùng chiến đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nếu việc vào

---

1. *Sđd,* t. 12, tr. 498.

Đảng không phải là việc ép buộc đối với bất cứ đảng viên nào, thì việc tuân thủ kỷ luật của Đảng cũng như vậy. Đúng như Hồ Chí Minh đã nói: "Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng"[1].

Yêu cầu cao nhất của kỷ luật Đảng là chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tuân thủ các nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt Đảng, các nguyên tắc xây dựng Đảng. Có như vậy, Đảng mới là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Nếu không có kỷ luật, không thống nhất về tư tưởng và hành động, "Đảng sẽ xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bế tắc".

Từ việc phải tuân thủ kỷ luật của Đảng, mỗi đảng viên dù ở cương vị nào, mỗi cấp uỷ dù ở cấp bộ nào cũng phải nghiêm túc chấp hành kỷ luật của các đoàn thể và pháp luật của Nhà nước, tuyệt đối không ai được cho phép mình coi thường, thậm chí đứng trên tất cả. Về vấn đề này, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: "mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng"[2]. Ý thức kỷ luật đó là ý thức của giai cấp công nhân, ý thức của Đảng của giai cấp công nhân. Việc đề cao ý thức kỷ luật đó đối với mọi cán bộ, đảng viên từ trên xuống dưới chỉ làm tăng thêm uy tín của Đảng; ngược lại, nếu ý thức kỷ luật đó càng thấp, nếu cán bộ, đảng viên càng có nhiều vi phạm kỷ cương phép

1. *Sđd,* t. 5, tr. 250.
2. *Sđd,* t. 6, tr. 167.

nước, tự cho mình là người lãnh đạo, coi thường kỷ luật của các đoàn thể nhân dân, thì uy tín của Đảng càng giảm thấp, càng đưa đến những nguy cơ cho Đảng.

Năm là đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ, toàn Đảng phải đoàn kết thành một khối vững chắc, toàn Đảng phải thống nhất ý chí và hành động, mọi đảng viên phải bảo vệ sự đoàn kết thống nhất của Đảng như bảo vệ con ngươi của mắt mình - đây là một nguyên tắc quan trọng của Đảng kiểu mới của Lênin.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng cũng như khối đại đoàn kết toàn dân. Phải xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng để làm nòng cốt cho việc xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong nhân dân. Tư tưởng đoàn kết toàn Đảng, toàn dân là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh. Quán triệt tư tưởng này trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, Đảng và nhân dân ta đã xây dựng nên khối đoàn kết vững chắc, đảm bảo cho việc giành được những thắng lợi ngày càng to lớn hơn. "*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[1]. Trước lúc đi xa, Người đã di chúc lại điều mà Người đã đặt ra ngay từ khi thành lập Đảng và đã dày công xây đắp trong suốt cuộc đời mình.

Cơ sở để xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng

---

1. *Sđd,* t. 12, tr. 510.

chính là đường lối, quan điểm của Đảng và Điều lệ Đảng. Đây là cơ sở để tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, về tổ chức, từ đó có sự thống nhất về hành động của toàn Đảng, nhằm đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào cuộc sống, biến các chủ trương của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng nhân dân. Sự đoàn kết thống nhất thực sự, lành mạnh, chân chính trong Đảng chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở này. Nếu xa rời cơ sở này thì chỉ có thể có được một sự đoàn kết thống nhất hình thức, giả hiệu, tạm thời, đoàn kết mà không thống nhất hoặc thống nhất mà không đoàn kết, một trạng thái lùng nhùng đã chứa đựng những nguy cơ phá hoại đoàn kết thống nhất từ trong.

Tình hình càng phát triển, nhiệm vụ càng nặng nề, càng đòi hỏi phải củng cố và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo; bởi lẽ sự đoàn kết thống nhất của cán bộ lãnh đạo có ảnh hưởng đến sự đoàn kết thống nhất của nhiều cán bộ, đảng viên, đến toàn Đảng. Về vấn đề này, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: "Ngày nay, *sự đoàn kết trong Đảng* là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sự đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ lãnh đạo"[1].

Để xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, Người thường nêu những yêu cầu như : phải thực hiện và mở rộng dân chủ nội bộ để cán bộ đảng viên có thể tham gia bàn bạc đến nơi đến chốn những vấn đề hệ trọng của Đảng; phải thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê

---

1. *Sđd,* t. 7, tr. 492.

bình với tinh thần trung thực, chân thành, thẳng thắn, tự nghiêm khắc với mình và có tình thương yêu đồng chí; phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân với bao nhiêu thứ tệ nạn từ chủ nghĩa cá nhân mà ra: tham ô, lãng phí, quan liêu, bè cánh, cơ hội, dối trá, chạy theo chức, quyền, danh, lợi, v.v..

6. Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đảng lãnh đạo, dân làm chủ. Phải thường xuyên chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân

Từ khi Đảng ra đời, do có đường lối đúng đắn và có sự gắn bó máu thịt với nhân dân, Đảng đã *được nhân dân thừa nhận* là Đảng duy nhất có vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trong suốt tiến trình đi lên của cách mạng Việt Nam, Đảng ta hoàn toàn xứng đáng với sự *tin cậy* ấy. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và của lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trọn vẹn của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và vững bước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa. Cũng trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, *Đảng phải vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân*. Hai mặt lãnh đạo và đầy tớ không tách rời nhau, không đối lập nhau, mà như Người đã nhấn mạnh: *lãnh đạo có nghĩa là làm đầy tớ*.

Đây là một luận điểm lớn đã được Người nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần. Đây cũng là một quan điểm nhất quán khi Người xác định vai trò của Đảng và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên. Vấn đề rất đơn giản, nhưng hiểu

cho thấu và làm cho được, thật không dễ.

Khi Đảng lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, xây dựng chính quyền cách mạng, thì từ đó Đảng trở thành *Đảng cầm quyền*. Đảng cầm quyền là Đảng trực tiếp lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo Nhà nước để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng cầm quyền lại càng phải ý thức thật sâu sắc mình là đầy tớ nhân dân, chứ không phải người chủ của nhân dân, tự cho phép mình đứng trên dân, trên Nhà nước, trên pháp luật. Đảng lãnh đạo Nhà nước là nhằm xây dựng một Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân để nhân dân làm chủ Nhà nước, điều mà trước khi cách mạng thành công không thể có được. *Đảng cầm quyền, nhưng dân là chủ*, đó chính là quan điểm rất quan trọng của Hồ Chí Minh.

Là đầy tớ trung thành của nhân dân, như Hồ Chí Minh đã nói, Đảng không có quyền lợi gì của riêng mình, ngoài quyền lợi của giai cấp, của dân tộc. Vì vậy, Đảng *phải thường xuyên chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân*. Đảng không ở trên dân, cũng không ở ngoài dân, mà *ở trong dân, trong lòng dân*. Không phải chỉ có nước mới lấy dân làm gốc, mà *Đảng cũng phải lấy dân làm gốc*. Chính cái gốc này đem lại nguồn sinh lực vô tận cho Đảng. Mọi biểu hiện của bệnh quan liêu, xa dân đều làm suy yếu Đảng, hơn nữa còn làm cho sự tồn tại của Đảng không còn ý nghĩa. Đây là một trong những vấn đề Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm giáo dục cán bộ, đảng viên, nhất là khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền.

7. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới

Để xứng đáng là một Đảng cách mạng chân chính lãnh đạo sự nghiệp cách mạng to lớn của giai cấp và dân tộc, một Đảng "vừa là đạo đức, vừa là văn minh", một Đảng tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại, Đảng phải thường xuyên chăm lo đến việc chỉnh đốn và đổi mới bản thân mình. Chỉnh đốn và đổi mới Đảng là nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực trước những yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng.

Nói chuyện với Hội nghị bồi dưỡng chỉnh huấn đầu năm 1965, Hồ Chí Minh đã nhận định, bên cạnh số đông đảng viên xứng đáng với danh hiệu của mình thì vẫn có một số "thấp kém về tinh thần và đạo đức cách mạng... Họ hững hờ như những người không có lý tưởng, đến đâu hay đó, qua tháng qua ngày... Họ ít gắn bó với tổ chức, không tin ở lực lượng và trí tuệ của tập thể. Họ sống và làm việc một cách riêng rẽ, không đoàn kết và hợp tác với người khác. Hễ có đôi chút hiểu biết, đôi chút thành công thì tự cao tự đại, vênh vang kiêu ngạo, tự cho mình tài giỏi hơn người. Ở cương vị phụ trách thì tự cho mình có quyền hơn hết thảy, định đoạt mọi việc; ở ngành nào, địa phương nào thì coi đó như một giang sơn riêng, không biết đến lợi ích toàn cục. Họ coi thường những quyết định của tổ chức, họ là những "ông quan liêu", chỉ thích dùng mệnh lệnh đối với đồng chí và nhân dân... số người đó coi Đảng như một

cái cầu thang để thăng quan phát tài. Họ không quan tâm đến đời sống của nhân dân mà chỉ lo nghĩ đến lợi ích của riêng mình. Họ quên rằng mỗi đồng tiền, hạt gạo đều là mồ hôi nước mắt của nhân dân, do đó mà sinh ra phô trương, lãng phí. Họ tự cho mình có quyền sống xa hoa hưởng lạc, từ đó mà đi đến tham ô, truỵ lạc, thậm chí sa vào tội lỗi"[1]. Phải chỉnh đốn để tẩy rửa tất cả những lỗi lầm, sai trái ấy.

Đối với toàn Đảng, Người cũng chỉ rõ là Đảng sống trong xã hội, mỗi cán bộ, đảng viên đều chịu ảnh hưởng của xã hội, cả cái tốt và cái xấu, cái hay và cái dở. Chỉ có thể phát huy được cái tốt, cái hay, lọc bỏ được cái xấu, cái dở bằng việc rèn luyện thường xuyên của mỗi cán bộ, đảng viên, thường xuyên chú ý đến việc chỉnh đốn Đảng.

Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề này trước những bước chuyển của cách mạng, vì đây là thời điểm thường có những cái bất cập, bên cạnh đó là những chao đảo, suy thoái có thể xẩy ra.

Những ngày đầu kháng chiến toàn quốc, để đáp ứng những yêu cầu của cuộc kháng chiến đang đặt ra, Người đã nhấn mạnh "trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng"[2].

Khi chuyển mạnh sang tổng phản công (1952), Người đã nói: Muốn lãnh đạo vững thì trước hết cán bộ và đảng viên phải có tư tưởng và lập trường vững chắc để lãnh đạo, để xung phong làm gương mẫu. Vì vậy, *chỉnh Đảng là việc chính mà chúng ta phải làm ngay*.

Khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã

---

1. *Sđd,* t. 11, tr. 373-374.
2. *Sđd,* t. 9, tr. 551.

hội, nhiều đợt học tập chính trị để quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng đã được tổ chức rộng khắp trong toàn Đảng. Phong trào "ba xây ba chống" được phát động sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân thực sự là một cuộc vận động nhằm chỉnh đốn Đảng, củng cố đội ngũ của Đảng trước những nhiệm vụ cách mạng mới.

Trước lúc đi xa, Người còn để lại những lời tâm huyết, căn dặn toàn Đảng: "Việc cần phải làm trước tiên *là chỉnh đốn lại Đảng,* làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân"[1].

Trong điều kiện Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, việc xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng lại được Người coi là công việc thường xuyên của Đảng. Người đã nhìn thấy rất rõ hai mặt của quyền lực: *một mặt*, quyền lực có sức mạnh rất to lớn để cải tạo cái cũ và xây dựng cái mới trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nếu biết sử dụng đúng quyền lực; *mặt khác*, nó cũng có sức phá hoại rất ghê gớm, vì con người nắm quyền lực có thể thoái hoá biến chất rất nhanh chóng, nếu đi vào con đường tham muốn quyền lực, chạy theo quyền lực, tranh giành quyền lực; và khi đã có quyền lực thì lợi dụng quyền lực, lạm quyền, lộng quyền, đặc quyền đặc lợi, v.v.. Vì vậy Đảng phải đặc biệt quan tâm đến việc chỉnh đốn và đổi mới Đảng để hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi và tẩy trừ mọi tệ nạn do thoái hoá biến chất gây ra, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền.

Hồ Chí Minh đã nêu lên một luận điểm quan trọng:

---

1. *Sđd,* t. 12, tr. 503.

"Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[1]. Luận điểm trên đây thực sự là một chân lý phản ánh đúng thực tiễn và đã được thực tiễn kiểm nghiệm, không phải chỉ thực tiễn nước ta, mà còn ở nhiều nơi trên thế giới. Nó mãi mãi là lời cảnh tỉnh có ý nghĩa rất sâu xa đối với Đảng Cộng sản, đối với mỗi đảng viên cộng sản.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN SOI SÁNG CHO CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản là tư tưởng chỉ đạo cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thực sự là một đảng mácxít - lêninnít chân chính, là Đảng của Hồ Chí Minh để làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang và trách nhiệm nặng nề trước dân tộc, đồng thời có những đóng góp tích cực vào phong trào cách mạng thế giới.

Trong nhiều thời kỳ, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản đã được quán triệt trên cả ba mặt xây dựng Đảng: chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng trở thành bộ tham mưu sáng suốt lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Từ đó Đảng lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc giành thắng lợi ngày càng to lớn hơn cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

---

1. *Sđd,* tr. 557-558.

Về chính trị, đó là đường lối chính trị đúng đắn, bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi tình huống phức tạp, mọi bước ngoặt hiểm nghèo, mọi giai đoạn cách mạng khác nhau. Trên cơ sở kiên định mục tiêu lâu dài là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng biết tập trung giành thắng lợi cho từng bước đi lên của cách mạng. Đó là đường lối cứng rắn về chiến lược, mềm dẻo về sách lược, linh hoạt về biện pháp đấu tranh, tập hợp được lực lượng của toàn dân, tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của quốc tế tạo thành sức mạnh tổng hợp bất khả chiến thắng của cách mạng.

Về tư tưởng, đó là tư tưởng cách mạng triệt để, tư tưởng cách mạng tiến công, luôn đề phòng và kịp thời khắc phục những lệch lạc "tả - hữu", chống cơ hội, xét lại, chống giáo điều bảo thủ, đồng thời dự báo các chiều hướng có thể xẩy ra. Đó là tư tưởng cách mạng khoa học lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, lấy thực tiễn Việt Nam làm điểm xuất phát, lấy cải tạo hiện thực Việt Nam làm mục tiêu, để vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời làm giàu thêm trí tuệ của mình bằng việc kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, thâu hoá những tinh hoa văn hoá nhân loại, để giành thắng lợi cho cách mạng.

Về tổ chức, đó là một tổ chức chính trị trong sạch vững mạnh; một tổ chức chiến đấu kiên cường, khi tiến đánh thì trăm người như một; một tổ chức với một đội ngũ cán bộ, đảng viên coi trọng việc tu dưỡng đạo đức, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, nâng cao năng lực, luôn gắn bó máu thịt với dân, dám hy sinh xả thân vì sự nghiệp cách

mạng của Đảng và của dân tộc. Đó là một tổ chức trọng chất lượng hơn số lượng, lấy việc nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhiệm vụ thường xuyên của mỗi cán bộ, đảng viên và của toàn Đảng.

Trước khi giành được chính quyền, có lúc cách mạng lâm vào thoái trào, bọn thống trị thực dân và phong kiến tay sai bắt bớ hàng loạt cán bộ, đảng viên, nhưng mặc cho tù đày, bắn giết, người trước ngã xuống, người sau lại tiếp bước đi lên không hề sờn gan nản chí. Có khi nhiều tổ chức cơ sở đảng, nhiều cấp ủy, kể cả Trung ương bị tan vỡ, nhưng Đảng vẫn phục hồi nhanh chóng. Có khi cả cơ quan đầu não của Đảng chỉ còn lại vài ba người, nhưng sự lãnh đạo của Đảng vẫn đúng đắn, kịp thời, nhạy bén, thông suốt từ trên xuống dưới, từ Bắc vào Nam. Điều này cũng thể hiện rất rõ trong cuộc đấu tranh hết sức quyết liệt của nhân dân ta ở miền Nam suốt ba mươi năm chống Pháp và chống Mỹ ngụy.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Có Đảng lãnh đạo, lực lượng của quần chúng nhân dân sẽ trở thành sức mạnh vô địch để làm nên sự nghiệp vĩ đại của mình. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cũng như những thành tựu giành được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước từ năm 1975 đến nay là như vậy. Những thành tựu sẽ giành được trong công cuộc đổi mới ở thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chiến thắng nghèo nàn lạc hậu khi đất nước

bước vào thế kỷ XXI càng phải như vậy.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, có lúc Đảng đã phạm khuyết điểm sai lầm, một bộ phận cán bộ, đảng viên đã thoái hoá biến chất, làm tổn hại đến uy tín và thanh danh của Đảng. Với tinh thần cách mạng của một Đảng cách mạng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, dám công khai thừa nhận khuyết điểm sai lầm trong công tác lãnh đạo, công khai vạch rõ những tệ nạn đã có ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, từ đó đề ra những biện pháp cần thiết để sửa chữa, khắc phục. Đó là thái độ của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức vào nửa sau những năm 50 thế kỷ XX, cũng như đối với những suy thoái của cán bộ, đảng viên ở những thời kỳ khác nhau. Đó là thái độ của Đảng ta đối với những sai lầm về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước vào nửa sau những năm 70, để từ đó Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) xác định đường lối đổi mới toàn diện, mở ra một bước ngoặt cho sự phát triển của đất nước ta.

Không lảng tránh sự thật, dù là sự thật đáng buồn đến mấy chăng nữa, không che giấu khuyết điểm sai lầm dù những sai lầm, khuyết điểm đã làm chúng ta đau đớn; và điều quan trọng không phải chỉ ở chỗ thừa nhận sự thật, thừa nhận khuyết điểm sai lầm rồi để đấy, mà là phải kiên quyết khắc phục, sửa chữa cho được. Đó chính là tư tưởng của Lênin và của Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản. Đó

chính là một trong những thước đo, những chuẩn mực quan trọng để đánh giá một Đảng có thực sự là Đảng cách mạng hay không, có thực sự là Đảng mácxít - lêninnít chân chính hay không.

Từ khi sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đã hoàn thành và cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội đến nay đã một phần tư thế kỷ. Thời gian đó là rất ngắn so với chiều dài lịch sử, nhưng cũng đủ cho một đất nước chuyển từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một nước công nghiệp như đã diễn ra ở nhiều nước châu Á trong nửa sau của thế kỷ XX. Lịch sử không còn bò lên chậm chạp như trước, mà đã chuyển động theo tốc độ nhanh hơn trước rất nhiều. Dự báo đó của Lênin trước kia không phải chỉ đúng với những thời kỳ cách mạng, mà còn đúng với cả thời đại hiện nay khi cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra như vũ bão, khi nhân loại đang bước vào nền văn minh trí tuệ, văn minh tin học, kinh tế tri thức.

Trong một phần tư thế kỷ vừa qua, đất nước ta đã có nhiều biến đổi về các mặt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp xây dựng đất nước qua hơn 15 năm đổi mới đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng: chính trị - xã hội ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững, kinh tế phát triển, đời sống của các tầng lớp nhân dân được cải thiện, quan hệ của Việt Nam với thế giới được mở rộng, vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao, con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam được khẳng định, dù cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã bị sụp đổ...

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài từ cuối những năm 70 đến giữa những năm 90 thế kỷ XX, vượt qua chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ để bước vào chặng thứ hai là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhiều cơ hội và thách thức đan xen nhau. Thời cơ có nhiều, nhưng nguy cơ cũng không ít. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng (1994) đã chỉ rõ những vấn đề này, đến nay vẫn còn nguyên ý nghĩa.

Tình hình mới đòi hỏi Đảng ta phải trưởng thành hơn, phải vượt lên chính bản thân mình, đồng thời cũng làm bộc lộ rõ những điều bất cập. Những thành tựu của công cuộc đổi mới gắn liền với sự trưởng thành của Đảng; những tồn tại trên nhiều lĩnh vực đòi hỏi phải giải quyết những tệ nạn, suy thoái đòi hỏi phải khắc phục. Chính vì vậy mà trong nhiều nghị quyết của Đảng từ những năm 80 thế kỷ XX đến nay đã đặt vấn đề Đảng phải phấn đấu cho ngang tầm với nhiệm vụ của thời kỳ mới. Lãnh đạo đương nhiên đòi hỏi phải ngang tầm, hơn nữa còn phải thấy trước, dự báo được những gì sẽ có thể xảy ra.

Đã có nhiều nghị quyết đặt ra những yêu cầu trong công tác xây dựng Đảng. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm vẫn tồn tại không ít khuyết điểm; đáng chú ý là những khuyết điểm lệch lạc, suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên ở mọi cấp mọi ngành lại có chiều hướng trở thành phổ biến hơn, nghiêm trọng hơn. Tham nhũng đã trở thành quốc nạn. Bệnh quan liêu với nhiều biểu hiện khác nhau đã làm tổn thương không nhỏ đối với mối quan hệ của Đảng và Nhà nước với dân. Chính vì vậy, Hội

nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (tháng 12-1999) đã phải ra Nghị quyết "Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay". Nghị quyết đã đề cập nhiều vấn đề lớn: quan điểm tư tưởng chính trị, những vấn đề lý luận cần làm rõ, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình, phê bình trong Đảng, vấn đề giáo dục lý luận - chính trị, đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, quan liêu, tổ chức cơ sở Đảng, việc sắp xếp lại bộ máy của Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Hội nghị cũng chủ trương phát động "*Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng*" trong hai năm 1999-2001, sau đó đưa việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng vào nền nếp thường xuyên trong toàn Đảng.

Như vậy là điều căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc* về chỉnh đốn lại Đảng đã được thực hiện bằng cuộc vận động lớn này. Nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (tháng 12 - 1999) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã quán triệt những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản. Toàn Đảng cần thực hiện tốt cuộc vận động này. Các tầng lớp nhân dân cần đóng góp xây dựng Đảng qua cuộc vận động này. Sự gắn bó giữa Đảng với dân ngay trong cuộc vận động này sẽ tạo nên bước chuyển biến tiến bộ quan trọng của Đảng, từ đó đưa tới những bước phát triển mới trong toàn xã hội.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với bất cứ cuộc vận động nào đã phát thì phải động, bước sau phải tốt hơn, cao hơn bước trước, có kiểm tra đôn đốc, có sơ kết tổng kết

để uốn nắn và thúc đẩy kịp thời. Tinh thần đó phải được quán triệt trong cuộc vận động, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng chỉ được củng cố và nâng cao khi Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, đem lại những chuyển biến thực sự trong cuộc sống.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhằm thực hiện câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh". Văn minh có thể hiểu là trí tuệ. Đảng phải là Đảng của trí tuệ tiên phong ngang tầm thời đại thì mới đưa dân tộc vững bước tiến vào thế kỷ XXI, mới giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa, mới giành thắng lợi cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đảng phải là Đảng đạo đức theo gương đạo đức Hồ Chí Minh thì mới xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn soi sáng cho công tác xây dựng Đảng ta hôm nay và lâu dài về sau.

CHƯƠNG V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Đảng lãnh đạo nhân dân làm cách mạng, nhưng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân đông đảo, mà không phải là công việc của một số người, của riêng Đảng Cộng sản. Đảng lãnh đạo để nhân dân đứng lên đấu tranh tự giải phóng và xây dựng xã hội mới do mình làm chủ. Sự nghiệp ấy chỉ có thể được thực hiện bằng sức mạnh của cả dân tộc, bằng đại đoàn kết dân tộc. Điều này đã được Hồ Chí Minh nói khá cặn kẽ. Vì vậy, theo quan niệm của Người, đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố quan trọng nhất bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Tiến hành thống kê, phân tích những bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh đã được công bố trong *Hồ Chí Minh - Toàn tập* (12 tập), kết quả cho thấy các bài đề cập vấn đề đại đoàn kết dân tộc chiếm tỷ lệ trên 40%. Trong một số bài, Người đã nhiều lần nói đến đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc: 16 lần trong *Sửa đổi lối làm việc* (tập 5), 17 lần trong *Bài nói tại buổi khai mạc Đại hội thống nhất Việt*

Minh - Liên Việt (tập 6), 19 lần trong *Diễn văn kỷ niệm Quốc khánh 1957* (tập 8) ...

Với cương vị là lãnh tụ tối cao của Đảng và của dân tộc, đứng đầu Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà 24 năm liền, Người đã tập hợp, quy tụ được các dân tộc, các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo, nhân sĩ trí thức yêu nước, đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người đã trở thành linh hồn của khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng rộng rãi và bền vững. Đại đoàn kết dân tộc rõ ràng là một nội dung xuyên suốt trong tư tưởng cũng như trong hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Trong những cống hiến to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Người là một cống hiến đặc sắc, có giá trị lý luận và giá trị thực tiễn hết sức quan trọng.

I. NHỮNG CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc được hình thành trên những cơ sở tư tưởng - lý luận và thực tiễn rất phong phú.

1. Trước hết, đó là tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức cộng đồng, ý thức cố kết dân tộc, đoàn kết dân tộc đã được hình thành và củng cố trong hàng nghìn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của cả dân tộc, tạo

thành một truyền thống bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam. Tinh thần, ý thức ấy đã tạo nên sức mạnh vô địch của cả một dân tộc để chiến thắng mọi thiên tai địch hoạ, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Đối với mỗi người Việt Nam, *yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết* đã trở thành một tình cảm tự nhiên:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng;

thành một triết lý nhân sinh:

Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao;

thành phép ứng xử và tư duy chính trị:

Tình làng, nghĩa nước.
Nước mất thì nhà tan.
Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh.

Tất cả đã ghi đậm dấu ấn trong cấu trúc xã hội truyền thống, tạo thành quan hệ ba tầng chặt chẽ: gia đình - làng xã - quốc gia (nhà - làng - nước) và cũng trở thành sợi dây liên kết các dân tộc, các giai tầng trong xã hội Việt Nam.

Truyền thống ấy không chỉ được phản ánh trong kho tàng văn học dân gian, mà còn được những anh hùng dân tộc ở các thời kỳ lịch sử khác nhau như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung đúc kết nâng lên thành phép đánh giặc, giữ nước, "tập hợp bốn phương manh lệ", "trên dưới đồng lòng, cả nước chung sức", "tướng sĩ một lòng phụ tử", "khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc", "chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân"... Truyền thống ấy đã được tiếp nối trong tư tưởng

tập hợp lực lượng dân tộc của các nhà yêu nước trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và các thế lực phong kiến tiếp tay cho ngoại bang, mà tiêu biểu nhất là cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh ở một phần tư đầu thế kỷ XX.

Hồ Chí Minh đã sớm hấp thu được truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc. Người đã khẳng định "từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy (yêu nước) lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn (đoàn kết), nó lướt qua mọi sự hiểm nguy, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước". Hơn nữa còn phải phát huy truyền thống đó trong giai đoạn cách mạng mới của dân tộc: "phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến"[1].

2. Về mặt thực tiễn, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm của phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng ở nhiều nước trên thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Những thành công hay thất bại của các phong trào ấy đều được Người nghiên cứu để rút ra những bài học cần thiết cho việc hình thành tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc.

Phong trào yêu nước Việt Nam đã diễn ra rất mạnh mẽ từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta. Từ các phong trào Cần Vương, Văn Thân, Yên Thế, cuối thế kỷ XIX, đến

---

1. *Sđd,* t. 6, tr. 172.

các phong trào Đông Du, Duy Tân, chống thuế đầu thế kỷ XX, các thế hệ người Việt Nam yêu nước đã nối tiếp nhau vùng dậy chống ngoại xâm, nhưng đều thất bại. Thực tiễn hào hùng, bi tráng của dân tộc đã chứng tỏ rằng, bước vào thời đại mới, chỉ có tinh thần yêu nước thì không thể đánh bại được các thế lực đế quốc xâm lược. Vận mệnh của đất nước đòi hỏi phải có một lực lượng lãnh đạo cách mạng mới, đề ra được một đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử và những yêu cầu của thời đại mới, đủ sức quy tụ được cả dân tộc vào cuộc đấu tranh chống đế quốc thực dân, xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững thì mới giành được thắng lợi. Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã thấy được những hạn chế trong việc tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước tiền bối, những yêu cầu khách quan mới của lịch sử dân tộc. Đây chính là điểm xuất phát để Hồ Chí Minh xác định: Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta.

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tiến hành khảo sát tình hình các nước tư bản chủ nghĩa và các nước thuộc địa ở hầu khắp các châu lục. Người đã nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản, đặc biệt là Cách mạng Mỹ và Cách mạng Pháp, nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của giai cấp tư sản cũng như tại sao những cuộc cách mạng tư sản vẫn chỉ là cách mạng "không đến nơi". Tổng kết thực tiễn đấu tranh của các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh tiềm ẩn to lớn của họ, và cũng thấy rõ những hạn chế: các dân tộc thuộc địa

chưa có được sự lãnh đạo đúng đắn, chưa biết đoàn kết lại, chưa có tổ chức và chưa biết tổ chức.

Cách mạng Tháng Mười Nga cùng với Lênin, người lãnh đạo thắng lợi cuộc cách mạng đó, đã đưa Hồ Chí Minh đến bước ngoặt quyết định trong việc tìm đường cứu nước. Từ chỗ chỉ biết đến Cách mạng Tháng Mười một cách cảm tính, Người đã nghiên cứu để hiểu một cách thấu đáo con đường Cách mạng Tháng Mười, và những bài học kinh nghiệm quý báu mà cuộc cách mạng này đã đem lại cho phong trào cách mạng thế giới; đặc biệt là bài học về huy động, tập hợp lực lượng quần chúng công nông đông đảo để giành và giữ chính quyền cách mạng, để đánh tan sự can thiệp của 14 nước đế quốc muốn bóp chết Nhà nước Xôviết non trẻ, để xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, mở ra một thời đại mới cho lịch sử nhân loại. Hồ Chí Minh nghiên cứu Cách mạng Tháng Mười không phải chỉ qua báo chí sách vở, mà còn ở ngay trên đất nước của Lênin. Điều này đã giúp Người hiểu sâu sắc thế nào là một cuộc "cách mạng đến nơi", để chuẩn bị cho việc lãnh đạo nhân dân Việt Nam đi vào con đường cách mạng mới những năm sau này.

Đối với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước có thể đem lại cho Việt Nam nhiều bài học rất bổ ích về tập hợp các lực lượng yêu nước tiến bộ để tiến hành cách mạng (đoàn kết các dân tộc, các giai tầng, các đảng phái và tôn giáo... nhằm thực hiện mục tiêu của từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng, như chủ trương "Liên Nga, thân Cộng, ủng hộ công nông", "hợp tác Quốc - Cộng" của Tôn Trung Sơn).

3. Cơ sở lý luận quan trọng nhất đối với quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng phải trở thành dân tộc, liên minh công nông là cơ sở để xây dựng lực lượng to lớn của cách mạng, đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế, "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại", "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại", v.v..

Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin là vì chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra cho các dân tộc bị áp bức con đường tự giải phóng, đã chỉ ra sự cần thiết và con đường tập hợp, đoàn kết các lực lượng cách mạng trong phạm vi từng nước và trên toàn thế giới để giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin chủ yếu là ở chỗ vừa hoạt động cách mạng, Người vừa nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa tìm hiểu về Cách mạng Tháng Mười, vì vậy Người đã sớm nắm được linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, những vấn đề cốt lõi nhất của học thuyết cách mạng và khoa học của các ông. Nhờ đó Người đã có cơ sở khoa học để đánh giá chính xác yếu tố tích cực cũng như những hạn chế trong các di sản truyền thống, trong tư tưởng tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam tiền bối và các nhà cách mạng lớn trên thế giới, những bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc cách mạng các nước, từ đó hình thành và hoàn chỉnh tư tưởng của Người về đại đoàn kết dân tộc.

II. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh có ý nghĩa chiến lược, nó là một tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được, nhằm hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh với kẻ thù dân tộc, giai cấp.

Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách và phương pháp tập hợp cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, nhưng đại đoàn kết dân tộc phải luôn luôn được nhận thức là vấn đề sống còn của cách mạng. Hồ Chí Minh đã nêu ra những luận điểm có tính chân lý:

Đoàn kết làm ra sức mạnh; "Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta"[1].

"Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi"[2]; "Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công"[3].

Đoàn kết là điểm mẹ. "Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt ..."[4].

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

---

1. *Sđd*, t. 7, tr. 392.
2, 3. *Sđd*, t. 11, tr. 22, 154.
4. *Sđd*, t. 8, tr. 392.

Thành công, thành công, đại thành công"[1].

2. Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, lực lượng lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam. Trong *Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam* ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: "Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC"[2]. Nói chuyện với cán bộ tuyên huấn miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Người chỉ rõ: "Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm sao cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc. *Một là* đoàn kết. *Hai là* làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích tuyên truyền huấn luyện là : "*Một là* đoàn kết. *Hai là* xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Ba là* đấu tranh thống nhất nước nhà"[3].

Đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, mục đích , nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc. Như vậy đại đoàn kết dân tộc chính là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, là sự

---

1. *Sđd,* t. 10, tr. 607.
2. *Sđd,* t. 6, tr. 183.
3. *Sđd,* t. 11, tr. 130.

nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn, chuyển những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức, thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho con người.

3. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các khái niệm DÂN, NHÂN DÂN, có nội hàm rất rộng. Người dùng các khái niệm này để chỉ "mọi con dân nước Việt", "mỗi một người con Rồng cháu Tiên", không phân biệt dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, người tín ngưỡng với người không tín ngưỡng, không phân biệt "già, trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện". Như vậy, DÂN, NHÂN DÂN vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng, vừa được hiểu là mỗi con người Việt Nam cụ thể, và cả hai đều là chủ thể của đại đoàn kết dân tộc. Nói đến đại đoàn kết dân tộc cũng có nghĩa phải tập hợp được mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Người đã nhiều lần nêu rõ: "Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"[1]. Ta ở đây vừa là Đảng, vừa là mọi người dân của Tổ quốc Việt Nam. Với tinh thần đoàn kết rộng rãi, Người đã dùng khái niệm *đại đoàn kết dân tộc* để định hướng cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân

---

1. *Sđd*, t. 7, tr. 438.

trong suốt tiến trình của cách mạng Việt Nam.

Muốn thực hiện được việc đại đoàn kết toàn dân thì phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Hồ Chí Minh cho rằng ngay đối với những người lầm đường lạc lối nhưng đã biết hối cải, chúng ta vẫn kéo họ về phía dân tộc, vẫn đoàn kết với họ, mà hoàn toàn không định kiến, khoét sâu cách biệt. Người đã lấy hình tượng năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn, nhưng cả năm ngón đều thuộc về một bàn tay, để nói lên sự cần thiết phải thực hiện đại đoàn kết rộng rãi. Thậm chí đối với những người trước đây đã chống chúng ta, nhưng nay không chống nữa, khối đại đoàn kết dân tộc vẫn mở rộng cửa tiếp đón họ. Người đã nhiều lần nhắc nhở: "Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ"[1]. Với tấm lòng độ lượng, bao dung, Người tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đứng về phe nào; chúng ta hãy thật thà cộng tác vì dân vì nước. Để thực hiện được đoàn kết, Người còn căn dặn: Cần xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ để phục vụ nhân dân.

Sở dĩ Hồ Chí Minh khẳng định quan điểm đại đoàn kết dân tộc một cách rộng rãi như trên là vì Người có lòng tin ở nhân dân, tin rằng trong mỗi người, “ai cũng có ít

---

1. *Sđd*, tr. 438.

hay nhiều tấm lòng yêu nước" tiềm ẩn bên trong. Tấm lòng yêu nước ấy có khi bị bụi bậm che mờ, chỉ cần làm thức tỉnh lương tri con người thì lòng yêu nước lại bộc lộ. Vì vậy mẫu số chung để quy tụ mọi người vào khối đại đoàn kết dân tộc chính là nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc, là cuộc sống tự do và hạnh phúc của nhân dân cần phải xây dựng từ hôm nay cho đến mãi mãi mai sau.

Dân tộc, toàn dân là khối rất đông bao gồm nhiều chục triệu con người. Muốn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn như vậy, thì phải xác định rõ đâu là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc và những lực lượng nào tạo nên cái nền tảng đó. Về điều này, Người đã chỉ rõ: "Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác"[1]. Người còn phân tích sâu hơn, đâu là những lực lượng nòng cốt tạo nên cái nền tảng ấy, hay cũng có thể nói đâu là nền tảng của cái nền tảng ấy: "Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất"[2]. Về sau Người nêu thêm: lấy liên minh công - nông - lao động trí óc làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân. Nền tảng càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng có thể mở rộng, không e ngại

---

1. *Sđd*, tr. 438.
2. *Sđd*, t. 10, tr. 18.

bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.

4. Đại đoàn kết dân tộc không thể chỉ dừng lại ở quan niệm, ở tư tưởng, ở những lời kêu gọi, mà phải trở thành một chiến lược cách mạng, trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta. Nó phải biến thành sức mạnh vật chất, thành lực lượng vật chất có tổ chức. Tổ chức thể hiện khối đoàn kết dân tộc chính là *Mặt trận dân tộc thống nhất*.

Cả dân tộc hay toàn dân chỉ trở thành lực lượng to lớn, trở thành sức mạnh vô địch khi được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, được tổ chức lại thành một khối vững chắc và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Nếu không thế, quần chúng nhân dân dù có hàng triệu, hàng triệu con người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh. Thất bại của các phong trào yêu nước trước kia đã chứng minh rất rõ vấn đề này.

Ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai tầng, từng giới, từng ngành nghề, từng lứa tuổi, từng tôn giáo; hơn nữa còn phù hợp với từng bước phát triển của phong trào cách mạng. Đó là các hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng hay hội phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay những nghiệp đoàn, v.v.. Và bao trùm nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất, nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi con dân nước Việt, không phải chỉ ở trong nước mà còn bao gồm cả những người Việt

Nam định cư ở nước ngoài, dù ở bất cứ phương trời nào, nếu tấm lòng vẫn hướng về quê hương đất nước, về Tổ quốc Việt Nam...

Tuỳ theo từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, Mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những tên gọi khác nhau - Hội phản đế đồng minh (1930), Mặt trận Dân chủ (1936), Mặt trận nhân dân phản đế (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1946), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955), (1976), nhưng thực chất chỉ là một - đó là tổ chức chính trị rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức và cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân. Mặt trận phải có cương lĩnh, điều lệ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng theo những nguyên tắc sau đây:

- Là thực thể của tư tưởng, chiến lược đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên *nền tảng liên minh công nông* (về sau Người nêu thêm là *liên minh công - nông - lao động trí óc*), dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, từ đó mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, tập hợp được toàn dân, kết thành một khối vững chắc.

- Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc *hiệp thương dân chủ*, lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng.

Lợi ích tối cao của dân tộc là Tổ quốc độc lập và thống nhất, xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để có thể xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc, phải làm cho mọi người thuộc bất cứ giai tầng nào cũng đặt lợi ích tối cao của dân tộc lên trên hết và trước hết. Bởi lẽ lợi ích tối cao của dân tộc có được bảo đảm thì lợi ích của mỗi bộ phận, mỗi người mới được thực hiện.

Mỗi bộ phận, mỗi người lại có những lợi ích riêng khác nhau. Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của đất nước và dân tộc phải được tôn trọng. Ngược lại, những gì riêng biệt không phù hợp sẽ dần dần được giải quyết bằng lợi ích chung của dân tộc, bằng sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Mặt trận cần đặc biệt quan tâm xem xét và giải quyết thoả đáng vấn đề này đối với các thành viên tham gia Mặt trận bằng việc thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hiệp thương dân chủ, cùng nhau bàn bạc để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức.

- Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành; thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Tại Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh - Liên Việt (tháng 3-1951), Người nêu rõ: "Trong Đại hội này, chúng ta có đại biểu đủ các tầng lớp, các tôn giáo, các dân tộc, già có, trẻ có, nam có, nữ có, thật là một gia đình tương thân tương ái. Chắc rằng sau cuộc Đại hội, mối đoàn kết thân ái sẽ phát triển và củng cố khắp toàn dân..."[1].

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 182.

Trong bài nói chuyện tại lớp bồi dưỡng cán bộ về công tác Mặt trận (tháng 8 - 1962), Người yêu cầu: "Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các *tầng lớp nhân dân*... Phải đoàn kết tốt *các đảng phái*, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ. Phải đoàn kết *các dân tộc anh em*, cùng nhau xây dựng Tổ quốc... Phải đoàn kết chặt chẽ giữa *đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo*, cùng nhau xây dựng đời sống hoà thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc"[1].

Giữa các thành viên của khối đại đoàn kết dân tộc, bên cạnh những điểm tương đồng vẫn có những điểm khác nhau cần phải bàn bạc để đi đến nhất trí, bên cạnh những nhân tố tích cực vẫn có những nhân tố tiêu cực cần phải khắc phục. Để giải quyết vấn đề này, *một mặt*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm "cầu đồng tồn dị", lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; *mặt khác,* Người nêu rõ: "Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết". Người thường xuyên căn dặn mọi người phải khắc phục tình trạng đoàn kết xuôi chiều, phải nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình để biểu dương mặt tốt, khắc phục mặt chưa tốt, củng cố đoàn kết nội bộ: "Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thật sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân"[2]; trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển

---

1. *Sđd*, t. 10, tr. 605-606.
2. *Sđd*, t. 9, tr. 137.

Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng ta luôn đấu tranh trên hai mặt trận chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ tất cả những lực lượng có thể tranh thủ được; đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ Mặt trận.

5. Đảng Cộng sản vừa là thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất, lại vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững chắc

Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam không phải chỉ là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân, mà còn cả với phong trào yêu nước Việt Nam. Bởi lẽ, Đảng ra đời trong bão táp của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân gắn chặt với cuộc đấu tranh của cả dân tộc. Những người tham gia Đảng Cộng sản không phải chỉ là những người tiên tiến thuộc giai cấp công nhân, mà số đông lại là những người tiên tiến thuộc giai cấp nông dân, tiểu tư sản, các tầng lớp lao động chân tay và trí óc, kể cả những người vốn thuộc các giai cấp bóc lột đã từ bỏ hệ tư tưởng và lợi ích của giai cấp mình, giác ngộ lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đảng vừa là Đảng của giai cấp công nhân, lại vừa là Đảng của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Luận điểm này của Hồ Chí Minh hoàn toàn khác với luận điểm về "đảng toàn dân" của những người theo chủ nghĩa xét lại đã nêu ra trong những năm 60 của thế kỷ XX. Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai

cấp công nhân vì Đảng mang bản chất giai cấp công nhân và "lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt". Là Đảng của nhân dân lao động và của cả dân tộc, vì Đảng ra đời trong lòng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc. Hơn nữa, trong cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng lại đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết và trước hết, vì nếu không giành được độc lập cho dân tộc thì lợi ích của giai cấp công nhân "ngàn vạn năm cũng không giải quyết được".

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa tư bản mang tính chất quốc tế, nhưng cuộc đấu tranh ấy lại diễn ra trước hết trong từng quốc gia dân tộc. Vì vậy giai cấp công nhân và Đảng của nó trước hết phải trở thành dân tộc, như Mác và Ăngghen đã nêu ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Ở Việt Nam, điều ấy đã là đương nhiên ngay từ khi Đảng Cộng sản ra đời, cũng như trong suốt quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đại đoàn kết dân tộc, tập hợp toàn dân trong cuộc đấu tranh cách mạng đã trở thành vấn đề máu thịt của Đảng. Đại bộ phận nhân dân Việt Nam đã coi Đảng Cộng sản là Đảng của mình, đó cũng là điều dễ hiểu. Đây là đặc điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, khác rất nhiều so với các Đảng Cộng sản ở Tây Âu. Vinh dự ấy rất to lớn, nhưng trách nhiệm của Đảng trước dân tộc cũng rất nặng nề.

Như Hồ Chí Minh đã nói, muốn quy tụ được cả dân tộc, Đảng phải "vừa là đạo đức, vừa là văn minh". Điều này hoàn toàn thống nhất với mệnh đề của Lênin mà Người thường nhắc lại "Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại". Văn

minh cũng có nghĩa là trí tuệ; danh dự, lương tâm là đạo đức. Tiên phong về trí tuệ, mẫu mực về đạo đức, Đảng đã được nhân dân ủng hộ và đã trở thành hạt nhân của khối đại đoàn kết dân tộc.

Là tổ chức chính trị to lớn nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất, là bộ tham mưu của giai cấp công nhân và của cả dân tộc, Đảng lãnh đạo xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, đồng thời cũng là một thành viên của Mặt trận. Quyền lãnh đạo Mặt trận không phải Đảng tự phong cho mình, mà là được nhân dân thừa nhận. Điều này đã được Hồ Chí Minh phân tích rất cặn kẽ: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"[1].

Đảng lãnh đạo Mặt trận trước hết bằng việc xác định chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. "Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng"[2]. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, "Đảng ta có chính sách Mặt trận dân tộc đúng đắn, cho nên đã phát huy được truyền thống đoàn kết và yêu nước rất vẻ vang của dân tộc ta"[3].

---

1. *Sđd*, t. 3, tr. 139.
2, 3. *Sđd*, t. 10, tr. 605.

Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc *hiệp thương dân chủ*. Đảng lãnh đạo Mặt trận trước hết phải thực hiện sự lãnh đạo của mình theo nguyên tắc của Mặt trận. Đảng phải dùng phương pháp *vận động*, *giáo dục*, *thuyết phục*, *nêu gương*, *lấy lòng chân thành để đối xử*, *cảm hóa*, *khêu gợi tinh thần tự giác, tự nguyện*, hết sức tránh gò ép, quan liêu, mệnh lệnh, không thể và không được lấy quyền uy của mình để buộc các thành viên khác trong Mặt trận phải tuân theo. Đảng phải thực sự tôn trọng các tổ chức, các thành viên của Mặt trận, nếu Đảng muốn giành được sự tôn trọng thực sự của họ. Hồ Chí Minh đã căn dặn cán bộ, đảng viên về công tác Mặt trận: "Phải thành thực lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Cán bộ và đảng viên không được tự cao tự đại, cho mình là tài giỏi hơn mọi người; trái lại phải học hỏi điều hay điều tốt của mọi người... Cán bộ và đảng viên có quyết tâm làm như thế thì công tác Mặt trận nhất định sẽ tiến bộ nhiều"[1].

Muốn lãnh đạo Mặt trận, lãnh đạo xây dựng khối đoàn kết toàn dân, Đảng phải thực sự đoàn kết nhất trí. Sự đoàn kết của Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng sự đoàn kết của toàn dân. Sự đoàn kết của Đảng càng được củng cố thì sự đoàn kết của dân tộc càng được tăng cường. Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân đã tạo nên sức mạnh bên trong của cách mạng Việt Nam để vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

---

1. *Sđd*, tr. 606-607.

6. ***Đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế***; chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, đây cũng là tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh.

Khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam chỉ có thể giành được thắng lợi khi đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới.

Trong những năm chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã nêu rõ "phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi"[1]. Từ đó về sau, tư tưởng của Người về đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới càng được làm rõ hơn và đầy đủ hơn. Đó là phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc và ở các nước tư bản. Đó là nước Nga Xôviết, là Liên Xô và sau này mở rộng ra tất cả các nước xã hội chủ nghĩa khác. Đó là phong trào đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới. Người đặc biệt coi trọng xây dựng khối đoàn kết Việt- Miên - Lào, ba nước cùng cảnh ngộ thuộc địa trên bán đảo Đông Dương trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thực dân. Trong kháng chiến chống chủ nghĩa đế quốc thực dân, tư tưởng Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc hình thành ba tầng Mặt trận: 1) Mặt trận

---

1. *Sđd,* t. 2, tr. 267 - 268.

đại đoàn kết dân tộc; 2) Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào; 3) Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây thực sự là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

Như vậy là từ đại đoàn kết dân tộc phải đi đến đại đoàn kết quốc tế; đại đoàn kết dân tộc phải là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế. Nếu đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, thì đoàn kết quốc tế cũng là một nhân tố hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Những luận điểm trên đây tạo thành nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Những luận điểm ấy đã được hình thành, từng bước được hoàn chỉnh trong tiến trình cách mạng Việt Nam và đã được thực tiễn cách mạng kiểm nghiệm.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Khối đại đoàn kết dân tộc được xây dựng ngày càng rộng rãi và bền vững

Thực tiễn cách mạng Việt Nam trên 70 năm qua đã chứng minh hùng hồn sức sống kỳ diệu và sức mạnh vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc, từ chỗ là tư tưởng của lãnh tụ đã trở

thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đó đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm của tất cả những người Việt Nam yêu nước và biến thành hành động cách mạng của hàng triệu, hàng triệu con người, tạo thành sức mạnh vô địch trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tính chất rộng rãi của khối đại đoàn kết dân tộc thể hiện qua việc mở rộng biên độ tập hợp mọi giai tầng xã hội, mọi ngành giới, lứa tuổi, tôn giáo, dân tộc, chính kiến, đảng phái, tổ chức và cá nhân vào Mặt trận dân tộc thống nhất. Tính bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc biểu hiện qua việc củng cố khối liên minh công nhân - nông dân - lao động trí óc và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sự thật lịch sử đã chứng tỏ rằng Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi thì liên minh công nhân - nông dân - lao động trí óc càng mạnh, sự lãnh đạo của Đảng càng vững; ngược lại, khối liên minh công nhân - nông dân - lao động trí óc càng được củng cố, sự lãnh đạo của Đảng càng được tăng cường thì Mặt trận dân tộc thống nhất càng có thể mở rộng và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc càng được nhân lên to lớn hơn.

Lịch sử cách mạng Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua cho thấy, lúc nào, nơi nào tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh được quán triệt và thực hiện đúng, thì khi đó, nơi đó cách mạng phát triển mạnh mẽ và giành được thắng lợi; lúc nào, nơi nào xa rời tư tưởng đó thì khi đó, nơi đó cách mạng bị trở ngại và tổn thất.

Đánh giá về Mặt trận dân tộc thống nhất, năm 1962 Hồ Chí Minh đã nêu rõ:

"Đoàn kết trong Mặt trận *Việt Minh*, nhân dân ta đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Đoàn kết trong Mặt trận *Liên Việt*, nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, lập lại hoà bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc.

Đoàn kết trong Mặt trận *Tổ quốc Việt Nam*, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc"[1].

Về Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, Người đã khẳng định: "Một Mặt trận của nhân dân đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi là một lực lượng tất thắng. Hiện nay... đồng bào ta ở miền Nam cũng có "Mặt trận dân tộc giải phóng" với chương trình hoạt động thiết thực và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Do đó, có thể đoán rằng đồng bào miền Nam nhất định sẽ thắng lợi, nước nhà nhất định sẽ thống nhất, Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà"[2].

Đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc ở miền Bắc và trong Mặt trận dân tộc giải phóng ở miền Nam, nhân dân cả nước ta đã thực hiện được *Di chúc* của Bác Hồ: đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Sau khi Tổ quốc được thống

---

1. *Sđd,* t. 10, tr. 604.
2. *Sđd,* tr. 349.

nhất, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đoàn kết toàn dân bước vào giai đoạn cách mạng mới- cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc không phải chỉ là vấn đề của cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mà còn là vấn đề của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Dân tộc và tôn giáo là hai vấn đề lớn vẫn còn tồn tại lâu dài, không thể giải quyết trong một thời hạn ngắn theo những mong muốn chủ quan và những phương pháp, cách thức không phù hợp. Điều này đã được Hồ Chí Minh phân tích từ rất sớm, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, từ sự hiểu biết sâu sắc dân tộc và đất nước mình. Đây thực sự là sự phân biệt giữa quan điểm giai cấp đúng đắn theo chủ nghĩa Mác - Lênin với quan điểm giai cấp lệch lạc, "tả khuynh", đã dẫn đến những tổn thất không nhỏ cho cách mạng ở nhiều nước.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, Người đã dày công xây dựng, vun đắp cho sự lớn mạnh và sự phát triển của Mặt trận dân tộc thống nhất, tăng cường ảnh hưởng của Mặt trận đối với cách mạng Việt Nam. Đánh giá vai trò của Mặt trận không phải chỉ trong quá khứ, mà còn xa về tương lai, Người đã nêu rõ: "Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam"[1].

---

1. *Sđd,* tr. 605.

Tại Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt (ngày 3 - 3 - 1951), Người đã phát biểu:

"Tôi rất sung sướng được lãnh cái trách nhiệm kết thúc lễ khai mạc của Đại hội Liên Việt - Việt Minh thống nhất.

Lòng sung sướng ấy là chung của cả toàn dân, của cả Đại hội, nhưng riêng cho tôi là một sự sung sướng không thể tả. Một người đã cùng các vị tranh đấu trong bấy nhiêu năm cho khối đại đoàn kết toàn dân. Hôm nay, trông thấy rừng cây đại đoàn kết ấy đã nở hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân, và nó có một cái tương lai "trường xuân bất lão". Vì vậy cho nên lòng tôi sung sướng vô cùng"[1].

Người đã nói lên không chỉ niềm vui vô hạn trước sự lớn mạnh của Mặt trận dân tộc thống nhất, mà còn là sự cần thiết phải mở rộng và củng cố Mặt trận, cũng như niềm tin vào sự phát triển bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc lâu dài về sau. Điều này đã được thể hiện trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam, khi Hồ Chí Minh còn sống, cũng như sau khi Người đã mất.

2. Từ khi cả nước Việt Nam thống nhất bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình mới. Đại đoàn kết dân tộc luôn luôn được Đảng coi là một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. Qua

---

1. *Sđd,* t. 6, tr. 181.

sáu Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng (Đại hội IV - 1976, Đại hội V - 1981, Đại hội VI - 1986, Đại hội VII - 1991, Đại hội VIII - 1996), Đại hội IX (2001) và nhiều Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, từ năm 1976 đến nay, các Nghị quyết của Đảng đều toát lên những tư tưởng chủ đạo là:

- Phải khơi dậy và phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc, đặt lợi ích chung của dân tộc, của đất nước và của con người lên hàng đầu, lấy đó làm cơ sở để xây dựng các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội; nếu trước kia sức mạnh của đại đoàn kết dân tộc là sức mạnh để chiến thắng giặc ngoại xâm, thì bây giờ sức mạnh ấy phải là sức mạnh để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu.

- Phải xuất phát từ lợi ích dân tộc mà mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng, phát triển đất nước.

Những tư tưởng chủ đạo trên đây đã được thể hiện nhất quán trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong những năm đổi mới:

- Về chính trị, tư tưởng: Đảng nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, chủ trương xoá bỏ mọi thiên kiến, mặc cảm, hận thù trong quá khứ; tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng, mọi người Việt Nam ở trong nước và định cư ở nước ngoài vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc.

- Về kinh tế - xã hội: khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, xác lập quyền làm chủ của người lao động trong lĩnh vực kinh tế, khuyến khích làm giàu chính

đáng theo pháp luật, đồng thời thực hiện các chính sách "đền ơn đáp nghĩa", "xoá đói giảm nghèo".

- Về đối ngoại: thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hóa quan hệ đối ngoại theo phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước vì hoà bình, độc lập, hợp tác và phát triển".

Nhận thức tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề đại đoàn kết dân tộc, ngày 27 - 11 - 1993, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã ra Nghị quyết 07/NQ-TW *"Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất"*. Nghị quyết này đã phản ánh tập trung nhất sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp đổi mới. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6 - 1996), vấn đề đại đoàn kết dân tộc đã được đặt ở một tầm cao mới, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ngày 26-6-1999, lần đầu tiên Luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được ban hành, trong đó khẳng định:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên, góp phần giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội

công bằng văn minh.

Đây thực sự là bước phát triển mới của Mặt trận dân tộc thống nhất, của khối đại đoàn kết toàn dân để chuẩn bị đưa đất nước tiến vào thế kỷ XXI.

3. Ở thời điểm dân tộc ta đang bước vào thế kỷ XXI, những thời cơ và thách thức đan xen nhau đang thường xuyên tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc. Hơn lúc nào hết, thực tiễn đất nước đòi hỏi chúng ta phải quán triệt những quan điểm của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc; phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển những quan điểm ấy, phù hợp với những biến đổi của tình hình mới.

- Đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ hiện nay phải được củng cố và phát triển :

+ Nhằm rửa được cái nhục đói nghèo, lạc hậu, cái nhục tụt hậu xa hơn về kinh tế, về khoa học, kỹ thuật và công nghệ so với các nước trong khu vực và trên thế giới; thực hiện được điều mong muốn của Bác Hồ là làm cho đất nước ta có thể "Sánh vai với các cường quốc năm châu", là "xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"[1]; hay như Đảng ta đã nêu mục tiêu là: "*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*"[2].

+ Nhằm khơi dậy tinh thần tự tôn dân tộc, quyết tâm chấn hưng đất nước, không bỏ lỡ thời cơ, vận hội, không

---

1. *Sđd*, t. 12, tr. 512.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 163.

chậm chạp trong khi thế giới đang biến đổi theo gia tốc, phát huy tinh thần tự lực tự cường, đẩy lùi mọi nguy cơ, vượt qua mọi thách thức.

- Đại đoàn kết dân tộc trong điều kiện thực hiện một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi *một mặt* phát huy được tính năng động của mỗi người, mỗi bộ phận để mọi việc từ lãnh đạo, quản lý, đến sản xuất kinh doanh, học tập và lao động đều có năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao; *mặt khác* phải khắc phục được những tiêu cực của kinh tế thị trường, đặc biệt là tâm lý chạy theo đồng tiền, cạnh tranh không lành mạnh, làm phai nhạt truyền thống đoàn kết, tình nghĩa, tương thân tương ái của dân tộc và của Đảng.

Kinh tế thị trường dù theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng dẫn đến những thay đổi trong phân tầng xã hội. Vì vậy chúng ta chấp nhận kinh tế tư bản tư nhân nhưng không để hình thành giai cấp bóc lột mới, khuyến khích làm giàu chính đáng nhưng không để phân cực hai đầu, phát triển kinh tế đồng thời giải quyết thoả đáng các chính sách xã hội và mối quan hệ giữa ba lợi ích: xã hội, tập thể và cá nhân, bảo đảm đời sống của người lao động không ngừng được cải thiện và nâng cao. Dân giàu có nghĩa là đời sống mỗi người dân ngày càng khá hơn, giàu hơn. Đấy là cơ sở kinh tế để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân.

- Đại đoàn kết dân tộc đòi hỏi phải xây dựng được một Đảng lãnh đạo thật sự trong sạch vững mạnh, một chế độ do nhân dân làm chủ, một Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, một hệ thống chính trị tiên tiến có hiệu quả, hiệu lực.

Phải chống cho được các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn tham nhũng, quan liêu, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những ý nguyện chính đáng của nhân dân không được lắng nghe, những oan ức của nhân dân không được kịp thời giải quyết, làm cho lòng dân không yên.

Tiếp tục đổi mới chính sách giai cấp, chính sách xã hội, đặc biệt coi trọng đổi mới, hoàn thiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo; chính sách đối với tri thức, chính sách đối với cộng đồng người Việt ở nước ngoài, tập hợp đến mức rộng rãi nhất mọi nhân tài, vật lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải được thực hiện nghiêm chỉnh, để Mặt trận xứng đáng là một lực lượng to lớn, mạnh mẽ của hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới bộ máy và sự hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, loại trừ được các bệnh "hành chính hoá" hoặc "hình thức chủ nghĩa" vẫn thường làm giảm vai trò của các tổ chức này.

- Đại đoàn kết dân tộc trong điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại trong xu thế khu vực hoá, toàn cầu hoá kinh tế ngày càng phát triển, đòi hỏi phải củng cố sự đoàn kết với phong trào cách mạng các nước, đồng thời phải nắm vững bài học đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh: "*Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược*", "*Dĩ bất biến, ứng vạn biến*", luôn luôn giương cao ngọn cờ hoà bình, độc lập, hợp tác và phát triển.

Đại đoàn kết dân tộc là yếu tố nội sinh có ý nghĩa quyết định. Đại đoàn kết dân tộc trước hết là nhằm tạo

lực và thế để vươn ra bên ngoài; ngược lại, mở cửa, hội nhập quốc tế là nhằm làm cho lực và thế ở trong nước ngày càng tăng thêm.

Sự vật luôn luôn vận động và phát triển. Hoàn cảnh sẽ không ngừng đổi thay theo các quy luật khách quan. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc sẽ ngày càng phát triển, hoàn thiện cùng với thực tiễn đang biến đổi của đất nước trên con đường đi vào thế kỷ XXI. Tư tưởng ấy vẫn là ngọn nguồn tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam để đi tới thắng lợi hoàn toàn và triệt để của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

CHƯƠNG VI

TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ HỒ CHÍ MINH

Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã đánh thắng nhiều đạo quân xâm lược lớn mạnh hơn ta gấp nhiều lần. Lịch sử hào hùng của dân tộc đã ghi lại biết bao chiến công hiển hách. Lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần bất khuất chống ngoại xâm đã trở thành truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta.

Dưới các triều đại phong kiến, kẻ thù bên ngoài đến xâm lược nước ta đều xuất phát từ một quốc gia phong kiến, cùng một phương thức sản xuất phong kiến, một nền nông nghiệp lạc hậu. Với đường lối toàn dân đánh giặc, trên dưới một lòng, lấy chí nhân thay cường bạo, lấy đại nghĩa thắng hung tàn..., các vương triều Việt Nam đã huy động được đông đảo các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước, đập tan mọi âm mưu và hành động xâm lược của kẻ thù. Nhưng đến thế kỷ XIX, tình hình đã thay đổi. Nước Việt Nam nông nghiệp lạc hậu với chế độ phong kiến lỗi thời lại phải đương đầu với những kẻ thù ngoại xâm hoàn toàn khác trước. Chúng là bọn đế quốc thực dân, xuất phát từ một quốc gia tư bản, có nền công nghiệp phát triển, có đội quân nhà nghề được

trang bị bằng vũ khí hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước, nhân dân ta đã liên tiếp đứng lên chống giặc, nhưng đều bị thất bại. Lịch sử đòi hỏi phải có đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn, phù hợp với những biến đổi của tình hình, mới có thể giành được thắng lợi. Bế tắc về đường lối, dân tộc vẫn không có đường ra, đất nước vẫn không thoát khỏi thân phận của một nước thuộc địa dưới sự thống trị của thực dân đế quốc.

Chính trong bối cảnh lịch sử ấy, Hồ Chí Minh đã không theo lối mòn của những người đi trước, quyết ra đi tìm cho được con đường cứu nước. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, con đường đánh bại chủ nghĩa thực dân đế quốc. Đó là con đường cách mạng vô sản, con đường gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - bằng việc tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, sau này được gọi là hai giai đoạn cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bằng đường lối này, Hồ Chí Minh đã mở ra một thời đại mới cho cách mạng Việt Nam.

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong những điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, trước hết Hồ Chí Minh đã xác định được đường lối chính trị đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Những tư tưởng chính trị mới này đã quy định sự hình thành và phát triển tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, làm cốt lõi cho đường lối

quân sự của Đảng trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là một bộ phận hữu cơ cực kỳ quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam. Đó không phải là tư tưởng thuần tuý quân sự , mà luôn luôn là *tư tưởng quân sự chính trị* - tư tưởng quân sự xuất phát từ tư tưởng chính trị, quân sự gắn bó chặt chẽ với chính trị, phục vụ cho những nhiệm vụ chính trị, nhằm thực hiện những mục tiêu chính trị, bao quát nhất là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, giành lại độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho mỗi con người. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng bạo lực trong đấu tranh để giành và giữ chính quyền, trong khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, trong việc xây dựng căn cứ địa, hậu phương, đặc biệt là xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân và nền quốc phòng toàn dân...

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh đã được hình thành trên những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng.

Đó là di sản quân sự rất phong phú của dân tộc ta trải qua các cuộc khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc mang tính nhân dân sâu rộng, trong trường kỳ lịch sử từ đầu công nguyên cho đến sau này.

Đó là tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng bạo lực, về khởi nghĩa, về chiến tranh đã.được đề ra cho giai cấp vô sản và quần chúng lao động trong cuộc đấu tranh để giành và giữ chính quyền, nhằm xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội

và chủ nghĩa cộng sản.

Đó là những tinh hoa quân sự cổ kim của cả phương Đông và phương Tây, kinh nghiệm về khởi nghĩa và chiến tranh của nhiều nước, đặc biệt là của Trung Quốc và Liên Xô.

Đó là thực tiễn đất nước và con người Việt Nam, thực tiễn đấu tranh cách mạng lâu dài, kiên cường và đầy sáng tạo của cả dân tộc ta từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là thực tiễn của hơn 30 năm chống lại hai đế quốc lớn, nhằm giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh không phải chỉ được thể hiện trong các bài nói, bài viết của Người về quân sự, mà còn trong thực tiễn Người chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, chỉ đạo khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng, trong đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng và Nhà nước do Người lãnh đạo. Tư tưởng ấy còn được thể hiện trong những hoạt động hết sức phong phú và sáng tạo của những người học trò gần gũi của Người, của quân dân cả nước trong cuộc chiến đấu vô cùng oanh liệt chống thù trong giặc ngoài trong suốt hơn nửa thế kỷ vừa qua. Đây chính là *lý luận quân sự hiện đại của dân tộc ta,* một bộ phận quan trọng của lý luận cách mạng Việt Nam, nhằm giải phóng dân tộc khỏi sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân, để bước vào một thời đại mới - thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Dưới đây là những nội dung cơ bản của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh.

I. TƯ TƯỞNG DÙNG BẠO LỰC CÁCH MẠNG ĐỂ CHỐNG LẠI BẠO LỰC PHẢN CÁCH MẠNG. TƯ TƯỞNG BẠO LỰC CÁCH MẠNG THỐNG NHẤT VỚI TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO VÀ HOÀ BÌNH

Từ kinh nghiệm của dân tộc Việt Nam và nhiều dân tộc khác trên thế giới, cũng như kinh nghiệm của bản thân mình, Hồ Chí Minh đã sớm thấy rõ con đường cách mạng không phải là con đường cải lương, việc giải phóng các dân tộc thuộc địa không thể ảo tưởng trông chờ vào sự rủ lòng thương của bọn thực dân xâm lược, độc lập tự do thực sự chỉ có thể giành lại bằng cuộc đấu tranh của cả dân tộc, chứ không thể cầu xin mà có được. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã đem lại cho Người tinh thần cách mạng triệt để của giai cấp vô sản, tư tưởng đúng đắn về cách mạng bạo lực trong cuộc đấu tranh với mọi kẻ thù dân tộc và giai cấp.

Khi bản *Yêu sách* 8 điểm gửi cho Hội nghị Vécxây bị bác bỏ, Người đã thấy rõ "chủ nghĩa Uynxơn" chỉ là một trò bịp bợm lớn"[1]; "Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi"[2]. Từ đó, Người đi đến kết luận: Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình; "Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, *cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền*"[3].

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 1, tr. 416, 96.

3. *Sđd*, t. 12, tr. 304.

Khi đã tìm thấy con đường cứu nước, xác định được đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, Người đã chủ động tập trung vào việc xây dựng lực lượng cho cách mạng, trước hết là lực lượng chính trị, và từng bước xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho việc tiến hành cách mạng bạo lực ở Việt Nam.

Khi đã có chính quyền thì khẩn trương phát triển lực lượng, chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù bằng bạo lực cách mạng để giữ vững chính quyền.

Khi đã buộc phải kháng chiến thì kiên quyết động viên toàn dân đứng lên chiến đấu, với tinh thần "... Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"[1]. "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi"[2].

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, lực lượng để tiến hành cách mạng bạo lực không phải chỉ là lực lượng vũ trang, phương thức tiến hành cách mạng bạo lực không phải chỉ là đấu tranh quân sự. Người đã chỉ rõ cách mạng bạo lực bao giờ cũng phải dựa vào hai lực lượng: lực lượng chính trị của toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó lực lượng chính trị là cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang. Phương thức tiến hành cách mạng bạo lực phải vừa là đấu tranh chính trị, vừa là đấu tranh quân sự, phải kết hợp hai phương thức ấy cho phù hợp với tình hình từng nơi, từng lúc để giành thắng lợi.

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 480.
2. *Sđd*, t. 12, tr. 407.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng bạo lực hoàn toàn khác với tư tưởng hiếu chiến của những kẻ thù xâm lược nước ta. Xuất phát từ lòng yêu nước thương dân, quý trọng sinh mệnh con người, Người tranh thủ dùng cách đấu tranh ít đổ máu nhất để giành và giữ chính quyền. Khi đối phương chủ trương gây chiến, Người tìm mọi cách ngăn chặn các cuộc xung đột vũ trang, đẩy lùi chiến tranh xâm lược, bằng kiên trì đàm phán, thương lượng, chấp nhận những nhân nhượng có nguyên tắc. Khi kẻ thù ngoan cố gây chiến tranh xâm lược, không còn cách nào khác để tránh khỏi chiến tranh, Người kêu gọi toàn quân, toàn dân nhất tề đứng dậy, quyết chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng, dùng chiến tranh chính nghĩa đánh bại chiến tranh phi nghĩa. Tuy nhiên, trong khi tiến hành chiến tranh, Người không bỏ lỡ cơ hội đàm phán hoà bình với địch để sớm kết thúc chiến tranh trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bọn thực dân đế quốc không cam tâm chịu thất bại. Chúng tìm mọi cách lật đổ chính quyền cách mạng còn rất non trẻ. Thực dân Pháp theo gót quân Anh vào giải giáp quân Nhật đã nổ súng đánh ta ở Nam bộ ngay từ ngày 23-9-1945.

Chủ tịch Hồ Chí Minh một mặt kêu gọi đồng bào Nam bộ và Nam Trung bộ kiên quyết đứng lên cầm vũ khí chống giặc; mặt khác đã chủ trương đàm phán với đại diện của Chính phủ Pháp để cứu vãn hoà bình. Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 đã được ký kết. Mặc dầu có hiệp định,

Chính phủ Pháp vẫn không chịu từ bỏ chính sách xâm lược Việt Nam. Tuy nhiên, Người vẫn cố tìm mọi cách để cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Pháp tiếp tục ở Hội nghị Phôngtenblô (ngoại ô Pari). Người đã dành bốn tháng rưỡi đi thăm nước Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, thực chất là để chỉ đạo phái đoàn của ta tham dự cuộc Hội nghị này. Tại Pari, Người đã phát biểu: "Tinh thần thiện chí của Việt Nam khi ký hiệp ước còn giá trị hơn mọi văn bản và lời nói, vì chúng tôi kiên quyết bảo đảm những lợi ích tinh thần, văn hoá và vật chất của Pháp và ngược lại, Pháp phải bảo đảm nền độc lập của chúng tôi. Tôi xin nhắc lại... một chữ "Độc lập" là đủ để đưa lại một sự tín nhiệm đang cần được khẳng định".

... Tôi đến đây để hoà giải. Tôi không muốn về Hà Nội với hai bàn tay trắng. Tôi mong muốn trở về với những kết quả cụ thể, một sự khẳng định tương lai hợp tác mà chúng tôi mong đợi"[1].

Do lập trường ngoan cố của Chính phủ Pháp, Hội nghị Phôngtenblô bị bế tắc; cả hai vấn đề Độc lập của Việt Nam và Nam bộ là bộ phận không thể tách rời của nước Việt Nam thống nhất đều chưa giải quyết được. Để cứu vãn tình hình, ngày 14-9-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký bản Tạm ước với Thủ tướng Pháp Gioócgiơ Biđôn, ghi nhận những điều khoản chung tạm thời có lợi cho cả hai bên, để hai bên sẽ tiếp tục đàm phán trở lại, chậm nhất là vào tháng 1-1947.

---

1. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 3, tr. 279.

Bọn thực dân xâm lược Pháp đã dẫm đạp lên những văn bản chúng đã ký với Việt Nam, những hành động khiêu khích của chúng diễn ra ngày càng trắng trợn và đẩy cuộc chiến tranh xâm lược ngày càng đến gần. Đây là điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã dự đoán để lãnh đạo toàn dân tranh thủ thời gian chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đối phó với chiến tranh. Tuy nhiên, đến ngày 13-12-1946 Người vẫn tuyên bố: "Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hoà bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Tôi biết là nhân dân Pháp không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách... Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi hàng bao nhiêu sinh mạng. Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm"[1].

Khi bọn thực dân Pháp gửi tối hậu thư buộc ta phải hạ vũ khí, lòng căm phẫn của nhân dân ta đã lên tới tột độ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi:

"Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!... Chúng ta phải đứng lên!..."[2].

Mặc dù chiến tranh đã xảy ra, Người vẫn tìm mọi cách cứu vãn hoà bình. Đã rất nhiều lần Người gửi thư, gửi điện cho Chính phủ và nhân dân Pháp, những tướng lĩnh

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 473, 480.

và binh sĩ trong đội quân viễn chinh Pháp, những kiều dân Pháp đang có mặt ở Việt Nam, các chính phủ, các nhà hoạt động chính trị, văn hoá và nhân dân các nước..., một mặt tố cáo dã tâm xâm lược và những tội ác do bọn thực dân phản động, hiếu chiến gây ra, mặt khác kêu gọi trở lại đàm phán hoà bình giữa hai bên Pháp - Việt.

Người đã nêu rõ lập trường của Chính phủ và nhân dân Việt Nam:

"Chính phủ và nhân dân Pháp chỉ cần có một cử chỉ công nhận độc lập và thống nhất của nước Việt Nam là chấm dứt được những tai biến này; hoà bình và trật tự sẽ trở lại ngay tức khắc"[1].

"Chúng tôi muốn hoà bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau.

Chúng tôi mong đợi ở Chính phủ và nhân dân Pháp một cử chỉ mang lại hoà bình. Nếu không, chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu đến cùng để giải phóng hoàn toàn đất nước. Nước Việt Nam có thể bị tàn phá, nhưng nước Việt Nam sẽ hùng mạnh hơn sau cuộc tàn phá đó. Còn nước Pháp chắc chắn sẽ mất hết và sẽ biến hẳn khỏi cõi Á châu"[2].

Với lòng nhân đạo đối với con người và tinh thần yêu chuộng hoà bình giữa các dân tộc, Người đã bầy tỏ lòng yêu mến thanh niên Pháp cũng như thanh niên Việt Nam, những lớp người đầy tài năng và triển vọng đang rất cần cho công cuộc xây dựng của mỗi nước. Người rất

---

1, 2. *Sđd*, t. 5, tr. 12, 19.

đau xót trước cuộc chiến tranh xâm lược do thực dân Pháp gây ra đã cướp đi biết bao sinh mạng con người:

"Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam, đã vì Tổ quốc mà hy sinh tính mệnh.

Tôi cũng ngậm ngùi thương xót cho những người Pháp đã tử vong.

Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người"[1].

Đối với tù binh, Người luôn nhắc nhở quân dân phải đối xử tử tế với tinh thần nhân đạo. Đối với những người lầm đường lạc lối đã biết hối cải, thái độ của Người là khoan dung độ lượng, để giúp cho họ có thể cải tà quy chính, trở về trong lòng dân tộc, làm được những việc có ích cho xã hội.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, Người kiên trì đòi đối phương nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ, thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử. Nhưng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã dìm miền Nam trong biển máu, buộc đồng bào ta không còn con đường nào khác là phải một lần nữa cầm vũ khí đứng lên chiến đấu.

Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, Người đã nhiều lần gửi thông điệp cho các nhà cầm quyền Mỹ, đề nghị đàm phán hoà bình để sớm kết thúc chiến tranh, nhưng họ đã đáp lại bằng việc tăng cường hơn nữa cuộc chiến tranh xâm lược, đưa chiến tranh lên mức độ vô cùng khốc liệt. Chủ tịch Hồ Chí Minh một mặt kêu gọi toàn

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 457.

quân, toàn dân "quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" cho đến thắng lợi cuối cùng, thực hiện cho được mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; mặt khác Người cũng nêu rõ chủ trương phải tranh thủ thời cơ để có thể "vừa đánh vừa đàm", "đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào", sẵn sàng mở đường cho quân xâm lược rút ra khỏi đất nước ta.

Tất cả đã thể hiện quan điểm cách mạng bạo lực của Hồ Chí Minh là rất kiên định và đúng đắn, luôn luôn thống nhất tư tưởng bạo lực với tư tưởng nhân đạo và hoà bình.

II. TƯ TƯỞNG KHỞI NGHĨA VŨ TRANG TOÀN DÂN

Tiếp thu quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tổng kết những bài học kinh nghiệm từ lịch sử lâu dài đấu tranh giành độc lập của dân tộc, Hồ Chí Minh đã suy nghĩ về một cuộc khởi nghĩa vũ trang từ rất sớm.

Trong *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ* năm 1924 , Người đã viết: "Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương:

1. Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng"[1].

Tư tưởng về khởi nghĩa vũ trang của quần chúng trên đây đã được tiếp tục phát triển trong bản *Luận cương*

---

1. *Sđd*, t. 1, tr. 468.

chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10-1930:

"Nhiệm vụ của Đảng là phải lấy những sự nhu yếu hàng ngày làm bước đầu mà dắt vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường cách mạng. Đến lúc sức cách mạng lên rất mạnh, giai cấp thống trị đã rung động, các giai cấp đứng giữa đã muốn bỏ về phe cách mạng, quần chúng công nông thì sôi nổi cách mạng, quyết hy sanh phấn đấu, thì Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông.

...

Võ trang bạo động không phải là một việc thường, chẳng những là theo tình thế trực tiếp cách mạng, mà lại phải theo khuôn phép nhà binh, cho nên cần phải chú ý. Trong khi không có tình thế trực tiếp cách mạng cũng cứ kịch liệt tranh đấu; nhưng kịch liệt tranh đấu ấy không phải là để tổ chức những cuộc manh động, hoặc là võ trang bạo động quá sớm, mà cốt là để huy động đại quần chúng ra thị oai, biểu tình bãi công, v.v., để dự bị họ về cuộc võ trang bạo động sau này"[1].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về khởi nghĩa vũ trang đã được thể hiện khá tập trung trong những bài dùng cho lớp huấn luyện cán bộ đầu năm 1941, được tập hợp trong tác phẩm *Con đường giải phóng*. Trong tác phẩm này, Người đã tổng kết kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam từ khi bị thực dân Pháp xâm lược, nêu rõ nguyên nhân

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t. 2, tr. 101-102.

thất bại là do chưa có đủ điều kiện khách quan và chủ quan, chiến lược, chiến thuật chưa đúng, không có tính quần chúng rộng rãi, không có một chính đảng cách mạng có đủ khả năng đề ra được đường lối đúng đắn lãnh đạo, các cuộc khởi nghĩa ấy đã không lập tức thi hành những chính sách mang lại lợi ích thiết thực cho dân...

Hội nghị Trung ương 8, tháng 5-1941, đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam, một bước ngoặt lịch sử quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, tích cực chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang khi thời cơ đến. Dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh, Hội nghị đã khẳng định: *Cách mạng Việt Nam phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang*. Chính trong thời gian trở về nước, trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam, ngoài tác phẩm *Con đường giải phóng*, Người đã viết nhiều tác phẩm về quân sự, như: *Cách đánh du kích, Phép dùng binh của Tôn tử, Cách huấn luyện cán bộ của Khổng Minh, Kinh nghiệm du kích Nga, Chính trị viên trong quân đội, Công tác chính trị trong quân đội cách mạng, v.v.*. Đây cũng là thời kỳ phát triển hoàn chỉnh tư tưởng Hồ Chí Minh về khởi nghĩa vũ trang ở Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về khởi nghĩa vũ trang có những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Khởi nghĩa vũ trang ở Việt Nam là *khởi nghĩa vũ trang toàn dân*, do toàn thể dân tộc tiến hành. Nó không phải là cuộc nổi dậy của một nhóm nhỏ, càng không phải là cuộc manh động của một số ít người, như đã diễn ra khá nhiều ở nước ta, điều mà Nguyễn Ái Quốc đã nêu ra từ năm 1924. Chỉ có tập hợp được cả dân tộc vào khởi

nghĩa vũ trang, thì mới bảo đảm đưa khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi.

Với tinh thần đó, Người kêu gọi cả dân tộc, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo, từ các tầng lớp công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, trí thức, tiểu thương, đến các vị thân sĩ, phú hào, chức sắc tôn giáo, các quan lại, công chức làm việc cho chính quyền thực dân, phong kiến, bất cứ ai là người Việt Nam có lòng yêu nước phải tham gia vào việc cứu nước, vào cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân để giành cho được độc lập. Người chủ trương đi vào quần chúng, tuyên truyền vận động, giác ngộ quần chúng, tổ chức quần chúng vào các đoàn thể cứu quốc, tập hợp trong Mặt trận Việt Minh là Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi nhất, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, đưa quần chúng vào những cuộc đấu tranh từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao, để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

2. Trên cơ sở đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, cùng với việc xây dựng lực lượng phải tìm mọi cách *tạo thời cơ và nắm vững thời cơ* để phát động khởi nghĩa. Vận dụng tư tưởng Lênin về tình thế cách mạng, trong tác phẩm *Con đường giải phóng*, Người đã nêu lên ba điều kiện của thời cơ khởi nghĩa:

Một là, chính quyền thực dân đế quốc đã lung lay bối rối đến cao độ, chúng đã cảm thấy không thể ngồi yên nắm giữ địa vị của chúng như trước.

Hai là, quần chúng đói khổ đã căm thù thực dân đế quốc đến cực điểm, đã thấy cần phải đồng tâm hiệp lực, nổi dậy lật đổ ách thống trị của đế quốc thực dân, vì mọi

người hiểu rằng nếu ngồi yên cũng chết.

Ba là, đã có một chính đảng cách mạng đủ sức tổ chức, lãnh đạo quần chúng nổi dậy khởi nghĩa theo một đường lối đúng đắn, một kế hoạch phù hợp, đảm bảo giành thắng lợi cho cuộc khởi nghĩa[1].

Trước đó, vào cuối tháng 11-1940, khi Người còn ở Quế Lâm (Quảng Tây, Trung Quốc), nghe tin về cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, Người đã triệu tập cán bộ đang có mặt tại đấy và phân tích: Tình hình chung trên thế giới ngày càng có lợi cho ta, nhưng *thời cơ chưa đến*, chưa thể khởi nghĩa được. Song nay khởi nghĩa đã nổ ra rồi, thì cần rút lui cho khéo để duy trì phong trào.

Trong *Lời kêu gọi đồng bào*, tháng 5-1941, Người đã phân tích những cuộc khởi nghĩa trước đây bị thất bại là do hai nguyên nhân: Một là vì cơ hội chưa chín; hai là vì dân ta chưa đồng tâm hiệp lực.

Mùa thu năm 1944, khi quyết định đình chỉ chủ trương khởi nghĩa của Liên tỉnh Uỷ Cao-Bắc-Lạng, Người phân tích: Chủ trương này mới chỉ xuất phát từ địa phương Cao-Bắc-Lạng, mà chưa thấy toàn cục, chưa tính đến tình hình chung của cả nước. *Bây giờ thời kỳ cách mạng hoà bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới.* Nếu cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Cao-Bắc-Lạng, các nơi khác chưa có điều kiện để hưởng ứng, quân thù có thể tập trung lực lượng khủng

---

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Con đường giải phóng*, Tư liệu Viện Lịch sử quân sự.

bố, đập tan cuộc khởi nghĩa[1].

Nhưng đến tháng 7-1945, sau khi phát xít Đức, Ý bại trận, phát xít Nhật ngày càng nguy khốn, Người lại khẳng định quyết tâm sắt đá của cả dân tộc: *Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới*, dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập[2].

Ngày 13-8-1945, Hội nghị Tân Trào quyết định phát động tổng khởi nghĩa, quân lệnh số 1 tuyên bố *"Giờ khởi nghĩa đã đánh"*.

Ngày 16-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc kêu gọi tổng khởi nghĩa:"Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ"[3].

Thời cơ nổ ra khởi nghĩa hết sức khẩn trương, có khi chỉ tính từng giờ. Sớm hay muộn đều gây tổn thất cho khởi nghĩa, thậm chí có thể làm cho khởi nghĩa thất bại.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thực sự đã đem lại những bài học điển hình về nghệ thuật tạo thời cơ và nắm vững thời cơ phát động khởi nghĩa giành chính quyền, trong một cuộc cách mạng điển hình ở các nước thuộc địa.

---

1. Xem: Võ Nguyên Giáp: *Những năm tháng không quên,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 129-130.

2. *Sđd,* tr. 196.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 3, tr. 554.

3. Khởi nghĩa vũ trang đương nhiên phải dùng vũ khí, phải chiến đấu bằng lực lượng vũ trang, nhưng không phải chỉ là một cuộc đấu tranh quân sự. Từ quan điểm chung về cách mạng bạo lực trong tác phẩm *Con đường giải phóng* được viết dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, Người đã nói rõ: Khởi nghĩa vũ trang là *nhân dân vùng dậy dùng vũ khí đuổi quân cướp nước. Đó là một cuộc đấu tranh to tát về chính trị và quân sự, là việc quan trọng, làm đúng thì thành công, làm sai thì thất bại.*

4. Khởi nghĩa từng phần đi đến tổng khởi nghĩa. Về phương thức tiến hành khởi nghĩa, Người nêu rõ sự khác biệt của ta so với các nước phương Tây: Ở các nước Âu Mỹ, cuộc khởi nghĩa thường hay bắt đầu từ những cuộc bãi công chính trị rồi mới tiếp đến các cuộc vũ trang bạo động. Ở Đông Dương ta, khởi nghĩa có thể bùng ra ở một vài nơi rồi lan dần khắp nước. Khởi nghĩa bùng ra ở nơi nhiều rừng núi tiện cho lối đánh du kích.

Tư tưởng khởi nghĩa từng phần đi đến tổng khởi nghĩa đã được thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (tháng 5-1941): Với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc *khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn để giành thắng lợi trong cả nước.*

Từ kinh nghiệm thành công hay thất bại của nhiều cuộc nổi dậy, nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang ở các nước cũng như ở nước ta, Hồ Chí Minh đã nêu rõ *vị trí chiến lược của chiến tranh du kích trong thời kỳ khởi nghĩa* giành chính quyền: "Chuyến này chúng ta vũ trang khởi

nghĩa đánh Tây - Nhật, chính dùng lối du kích mà đánh"[1]. Người cũng chỉ rõ: Du kích là cách đánh giặc của dân tộc bị áp bức chống đế quốc; là cách chiến tranh của dân chúng dùng khí giới ít và kém chống với đế quốc có khí giới tốt và nhiều; khởi nghĩa thắng lợi hay không một phần là do du kích có tổ chức vững hay không, phát triển có rộng rãi trong nhân dân hay không.

Người đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng một số tổ, đội du kích đầu tiên, hướng dẫn cho việc xây dựng và phát triển lực lượng du kích ngày càng rộng lớn, từ phân tán đến tập trung, từ ít đến nhiều, từ nhỏ đến lớn, cho đến việc thành lập *Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* vào ngày 22-12-1944.

Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự (du kích), thực hiện khởi nghĩa từng phần đã tạo nên các *"xã hoàn toàn"*, các *"tổng hoàn toàn"*, các căn cứ địa cách mạng, các khu giải phóng, trong đó có khu giải phóng lớn nhất gồm 6 tỉnh ở Việt Bắc (Cao-Bắc-Lạng – Hà-Tuyên-Thái), chuẩn bị để đi đến tổng khởi nghĩa.

5. Mục tiêu của khởi nghĩa, tổng khởi nghĩa là để *giành chính quyền*, vì vậy sau khi đã có chính quyền, phải khẩn trương *xây dựng chính quyền cách mạng*. Đây là chính quyền kiểu mới, khác về bản chất so với chính quyền thực dân, phong kiến. Đây không phải là chính quyền đứng trên nhân dân để cai trị dân, mà là *chính quyền của dân, do dân và vì dân.*

Với tinh thần ấy, sau khi Tổng khởi nghĩa Tháng Tám

---

1. *Sđd,* tr. 469.

năm 1945 thành công, Người đã thành lập Chính phủ lâm thời, xây dựng chính quyền nhân dân các cấp từ Trung ương đến thôn xã, buôn bản, đường phố, tổ chức tổng tuyển cử, lập Chính phủ chính thức, xây dựng Hiến pháp, rất nhanh chóng tạo nên một chính quyền hợp hiến ở nước ta. Điều đặc biệt quan trọng là việc ban hành những chính sách kinh tế - xã hội thiết thực mang lại lợi ích cho dân, làm cho dân càng tha thiết với chính quyền cách mạng, càng ra sức ủng hộ và bảo vệ chính quyền. Chỉ trong một thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng, chính quyền cách mạng đã giải quyết hàng loạt những vấn đề cực kỳ trọng đại về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, về an ninh quốc phòng, đối nội đối ngoại trong tình hình vô cùng phức tạp và chồng chất những khó khăn hiểm nghèo, những vấn đề ấy không phải chỉ có ý nghĩa trước mắt mà còn đặt nền móng vững chắc cho sự nghiệp cách mạng lâu dài về sau.

Từ những bài học kinh nghiệm của dân tộc về giành độc lập và giữ vững nền độc lập, về dựng nước và giữ nước, từ quan điểm của Lênin về giành chính quyền cách mạng đã khó, nhưng giữ được chính quyền cách mạng còn khó hơn nhiều, lại xuất phát từ việc đánh giá đúng tình hình quốc tế và trong nước, Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng lãnh đạo toàn dân ra sức xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, khẩn trương chuẩn bị cho những cuộc chiến đấu còn gay go ác liệt hơn đang đặt ra trên con đường đi lên của dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc Tổng khởi nghĩa với lực lượng chính trị của toàn dân là chủ yếu, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, là *thắng lợi rực rỡ của tư*

tưởng Hồ Chí Minh về khởi nghĩa vũ trang toàn dân, giành lại độc lập cho dân tộc, đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

III. TƯ TƯỞNG KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN, TRƯỜNG KỲ, DỰA VÀO SỨC MÌNH LÀ CHÍNH

Dân tộc Việt Nam muốn sống trong hoà bình, trong độc lập và thống nhất để xây dựng đất nước giầu mạnh phồn vinh, muốn sống hữu nghị, hoà hiếu với các quốc gia dân tộc khác, muốn là bạn với tất cả các nước dân chủ. Dân tộc Việt Nam không muốn gây thù gây oán với ai, không bao giờ muốn gây chiến với ai. Điều ấy đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nhiều lần với cả thế giới. Khi chủ nghĩa thực dân đế quốc đem quân đến xâm lược nước ta, dân tộc ta buộc phải chiến đấu chống ngoại xâm. Cuộc chiến tranh mà chúng ta tiến hành vừa là *chiến tranh giải phóng*, lại vừa là *chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*. Đó là *chiến tranh chính nghĩa* chống lại chiến tranh phi nghĩa, *chiến tranh nhân dân* chống lại chiến tranh xâm lược của bọn thực dân đế quốc. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cuộc chiến tranh ấy được thể hiện bằng cuộc *kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính.*

1. Kháng chiến toàn dân

Dân tộc ta đã có nhiều kinh nghiệm tiến hành khởi

nghĩa và chiến tranh nhân dân. Ý thức dân tộc, đoàn kết chiến đấu để giữ nước giữ nhà, gắn bó nhà với nước, "nước mất thì nhà tan" - đã trở thành truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta.

Phần lớn các nhà lãnh đạo yêu nước thời xưa, mặc dù có những hạn chế về giai cấp và lịch sử, nhưng đều đã thấy sức mạnh của dân, đã chủ trương dựa vào dân để chống giặc giữ nước. Trần Quốc Tuấn đã kết luận: "Phải khoan thư sức dân, làm kế sâu rễ bền gốc, ấy là thượng sách để giữ nước". Nguyễn Trãi coi sức dân mạnh như sức nước, có thể đẩy thuyền, cũng có thể lật thuyền, muốn giữ nước "phải tập hợp bốn phương manh lệ". Với nhận thức tiến bộ ấy, họ đã biết giương cao ngọn cờ dân tộc và thực hiện một số chính sách để phát huy lòng yêu nước của dân, đoàn kết được nhân dân cùng đứng lên chống giặc. Nhờ vậy trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đông đảo nhân dân không những chỉ hăng hái tham gia vào quân của triều đình, quân của các lộ, mà còn xây dựng cả các đội dân binh, hương binh ở các thôn xã, làng bản, xây dựng nên truyền thống "trăm họ là binh", "cả nước chung sức đánh giặc".

Kế thừa truyền thống "giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh", truyền thống toàn dân đánh giặc của dân tộc, vận dụng quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định những quan điểm rất cơ bản: *dân là chủ; kháng chiến, kiến quốc là sự nghiệp của dân; có dân là có tất cả; khởi nghĩa* ***toàn dân*** *để giành lại nền độc lập cho dân tộc; kháng chiến* ***toàn dân*** *để giữ vững nền độc lập*

ấy. Toàn dân, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, là toàn thể dân tộc, là mọi con dân nước Việt, mọi người con Lạc cháu Hồng. Điều này đã được Người nói rõ trong ***Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*** chống thực dân Pháp: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước"[1]. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp, Người đã nhiều lần khẳng định 20 triệu đồng bào Việt Nam quyết đánh tan mấy vạn quân thực dân phản động. Trong kháng chiến chống Mỹ, Người khẳng định cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân; 31 triệu đồng bào ở cả hai miền Nam Bắc, bất kỳ già trẻ, gái trai phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ cứu nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã động viên được lực lượng toàn dân tham gia cuộc kháng chiến ác liệt và lâu dài chưa từng có trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Làm được như vậy, trước hết là do Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, đáp ứng mong ước ngàn đời của dân tộc và phù hợp với xu thế chung của thời đại. Đó là con đường gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, con đường giải phóng triệt để cho dân tộc, xã hội và con người. Mục tiêu chính trị của cuộc kháng chiến toàn dân không phải chỉ là giữ và giành lại nền độc lập cho Tổ quốc,

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 480.

còn người dân vẫn chỉ là thần dân, thứ dân, nô dân như trong các chế độ quân chủ trước kia. Kháng chiến đi liền với kiến quốc, với việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, chuẩn bị cho việc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng một chế độ xã hội mới không còn áp bức, bóc lột, bất công. Chính đường lối chính trị đúng đắn của cách mạng, mục tiêu chính trị đúng đắn của kháng chiến đã tạo khả năng động viên được sức mạnh, nghị lực và tinh thần sáng tạo to lớn của nhân dân khi đi vào chiến tranh, đi vào kháng chiến.

Để biến khả năng thành hiện thực, Hồ Chí Minh đã nêu cao chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp rộng rãi các lực lượng yêu nước vào trong Mặt trận dân tộc thống nhất, dựa trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và trí thức. Người rất coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục, động viên tinh thần nhân dân, làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ, mọi người dân hiểu rõ mục tiêu của cách mạng, tính chất của chiến tranh, của kháng chiến, nâng cao lòng yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất, giác ngộ sâu sắc lợi ích tối cao của dân tộc để tự giác tham gia kháng chiến, và đóng góp tích cực vào cuộc kháng chiến thần thánh của cả dân tộc.

2. Kháng chiến toàn diện

Chiến tranh là một cuộc thử thách toàn diện đối với sức mạnh vật chất và tinh thần của một nước. Vì vậy, kháng chiến toàn dân phải gắn với kháng chiến toàn diện. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: *Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào*

thắng lợi được". Kháng chiến toàn diện là phát huy đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân đánh giặc trên tất cả các mặt trận *quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, tư tưởng*.

Đấu tranh quân sự là hình thức chủ yếu nhất của chiến tranh. Bởi vì cuối cùng bao giờ cũng phải thắng địch bằng quân sự, phải đập tan những đội quân nhà nghề là công cụ chủ yếu của kẻ xâm lược. Trên tiền tuyến cũng như ở sau lưng địch, phải đánh địch ở khắp mọi nơi, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị nhằm tiêu hao, tiêu diệt thật nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Phải vừa đánh vừa xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang làm nòng cốt, xây dựng bộ đội chủ lực mạnh để quyết định chiến trường.

Đấu tranh chính trị là hình thức đấu tranh cơ bản của chiến tranh nhân dân. Tập hợp, mở rộng và củng cố các tổ chức quần chúng, xây dựng và phát triển các lực lượng chính trị, tổ chức và lãnh đạo nhân dân đấu tranh với các hình thức và quy mô phù hợp, để phối hợp với đấu tranh quân sự chống địch ở khắp nơi, làm cho địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Phối hợp những cuộc tiến công chính trị của quần chúng với binh, địch vận, đánh vào tinh thần và tổ chức của địch, tạo nên những suy yếu, rã rời từ ngay trong hàng ngũ của địch. Xây dựng cơ sở quần chúng, tạo điều kiện cho đấu tranh quân sự phát triển.

Tiến hành đấu tranh quân sự và chính trị song song hoặc đưa hình thức nào lên trước, là phải căn cứ vào tình

hình cụ thể từng nơi từng lúc mà quyết định. Nhưng nhìn chung toàn cục thì, trong một cuộc chiến tranh, *quân sự là việc chủ chốt trong kháng chiến* để thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ chính trị của cuộc kháng chiến. *Thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi cho chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn.*

Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược, phối hợp với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị. Trong chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo rất chặt chẽ cuộc đấu tranh về ngoại giao, và bản thân Người đã trực tiếp thực hiện cuộc đấu tranh này hết sức sắc bén. Người coi trọng công tác tuyên truyền đối ngoại, vạch rõ tính chất phi nghĩa, phản động của cuộc chiến tranh xâm lược của địch, những tội ác chúng đã gây ra trên đất nước ta, khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến của ta và ý chí quyết tâm giành và giữ độc lập tự do của nhân dân ta, để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các chính phủ và nhân dân các nước, của mọi người, mọi tổ chức, mọi lực lượng yêu chuộng hoà bình và tiến bộ trên toàn thế giới.

Trong đấu tranh ngoại giao, Người đã khéo lợi dụng mâu thuẫn để phân hoá kẻ thù, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính. Người chủ trương "vừa đánh vừa đàm", "đánh là chủ yếu, đàm là hỗ trợ". Trong đàm phán phải hết sức kiên trì, tỉnh táo, có khi phải chấp nhận nhân nhượng, nhưng là những nhân nhượng có nguyên tắc. Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, mặt trận ngoại giao của ta đã giành được những thắng lợi to lớn, đã phát huy được sức mạnh

của thời đại, đã hỗ trợ đắc lực cho mặt trận quân sự và mặt trận chính trị giành thắng lợi.

Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng hậu phương vững mạnh, có đủ sức người, sức của phục vụ cho tiền tuyến. Phải phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch. Người kêu gọi "hậu phương thi đua với tiền phương", coi "ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ"; "tay cày tay súng, tay búa tay súng, ra sức phát triển sản xuất để phục vụ kháng chiến".

Về *đấu tranh văn hoá - tư tưởng*, Người nói: "Chiến tranh về mặt văn hoá hay tư tưởng so với những mặt khác cũng không kém quan trọng"[1]. Phải phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại và của thời đại, tẩy trừ ảnh hưởng của văn hoá thực dân, thực hiện *văn hoá hoá kháng chiến, kháng chiến hoá văn hoá*. Coi văn hoá là một mặt trận, mỗi văn nghệ sĩ, mỗi trí thức, mỗi nhà văn hoá phải là một chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Cùng với việc chống giặc ngoại xâm và giặc đói còn phải chống giặc dốt. Phải bắt đầu từ việc xoá nạn mù chữ, tích cực nâng cao trình độ dân trí, phát triển văn hoá giáo dục, coi trọng việc đào tạo nhân tài và sử dụng đúng nhân tài để phục vụ sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh văn hoá - tư tưởng còn phải chống những thói hư tật xấu, những hủ tục, những thói quen tập quán lạc hậu..., xây dựng đạo

---

1. *Sđd*, tr. 319.

đức mới, lối sống mới, nhân cách mới, nói chung là xây dựng những con người mới để phục vụ kháng chiến và chuẩn bị cho việc xây dựng đất nước sau khi kháng chiến thắng lợi.

3. Kháng chiến trường kỳ, dựa vào sức mình là chính

Nước ta vốn là một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, trước Cách mạng Tháng Tám đã trở nên xơ xác dưới hai tầng áp bức bóc lột Nhật-Pháp. Nhân dân ta vừa giành được chính quyền đã phải đánh nhau với bọn thực dân xâm lược Pháp, với những đội quân tinh nhuệ của một nước tư bản hùng mạnh. Chúng muốn đánh đổ chính quyền cách mạng còn rất non trẻ, muốn đè bẹp ta thật nhanh để thiết lập trở lại ách thống trị của chúng trên đất nước ta. Muốn chống lại chúng, nhân dân ta không có cách nào khác là phải tiến hành một cuộc kháng chiến lâu dài, một cuộc trường kỳ kháng chiến.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương *"trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi"*. Người nhắc đến kinh nghiệm *"Ngày xưa tổ tiên ta đã phải kháng chiến trường kỳ mới thắng được ngoại xâm"*[1]. Tại sao như vậy? Điều đó đã được Người giải thích: "Kháng chiến phải trường kỳ, vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo, ta phải chuẩn bị lâu dài và phải có sự chuẩn bị về toàn diện của toàn dân"[2]. Người còn nói: "Địch muốn tốc chiến, tốc thắng. Ta lấy *trường kỳ kháng chiến* trị nó,

---

1, 2. *Sđd*, t. 6, tr. 316, 164.

thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng"[1].

Kháng chiến trường kỳ, nhưng không có nghĩa là phải kéo dài vô thời hạn, mà phải nỗ lực vượt bậc, vừa tiêu diệt địch, vừa bồi dưỡng phát triển lực lượng của ta, càng đánh ta càng mạnh, địch càng yếu, đánh bại từng âm mưu chiến lược của địch, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Trong tình hình đó, phải biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ để giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

Dựa vào sức mình là chính là sự tiếp nối truyền thống độc lập tự chủ, tự lực tự cường của dân tộc. Từ rất sớm, khi tìm thấy con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên tư tưởng phải *lấy sức ta mà giải phóng cho ta*. Theo Người, một dân tộc mà không biết tự lực cánh sinh, không biết dựa vào sức mình để giải phóng cho mình, mà cứ ngồi chờ sự giúp đỡ của dân tộc khác thì không xứng đáng được độc lập tự do. Tư tưởng ấy đã được quán triệt trong Đảng, trong nhân dân ta, từ đó chúng ta đã tự lực đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thành công, mà chưa có sự giúp đỡ trực tiếp của bất cứ ai. Trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp, nhân dân ta đã chiến đấu trong vòng vây với tinh thần tự lực cao độ. Khi đã tranh thủ được sự giúp đỡ quốc tế, tinh thần tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính vẫn giữ nguyên ý nghĩa quan trọng của nó, để chúng ta không rơi vào tình trạng trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm, đánh mất tính độc lập tự chủ, tinh thần tự lực tự cường vô cùng quý giá của mình. Bởi lẽ, không độc lập tự chủ, không tự lực tự cường, thì

---

1. *Sđd,* t. 4, tr. 485.

nhất định sẽ biến mình thành lệ thuộc.

Nhưng độc lập tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính không có nghĩa là mình tự cô lập mình. Hồ Chí Minh luôn luôn xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi phải liên hệ với cách mạng thế giới, phải tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của cách mạng thế giới. Vì vậy, khi nói tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính, Người không quên tận lực tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế và luôn có ý thức đấu tranh góp phần vào thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới.

Dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế - quan điểm đó đã được Hồ Chí Minh khẳng định trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, trong chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Trong suốt cuộc kháng chiến 30 năm của dân tộc, Người đã nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường của dân tộc, đồng thời Người đã tìm mọi cách để tranh thủ sự giúp đỡ to lớn và sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hoà bình thế giới, của cả nhân loại tiến bộ, kể cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ.

IV. NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Nói đến nghệ thuật quân sự là nói đến cách đánh, cách dùng binh đã trở thành thông thạo, điêu luyện để giành thắng lợi trong một trận chiến đấu, một chiến dịch hay trên

toàn bộ chiến trường. Trong tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, vấn đề nghệ thuật quân sự chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Người đã viết nhiều tác phẩm về nghệ thuật quân sự, như *Cách đánh du kích, Phép dùng binh của Tôn Tử, Kinh nghiệm du kích Nga, Kinh nghiệm du kích Tàu, v.v.. Cách đánh du kích* là một tác phẩm không chỉ có giá trị cho du kích, mà cả cho quân đội chính quy Việt Nam trong chiến đấu chống các đội quân xâm lược mạnh hơn cả về số lượng và trang bị kỹ thuật, trong đó đã đề cập các vấn đề quân sự quan trọng, từ nguyên tắc, tổ chức đến những cách đánh cụ thể trong tiến công, trong phòng ngự...

Trong nghệ thuật quân sự, Người đã kế thừa và phát triển cách đánh "lấy nhỏ đánh lớn", "lấy yếu đánh mạnh", "lấy ít địch nhiều", "lấy đoản binh chế trường trận" của ông cha ta và đã đưa nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân của Việt Nam lên một đỉnh cao mới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nghệ thuật quân sự bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, luôn giành thế chủ động

Có tư tưởng chiến lược tiến công mới có hành động tiến công. Có chủ động mới phát triển được thế tiến công. Luôn luôn giữ quyền chủ động, "Kiên quyết không ngừng thế tiến công" là biểu hiện cao nhất của tư tưởng tiến công. Người nói: "Giữ quyền chủ động là khôn khéo sử khiến*

* Tức là khôn khéo điều khiển quân thù.

quân thù, muốn đánh nó ở chỗ nào thì đưa nó đến đó mà đánh, muốn đưa nó vào bẫy của mình có thể đưa được..., giữ được chủ động thì thế nào cũng thắng, không thắng to thì thắng nhỏ"[1].

Tư tưởng chiến lược tiến công không loại trừ cách đánh phòng ngự. Nhưng, như Người phân tích, phòng ngự là phòng ngự chủ động, là "phòng ngự thế công", là "Tiến công, thoái thủ nhanh như chớp", là "Tiến công, phòng ngự không sơ hở".

Tiến công phải nắm vững nguyên tắc chắc thắng, không phiêu lưu mạo hiểm. Người luôn giáo dục cán bộ không được chủ quan khinh địch, tích cực tiêu diệt địch nhưng phải biết "bảo toàn lực lượng để kháng chiến lâu dài", phải tiết kiệm sức quân, tiết kiệm sức dân. Chắc thắng thì đánh, không chắc thắng thì kiên quyết không đánh.

2. Kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu

Lực là sức mạnh tinh thần và vật chất của từng người, từng đơn vị, từng địa phương và cả nước, là lực lượng của toàn quân, toàn dân.

Thế là không gian và địa bàn hoạt động, là cách bố trí lực lượng, cách chọn hướng tiến công để phát huy được sức mạnh đánh địch. Từng trận chiến đấu, từng chiến dịch, từng chiến trường và trên cả nước đều tạo ra thế thuận lợi, thế mạnh để đánh địch, luôn tạo ra thế trận toàn dân căng địch ra mà đánh, để quân đội tập trung lực lượng đánh vào những chỗ sơ hở, chỗ yếu, chỗ hiểm của địch.

---

1. *Sđd*, t. 3, tr. 473.

Lấy yếu đánh mạnh là nói về toàn bộ một cuộc kháng chiến, một cuộc chiến tranh, nhưng khi đánh địch thì lại phải luôn đánh địch trên thế mạnh. Ở vào thế thuận lợi, một lực yếu có thể trở thành lực mạnh. Người đã lấy ví dụ: Quả cân chỉ một kilôgam, ở vào thế lợi thì lực của nó tăng lên nhiều, có sức mạnh nhấc bổng được một vật nặng hàng trăm kilôgam. Đó là thế thắng lực. Đó là thế trận của từng chiến sĩ, từng đơn vị, của toàn quân, hơn nữa còn là thế trận của toàn dân, thế trận của chiến tranh nhân dân.

Thời là thời gian, thời điểm, thời cơ tấn công địch. Chọn thời điểm tấn công bất ngờ vào lúc địch không chuẩn bị, không đề phòng, không dự đoán trước, để bảo đảm đã đánh là chắc chắn giành được thắng lợi. Trong bài thơ *Học đánh cờ*, Người đã khái quát:

"Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công"[1].

Mưu là mưu trí, mưu lược, mưu cơ, mưu kế của Bộ Thống soái, hơn nữa còn là mưu kế của mỗi chiến sĩ, mỗi người dân, của toàn quân, toàn dân.

Muốn vận dụng lực, thế, thời cho có kết quả, Người nhấn mạnh phải dùng mưu - phải quyết đoán, dũng cảm, khi tiến đánh thì phải thật nhanh, nếu trù trừ, do dự sẽ mất thời cơ. Nhưng đánh nhanh không phải là hấp tấp vội vàng mà quên cả cơ mưu, phải vừa nhanh lại vừa có mưu kế giỏi mới đánh thắng được địch. Người chỉ huy, người làm tướng có mưu trí bao giờ cũng tính toán, lo lắng đến cả hai mặt lợi và hại. Lo

1. *Sđd*, tr. 287.

mặt lợi, mới có đủ tin tưởng làm tròn nhiệm vụ. Lo mặt hại, mới tìm mưu kế để giải trừ gian nguy.

Với tinh thần trên, Người chủ trương *dĩ nhu xử cương*: "Hai hòn đá cùng chọi nhau thì hai hòn cùng vỡ, hai cái trứng cùng chọi nhau thì hai cái cùng vỡ. Phải một cái cứng, một cái mềm thì khi chọi nhau một cái mới còn. Nên hai bên cùng dùng mưu trí.

Pháp có xe tăng, đại bác, thì ta phá đường.

Pháp có máy bay thì ta đào hầm.

Pháp muốn đánh chớp nhoáng thì ta kéo dài. Nhất định ta thắng!"[1]. Người còn nói: "Thế địch như lửa. Thế ta như nước. Nước nhất định thắng lửa"[2].

Người đặc biệt nhấn mạnh *cách đánh lừa địch, cách đánh địch bất ngờ*. Đó là yêu cầu chung đối với mỗi bên tham gia chiến tranh, đặc biệt là trong điều kiện địch mạnh ta yếu, địch có vũ khí trang bị hơn ta gấp nhiều lần. "Về việc quân, không thể đường đường chính chính được mà bao giờ cũng phải áp dụng chiến thuật lừa dối"... Nhưng muốn thắng quân địch phải bày mưu kế làm sao lừa được quân địch vào cạm bẫy, nên không thể không dùng chiến thuật giả dối được"[3]. Muốn đánh thắng địch, phải áp dụng chiến thuật giả trá và phải tuyệt đối bí mật. "Muốn giả trá, thì dù mình có tài năng cũng làm như mình không có tài năng gì"[4]. "Thời kỳ tiến đánh quân địch đã đến nơi nhưng làm thế nào để cho quân địch tưởng là chưa đánh vội"[5]. Tôn Tử cũng đã từng nói: "Việc binh là

1, 2. *Sđd,* t. 5, tr. 55-56, 151.

3, 4, 5. *Sđd,* t. 4, tr. 251-252, 252.

đạo lừa dối".

Nghệ thuật tạo ra lực mạnh, thế mạnh, thời cơ có lợi và mưu kế giỏi trong nghệ thuật quân sự Hồ Chí Minh có nội dung rất phong phú và sáng tạo.

Kế thừa tư tưởng về "*thiên thời, địa lợi, nhân hoà*" của người xưa, Người coi trọng cả ba nhân tố, trong đó nhân hoà là quan trọng bậc nhất. Có nhân hoà mới có lực lượng, mới tạo ra được thế trận và thời cơ có lợi đánh thắng địch trong từng trận chiến đấu, cũng như trong toàn bộ một cuộc chiến tranh.

3. Phải đánh địch bằng mọi lực lượng, mọi quy mô, mọi cách đánh, mọi thứ vũ khí trang bị. Kết hợp đánh du kích với đánh tập trung, đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt

Trong kháng chiến toàn dân, toàn diện, phải đánh địch bằng mọi lực lượng: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích. Phải đánh địch bằng mọi quy mô: từng người đánh, từng đơn vị đánh, có đánh lớn, có đánh nhỏ. Phải đánh bằng mọi thứ vũ khí trang bị có trong tay, đặc biệt phải cướp vũ khí của địch để diệt địch.

Đánh du kích không những có vị trí chiến lược trong khởi nghĩa vũ trang, mà cả trong chiến tranh cách mạng. Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: "... làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng có du kích, thì nó thành một tấm lưới sắt, một thứ "thiên la, địa võng" mà địch không tài gì thoát ra được"[1]. Mục đích của du kích chiến không phải là đánh

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 335.

lớn ăn to, mà phải đánh tỉa dần, đánh liên tục, đánh cho địch ăn không ngon, ngủ không yên, làm cho địch bị tiêu hao về sinh lực, suy nhược về tinh thần, hao mòn về vật chất, rồi đi đến chỗ bị tiêu diệt.

Đánh tập trung là nhằm tiêu diệt một số lớn quân địch. Phải từ đánh du kích tiến lên đánh tập trung và kết hợp chặt chẽ hai hình thức đó, để tiêu hao tiêu diệt địch ngày càng nhiều. Người coi tiêu diệt sinh lực địch là điều kiện quyết định thắng lợi: "Đối với một người, làm thương tổn 10 ngón tay không đau đớn bằng cắt đứt hẳn đi 1 ngón tay. Về quân sự cũng vậy, đánh bại 10 sư đoàn không bằng trừ diệt 1 sư đoàn"[1]. Kết hợp sinh lực với phá huỷ phương tiện chiến tranh, chú trọng tiêu diệt bộ phận sinh lực tinh nhuệ nhất của địch, nhất là cơ quan đầu não.

Phải đánh địch bằng mọi cách: tập kích, phục kích, đánh phá đồn bốt, v.v.. Cách đánh của "đặc công", "biệt động" là một sáng tạo đặc sắc của tư tưởng lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, "xuất quỷ nhập thần, thiên biến vạn hoá" theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Đánh vào lòng người, kết hợp tác chiến với binh vận, địch vận

Vấn đề *tâm công* đã được đặt ra trong lịch sử chiến tranh các nước từ lâu. Trong đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta, ông cha ta rất coi trọng việc đánh vào lòng người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 463.

những kinh nghiệm của quá khứ vào những điều kiện mới của chiến tranh cách mạng ở nước ta, thể hiện ở chỗ Người rất coi trọng công tác binh vận, địch vận. Cần vận động không phải chỉ binh sĩ trong đội quân viễn chinh của bọn thực dân đế quốc, mà còn cả binh sĩ trong ngụy quân do chúng dựng lên. Người đã nói với những cán bộ làm công tác địch vận: Sách quân sự có câu: Đánh mà thắng địch là giỏi, không đánh mà thắng lại càng giỏi hơn. Không đánh mà thắng là nhờ địch vận. Nếu các chú khéo nguỵ vận thì đó cũng là cách tiêu diệt địch.

Xuất phát từ truyền thống "Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", Người rất tin ở khả năng cảm hoá binh sĩ địch, một khi ta làm cho họ rõ được cuộc chiến tranh mà họ đang tiến hành là phi nghĩa, thức tỉnh lương tri của họ hướng về cuộc chiến đấu chính nghĩa của ta. Người rất coi trọng chính sách khoan hồng, nhân đạo đối với tù binh và những binh sĩ bỏ hàng ngũ địch chạy sang hàng ngũ của ta.

5. Biết khởi đầu và biết kết thúc chiến tranh

Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta chỉ tiến hành chiến tranh giải phóng, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc khi không còn con đường nào khác, không còn chút hy vọng nào để cứu vãn hoà bình. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đều bắt đầu như vậy. Khi đã bước vào kháng chiến thì toàn quân, toàn dân ta quyết kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng.

Kháng chiến là trường kỳ, nhưng trường kỳ không có nghĩa là vô thời hạn. Thời hạn đó là bao nhiêu năm tháng

thì không thể nói trước được. Điều đó tuỳ thuộc vào quyết tâm cố gắng của quân dân ta trong cả nước, chủ yếu để làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường và trong toàn bộ cuộc chiến tranh, bên cạnh đó là những biến đổi của tình hình thế giới có ảnh hưởng đến nước ta.

Trong điều kiện lực lượng so sánh địch - ta quá chênh lệch lúc đầu, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta là *phải giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, phải biết kết thúc chiến tranh vào thời điểm thích hợp và có lợi nhất*. Mục tiêu của chúng ta không phải là tiêu diệt toàn bộ đội quân xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, mà qua tiêu diệt một bộ phận sinh lực và đánh bại các kế hoạch chiến lược của địch để *đánh bại ý chí xâm lược* của chúng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ta đánh bại cố gắng cao nhất và cũng là cố gắng cuối cùng của địch trong chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954 tại Điện Biên Phủ, đi đến kết thúc chiến tranh bằng Hiệp định Giơnevơ. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ta liên tiếp đánh bại các chiến lược của chúng, cuối cùng buộc chúng phải ký Hiệp định Pari và rút quân khỏi Việt Nam. Sau đó ta đánh bại quân nguỵ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Quá trình thắng lợi đã diễn ra theo tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào".

V. TƯ TƯỞNG VỀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, lực lượng để tiến hành

khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng bao gồm *hai lực lượng: lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân*.

Xây dựng lực lượng chính trị quần chúng là mối quan tâm hàng đầu của Người, bởi vì "Sự đồng tâm của đồng bào đúc nên bức tường đồng xung quanh Tổ quốc". Theo tư tưởng quân sự của Người, lực lượng chính trị quần chúng không những là cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang, là cơ sở cho đấu tranh quân sự, mà còn là lực lượng tiến công trực tiếp đánh địch, đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ, chống địch khủng bố, cướp bóc, tiến hành công tác binh vận, địch vận làm tan rã hàng ngũ địch... Người đã nói: "Muốn có đội quân vũ trang, phải có đội quân tuyên truyền vận động, đội quân chính trị trước đã, nên phải làm ngay, sao cho đội quân chính trị này càng đông. Phải có quần chúng giác ngộ chính trị tự nguyện cầm súng thì mới thắng được"[1].

Người chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân gồm *ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích*; trong đó bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương hợp thành *Quân đội nhân dân Việt Nam*. Trong *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, Người viết: Chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra *đội chủ lực*; trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên cần phải duy trì *lực lượng vũ trang trong các địa*

---

1. Vũ Anh: *Hồi ký Bác Hồ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 120.

phương". Tư tưởng về lực lượng vũ trang ba thứ quân đã từng bước được phát triển và hoàn chỉnh, từ xây dựng các đội du kích, đội tự vệ, đến xây dựng "đội chủ lực", từ *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* đến *Việt Nam giải phóng quân* thống nhất lực lượng vũ trang cả nước, đến *Vệ quốc đoàn*, đến *Quân đội nhân dân Việt Nam* chính quy, hiện đại. Trong khi đánh giá cao du kích, dân quân tự vệ, coi đó *là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc*, ngay sau ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi, Người đặc biệt quan tâm xây dựng bộ đội chủ lực. Người đã nói: "Dù đánh chớp nhoáng, dù đánh lâu dài, dù giữ thế công hay thế thủ, bao giờ cũng cần đến lục quân. Vì vậy, về quốc phòng, không thể không tổ chức lục quân được. Trong lục quân, người ta thường chia ra bộ binh, kỵ binh, pháo binh, công binh, chí trọng binh"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chăm lo *bồi dưỡng ý thức chính trị và xây dựng bản chất cách mạng* cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Người xác định: "Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại"[2]; "Quân đội ta là quân đội nhân dân, do dân đẻ ra, vì nhân dân mà chiến đấu"; "Quân đội ta trung với nước, hiếu với dân", "trung với Đảng, hiếu với dân"; mục tiêu chiến đấu của quân đội là "vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội". Người đã nêu rõ nhiệm vụ của quân đội là vừa

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 290.

2. *Sđd*, t. 6, tr. 318.

chiến đấu, vừa công tác, vừa sản xuất, trong đó chiến đấu là nhiệm vụ chủ yếu. Người hết sức chăm lo đến công tác xây dựng Đảng trong quân đội, *thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp , toàn diện đối với lực lượng vũ trang nhân dân;* định ra hệ thống tổ chức Đảng, hệ thống tổ chức công tác chính trị, hệ thống chính trị viên, chính uỷ để bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội. Người rất quan tâm đến việc giáo dục tinh thần dân chủ, kỷ luật và đoàn kết trong quân đội - đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế, coi "đoàn kết là sức mạnh vô địch".

Trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Hồ Chí Minh đã nêu lên một quan điểm hết sức quan trọng, đó là quan điểm "*người trước, súng sau*". Người và vũ khí là cần thiết, là không thể thiếu trong việc xây dựng lực lượng vũ trang, nhưng điều quyết định là *con người cầm vũ khí*. Vì vậy Người thường xuyên chăm lo giáo dục bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị, có tri thức quân sự, có trình độ văn hoá, có sức khoẻ, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ của một đội quân chiến đấu, sản xuất và công tác, vì nhân dân mà phục vụ. Trong khi nêu cao vai trò của con người, Người không coi nhẹ vai trò của vũ khí, kỹ thuật. Người đã sớm chọn cán bộ kỹ thuật để xây dựng ngành quân giới, đòi hỏi bộ đội phải cướp vũ khí của địch để đánh địch, tranh thủ viện trợ quốc tế, lo lắng trang bị cho bộ đội ngày càng tốt hơn, quan tâm xây dựng các binh quân chủng hiện đại - pháo binh, công binh, thông tin, phòng không, không quân, hải quân.

Người luôn quan tâm đến đời sống vật chất của bộ đội,

với tinh thần "thực túc thì binh cường". Người đòi hỏi ngành hậu cần "phải làm thế nào một bát gạo, một đồng tiền, một viên đạn, một viên thuốc, một tấc vải phải đi thẳng đến chiến sĩ". Người coi bảo đảm hậu cần vật chất kỹ thuật cho bộ đội, cho tiền tuyến là hết sức quan trọng, quyết định chiến thắng. Mở đường lên Điện Biên Phủ trong kháng chiến chống Pháp, cũng như mở con đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển để chi viện cho miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ là biểu hiện nổi bật của tư tưởng ấy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quân sự, vì "Tướng là kẻ giúp nước. Tướng giỏi (đủ cả: trí, tín, nhân, dũng, nghiêm) thì nước mạnh. Tướng xoàng thì nước hèn"[1]. Ngay từ thời kỳ ở Quảng Châu (1925 - 1927), Người đã chọn cán bộ cử đi học quân sự, chuẩn bị cho việc xây dựng lực lượng vũ trang sau này. Khi đã giành được chính quyền, theo chỉ thị của Người, các trường quân sự đã sớm được thành lập để đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ cho quân đội. Người nêu ra sáu yêu cầu với người làm tướng: "Trí - Dũng - Nhân - Tín - Liêm - Trung". Đó là những yêu cầu cơ bản đối với người chỉ huy quân sự.

Người đòi hỏi phải không ngừng nâng cao chất lượng của quân đội, sức chiến đấu của quân đội. Bộ đội phải tinh, sức chiến đấu phải mạnh. Người căn dặn: cán bộ phải "học tư tưởng chiến lược, chiến thuật, học cách dạy bộ đội đánh giặc, học phương pháp chỉ huy chiến đấu"[2],

---

1. *Sđd,* t. 3, tr. 519.
2. *Sđd,* t. 6, tr. 319.

"toàn quân ta phải *ra sức học tập* chính trị, quân sự và văn hoá"[1], "Quân đội ta phải tiến đến chính quy và hiện đại hoá"[2].

Ngay từ những ngày đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm đến vấn đề tổ chức lãnh đạo, chỉ huy quân đội. Người và Trung ương Đảng đã quyết định lập Quân ủy Trung ương (có thời gian gọi là Tổng quân uỷ), Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng chỉ huy (sau này gọi là Bộ Tổng tư lệnh) để xây dựng, lãnh đạo và chỉ huy quân đội. Người đã lập Bộ Tổng tham mưu với nhiệm vụ "tổ chức, huấn luyện quân đội cho giỏi, tổ chức nắm địch nắm ta rõ ràng, bày mưu kế khôn khéo, tổ chức chỉ huy thông suốt". Về công tác chính trị, lúc đầu lập Cục chính trị, về sau là Tổng cục chính trị để tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội. Về công tác hậu cần, lúc đầu lập các cơ quan quân nhu, tài vụ, tiếp đó đổi thành Tổng cục cung cấp, về sau là Tổng cục hậu cần để chăm lo công tác bảo đảm đời sống vật chất và trang bị vũ khí, khí tài kỹ thuật cho quân đội.

Dưới ánh sáng tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh và đường lối quân sự của Đảng, quân đội ta đã được xây dựng và trưởng thành từ không đến có, từ ít đến nhiều, từ yếu đến mạnh, từ du kích lên chính quy hiện đại, cùng toàn dân đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA, XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

Từ kinh nghiệm của ông cha ta "dựa vào điều kiện

1, 2. *Sđd,* t. 8, tr. 163.

thiên thời, địa lợi, nhân hoà để *dựng đất căn bản*", từ học thuyết quân sự Mác-Lênin coi hậu phương là nhân tố quyết định của chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc xây dựng căn cứ địa, xây dựng hậu phương để tạo tiềm lực và chỗ đứng chân trong khởi nghĩa và trong chiến tranh.

Năm 1941, ngay khi xây dựng những đội du kích đầu tiên, Người đã chỉ rõ: Khi du kích đã khá đông thì phải có căn cứ địa... Du kích dùng nơi đó làm chỗ đứng chân, tiến có thể đánh và phát triển lực lượng, lui có thể đứng và giữ gìn lực lượng. Đó là nơi có địa thế hiểm trở, có dân chúng giác ngộ, ủng hộ cách mạng, đặc biệt là lòng dân; bởi lẽ lòng dân là chỗ dựa vững chắc nhất của kháng chiến, của cách mạng. *"Nhân sơn, nhân hải"* sẽ tạo nên sức mạnh vô địch. Việc xây dựng các căn cứ du kích, các chiến khu giải phóng từ năm 1941 đến năm 1945 là điều kiện rất quan trọng đảm bảo cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi.

Trong kháng chiến chống Pháp, Người chủ trương "vừa kháng chiến, vừa kiến quốc", khẩn trương xây dựng chính quyền và Mặt trận Liên Việt, kêu gọi toàn dân thi đua ái quốc "chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm", "hậu phương thi đua với tiền phương", "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng"; thi đua thực hành cần, kiệm, liêm, chính, thi hành đúng chính sách của Đảng và Chính phủ, thực hiện các chính sách bồi dưỡng sức dân để kháng chiến lâu dài.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng chỉ đạo xây dựng căn cứ địa Việt Bắc, các khu du kích và căn cứ du kích ở vùng địch tạm chiếm, củng cố các vùng tự do Khu

IV, Khu V, xây dựng các vùng Khu VI, Đông Nam bộ, Tây Nguyên, Đồng Tháp Mười... làm hậu phương, làm căn cứ địa để cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến, phát triển chiến tranh nhân dân ngày càng mạnh.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Người xác định miền Bắc là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam, miền Bắc vững mạnh là cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Quân và dân miền Bắc đã ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay trong điều kiện cả nước có chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hoá, xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, đánh bại chiến tranh phá hoại của địch, làm cho miền Bắc ngày càng vững mạnh, chi viện sức người sức của ngày càng nhiều cho miền Nam.

Người chủ trương giữ vững và tăng cường đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự đồng tình, ủng hộ của Chính phủ và nhân dân các nước, phát huy đến mức cao nhất những điều kiện thuận lợi của thời đại.

Trong khi miền Bắc ra sức xây dựng, đồng thời chiến đấu quyết liệt chống chiến tranh phá hoại của địch và chi viện tất cả cho tiền tuyến miền Nam, thì ở miền Nam Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân phát triển sáng tạo kinh nghiệm của kháng chiến chống Pháp, ra sức xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng căn cứ ở khắp nơi, từ miền rừng núi đến nông thôn đồng bằng và đô thị, xây dựng các vùng giải phóng lớn nhỏ, từ miền Đông đến miền Tây Nam bộ, từ miền Trung đến Tây Nguyên và cực Nam Trung bộ. Nhờ đó đã phát huy được tiềm lực tại chỗ, tạo thành thế

cài răng lược, chia cắt uy hiếp địch, nổi dậy và tiến công địch liên tục, rộng khắp, đưa chiến tranh nhân dân ở miền Nam phát triển đến cao độ.

Thành công to lớn của việc xây dựng căn cứ địa, xây dựng hậu phương trong Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là thắng lợi của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về tạo chỗ đứng chân, bồi dưỡng tiềm lực cho khởi nghĩa và chiến tranh nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, khi ta đã có chủ quyền lãnh thổ cần phải bảo vệ. Trong thời gian tạm thời còn hoà hoãn với địch và cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược chưa nổ ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã khẩn trương triển khai nhiều việc để củng cố nền quốc phòng toàn dân, chuẩn bị sẵn sàng để bước vào cuộc kháng chiến lâu dài. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đất nước còn tạm thời bị chia làm hai miền, việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân đã được đẩy mạnh ở miền Bắc, nhằm xây dựng quân đội, xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân tự vệ, xây dựng công nghiệp quốc phòng, kết hợp kinh tế với quốc phòng, làm cho tiềm lực quốc phòng tăng lên gấp nhiều lần. Nhờ vậy, khi đế quốc Mỹ dùng không quân, hải quân đánh ra miền Bắc, thì nhân dân ta đã có cơ sở vững chắc để tiếp tục giữ vững sản xuất, ổn định sinh hoạt xã hội, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của chúng và chi viện sức người, sức của cho miền Nam càng mạnh mẽ hơn, phát huy sức mạnh cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Về quân sự, Hồ Chí Minh là nhà chiến lược quân sự thiên tài, là người thầy đã trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng các thế hệ cán bộ quân sự đầu tiên của Đảng, là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Người đã dày công nghiên cứu kế thừa và phát triển truyền thống quân sự của dân tộc, học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm quân sự của các nước và xây dựng lý luận quân sự Việt Nam trong thời đại mới, đánh bại chủ nghĩa thực dân xâm lược, giành lại và giữ vững nền độc lập thống nhất hoàn toàn của đất nước và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là ngọn cờ chỉ đạo nhân dân ta đánh giặc, tiến hành thành công tổng khởi nghĩa vũ trang và giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến thần thánh 30 năm. Đây là thắng lợi đầu tiên, thắng lợi vĩ đại của một nước nhỏ đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, có ý nghĩa lớn không những đối với dân tộc ta, mà còn cả với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Việc nghiên cứu tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng. Tình hình thế giới đang có những biến đổi lớn và hết sức phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ ngay khi lực lượng vũ trang còn nguyên vẹn. Nước ta đang trên con đường đổi mới, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tình hình ấy đòi hỏi chúng ta phải đi sâu nghiên cứu vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh nói riêng vào sự nghiệp xây dựng lực lượng vũ trang nhân

dân, củng cố nền quốc phòng và an ninh nhân dân một cách nghiêm túc và khoa học, để bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân ta ngày càng vững mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

CHƯƠNG VII

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phải tìm tòi, giải quyết hàng loạt vấn đề về đường lối chiến lược của cách mạng, về giành chính quyền và giữ chính quyền.

Sau khi lật đổ được ách thống trị của thực dân và phong kiến tay sai, lập nên chính quyền của nhân dân, chính quyền đó cần được xây dựng như thế nào để thực sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân?

Để giải đáp điều trăn trở này, Hồ Chí Minh đã phải trải qua một quá trình nghiên cứu, tìm tòi, phân tích tổng kết một cách toàn diện, sâu sắc những kinh nghiệm và bài học về xây dựng Nhà nước, không phải chỉ trong lịch sử dân tộc mà còn của nhiều quốc gia khác trên thế giới.

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC

1. Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, cha ông ta đã tích lũy được biết bao kinh nghiệm quý báu về xây dựng Nhà nước, được phản ánh trong các bộ sử lớn của dân tộc như *Đại việt sử ký toàn thư*, *Lịch triều hiến chương loại chí*,... Kinh nghiệm trị nước cũng được ghi lại trong các bộ luật nổi tiếng như *Hình thư* (đời Lý), *Quốc triều Hình luật* (đời Trần), Bộ luật *Hồng Đức* (đời Lê),... mà giá trị của nó có thể sánh ngang với các bộ luật nổi tiếng ở phương Đông, trong đó có những tư tưởng còn được đề cập sớm hơn cả phương Tây, ví dụ vấn đề bình đẳng đối với phụ nữ: cho phép ly hôn, có quyền thừa kế tài sản, công nhận công lao chung của vợ chồng trong vấn đề tài sản, cho phép nhận con nuôi, v.v..

Những yếu tố tích cực của Nhà nước *thân dân* thời kỳ phong kiến hưng thịnh trong lịch sử dân tộc cùng với hình ảnh lý tưởng về Nhà nước "vua Nghiêu, Thuấn - dân Nghiêu, Thuấn", "nước lấy dân làm gốc" tiếp thu được ở Nho giáo,... là những hành trang đầu tiên Hồ Chí Minh mang theo trên con đường cứu nước và tìm kiếm một mô hình Nhà nước tiến bộ cho đất nước sau khi giành được độc lập.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do cho dân tộc mình và cho các dân tộc thuộc địa bằng việc vạch trần bản chất vô nhân đạo, phản tiến hoá của cái gọi là “công lý” mà thực dân, đế quốc thi hành

ở các xứ "bảo hộ"[1]. Người viết: "Ở Đông Dương có hai thứ công lý. Một thứ cho người Pháp, một thứ cho người bản xứ. Người Pháp thì được xử như ở Pháp. Người An Nam thì không có hội đồng bồi thẩm, cũng không có luật sư người An Nam. Thường người ta xử án và tuyên án theo giấy tờ, vắng mặt người bị cáo. Nếu có vụ kiện cáo giữa người An Nam với người Pháp thì lúc nào người Pháp cũng có lý cả, mặc dù tên này ăn cướp hay giết người"[2].

Năm 1919, nhân danh một nhóm người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đòi các quyền tự do tối thiểu cho dân tộc mình.

Trong lịch sử chính trị và pháp lý của nước ta, đây là văn kiện pháp lý đầu tiên đặt vấn đề kết hợp khăng khít quyền tự quyết của các dân tộc với các quyền tự do, dân

---

1. Lối hành hình kiểu Linsơ : Trói người vào gốc cây, châm lửa đốt, bẻ răng, móc mắt, rứt tóc khỏi đầu, xẻo từng miếng thịt... Người da đen bị nướng chín, thui vàng, thành than.

- Bắt một phụ nữ da đen đội đá suốt ngày ngoài nắng, rồi trói lại, đổ cao su nóng bỏng vào sinh dục; nhét mìn vào mồm, vào hậu môn người da đen rồi cho nổ.

- Ép một phụ nữ An Nam hiến thân cho con chó của nó, chị không chịu, nó dùng lưỡi lê đâm vào bụng.

- Đối với những người yêu nước: Đội Văn bị chém đầu, vứt xuống sông, Tống Duy Tân bị chém bêu phố, đào mả của bố mẹ Đề Thám vứt hài cốt xuống sông, v.v. (xem *Đông Dương - Những thảm hoạ của nền văn minh*, Hồ Chí Minh: *Sđd,* t. 1, tr. 349).

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 1, tr. 420.

chủ của nhân dân; tức là kết hợp chặt chẽ quyền dân tộc và quyền con người. Đây cũng là lần đầu tiên một người Việt Nam yêu nước, nhân một Hội nghị quốc tế, đã dũng cảm đứng lên đoạt lại ngọn cờ về quyền dân tộc và quyền con người trong tay thực dân, đế quốc, biến những chiêu bài bịp bợm của chúng thành những yêu sách chính trị và pháp lý chính đáng, buộc chúng phải thực hiện những quyền dân tộc và dân chủ mà chúng đã rêu rao.

3. Trên hành trình cứu nước, Người đã khảo sát mô hình Nhà nước tư sản Mỹ, Pháp. Người đã phát hiện ra rằng sau những lời hoa mỹ về "quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc" của *Tuyên ngôn độc lập 1776* là sự bất bình đẳng, nghèo đói, nạn phân biệt chủng tộc và biết bao sự tàn bạo, bất công khác, nhất là đối với người da đen. Người coi đó là “những cuộc cách mạng không đến nơi”, vì ở đó, chính quyền vẫn ở trong tay một số ít người vì "cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai"[1].

Sau khi đến Liên Xô, Người đã tìm thấy một mô hình Nhà nước kiểu mới: “... phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền,... ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng”[2]. Mô hình nhà nước đó đã gợi ý cho Người về một kiểu nhà nước sẽ được xây dựng ở Việt Nam trong tương lai. Mô hình đó, lần đầu tiên được Người nêu ra trong *Chánh cương vắn tắt* của

---

1, 2. *Sđd,* t. 2, tr. 270, 280.

Đảng năm 1930: "Dựng ra chính phủ công nông binh"[1].

Năm 1941, Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (tháng 5-1941), hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược, đề ra *Chương trình Việt Minh*. Về vấn đề chính quyền, Hội nghị chủ trương "không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hợp và lập chính phủ dân chủ cộng hoà"[2]. *Chương trình Việt Minh* cũng ghi rõ: "Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà... Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra"[3].

Khi thời cơ giải phóng dân tộc đã đến gần, trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc* (tháng 10-1944), Hồ Chí Minh cũng nói rõ: trước hết cần có một chính phủ đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân, gồm tất cả các đảng phái cách mệnh, các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. "Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang"[4].

Từ mô hình nhà nước công nông binh chuyển sang mô

---

1. *Sđd*, tr. 1.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 127.

3. *Sđd*, tr. 150.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 3, tr. 505.

hình nhà nước đại biểu cho khối đoàn kết của toàn thể quốc dân là một bước chuyển sáng suốt của Hồ Chí Minh, phản ánh được nét đặc thù của thực tiễn dân tộc, phù hợp với sự chuyển hướng chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.

Sang năm 1945, phong trào phát triển mạnh, căn cứ địa cách mạng được mở rộng, hình thành một vùng rộng lớn gồm sáu tỉnh: Cao - Bắc - Lạng - Hà - Tuyên - Thái và một số vùng ngoại vi thuộc các tỉnh Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái,...

Trước tình hình đó, Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập *Khu giải phóng*, cử ra Ủy ban chỉ huy lâm thời, thực hiện chức năng của chính quyền cách mạng. Tại các địa phương trong Khu giải phóng, các *Ủy ban nhân dân cách mạng* cũng được thành lập, do nhân dân cử ra, để thi hành 10 chính sách của Việt Minh. *Khu giải phóng* là hình ảnh "nước Việt Nam mới phôi thai", các Ủy ban nhân dân cách mạng vừa lãnh đạo nhân dân chuẩn bị tổng khởi nghĩa, vừa tập cho nhân dân cầm chính quyền[1].

Tiếp theo, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào đã đi đến quyết định lịch sử: phát động tổng khởi nghĩa, thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, ra mắt Quốc dân Đại hội, làm chức năng của Chính phủ lâm thời ngay sau Cách mạng Tháng Tám thắng lợi.

4. Trong gần 1/4 thế kỷ, trên cương vị là Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam mới, Nhà nước Dân chủ nhân dân

---

1. Xem: Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t. 1 (1937-1954), tr. 134 - 135.

đầu tiên ở châu Á, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có công đầu trong việc đặt nền móng xây dựng một nhà nước kiểu mới trong lịch sử dân tộc: nhà nước của dân, do dân, vì dân[1].

Tất cả những nghiên cứu, khảo sát cùng thực tiễn tổ chức, hoạt động của Hồ Chí Minh được nói đến ở trên là cơ sở góp phần hình thành nên tư tưởng của Người về nhà nước.

Di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhà nước rất phong phú và hiện đại. Từ trong di sản đó, chúng ta cần đi sâu nghiên cứu để tìm ra nội dung cơ bản trong tư tưởng của Người về xây dựng nhà nước kiểu mới - nhà nước của dân, do dân, vì dân.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của dân, do dân, vì dân

Nếu vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền thì vấn đề cơ bản của một chính quyền là ở chỗ nó thuộc về ai, phục vụ cho quyền lợi của ai.

---

1. Khái niệm nhà nước của dân, do dân, vì dân không phải do Hồ Chí Minh đầu tiên đề ra, mà Người đã tiếp thu của A. Lincôn (Tổng thống Mỹ cuối thế kỷ XIX). Có điều các nhà lập pháp tư sản chỉ nói mà không làm. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* và các bài phát biểu sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh thường nhắc đến *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ và phê phán mô hình nhà nước tư bản (T.G.).

Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người đã chỉ rõ: "Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc"[1]. Sau khi nước ta giành được độc lập, Người khẳng định: "NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ.

Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*.

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*...

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân* cử ra...

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*"[2]. Đó là điểm khác nhau về bản chất giữa nhà nước của nhân dân với các nhà nước của giai cấp bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử.

a) *Thế nào là nhà nước của dân?*

Nói nhà nước là *của dân*, như Điều thứ 1 - *Hiến pháp* năm 1946 do Người làm Trưởng ban soạn thảo đã khẳng định rõ: " Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo".

Điều thứ 32 - Hiến pháp năm 1946 cũng quy định: "Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 2, tr. 270.

2. *Sđd*, t. 5, tr. 698.

nhân dân phúc quyết...". Thực chất đó là *chế độ trưng cầu dân ý*, một hình thức *dân chủ trực tiếp* được đề ra khá sớm ở nước ta.

Sau khi giành được chính quyền, nhân dân ủy quyền cho các đại diện do mình bầu ra. Đồng thời "Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân"[1].

Trong nhà nước của dân thì dân là chủ, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, nghĩa là có *quyền* làm bất cứ việc gì mà pháp luật không cấm và có *nghĩa vụ* tuân theo pháp luật. Nhà nước *của dân* phải bằng mọi nỗ lực, hình thành được các thiết chế dân chủ để thực thi quyền làm chủ của người dân. Cũng trên ý nghĩa đó, các vị đại diện của dân, do dân cử ra, chỉ là thừa ủy quyền của dân, chỉ là "công bộc" của dân theo ý nghĩa đúng đắn của từ này.

Nhưng có những "vị đại diện" đã lầm lẫn sự ủy quyền đó với quyền lực cá nhân, sinh ra lộng quyền, cửa quyền,... Chính cơn khát quyền lực ấy đã đẻ ra biết bao chuyện đau lòng mà Bác Hồ từng phê phán: "Cậy thế mình ở trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân"[2].

b) Thế nào là nhà nước do dân?

Đó là nhà nước *do dân lựa chọn, bầu ra* những đại

---

1. *Sđd*, t. 9, tr. 591.
2. *Sđd*, t. 4, tr. 57.

biểu của mình; nhà nước đó *do dân ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế* để nhà nước chi tiêu, hoạt động; nhà nước đó lại *do dân phê bình, xây dựng*, giúp đỡ. Do đó, Người yêu cầu: Tất cả các cơ quan nhà nước là phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. "Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ"[1]. Nghĩa là khi các cơ quan đó không đáp ứng được lợi ích và nguyện vọng của nhân dân thì nhân dân sẽ bãi miễn nó.

c) *Thế nào là nhà nước vì dân?*

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ có một nhà nước thực sự *của dân, do dân* tổ chức, xây dựng và kiểm soát trên thực tế mới có thể là nhà nước *vì dân* được. *Đó là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính*. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân.

Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó.

Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẫn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó"[2]. Đó là một vị Chủ tịch hoàn toàn vì dân.

Trong nhà nước đó, cán bộ từ Chủ tịch trở xuống đều là *công bộc của dân*. Vì vậy:

---

1. *Sđd*, t. 5, tr. 60.
2. *Sđd*, t. 4, tr. 240.

"Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh..."[1].

Nhiều nhà nước của giai cấp thống trị khi còn ở giai đoạn tích cực và tiến bộ cũng chủ trương *thân dân*, thậm chí cũng tuyên bố là nhà nước "*vì dân*", nhưng đó chỉ là một thiện chí hay một chiêu bài, bởi vì cái cơ bản là nếu chính quyền đó không của nhân dân và không do nhân dân làm chủ mà do các ông quan làm chủ thì không bao giờ nó có thể *vì dân* được. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là nhân dân làm chủ. Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ, từ trung ương đến khu, đến tỉnh, đến huyện, đến xã, bất kỳ ở cấp nào và ngành nào - đều phải là người đày tớ trung thành của nhân dân"[2].

Đến đây, nảy sinh *mối quan hệ giữa người chủ nhà nước* là nhân dân với *người cán bộ nhà nước là công bộc của dân*, do dân bầu ra, được nhân dân ủy quyền. Trong các chế độ cũ, nhà nước là bộ máy của giai cấp bóc lột dùng để thống trị và áp bức nhân dân; viên chức, quan lại tự xưng là "cha mẹ dân", đè đầu cưỡi cổ dân.

Trong chế độ dân chủ, Bác Hồ đã lật ngược mối quan hệ đó. Người nói: "Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? *Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng*"[3].

---

1. *Sđd*, tr. 56 - 57.
2. *Sđd*, t. 10, tr. 323.
3. *Sđd*, t. 8, tr. 375.

Bác Hồ nhiều lần kéo các quan chức từ hàng "dân chi phụ mẫu" xuống hàng đày tớ. Hai chữ "đày tớ" Người dùng gốc từ hai chữ "công bộc", vốn có nghĩa là người phục vụ chung của xã hội (serviteur public), cũng là một cách dùng để chỉ hàng ngũ quan lại, dưới chính thể phong kiến hay tư sản đều có dùng, chứ không hề có ý miệt thị các chức vụ này.

Ngày xưa, quan lại cũng có người tốt, người xấu. Ở buổi suy vi, chính trường thối nát, không phải ai đỗ đạt cũng muốn ra làm quan, hoặc đang làm quan, vì trọng danh dự mà từ quan về ở ẩn. Cụ Huỳnh Thúc Kháng là một nhà cách mạng, nhà nho khí tiết, nhiều lần được các chính quyền bù nhìn thân Pháp, thân Nhật hồi trước cách mạng mời ra làm quan, giữ những chức khác nhau, nhưng cụ đều từ chối, chỉ muốn làm người dân, bởi như Cụ Bảng Sắc, thân phụ Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã từng nói: "Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ"[1].

Nhưng đối với cán bộ nhà nước, *Bác Hồ không bao giờ chỉ nhấn mạnh một vế*. Là người phục vụ, *cán bộ nhà nước đồng thời là người lãnh đạo*, người hướng dẫn của nhân dân. Người nói: "Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường"[2]. Trong *Di chúc*, Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải làm thế nào để xứng

---

1. Quan trường cũng chỉ là kẻ nô lệ trong đám nô lệ, lại càng nô lệ hơn (T.G.).

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 56.

đáng vừa là *người lãnh đạo*, vừa là *người đày tớ thật trung thành của nhân dân*.

Có ý kiến cho rằng: đã là đày tớ thì lãnh đạo sao được? Mới nghe qua tưởng như đây là một nghịch lý, nhưng thực ra không có gì mâu thuẫn. Phải hiểu ý Bác Hồ: Là *người đày tớ* thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ,... Là *người lãnh đạo* thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài... Như vậy, để làm người thay mặt dân phải gồm đủ cả *đức* và *tài*, phải vừa *hiền* lại vừa *minh*.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Sự thống nhất đó cũng được thể hiện rõ trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước.

a) Nhà nước là thành tố cơ bản nhất của hệ thống chính trị. Nó luôn mang bản chất giai cấp

Khi nói Nhà nước dân chủ mới của nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, không có nghĩa đó là Nhà nước phi giai cấp hay siêu cấp. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Tính chất Nhà nước là vấn đề cơ bản của Hiến pháp. Đó là vấn đề nội dung giai cấp của chính quyền. Chính quyền về tay ai và phục vụ quyền lợi của ai? Điều đó quyết định toàn bộ nội dung của Hiến pháp...

Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa

trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo"[1]. Như vậy, Người đã khẳng định bản chất giai cấp của Nhà nước ta.

Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta *được biểu hiện trước hết ở chỗ*:

- *Do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo*. Cách mạng Việt Nam từ sau 1930 đến nay là do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, dù còn hoạt động bí mật hay khi đã ra công khai, dù chưa có chính quyền hay sau khi đã giành được chính quyền, lúc nào Đảng ta cũng giữ vai trò lãnh đạo của mình đối với cách mạng Việt Nam, trong đó có Nhà nước.

Đảng lãnh đạo Nhà nước theo phương thức nào? Đảng lãnh đạo bằng những *chủ trương, đường lối lớn*, thông qua tổ chức của mình trong Quốc hội, Chính phủ và các ngành, các cấp của Nhà nước. Đảng phấn đấu để thể chế hóa quan điểm, đường lối, nghị quyết của mình, biến nó thành pháp luật, chính sách, kế hoạch của Nhà nước. Đảng không bao biện, làm thay công việc của Nhà nước.

Sinh thời, Bác Hồ vừa làm Chủ tịch Đảng, vừa làm Chủ tịch nước. Theo Hiến pháp năm 1946, Chủ tịch nước đồng thời lại là người chủ toạ Hội đồng Chính phủ. Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện hai chức danh đó một cách rành mạch. Là Chủ tịch Đảng, Người đề cao sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị; là nguyên thủ quốc gia, Người tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc, thể chế của Nhà nước. Trong kháng

1. *Sđd*, t. 9, tr. 586.

chiến chống Pháp, vì hoàn cảnh chiến tranh, Quốc hội không có điều kiện họp thường xuyên để làm luật, nên mỗi khi ra sắc lệnh, Người đều báo cáo và xin ý kiến của Ban Thường trực Quốc hội, thường mời Ban Thường trực Quốc hội cùng dự họp với Hội đồng Chính phủ.

- Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta còn thể hiện ở *tính định hướng đưa đất nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội* "bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến"[1].

- Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta còn được thể hiện ở *nguyên tắc tổ chức cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ*. Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Chính phủ Trung ương và các cơ quan khác của Nhà nước đều phải hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ... Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung đến cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội"[2].

Trong mối quan hệ với *dân chủ*, Người cũng không ngại nói đến *chuyên chính*: "Chế độ nào cũng có chuyên chính. Vấn đề là ai chuyên chính với ai?... Như cái hòm đựng của cải thì phải có cái khoá. Nhà thì phải có cửa... *Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khoá, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại... Thế thì dân

---

1, 2. *Sđd*, tr. 588, 592.

chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ"[1].

b) Tuy nhiên, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta *không làm triệt tiêu* ***tính nhân dân, tính dân tộc*** của Nhà nước, trái lại nó *thống nhất, hài hoà trong Nhà nước đại đoàn kết dân tộc*. Bởi vì, như Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói, giai cấp công nhân không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của dân tộc và chỉ có giải phóng dân tộc mới giải phóng được giai cấp công nhân một cách triệt để.

Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta với tính nhân dân và tính dân tộc là ở chỗ:

- Nhà nước dân chủ mới của ta ra đời *là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ với sự hy sinh xương máu của bao thế hệ cách mạng*, từ các phong trào Văn Thân, Cần Vương, Đông Du, Duy Tân đến cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh và bao cuộc khởi nghĩa yêu nước khác: Yên Bái, Nam Kỳ, Bắc Sơn, Thái Nguyên... là hoa, là quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường.

- Nhà nước ta vừa mang bản chất giai cấp công nhân vừa có tính nhân dân và tính dân tộc *vì nó bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm nền tảng*. Chính phủ do Hồ Chí Minh đứng đầu luôn luôn là Chính phủ đại đoàn kết dân tộc.

---

1. *Sđd*, t. 8, tr. 279 - 280.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, từ Tân Trào về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp với Thường vụ Trung ương Đảng, đưa ra nhận xét: *Chính phủ lâm thời của các chú còn đỏ quá* và yêu cầu rút bớt các thành viên cộng sản ra. Trong cuộc họp với Ủy ban dân tộc giải phóng, Người đề nghị thi hành chính sách đoàn kết rộng rãi, thành lập Chính phủ thống nhất quốc gia, bao gồm đại biểu của các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ không đảng phái. Đề nghị của Người được mọi người tán thành, nhiều ủy viên là đại biểu của Việt Minh đã tự nguyện rút lui, nhường chỗ cho người thuộc các đảng phái khác và không đảng phái.

Đến cuối năm 1945, để có sự hợp tác chặt chẽ giữa các đảng phái nhằm tranh thủ hoàn toàn nền độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại mở rộng Chính phủ lâm thời thành Chính phủ liên hiệp lâm thời, cử Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch Chính phủ và nhường thêm hai chức Bộ trưởng cho Việt Nam Quốc dân đảng.

Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh chấp nhận 70 ghế cho người của Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội và Việt Nam Quốc dân đảng vào Quốc hội không qua bầu cử là một sách lược mềm dẻo; cũng như việc Người dung nạp nhiều nhân sĩ trí thức, quan lại cao cấp của chế độ cũ tham gia Chính phủ, cử Vĩnh Thụy (tức vua Bảo Đại), Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn,... tham gia đoàn Cố vấn tối cao,... là biểu hiện rõ rệt của tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Sau khi quân đội Tưởng rút về nước, một số đại biểu các đảng phái đào nhiệm, trốn ra nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh được Quốc hội ủy nhiệm lập Chính phủ

mới. Trong lời tuyên bố sau khi thành lập, Người nói: "Theo ý Quốc hội, Chính phủ mới phải tỏ rõ cái tinh thần đại đoàn kết, không phân đảng phái... Tôi có thể tuyên bố trước Quốc hội rằng... Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia"[1].

- Nhà nước mới của ta *vừa ra đời đã phải đảm nhiệm nhiệm vụ lịch sử là tổ chức cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của dân tộc để bảo vệ thành quả cách mạng*. Nhờ biết phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước do Hồ Chí Minh đứng đầu đã hoàn thành được sứ mệnh vẻ vang là lãnh đạo cả dân tộc tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến vĩ đại trong lịch sử, bảo vệ được nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc và bắt tay vào xây dựng đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

a) Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, *một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ, trước hết phải là một nhà nước hợp hiến*. Sau khi giành được chính quyền trong cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố với quốc dân đồng bào và với thế giới về sự khai sinh của Nhà nước Việt Nam mới; qua đó biểu dương lực lượng và ý chí của toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm giữ vững nền tự do, độc lập của mình.

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 430.

Nhờ đó, Chính phủ lâm thời do cuộc cách mạng của nhân dân lập nên có được địa vị hợp pháp và Việt Nam có vinh dự là một trong rất ít quốc gia, sau cách mạng, có được một bản *Tuyên ngôn* nổi tiếng về quyền của các dân tộc, có giá trị đóng góp vào sự phát triển nền pháp lý tiến bộ của loài người.

Tiếp đó, ngay tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (ngày 3-9-1945), trong sáu nhiệm vụ cấp bách, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra nhiệm vụ thứ ba: "Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu"[1] để sớm có một Nhà nước hợp hiến do nhân dân bầu ra. Ngày 17-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh ấn định thể lệ Tổng tuyển cử. Ngày 20-9-1945, ký Sắc lệnh số 34 thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà để chuẩn bị đệ trình Quốc hội. Ủy ban gồm 7 vị, do Người làm Trưởng ban.

Mặc dù những khó khăn dồn dập do thù trong, giặc ngoài gây ra, cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước đã được tiến hành chỉ *bốn tháng sau ngày độc lập*. Đây là một cuộc phổ thông đầu phiếu được tổ chức nhanh nhất, diễn ra sớm nhất, một kỷ lục chưa quốc gia nào đạt được kể từ sau khi lật đổ ách thống trị thực dân, đưa lực lượng chính trị của nhân dân lên cầm quyền.

Trong hoàn cảnh Nam bộ đã bước vào cuộc kháng chiến chống lại cuộc gây hấn của thực dân Pháp, Bắc bộ

---

1. *Sđd*, tr. 8.

phải đối phó với những yêu sách và hoạt động gây rối của quân đội Tưởng và bè lũ tay sai, cả nước đã có *hơn 90% cử tri đi bỏ phiếu*, hàng trăm cán bộ và đồng bào đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ bầu cử.

Cuộc Tổng tuyển cử dân chủ đầu tiên trong lịch sử dân tộc đã thành công tốt đẹp. Ba trăm ba mươi ba đại biểu đã trúng cử. Quốc hội mới họp phiên đầu tiên ngày 2-3-1946 đã chuẩn y lời thỉnh cầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh mở rộng thêm 50 ghế cho Việt Nam Quốc dân đảng và 20 ghế cho Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Đây là *Chính phủ hợp hiến đầu tiên* do đại biểu của nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết mọi vấn đề nội trị và ngoại giao của Nhà nước Việt Nam mới.

Vì vậy, quân đội Tưởng và đại diện Đồng minh tới Hà Nội, không thể lật đổ, mà phải nói chuyện với Chính phủ Hồ Chí Minh.

b) Trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một Nhà nước pháp quyền có hiệu lực mạnh là *nhà nước quản lý đất nước bằng pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế*. Trong một Nhà nước dân chủ, *dân chủ và pháp luật phải luôn luôn đi đôi với nhau*, nương tựa vào nhau mới đảm bảo được cho chính quyền trở nên mạnh mẽ. Không thể có dân chủ ngoài pháp luật, pháp luật là bà đỡ của dân chủ. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hoá bằng hiến pháp và pháp luật, ngược lại hệ thống pháp luật phải bảo đảm cho quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

Xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa đảm bảo được việc thực hiện quyền lực của nhân dân là mối quan tâm suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Ngay từ năm 1919, khi đưa ra bản *Yêu sách* 8 điểm đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã đòi thực dân Pháp phải cải cách nền pháp lý ở Đông Dương, *phải bãi bỏ chế độ cai trị bằng các sắc lệnh và thay thế bằng các đạo luật*. Trong *Việt Nam yêu cầu ca,* Người đã khẳng định vai trò của pháp luật bằng câu:

Trăm điều phải có thần linh *pháp quyền*.

- Là người sáng lập Nhà nước dân chủ mới Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là người có công lớn nhất trong sự nghiệp lập hiến và lập pháp. Ở cương vị Chủ tịch nước, Người đã *hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp* 1946 và *Hiến pháp* 1959, *đã ký lệnh công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật* khác...[1].

- Một mặt chăm lo hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống pháp luật của nước ta, mặt khác Người *hết sức chăm lo đưa pháp luật vào đời sống, tạo ra cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thi hành, cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành đó* trong các cơ quan Nhà nước và trong nhân dân.

Theo Người, công bố luật chưa phải là mọi việc đã xong, phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện được tốt.

Trước hết, *Người rất coi trọng việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ, phát triển văn hoá chính trị và*

---

1. Theo tài liệu của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, xuất bản tháng 3-1993.

tính tích cực công dân, khuyến khích nhân dân tham gia vào các công việc của Nhà nước, khắc phục mọi thứ dân chủ hình thức. Người thường nhắc nhở cán bộ phải lo "*làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm*"[1].

Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Lúc dân biết và dám phê bình người lãnh đạo, lúc đó dân đã biết nắm quyền của dân, tức là đã đến mức dân chủ hoá khá cao.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh *luôn luôn nêu gương trong việc khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Chính phủ*, đồng thời không ngừng nhắc nhở cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp. Trong thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc, Người viết: "Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương "*phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư*", cho nhân dân noi theo"[2].

Người rất không hài lòng trước việc pháp luật của ta không được thực hiện nghiêm minh, xét xử thiếu công bằng, "thưởng có khi quá rộng mà phạt thì không nghiêm", lẫn lộn giữa công và tội. Có công thì được thưởng, có lỗi thì phải phạt, "không vì công mà quên lỗi, vì lỗi mà quên công".

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 223.

2. *Sđd*, t. 5, tr. 382.

c) Để tiến tới một Nhà nước pháp quyền mạnh mẽ, có hiệu lực, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy rõ phải *nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng nhằm hình thành một đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước có trình độ văn hoá, am hiểu pháp luật, thành thạo nghiệp vụ hành chính và nhất là phải có đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư*, một tiêu chuẩn cơ bản của người cầm cân nảy mực cho công lý.

- Cán bộ Nhà nước *phải biết quản lý nhà nước*. Từ người nô lệ thành người làm chủ, ta thiếu nhiều nhân tài quản lý. Người biết rõ điều này, do đó quyết định *đẩy mạnh việc đào tạo*: *mở Trường huấn luyện cán bộ Việt Nam,* ký Sắc lệnh số 197 *thành lập Khoa Pháp lý học tại Trường Đại học Việt Nam. Một mặt,* mạnh dạn sử dụng những viên chức, quan lại đã được đào tạo về nghiệp vụ và kỹ thuật hành chính dưới chế độ cũ; *mặt khác*, Người đăng báo "*tìm người tài đức*", kêu gọi ai có tài hãy ra giúp nước nhà. Công việc kiến thiết ngoại giao, kiến thiết kinh tế, kiến thiết quân sự, kiến thiết giáo dục,... rất cần nhiều nhân tài. "Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển thêm nhiều"[1].

Trong việc dùng cán bộ, Người nhắc nhở *phải tẩy sạch óc bè phái*, "Ai hẩu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không thân với mình thì dù họ có tài cũng tìm cách dìm họ xuống, họ nói phải mấy cũng không nghe"[2].

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 99.
2. *Sđd*, t. 5, tr. 77.

Để đảm bảo công bằng và dân chủ trong vấn đề tuyển dụng cán bộ nhà nước, Người ký Sắc lệnh 76, ban hành *Quy chế công chức*, trong đó xác định: Công chức Việt Nam là những công dân giữ một nhiệm vụ trong bộ máy nhà nước của chính quyền nhân dân dưới sự lãnh đạo tối cao của Chính phủ.

Khác với những cán bộ của các cơ quan dân cử, làm việc theo nhiệm kỳ bầu cử, *công chức* theo chế độ chức nghiệp, vì vậy cần *phải qua một kỳ thi tuyển* để bổ nhiệm vào các ngạch, bậc hành chính.

Nội dung thi tuyển yêu cầu khá toàn diện, bao gồm sáu môn thi: môn *chính trị* (đại cương về Hiến pháp và cách tổ chức Nhà nước của những nước lớn trên thế giới), môn *kinh tế* (so sánh kinh tế tư bản và kinh tế xã hội chủ nghĩa, kinh tế Việt Nam trước và sau cách mạng: nông nghiệp, thương nghiệp, công kỹ nghệ,...), môn *pháp luật* (về Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chế độ thuế khoá, thể lệ ngân sách,...), môn *địa lý* (gồm địa lý tự nhiên và nhân văn của Việt Nam và một số nước lân cận: Lào, Miên, Miến Điện, Xiêm, Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ), môn *lịch sử* (lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự xâm lăng của thực dân Pháp, các phong trào xã hội, tư tưởng, học thuật đầu thế kỷ XX. Sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cuộc kháng chiến toàn dân,...) và môn *ngoại ngữ* (tự nguyện: Anh, Trung hoặc Pháp).

Trong điều kiện của cuộc kháng chiến chống Pháp, yêu cầu về trình độ văn hoá - pháp luật đối với đội ngũ công chức lúc bấy giờ *có thể nói là cao*. Nó đòi hỏi người dự

tuyển phải qua một lớp huấn luyện để bổ túc học vấn. Tùy theo kết quả thi cử và năng lực, trình độ, phẩm chất của mỗi người mà sắp xếp vào ngạch bậc và bổ dụng theo thứ tự trên dưới.

Điều đó đã thể hiện rõ tầm nhìn xa, tính chính quy, hiện đại, tinh thần công bằng, dân chủ,... của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền móng cho pháp quyền Việt Nam.

- Nhưng trong vấn đề cán bộ, đặc biệt là với cán bộ quản lý nhà nước, điều quan tâm thường xuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn là *phẩm chất đạo đức và tinh thần phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc,* bởi thiếu điều cơ bản này thì dù có năng lực mấy cũng không dùng được.

Nói chuyện trước cuộc míttinh của hơn hai vạn cử tri Hà Nội ủng hộ cuộc bầu cử Quốc hội (ngày 5-1-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Làm việc nước bây giờ là hy sinh, là phấn đấu, quên lợi riêng mà nghĩ lợi chung. Những ai muốn làm quan cách mạng thì nhất định không nên bầu"[1].

Sau khi trúng cử, Người hứa trước đồng bào: Trước sự nguy hiểm khó khăn của nước nhà, chúng tôi đi trước. Với việc giữ vững nền độc lập, chúng tôi xin đi trước.

Đối với Hồ Chí Minh, cán bộ quản lý Nhà nước cũng vẫn là người cán bộ cách mạng, người cán bộ quần chúng hoạt động ở lĩnh vực Nhà nước. Người hiểu rõ xu hướng quan liêu hoá khó tránh khỏi của loại cán bộ này, nên luôn luôn nhắc nhở họ phải thân dân, gần dân, trọng dân, không được lên mặt "quan cách mạng" với dân, phải lắng

---

1. *Sđd,* t. 4, tr. 147.

nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của dân. Chỉ có *trí tuệ* và *lòng dân* mới có thể làm cho chính quyền trở nên mạnh mẽ và sáng suốt.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả

Làm thế nào để xây dựng một Nhà nước cách mạng trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả, đấu tranh khắc phục những căn bệnh cố hữu của các nhà nước kiểu cũ, đó là mối quan tâm thường xuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ những ngày đầu mới có chính quyền.

Đây là một cuộc đấu tranh gian khổ, muốn thắng lợi phải huy động sức mạnh của nhân dân và của cả hệ thống chính trị, sử dụng kết hợp các biện pháp tư tưởng và tổ chức, giáo dục và hành chính, kinh tế và pháp luật,... trong đó Người nhấn mạnh hai nội dung cơ bản sau đây:

a) *Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức*

Từ kinh tế tiểu nông, quen sống theo luật tục hơn là theo pháp luật, bỏ qua chế độ tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội, lại trải qua nhiều năm chiến tranh,... muốn hình thành ngay một Nhà nước pháp quyền là chưa thể được. Trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay, phải *nhấn mạnh vai trò của pháp luật,* phải khẩn trương xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân, song không nên vì thế mà đề cao một chiều vai trò của pháp luật, coi pháp luật là tối thượng, bỏ qua vai trò hỗ trợ của các nhân tố khác, trong đó có *vấn đề giáo dục đạo đức*. Đạo đức và

pháp luật đều là hai hình thái ý thức xã hội, thuộc hai lĩnh vực khác nhau nhưng lại kết hợp và bổ sung cho nhau trong thực tế trị nước; và những nhà chính trị sáng suốt thường không bao giờ tuyệt đối hoá địa vị độc tôn của một yếu tố riêng lẻ nào.

Ở phương Đông, thuyết "nhân trị" của Khổng Tử lấy *đạo nhân* làm gốc, lấy hiếu đễ, lễ nhạc làm nội dung cơ bản cho sự giáo hoá; chủ trương rằng nhờ giáo dục con người tốt lên và ngày càng hoàn thiện thì công việc "chính, hình", sẽ giảm nhẹ đi rất nhiều. Coi trọng đạo đức, nhưng Nho gia *cũng không hề loại bỏ hình luật*, mà coi đó là một biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, cần đặt ra, nhưng tốt nhất là không cần dùng đến. Theo Mạnh Tử, chỉ có đức nhân không đủ cai trị, chỉ có một mình pháp luật tự nó cũng không thể thi hành được.

Còn các nhà "*pháp trị*" (Tuân Tử, Hàn Phi Tử, Lý Tư,...) lại chủ trương rằng pháp luật mới là yếu tố quyết định chứ không phải đạo đức, đặc biệt là khi xã hội càng rối loạn, đạo đức càng suy vi, pháp luật càng phải mạnh mẽ. Nhưng đi đôi với thưởng phạt nghiêm minh, các nhà "pháp trị" cũng vẫn không bỏ qua tấm gương của các ông *vua thánh*, *chúa minh*, những ông quan đức độ và kẻ sĩ hiền tài...

Nói chung, các vị vua chúa hiền tài, sáng suốt ở phương Đông (Trung Quốc và Việt Nam), những người được coi là đã thành công trong sự nghiệp trị nước, đều biết kết hợp giáo dục đạo đức với tăng cường pháp luật, vừa tôn Nho, vừa trọng Pháp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà chính trị lão luyện

và sáng suốt đã thâu hái được những kinh nghiệm lịch sử quý báu trong văn hoá trị nước của loài người và đã vận dụng nó một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo. Trong suốt 24 năm ở cương vị đứng đầu Nhà nước, Bác Hồ là một mẫu mực của sự kết hợp đạo đức và pháp luật, *luôn luôn chú trọng giáo dục đạo đức* nhưng cũng *không ngừng nâng cao vai trò, sức mạnh của pháp luật*.

Trước hết, *chính trị Hồ Chí Minh là một nền chính trị đạo đức*; và đạo đức cao nhất, theo Người là "Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc"[1].

Người thường xuyên nhắc nhở: "Nước lấy dân làm gốc.

Trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, lực lượng chính là ở dân, vậy tất cả anh chị em các bộ đội, cơ quan Chính phủ và các đoàn thể, trong khi tiếp xúc hoặc sống chung với nhân dân, ai ai cũng phải nhớ và thực hành 12 điều sau đây..."[2]. Người chỉ ra *sáu điều nên* và *sáu điều không nên*, rất cụ thể và thiết thực, thể hiện trong đó sự kết hợp chặt chẽ giữa đạo đức và pháp luật.

Suốt đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh gương mẫu chấp hành kỷ cương, phép nước, đồng thời cũng suốt đời kiên trì giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền.

Như chúng ta đã biết, giữa đạo đức và pháp luật vốn có quan hệ khăng khít với nhau. Pháp luật bao giờ cũng là một biện pháp để khẳng định một chuẩn mực đạo đức nào

---

1. *Sđd*, t. 9, tr. 285.
2. *Sđd*, t. 5, tr. 409.

đó và biến nó thành thói quen. Chuẩn mực đạo đức càng khó bao nhiêu thì vai trò của pháp luật càng quan trọng bấy nhiêu.

Ví dụ, *tham nhũng* là một hiện tượng phổ biến, xuất hiện cùng một lúc với sự xuất hiện của bộ máy nhà nước và tầng lớp cầm quyền. Nếu chỉ kêu gọi đạo đức thôi thì không bao giờ giải quyết được vấn đề, phải kết hợp giáo dục đạo đức với trừng trị bằng pháp luật. Thời đại nào, chính thể nào cũng đều đề ra nhiều đạo luật nghiêm khắc nhằm hạn chế loại bệnh nan y này, vấn đề là có kiên quyết thực thi hay không.

Vì vậy, ta thấy Bác Hồ nêu khẩu hiệu Cần, Kiệm đi liền với Liêm, Chính. Như Người giải thích: "*Liêm* tức là không tham ô và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của nhân dân.

Chính tức là việc phải thì dù nhỏ cũng làm, việc trái thì dù nhỏ cũng tránh"[1].

Đi đôi với giáo dục đạo đức, Người *kịp thời ban hành pháp luật*. Ngày 27-11-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ sẽ bị phạt từ 5 đến 20 năm khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Người ký "quốc lệnh" khép tội tham ô, trộm cắp của công vào tội tử hình.

Nhưng ban hành sắc lệnh tương đối dễ, tổ chức đưa nó vào cuộc sống, làm cho nó có hiệu lực trong thực tế, thì khó hơn nhiều.

Ngay sau khi chính quyền nhân dân vừa được thành

---

1. *Sđd*, t. 7, tr. 392.

lập năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã *kêu gọi nhân dân hãy tham gia giám sát công việc của Chính phủ*. Người viết: Từ ngày thành lập Chính phủ, trong nhân viên còn có nhiều khuyết điểm. Có người làm quan cách mạng, chợ đen, chợ đỏ, mưu vinh thân, phì gia... Xin đồng bào hãy phê bình, giám sát công việc của Chính phủ.

Tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khoá I (tháng 11-1946) có đại biểu Quốc hội đã chất vấn Chính phủ về *vụ Chu Bá Phượng*, lúc đó là Bộ trưởng Bộ Kinh tế trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến, là đại biểu của Việt Nam Quốc dân đảng, được bổ sung, tham gia phái đoàn Chính phủ ta đi dự Hội nghị Phôngtennơblô. Trong chuyến đi đó, ông ta mang theo vàng để buôn lậu, bị các nhà chức trách Pháp bắt được; báo chí Pháp lợi dụng rêu rao, hòng làm mất ảnh hưởng của Đoàn đại biểu Chính phủ ta. Đây là vụ "xì căng đan" đầu tiên ở một nhân viên cấp Bộ trưởng được công khai đưa ra trước Quốc hội ta.

Bác Hồ đã thay mặt Chính phủ trả lời thẳng thắn: Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ, từ Hồ Chí Minh đến những người làm việc ở các Ủy ban làng, đông lắm, phức tạp lắm. Dù sao, Chính phủ đã hết sức làm gương, và nếu làm gương không xong, thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ ăn hối lộ. Đã trị, đang trị và sẽ trị cho kỳ hết!

Trong việc thi hành pháp luật, cái khó nhất là phải bảo đảm được tính vô tư, khách quan, công bằng, bình đẳng đối với mọi công dân trước pháp luật. Ngày xưa, các nhà pháp trị, như Quản Tử viết: "Vua tôi, trên dưới, sang hèn đều phải theo pháp luật, như thế là thịnh trị". Thực

ra, hình luật phong kiến nặng nề chỉ để trừng phạt thứ dân chứ không phải cho các bậc đại phu! Vì vậy mới có tình trạng cùng một loại tội, quan thì xử theo lễ, dân thì xử theo luật!

Chúng ta làm cách mạng là để chống lại tình trạng bất bình đẳng xã hội đó. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi pháp luật của ta "phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì"[1].

Cuối năm 1945, khi giao việc cho đồng chí Lê Giản sang phụ trách ngành công an, Bác Hồ căn dặn: Bác lưu ý chú phải "thiết diện vô tư", bốn chữ thôi. Rồi Người giải thích: Thiết diện là *mặt sắt* nghĩa là làm công an thì phải kiên quyết, cứng rắn; vô tư là *không thiên vị*, nghĩa là phải hết sức *công bằng, công minh*. Chú làm cái nghề này mà không "thiết diện vô tư" thì Bác sẽ "thiết diện vô tư" với chú![2].

Người nói và gương mẫu thực hiện. Trong kháng chiến chống Pháp, Đại tá Trần Dụ Châu, vốn cũng là một người cách mạng, nhưng khi làm Cục trưởng Cục Quân nhu, đã lợi dụng chức vụ, bớt xén phần cơm áo vốn đã rất kham khổ, thiếu thốn của bộ đội ta để cùng đồng bọn sống phè phỡn, lãng phí, trụy lạc... Vụ án được khởi tố, đưa ra toà án quân sự, y bị lĩnh án tử hình. Trần Dụ Châu và gia đình kháng án lên Bác Hồ, xin được khoan hồng. Vụ án đã

---

1. *Sđd*, t. 5, tr. 641.

2. Theo hồi ký của đồng chí Lê Giản: *Những ngày sóng gió*, Nxb. Công an nhân dân, in lần thứ hai, Hà Nội, 2000, tr. 174-175.

gây cho Bác Hồ một nỗi đau buồn sâu sắc. Nhưng đối với loại sâu mọt đục khoét nhân dân, trị một người để cứu muôn người, dù rất đau lòng, Người đã ký lệnh bác đơn chống án của Trần Dụ Châu. Vụ án đã được thi hành.

Qua đó, có thể thấy: Bác Hồ rất đề cao phép nước, "nhân trị" đi đôi với "pháp trị". Người hết lòng thương yêu, dạy bảo cán bộ. Nhưng kẻ nào lạm dụng tình thương của Người, làm hại đến tính mệnh và tài sản của nhân dân, làm mất thanh danh, uy tín của Đảng và Nhà nước, để đề cao phép nước, thì dù họ có là cách mạng kỳ cựu, là bộ trưởng, thứ trưởng, là gì đi nữa, vẫn phải được đem ra xét xử theo đúng pháp luật.

Tình trạng tiêu cực trong đời sống pháp luật ở nước ta hiện nay có một phần là do hệ thống pháp luật của ta thiếu đồng bộ, một phần nữa là do thi hành không nghiêm. Nhưng dù sau này hệ thống pháp luật có hoàn chỉnh đến đâu, việc thi hành vẫn không thể tốt nếu tăng cường pháp luật không đi liền với thường xuyên giáo dục đạo đức cho đội ngũ cán bộ Nhà nước, trước hết là những người giữ chức năng bảo vệ pháp luật.

Điều đó cho thấy rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà lập pháp đồng thời là một nhà hành pháp vĩ đại. Tư tưởng của Người về sự kết hợp thống nhất, biện chứng giữa giáo dục đạo đức và tăng cường pháp luật cần được chúng ta kế thừa và phát huy trên con đường xây dựng một Nhà nước pháp quyền mạnh mẽ, trong sạch, vững mạnh, có hiệu quả.

b) Kiên quyết chống ba thứ "giặc nội xâm" là tham ô, lãng phí, quan liêu

Sức mạnh, hiệu quả của Nhà nước *một mặt* dựa vào

tính nghiêm minh của việc thi hành pháp luật, *mặt khác* dựa vào sự gương mẫu, sự trong sạch về đạo đức của người cầm quyền. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi "cán bộ phải thực hành chữ LIÊM trước, để làm kiểu mẫu cho dân"[1]. Hiện nay, đất nước ta đang đi lên trong điều kiện cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nền kinh tế của ta còn ở tình trạng thấp kém, còn có khoảng cách lớn về trình độ giữa nước ta với thế giới, trong khi đó một bộ phận cán bộ có chức có quyền lại đang rơi vào tham nhũng, thoái hoá, biến chất... Các tệ nạn đó đang diễn ra khá trầm trọng, làm hoen ố hình ảnh "Chính phủ Cụ Hồ", đang làm suy yếu sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước, phá hoại niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, tập trung lực lượng để đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, thoái hoá biến chất,... đang là một yêu cầu cấp bách để làm cho Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh, có hiệu năng, hiệu quả.

Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra ba thứ "giặc nội xâm", "giặc trong lòng", những căn bệnh mà chúng ta phải kiên quyết chống, nếu không chúng sẽ dẫn đến nguy cơ suy thoái, đổ vỡ không lường hết được. Người nói: "Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là *bạn đồng minh* của thực dân và phong kiến,... Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính...

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 641.

Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám"[1].

Người chỉ ra mối quan hệ giữa đánh thù trong và diệt giặc ngoài: Chống tham ô, lãng phí, quan liêu cũng cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. "Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống giặc ngoại xâm mà quên *chống giặc nội xâm*, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình"[2].

Ngày nay, trong một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường tất yếu đẻ ra những tên gian manh, bịp bợm. Do sự giáo dục và quản lý yếu kém của Nhà nước, chúng đã móc nối được với những phần tử thoái hoá trong bộ máy nhà nước, ra sức tung hoành, ăn cướp, lừa đảo, chiếm đoạt hàng nghìn tỷ đồng của nhân dân, dẫn đến những vụ án tày đình, làm xôn xao dư luận xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân về sự trong sạch, vững mạnh của bộ máy Nhà nước ta. Công luận đang đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải kiên quyết phanh phui, vạch tội, xét xử chúng một cách nghiêm minh và trừng trị thật đích đáng để đem lại niềm tin cho nhân dân vào sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước ta.

Vì sao nạn tham nhũng, hối lộ không giảm mà đang có chiều hướng gia tăng? Vì sao có hiện tượng "nhờn" pháp luật? Có nguyên nhân do cơ chế quản lý kinh tế, do sơ hở về chính sách, pháp luật, do thiếu nghiêm minh trong xét xử và thi hành án, do công tác quản lý, giáo dục còn yếu kém, v.v.. Cũng có nguyên nhân về nạn phe phái, ô dù bao che

---

1, 2. *Sđd*, t. 6, tr. 490, 495.

cho nhau. Nhưng có một nguyên nhân quan trọng nữa không thể bỏ qua, đó là *bệnh quan liêu*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, *chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn*... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là *bệnh quan liêu* đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu"[1].

Về tác hại nghiêm trọng của bệnh quan liêu, Mác và Ăngghen đã từng cảnh tỉnh giai cấp vô sản rằng chủ nghĩa quan liêu có thể dẫn các Đảng Cộng sản cầm quyền đến chỗ "đánh mất một lần nữa chính quyền vừa giành được", "đi vào con đường tiêu vong như đã từng xảy ra đối với mọi loại hình Nhà nước từng xuất hiện từ trước đến nay".

V.I. Lênin cũng viết: "... chúng ta bị khốn khổ trước hết về tệ quan liêu. Những người cộng sản đã trở thành những tên quan liêu. Nếu có cái gì sẽ làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó"[2] (tức chủ nghĩa quan liêu - T.G.). Sự tiên liệu của các bậc thầy vĩ đại đã không được những

---

1. *Sđd*, tr. 489 - 490.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1979, t. 54, tr. 235.

người kế tục sau này cảnh giác, đề phòng, khắc phục. Sự sụp đổ của Nhà nước Xôviết có những nguyên nhân sâu xa của nó, song có một nguyên nhân mà ai cũng thấy, đó là bộ tham mưu của nó đã quan liêu hoá, ngày càng xa rời nhân dân, nên đã rơi vào thoái hoá, biến chất.

Vì vậy, không thể nói đến một nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả nếu như không kiên quyết, thường xuyên đẩy mạnh cuộc đấu tranh để chặn đứng, tiến tới tiêu diệt tận gốc những nguyên nhân đã gây ra nạn tham ô, lãng phí, quan liêu.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM NGANG TẦM NHIỆM VỤ CỦA GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ MỚI

Kể từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền về tay nhân dân đến nay, Đảng ta đã có kinh nghiệm hơn 1/2 thế kỷ xây dựng và lãnh đạo nhà nước. Từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, tuy nội dung nhiệm vụ của Nhà nước có sự khác nhau, song về bản chất vẫn là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, được xây dựng trên những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc. Nhưng từ chiến tranh chống ngoại xâm chuyển sang hoà bình xây dựng kinh tế, từ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước, trong điều kiện mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, làm ăn với nước ngoài,... đã có sự thay đổi rất nhiều, từ nội dung nhiệm vụ, tổ chức bộ máy,

phương thức hoạt động, cho đến yêu cầu về phẩm chất, năng lực của con người vận hành bộ máy nhà nước.

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đang đứng trước những cơ hội và thách thức chưa từng có. Xu thế toàn cầu hoá đang phát triển sâu rộng với tốc độ nhanh, mở ra cơ hội cho các nước chậm phát triển có thể đuổi kịp các nước phát triển, đồng thời cũng gia tăng nguy cơ bành trướng của chủ nghĩa thực dân mới. Trong tình hình đó, nếu không có một Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả, hiệu lực, tranh thủ nắm lấy vận hội, đưa đất nước vượt qua nguy cơ, thách thức thì chủ nghĩa xã hội sẽ không có mà độc lập dân tộc cũng khó bảo vệ được.

Vậy làm thế nào để không ngừng hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân, vì dân, kế thừa và phát huy được truyền thống tốt đẹp của Chính phủ Cụ Hồ trong giai đoạn lịch sử mới? Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, liên hệ với tình hình hiện nay, có thể thấy nổi lên mấy vấn đề cấp bách sau đây, cần tập trung đột phá nhằm tạo ra những chuyển biến rõ rệt:

1. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đảm bảo thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân

Để vượt lên tình trạng thấp kém của nền kinh tế, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa nước ta với nhiều nước trên thế giới, trong điều kiện cạnh tranh quốc tế quyết liệt hiện nay, ta không có con đường nào khác là phải "phát huy cao độ nội lực của dân tộc", mà một trong

những nhân tố cơ bản làm nên nội lực đó là phát huy dân chủ. Chính khát vọng dân chủ đã tạo nên sức mạnh kiên cường đấu tranh cho độc lập, tự do. Giành được chính quyền về tay nhân dân rồi thì quyền làm chủ thật sự của người dân là nội dung đích thực của độc lập, tự do. Bởi như Bác Hồ đã nói: "Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"[1].

Trong cuộc chiến đấu khẩn trương và quyết liệt chống kẻ thù xâm lược, nhiều công việc cấp bách phải được giải quyết kịp thời và tập trung ở cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Khi chuyển sang hoà bình, xây dựng, trong điều kiện khó khăn, phức tạp của tình hình đất nước hiện nay thì mở rộng dân chủ là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết để khai thác được sức mạnh vô tận của nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới, mở cửa, hội nhập với thế giới. Qua thực tế hơn 15 năm đổi mới, Đảng ta đã chỉ ra rằng nơi nào thực hiện được dân chủ, phát huy được trí tuệ của đông đảo cán bộ và nhân dân, thì nhất định thành công. Ngược lại, nơi nào để mất dân chủ, gây ra sự bất mãn trong quần chúng thì nơi đó không tránh khỏi khó khăn và dẫn tới những hậu quả đáng tiếc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "*Dân chủ, sáng kiến, hăng hái*, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến"[2]. Bởi vậy,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 56.

2. *Sđd*, t. 5, tr. 244.

Người nhắc nhở: "*Phải* thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng" ra lệnh ra oai"[1].

Điều cần chú ý là trong tư duy Hồ Chí Minh về dân chủ thì dân chủ của ta phải là "dân chủ thực sự". "Nước ta phải đi đến dân chủ thực sự"[2]. "Chúng ta phải ra sức thực hiện những cải cách xã hội, để nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện *dân chủ thực sự*"[3]. Nhiều lần Người nhắc đi nhắc lại hai chữ "thực sự", "thật sự" như là một thuộc tính cơ bản không thể thiếu của nền dân chủ của chế độ ta, nó vốn xa lạ với thứ dân chủ trừu tượng, dân chủ hình thức mà người ta dễ dàng nghĩ tới là dân chủ trong xã hội tư sản.

Qua đó, có thể thấy dân chủ là một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Người, thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết được mọi khó khăn. Mọi chủ trương, đường lối, thuộc tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,... đều được Người xem xét và giải quyết từ *địa vị* người làm chủ và *quyền* làm chủ của nhân dân.

Để người dân được hưởng quyền dân chủ trong thực tế, không chỉ xác nhận quyền đó trong Hiến pháp và pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn tạo điều kiện vật chất và văn hoá để người dân *nâng cao năng lực làm chủ*: nâng cao dân trí, bồi dưỡng văn hoá chính trị, phát triển tính tích cực công dân, mở mang kinh tế, cải thiện đời sống vật

---

1. *Sđd*, t. 10, tr. 311.
2, 3. *Sđd*, t. 7, tr. 25, 323.

chất và tinh thần cho nhân dân, khuyến khích nhân dân tham gia giám sát công việc của các cơ quan nhà nước, từ dưới lên trên.

Phát huy dân chủ phải kết hợp chặt chẽ với tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật. Nhà nước ta phải tiếp tục thể chế hoá bằng pháp luật các quyền dân chủ của người dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong hoạt động kinh tế. Đồng thời, phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng và chống vi phạm pháp luật, đảm bảo cho mỗi công dân đều được bình đẳng trước pháp luật, đảm bảo mọi hành vi vi phạm pháp luật đều được xét xử nghiêm minh, đúng người, đúng tội, không phân biệt người đó là ai, để đem lại niềm tin cho nhân dân vào tính nghiêm minh của pháp luật Nhà nước ta.

2. Cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh

Đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, pháp luật của Nhà nước là điều kiện tiên quyết, song nếu không có một nền hành chính mạnh, có hiệu lực thì chính sách. luật pháp dù đúng, cũng không thể đi vào cuộc sống. Nền hành chính yếu kém là một trở lực lớn cho đổi mới và phát triển. Do đó, cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính đang là một yêu cầu bức xúc. Nhân dân mong mỏi được sống và làm ăn trong một môi trường an ninh, trật tự, dân chủ, không bị phiền hà, sách nhiễu, người ngay được bảo vệ, kẻ gian bị trừng trị.

Hiện nay, nền hành chính của ta còn có nhiều yếu kém: quan liêu, xa dân, xa cơ sở; phân tán, thiếu trật tự kỷ cương; nạn tham nhũng và lãng phí của công; bộ máy cồng kềnh, nặng nề, kém hiệu lực; đội ngũ cán bộ, công chức còn yếu về kiến thức, năng lực, một bộ phận không nhỏ kém phẩm chất, thậm chí hư hỏng.

Cải cách hành chính để có một nền hành chính dân chủ, trong sạch, phục vụ đắc lực nhân dân, giữ vững trật tự, kỷ cương xã hội theo pháp luật. Nó phải phục vụ tận tụy, công tâm, đáp ứng yêu cầu hàng ngày về quyền lợi hợp pháp của nhân dân. Muốn thế, bản thân nó phải trong sạch và có kỷ cương, phải thanh toán được những căn bệnh mà từ rất sớm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: trái phép, cậy thế, hủ hoá, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo, "lúc nào cũng vác mặt "quan cách mạng" lên. Không biết rằng, thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến oai tín của Chính phủ"[1]. Tóm lại, phải phấn đấu để xoá bỏ ấn tượng hiện nay trong nhân dân: hành chính là *hành* dân là *chính*!

Cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính là một quá trình, phải tiến hành đồng bộ trên nhiều mặt. Căn bệnh này nặng nề, phức tạp, có căn nguyên xã hội - lịch sử, nên không thể chữa trị trong một thời gian ngắn.

Những vấn đề bức xúc nổi lên hiện nay thường biểu hiện tập trung ở các cơ quan hành chính hàng ngày có quan hệ tiếp xúc trực tiếp với nhân dân. Cần phải làm cho đội ngũ cán bộ, viên chức quán triệt nhận thức: Nhà nước

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 57 - 58.

là một tổ chức *công quyền* thể hiện quyền lực của nhân dân, nhân viên nhà nước là *công bộc* của nhân dân. Bên cạnh chức năng *quản lý nhà nước*, các cơ quan hành chính còn có chức năng *dịch vụ công*. Để nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, cần thiết phải:

- Cải cách thủ tục hành chính, ban hành và hoàn thiện *chế độ công vụ*.

- Đề cao trách nhiệm giải quyết khiếu kiện của nhân dân, sao cho thủ tục khiếu kiện đơn giản, nhanh chóng, đúng pháp luật, không để nhân dân phải tốn quá nhiều thời giờ, công sức đi lại, do tình trạng đùn đẩy, "kính chuyển" vòng vo.

- Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn, thực hiện tinh giản biên chế; xử lý nghiêm minh, kịp thời những người vi phạm pháp luật (tham nhũng, đặc quyền đặc lợi,...).

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; gắn liền xây dựng, chỉnh đốn Đảng với cải cách bộ máy hành chính

Đảng ta là Đảng cầm quyền, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, Nhà nước ta đã hoàn thành được nhiệm vụ lịch sử vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta chủ trương: trước hết tập trung đổi mới về kinh tế đồng thời từng bước đổi mới về chính trị, nhờ đó mà đất nước ổn định, từng bước tiến lên đạt những thành tựu quan trọng sau 15 năm đổi mới.

Những năm gần đây, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết về củng cố và tăng cường bộ máy nhà nước, đấu tranh chống các tệ nạn làm suy giảm uy tín và hiệu lực của Nhà nước. Tuy nhiên, yêu cầu của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, trù dập, ức hiếp nhân dân,... đang đòi hỏi ở Đảng ta một sự lãnh đạo tập trung hơn nữa, quyết tâm cao hơn nữa, kế hoạch và biện pháp triệt để hơn nữa, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị: "Cuộc vận động này là một cuộc cách mạng nội bộ, một cuộc đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, cái cũ và cái mới, giữa đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư và kẻ địch là tệ nạn tham ô, lãng phí, quan liêu.

Chúng ta đã thấy rõ kẻ thù, Đảng đã định ra chiến lược sách lược đúng đắn. Chúng ta phải đồng tâm nhất trí, mạnh bạo xung phong"[1].

Cuộc đấu tranh để khắc phục những khuyết tật của bộ máy nhà nước không thể tách rời cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đảng mạnh thì Nhà nước mạnh. Không thể có một Đảng mạnh mà Nhà nước và hệ thống hành chính của nó lại yếu kém. Để chỉnh đốn lại bộ máy nhà nước, khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, Đảng phải tự chỉnh đốn, phải nêu gương về mặt trong sạch, vững mạnh. Đó là nhân tố cơ bản và then chốt. Chỉ có sự lãnh đạo của một Đảng trong sạch, vững mạnh mới đưa cải cách bộ máy nhà nước đi đến thành công.

---

1. *Sđd*, t. 10, tr. 578.

CHƯƠNG VIII

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học thắng lợi của cách mạng Việt Nam, một tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã được các Đại hội của Đảng ta liên tiếp khẳng định và nêu cao.

Sự nghiệp đổi mới ngày càng phát triển, quá trình hội nhập của nước ta vào nền kinh tế thế giới càng được đẩy mạnh thì ý nghĩa của bài học nói trên càng có tính thời sự sâu sắc.

Thấm nhuần và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một điều kiện không thể thiếu để giúp chúng ta tìm ra những đối sách phù hợp, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới.

I. BỐI CẢNH THỜI ĐẠI VÀ SỰ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

1. Bối cảnh thời đại

Mối quan hệ giữa dân tộc và thời đại, giữa cách mạng

Việt Nam và cách mạng thế giới được đặt ra và giải quyết như thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào vấn đề nhận thức nội dung và tính chất của thời đại.

Thời đại Hồ Chí Minh bước vào hoạt động chính trị là thời đại đang diễn ra những bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử loài người về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội và khoa học - công nghệ .

a) Cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, *chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn tư bản độc quyền*, tức giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Sự hình thành chủ nghĩa đế quốc và hệ thống thuộc địa của chúng đã làm nảy sinh một mâu thuẫn cơ bản của thời đại: *mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc thuộc địa*. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc với "*sự thức tỉnh của châu Á*" là một nét nổi bật của tình hình thế giới đầu thế kỷ XX.

b) Thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 và sự ra đời của Nhà nước công nông đầu tiên trên trái đất đã phá vỡ tính thống nhất của chủ nghĩa tư bản thế giới, mở đầu cho thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, tạo ra mâu thuẫn cơ bản xuyên suốt thời đại là *mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản*. Chính sự ra đời của Nhà nước Xôviết và sau đó là Quốc tế Cộng sản đã tạo điều kiện cho phong trào cách mạng thế giới phát triển, trong đó có phong trào giải phóng dân tộc các nước phương Đông, mở ra sự chuyển hướng của cách mạng giải phóng dân tộc theo quỹ đạo của cách mạng vô sản.

c) Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản đã làm sâu sắc thêm *mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau*, gây ra cuộc chiến tranh nhằm phân chia lại thị trường, tiêu biểu là hai cuộc Chiến tranh thế giới (1914-1918 và 1939-1945). Gánh nặng của hai cuộc chiến tranh đè nặng lên số phận của nhân dân lao động ở cả chính quốc và thuộc địa, thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng ở các nước. Nếu Chiến tranh thế giới thứ nhất làm xuất hiện một Nhà nước xã hội chủ nghĩa Xôviết thì Chiến tranh thế giới thứ hai đã làm xuất hiện thêm một loạt nước xã hội chủ nghĩa mới, hình thành nên *hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới*, thành trì của phong trào cách mạng vô sản, chỗ dựa vững chắc của phong trào giải phóng dân tộc.

d) Chủ nghĩa tư bản phát triển, sự bóc lột tư bản tăng lên, cùng với gánh nặng của các cuộc chiến tranh xâm lược, chiến tranh thế giới,... làm cho *mâu thuẫn giữa giai cấp tư bản với giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc và thuộc địa cũng tăng lên*. Các cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản châu Âu liên tiếp nổ ra (từ 1918 đến 1923) và bị đàn áp khốc liệt.

Mặt khác, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, sự hình thành thị trường thế giới,... đã làm cho các dân tộc xích lại gần nhau, phá vỡ tình trạng biệt lập giữa các quốc gia ở thế kỷ XIX. Sự ra đời và hoạt động của Quốc tế Cộng sản đã có đóng góp to lớn vào sự tăng cường đoàn kết, gắn bó giữa phong trào cách mạng vô sản ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

đ) Cho đến những năm 60 của thế kỷ thứ XX, loài

người cũng đã chứng kiến *sự phát triển vượt bậc của cách mạng khoa học và công nghệ*, đưa tới những đổi thay có tính cách mạng về năng lượng, vật liệu, về giao thông vận tải, thông tin liên lạc, về công nghệ sinh học, v.v.. Lực lượng sản xuất phát triển tới một trình độ cao chưa từng thấy, làm cho nền sản xuất thế giới ngày càng được quốc tế hoá cao và trở thành một thị trường có tính thống nhất rộng lớn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong *Báo cáo chính trị* đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951), đã khái quát những nét lớn về nửa đầu thế kỷ XX như sau:

"Năm mươi năm vừa qua có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại.

Trong 50 năm đó, đã có những phát minh như chiếu bóng, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình (télévision) cho đến sức nguyên tử. Nghĩa là loài người đã tiến một bước dài trong việc điều khiển sức thiên nhiên. Cũng trong thời kỳ ấy, chủ nghĩa tư bản từ chỗ tự do cạnh tranh, đã đổi ra độc quyền lũng đoạn, đã tiến lên chủ nghĩa đế quốc.

Trong 50 năm đó, đã có hai cuộc *chiến tranh thế giới* khủng khiếp nhất trong lịch sử do bọn đế quốc gây ra. Đồng thời cũng do những chiến tranh đó mà bọn đế quốc Nga, Đức, Ý, Nhật bị tiêu diệt; đế quốc Anh, Pháp bị suy đồi; tư bản Mỹ thì nhảy lên làm trùm đế quốc, trùm phản động.

Quan trọng nhất là *Cách mạng Tháng Mười Nga thành công*, Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa thành lập, rộng một phần sáu thế giới và gần một nửa loài người, đã

tiến vào con đường *dân chủ mới,* những dân tộc bị áp bức lần lượt nổi dậy chống chủ nghĩa đế quốc, đòi độc lập tự do"[1].

Đó chính là một sự tổng kết ngắn gọn mà sâu sắc, bao quát được các mặt cơ bản của thời đại trong nửa đầu thế kỷ XX, từ sự phát triển của khoa học - công nghệ, sức sản xuất đến đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội.

2. Quá trình nhận thức của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

a) Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại. Rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh mang theo nhận thức và niềm tin bất diệt vào *sức mạnh dân tộc. Đó là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước; tinh thần đoàn kết; ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do; ý thức tự lực, tự cường,...*

Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng đề cao sức mạnh của truyền thống dân tộc:

"Xét trong lịch sử Việt Nam,
Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng.
Nhiều phen đánh bắc, dẹp đông,
Oanh oanh liệt liệt con Rồng cháu Tiên"[2].

Người đặc biệt đề cao sức mạnh của lòng yêu nước: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 153.
2. *Sđd*, t. 3, tr. 227 - 228.

nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"[1].

Vì vậy, dù trong hoàn cảnh đen tối nhất, Người vẫn bộc lộ một niềm lạc quan tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh của dân tộc: "Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến"[2].

Cũng chính với nhận thức sâu sắc về sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, Người đã khẳng định: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối... Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917"[3].

Chủ nghĩa dân tộc Hồ Chí Minh nói đây là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính của nhân dân các nước thuộc địa đang đấu tranh cho độc lập, tự do. Mặc dù đánh giá rất cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc nhưng một câu hỏi lớn vẫn đặt ra trong tư duy chính trị Hồ Chí Minh: tại sao các cuộc vận động

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 171.

2, 3. *Sđd*, t. 1, tr. 28, 466.

cứu nước, giải phóng dân tộc từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX vẫn cứ lần lượt bị thất bại, từ Văn Thân, Cần Vương, đến Đông Du, Duy Tân,...?

Chưa thể có ngay lời đáp cho một câu hỏi lớn, nhưng Người cũng đã thấy rõ: không thể đánh thắng kẻ thù mới bằng con đường cũ, cách làm cũ trong một thế giới đã có nhiều thay đổi. Người quyết định phải đi ra nước ngoài, "xem nước Pháp và các nước khác", tức là tìm hiểu thế giới, tìm hiểu kẻ thù ở ngay trong sào huyệt của chúng, để từ đó tìm ra đường lối và phương pháp đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng đồng bào.

b) Nhận thức của Hồ Chí Minh về *sức mạnh của thời đại* được hình thành từng bước, từ cảm tính đến lý tính, thông qua hoạt động thực tiễn mà tổng kết thành lý luận.

- Ra đi tìm đường cứu nước trong tư cách người lao động, hoà mình trong môi trường hoạt động của giai cấp công nhân, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chứng kiến cuộc sống khổ cực của nhân dân các nước thuộc địa, đã phát hiện ra mối tương đồng giữa các dân tộc bị áp bức: "... dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột"[1]. Đó là cơ sở đầu tiên để hình thành nhận thức: muốn giải phóng dân tộc mình cần thiết phải đoàn kết với các dân tộc khác cùng chung cảnh ngộ. Vì vậy, từ rất sớm Người đã kêu gọi: "Vì nền hoà bình thế giới, vì tự do và ấm no, những người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc cần đoàn kết lại và chống bọn áp bức"[2].

1, 2. *Sđd,* t. 1, tr. 266, 452.

Khảo sát chủ nghĩa đế quốc tận các sào huyệt của chúng, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh phát hiện ra rằng: các nước đế quốc đã không hành động đơn độc mà có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc đàn áp các cuộc nổi dậy ở thuộc địa; mặt khác chúng lại tuyển mộ những người lính từ thuộc địa để đưa sang đàn áp các cuộc đấu tranh cách mạng ở chính quốc. Từ đó, Người chỉ ra cho cả công nhân và lao động ở chính quốc lẫn binh lính và lao động ở thuộc địa hiểu rằng "họ đều là anh em cùng một giai cấp và khi tới lúc phải chiến đấu, thì cả hai bên đều phải cùng đánh bọn chủ chung của mình, chứ anh em không nên đánh lẫn nhau"[1].

Như vậy, qua khảo sát thực tế, từ kinh nghiệm bản thân, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nhận thức được rằng: chủ nghĩa đế quốc là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động ở cả chính quốc và thuộc địa. Muốn đánh thắng chúng, phải thực hiện *khối liên minh chiến đấu giữa lao động ở các thuộc địa với nhau và giữa lao động ở thuộc địa với vô sản ở chính quốc*; nếu tách riêng mỗi lực lượng thì không thể nào thắng lợi được.

Điểm vượt lên của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh so với các lãnh tụ yêu nước và chí sĩ cách mạng đầu thế kỷ XX chính là ở đó. Họ đã không nhận thức được đặc điểm mới của thời đại. Cũng có người đã ra nước ngoài để cầu viện, xây dựng đội ngũ đưa về nước để vận động đấu tranh, nhưng chưa có ai làm được như Hồ Chí Minh,

---

1. *Sđd*, tr. 202.

"*phân tích tình hình thế giới và trong nước* để định rõ mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam... Đối với kẻ địch bên ngoài đến xâm lược nước mình, các cụ thường cho rằng... làm cách mạng là chống "người Pháp", không phân biệt thực dân Pháp với giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, những người bạn cùng nhân dân Việt Nam có chung một kẻ thù là bọn thực dân và đế quốc Pháp"[1]. Nói cách khác, do chưa nhận thức rõ kẻ thù nên cũng chưa thấy được bạn đồng minh.

- Sau khi được tiếp cận với *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh tìm thấy ở đó "một ánh sáng kỳ diệu nâng cao về chất tất cả những hiểu biết và tình cảm cách mạng mà Người đã hằng nung nấu"[2].

Trong *Luận cương*, Lênin yêu cầu phải làm cho vô sản và quần chúng lao động ở tất cả các nước gần gũi nhau; muốn thế, các Đảng Cộng sản, nhất là các Đảng Cộng sản ở các nước tư bản có thuộc địa, đều phải giúp đỡ các phong trào giải phóng dân tộc bằng mọi hình thức; phải giáo dục về chủ nghĩa quốc tế vô sản, phải đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc tiểu tư sản, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc trong giai cấp vô sản và nhân dân các nước đang đấu tranh giành độc lập[3].

Tư tưởng của V.I. Lênin đã đưa Nguyễn Ái Quốc -

1, 2. Trường Chinh: *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1991, tr. 45, 138.

3. Xem: V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t. 41, tr. 198-206.

Hồ Chí Minh tới bước chuyển lịch sử: từ người yêu nước thành người cộng sản, đã nâng cao nhận thức của Người về *sức mạnh thời đại: đó là sức mạnh của giai cấp vô sản, cách mạng vô sản và Đảng tiên phong của nó; là lý luận và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười.* Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tức là *kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, là phải xây dựng được khối liên minh chiến đấu giữa vô sản ở chính quốc với lao động ở thuộc địa, nhằm cùng một lúc tiến công chủ nghĩa đế quốc ở cả hai đầu.*

Với nhận thức trên, Hồ Chí Minh đi vào tổ chức và hoạt động. Người đã viết nhiều bài trên báo *Le Paria* và báo *Luymanitê* để truyền bá tư tưởng này trong vô sản và lao động, cả chính quốc và thuộc địa. Người đã tranh thủ diễn đàn các Đại hội của Đảng Xã hội, Đảng Cộng sản, diễn đàn các câu lạc bộ để "thức tỉnh" những người anh em ở phương Tây về nhiệm vụ phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa; phải coi cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa là "một trong những cái cánh của cách mạng vô sản".

Từ tuyên truyền đến tổ chức, Người bắt tay vào thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* ở Pháp, xuất bản cơ quan ngôn luận của nó là tờ báo *Le Paria*. Sau khi về Quảng Châu (Trung Quốc), Người tích cực tham gia vào việc thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức*, sát cánh chiến đấu bên cạnh những người cộng sản và nhân dân Trung Quốc, coi "giúp bạn là tự giúp mình". Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã tham gia

vào việc thành lập một số Đảng anh em ở các nước Đông Nam châu Á.

- Dần dần, cùng với sự phát triển của lịch sử, nhận thức của Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tiếp tục được bổ sung những nhân tố mới.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, *sự hình thành, tồn tại và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã trở thành một nhân tố làm nên sức mạnh thời đại*, chi phối sự phát triển của xã hội loài người trong nửa cuối thế kỷ XX. Các nước xã hội chủ nghĩa đã có vai trò và tác dụng to lớn trong việc ủng hộ và giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; ngược lại phong trào giải phóng dân tộc cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản đã góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, cũng tức là góp phần tích cực vào việc bảo vệ các nước xã hội chủ nghĩa. Như vậy, *phát huy sức mạnh của thời đại là phải biết huy động sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc*.

Cũng từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, *cuộc cách mạng khoa học và công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, trở thành một nhân tố của sức mạnh thời đại*. Sinh thời Hồ Chí Minh đã được chứng kiến bao phát minh kỳ diệu của con người, như chế tạo ra vô tuyến truyền hình, việc sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hoà bình, công cuộc chinh phục vũ trụ đưa con người lên mặt trăng, v.v.. Những kỳ công khoa học đó đem lại cho con

người và thời đại những sức mạnh mới chưa từng có. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Thế giới ngày nay đang tiến những bước khổng lồ về mặt kiến thức của con người. Khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội không ngừng mở rộng ra những chân trời mới, con người ngày càng làm chủ được thiên nhiên, cũng như làm chủ được vận mệnh của xã hội và của bản thân mình"[1]. Người đã nhắc nhở các thế hệ thanh niên phải ra sức học tập để chiếm lĩnh được những đỉnh cao của khoa học, tận dụng sức mạnh mới của thời đại để nhân lên sức mạnh của dân tộc.

Tóm lại, từ khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, từ người yêu nước thành người cộng sản, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc của Việt Nam theo con đường của cách mạng vô sản thì Hồ Chí Minh cũng ngày càng nhận thức được hoàn chỉnh tầm quan trọng và nội dung của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, nâng nó lên thành một trong những bài học bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

II. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

1. Nắm bắt chính xác đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại, đặt cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong sự gắn bó với cách mạng vô sản thế giới

a) V.I. Lênin đã viết: "... chúng ta đang sống ở khoảng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 9, tr. 355.

giao thời giữa hai thời đại và chỉ có thể hiểu được những biến cố lịch sử có ý nghĩa lớn lao đang diễn ra trước mắt chúng ta nếu trước hết chúng ta phân tích những điều kiện khách quan của bước chuyển từ thời đại này sang thời đại kia..."[1]. Cũng theo Lênin, sự phân tích ấy sẽ giúp chúng ta biết được *giai cấp nào* đang ở trung tâm của thời đại này hay thời đại khác, giúp chúng ta xác định được *nội dung căn bản* của thời đại, *phương hướng phát triển chính* của thời đại, *những đặc điểm chủ yếu* của bối cảnh lịch sử thời đại ấy, v.v..

Như đã trình bày trong phần I, thời đại Hồ Chí Minh bước vào hoạt động chính trị là thời đại diễn ra những biến đổi cực kỳ to lớn trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó nổi bật hai sự kiện quan trọng nhất làm thay đổi nội dung của thời đại: *một là* chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh đã chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền, tức giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, đã hình thành hệ thống thuộc địa của chúng; *hai là* thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga đã mở đầu cho thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Với nội dung đó, thời đại mới đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra mối quan hệ quốc tế ngày càng rộng lớn giữa các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Các dân tộc có biết mình đang sống trong

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980, t. 26, tr. 174.

thời đại lịch sử nào, nó có những đặc điểm cơ bản gì, xu hướng vận động và phát triển ra sao, giai cấp nào đứng ở vị trí trung tâm mới có được sự lựa chọn đúng, hành động đúng, phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại.

Sự thất bại của các phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX không phải vì nhân dân ta thiếu anh hùng, các lãnh tụ phong trào kém nhiệt huyết mà chủ yếu là do không nhận thức được đặc điểm mới của thời đại nên vẫn tiến hành theo cách làm cũ, vì thế đã bị thất bại. Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh tuy cũng đã đi ra nước ngoài, nhưng do mục đích và cách đi không đúng nên đã không kịp nắm bắt được bản chất của thời đại. Kết quả là: người thì "dãi dầu đất khách", người thì "lạc lối trời Âu"!

Rất kính trọng và khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối nhưng Nguyễn Tất Thành không đi theo con đường đã thất bại của cha anh. Người đi ra nước ngoài để tìm sự mách bảo của thời đại. Do mục đích đi đúng: tìm đường cứu nước, do cách đi đúng: trong tư cách người lao động, sát cánh với giai cấp vô sản và nhân dân các dân tộc bị áp bức, Người đã sớm đến được với cánh tả của cách mạng Pháp, gặp được *Luận cương* của Lênin, tán thành Quốc tế thứ III, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. Người viết: "Thời đại của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn cũng là thời đại một nhóm nước lớn do bọn tư bản tài chính cầm đầu thống trị các nước phụ thuộc và nửa phụ thuộc, bởi vậy công cuộc giải phóng các nước và các dân tộc bị áp bức là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản.

Do đó mà trước hết nảy ra khả năng và sự cần thiết phải có liên minh chiến đấu chặt chẽ giữa các dân tộc thuộc địa với giai cấp vô sản của các nước đế quốc để thắng kẻ thù chung"[1].

b) Sau khi nắm được đặc điểm của thời đại mới, Nguyễn Ái Quốc đã làm tất cả để gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người đã viết: "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả"[2].

Người đã chỉ ra một trong những nguyên nhân "gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là SỰ BIỆT LẬP... Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ THIẾU SỰ TIN CẬY LẪN NHAU, SỰ PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG VÀ SỰ CỔ VŨ LẪN NHAU"[3]. Vì vậy, Người đã kiến nghị với Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm tăng cường sự hiểu biết giữa các dân tộc phương Đông. Theo Người, "Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản"[4].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 567.

2. *Sđd*, t. 2, tr. 301.

3. *Sđd*, t. 1, tr. 263.

4. *Sđd*, t. 2, tr. 124.

Mặt khác, Người đề nghị phải "Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng"[1].

Do nhiều nguyên nhân, giai cấp công nhân ở phương Tây lúc đó chưa có hiểu biết đầy đủ và chính xác về vấn đề thuộc địa. Một số lãnh tụ cơ hội của Quốc tế II đã bênh vực chính sách thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Bécxtanh cho rằng các dân tộc thuộc địa còn ở trình độ lạc hậu, nên việc chinh phục thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc là có tác dụng "khai hoá, truyền bá văn minh", điều này theo ông ta là phù hợp với mong muốn của giai cấp công nhân. Cauxky thì cho rằng các dân tộc thuộc địa chưa đủ khả năng để đấu tranh tự giải phóng, còn giai cấp vô sản thì chưa thể đấu tranh với giai cấp tư bản để xoá bỏ thuộc địa, những người xã hội - dân chủ cần có thời gian tích lũy lực lượng để lên nắm chính quyền, vì vậy nhân dân thuộc địa phải biết chờ đợi thời cơ ấy. Theo họ, nhiệm vụ của giai cấp vô sản quốc tế là làm trong sạch sứ mạng khai hoá của chủ nghĩa tư bản ở thuộc địa, để không còn những hành động bạo ngược, tàn ác nữa.

Lênin đã kiên quyết đấu tranh chống lại quan điểm sai lầm này. Nguyễn Ái Quốc đã bảo vệ và phát triển quan điểm của Lênin về khả năng to lớn và vai trò chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa đối với thắng lợi của cách mạng vô sản: "... cách mạng ở phương

---

1. *Sđd*, tr. 124.

Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch"[1]. "Lênin là người đầu tiên đã nhận thức rằng nếu không có sự tham gia của họ thì không thể có cách mạng xã hội"[2]. Sau khi phê phán các Đảng Cộng sản Tây Âu chưa làm gì để giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình về chủ nghĩa quốc tế chân chính đối với lao động thuộc địa, chưa giúp họ hiểu rõ và quan tâm đến với thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã kiến nghị với Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Pháp những biện pháp cụ thể, với niềm hy vọng là tới Đại hội VI Quốc tế Cộng sản thì *mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa sẽ trở thành sự thật.*

Tóm lại, chính nhờ nắm bắt được đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại mà Nguyễn Ái Quốc đã xác định chính xác đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường của cách mạng vô sản. Đường lối đó, như sau này Người đã tổng kết:

"Cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, điều đó chứng minh rằng *trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó, dựa vào quần chúng nhân dân rộng rãi, trước hết là nông dân và đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước trong mặt trận thống nhất, với sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cách mạng thế*

---

1. *Sđd*, t. 1, tr. 277.
2. *Sđd*, t. 2, tr. 219.

giới, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, nhân dân nước đó nhất định thắng lợi"[1].

2. Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

a) Muốn kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, các Đảng Cộng sản phải kiên trì đấu tranh chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sôvanh,... những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất của các lực lượng cách mạng thế giới. Nói cách khác, các Đảng Cộng sản phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước mình.

Là nhà yêu nước chân chính, Hồ Chí Minh đã triệt để phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc; đồng thời là nhà quốc tế chủ nghĩa trong sáng, Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường tình đoàn kết và hữu nghị giữa Việt Nam và các dân tộc khác đang đấu tranh cho mục tiêu chung là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng: Đảng lấy toàn bộ thực tiễn của mình để chứng minh rằng chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở nhân dân ta: "Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh

---

1. *Sđd*, t. 9, tr. 315-316.

thần "vị quốc" của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế"[1].

- Để chia rẽ các dân tộc, chủ nghĩa thực dân truyền bá hệ tư tưởng của chủ nghĩa chủng tộc, khuyến khích thói kỳ thị màu da,.... Từ rất sớm, trên tờ truyền đơn bằng tiếng Việt của Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã kêu gọi: "Vì nền hoà bình thế giới, vì tự do và ấm no, những người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc cần đoàn kết lại và chống bọn áp bức"[2]. Lần đầu tiên đến Liên Xô, Người rất phấn khởi nhìn thấy ở Trường Đại học phương Đông hình ảnh đại đoàn kết giữa các dân tộc đủ màu da: Rằng đây bốn biển một nhà.

Vàng đen trắng đỏ đều là anh em.

Trên báo *Le Paria,* Người đã viết nhiều bài lên án thói "thù ghét chủng tộc" của bọn "khai hoá giết người", lối "hành hình kiểu Linsơ" của đảng 3K và nền "văn minh" Mỹ đối với những người da đen.

- Trên diễn đàn các hội nghị và đại hội của Đảng Cộng sản Pháp và Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã thẳng thắn phê phán những ảnh hưởng của các Đảng Xã hội thuộc Quốc tế II còn rơi rớt trong các Đảng Cộng sản Tây Âu, đặc biệt là các Đảng Cộng sản ở các nước có thuộc địa. Trong các Đảng này vẫn còn tình trạng hiểu sai, đánh giá thấp vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, vẫn chưa làm gì *để giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính*, tinh thần gần gũi với

1. *Sđd*, t. 6, tr. 172.
2. *Sđd*, t. 1, tr. 452.

quần chúng lao động các nước thuộc địa, vẫn "chưa thi hành một chính sách thật tích cực trong vấn đề thuộc địa"[1]; tóm lại là chưa thấm nhuần trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin: vấn đề dân tộc "chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản"[2].

- Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giáo dục nhân dân ta phân biệt rõ sự khác nhau giữa bọn thực dân, đế quốc với nhân dân lao động yêu chuộng công lý và hoà bình ở các nước đi xâm lược. Nhân dân yêu chuộng công lý và hoà bình ở các nước đó đã không ngừng phản đối, lên án cuộc chiến tranh tàn bạo, phi nghĩa của bọn đế quốc và đã góp phần cùng với nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới đấu tranh đòi chúng phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Có thể nói, ở Hồ Chí Minh không hề có chút gợn nào của tư tưởng dân tộc hẹp hòi. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Người vẫn yêu mến và đề cao văn hoá Pháp; kháng chiến chống Mỹ bảo vệ độc lập tự do, Người vẫn ca ngợi truyền thống đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân Mỹ. Hồ Chí Minh chính là biểu tượng cao đẹp của sự kết hợp giữa lòng yêu nước nhiệt thành với tinh thần quốc tế trong sáng.

b) Sau khi đã giành được độc lập về chính trị, con đường tiến lên của các dân tộc thuộc địa chỉ có thể là con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản

---

1, 2. *Sđd*, tr. 277.

trong phạm vi toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"[1], vì chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho các dân tộc được tự do, độc lập thật sự. Do đó, một nội dung mới của kết hợp lòng yêu nước với tinh thần quốc tế là *phải phát triển chủ nghĩa yêu nước truyền thống thành chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, kết hợp lòng yêu nước với lòng yêu chủ nghĩa xã hội.*

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam, của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là thắng lợi của ngọn cờ độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước vốn là sức mạnh vô địch để chiến thắng ngoại xâm. Nhờ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước truyền thống có thêm sức mạnh mới là chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Chính nhờ có chủ nghĩa xã hội chúng ta đã huy động được sức mạnh của các trào lưu cách mạng của thời đại, làm cho sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội, chiến thắng được những kẻ thù có sức mạnh to lớn hơn mình về nhiều mặt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò và tác dụng to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa trong việc ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam, vì vậy Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hiểu rằng lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta không chỉ quan tâm đến lợi ích của nước mình mà còn phải quan tâm bảo vệ lợi ích của cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới, rằng sức mạnh của

---

1. *Sđd*, t. 12, tr. 304 - 305.

Việt Nam bao gồm cả sức mạnh đoàn kết nhất trí của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, do đó chăm lo bảo vệ sự đoàn kết thống nhất giữa các nước xã hội chủ nghĩa, giữa các Đảng Cộng sản anh em là một nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu.

Khi phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có sự chia rẽ, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để khôi phục lại sự đoàn kết quốc tế trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

Tóm lại, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi phải đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, chủ nghĩa sôvanh và mọi thứ chủ nghĩa cơ hội khác. Chúng ta không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các nước khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

3. Giữ vững độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, đồng thời không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình

a) Trong mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, bao giờ Hồ Chí Minh cũng tận lực phát huy sức mạnh của dân tộc, coi nguồn lực nội sinh giữ vai trò quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ phát huy được tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Vì vậy, trong

đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao khẩu hiệu "*tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính*", "muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã". "Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"[1].

Trong lời kêu gọi gửi tới những người anh em ở các thuộc địa, Người đã viết: Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, *công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em*.

Chính vì đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc mà Hồ Chí Minh đã đi tới luận điểm: cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc mà trong điều kiện lịch sử nhất định, với tinh thần "đem sức ta mà giải phóng cho ta", có thể và cần thiết phải chủ động tiến hành trước và bằng thắng lợi của cách mạng ở thuộc địa mà góp phần "giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[2].

Mặt khác, muốn tranh thủ được sức mạnh thời đại, ngoài sức mạnh cần thiết bên trong để có thể sử dụng được sức mạnh bên ngoài, lại còn *phải có đường lối độc lập tự chủ đúng đắn* mới tranh thủ được sức mạnh thời đại. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta diễn ra trong bối cảnh lịch sử phức tạp, đó là sự chia rẽ của hệ

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 522.
2. *Sđd*, t. 1, tr. 36.

thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc - chỗ dựa chiến lược cho cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta.

Để tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối kết hợp chặt chẽ mục tiêu đấu tranh cho độc lập, thống nhất của dân tộc mình với bốn mục tiêu của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; tức là không để cho đế quốc Mỹ biến cuộc chiến tranh Việt Nam thành một cuộc xung đột có nguy cơ lan rộng ra toàn khu vực, kéo theo sự dính líu của nhiều nước, kể cả các nước xã hội chủ nghĩa. Bằng việc đánh bại các lực lượng xâm lược của tên đế quốc đầu sỏ, làm cho nó suy yếu, chúng ta đã từng bước hạn chế và làm thất bại âm mưu gây chiến tranh thế giới của chúng, góp phần củng cố hoà bình và dân chủ trên thế giới. Với đường lối đúng đắn đó, chúng ta đã tranh thủ được phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống Mỹ xâm lược, một phong trào rộng rãi nhất, mạnh mẽ nhất, sâu sắc nhất, chưa từng có trong lịch sử thế giới ở thế kỷ XX.

Để tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô và Trung Quốc, trong lúc hai nước này đang bất đồng sâu sắc cả về đường lối quốc tế lẫn đường lối chống Mỹ của Việt Nam, theo chủ trương sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã vừa kiên trì đường lối độc lập tự chủ, vừa thực hiện đoàn kết với cả Liên Xô và Trung Quốc. Chính phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam đã làm cho Liên Xô và Trung Quốc không thể không giúp đỡ Việt Nam, đồng thời đường lối đoàn kết

của Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc đã góp phần vào việc củng cố sự đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới, tạo chỗ dựa cho phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam được củng cố và phát triển mạnh mẽ hơn.

b) Nêu cao chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế, tranh thủ cao nhất sự ủng hộ và giúp đỡ của loài người tiến bộ, nhân dân ta đồng thời tích cực thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc nhở: phải coi cuộc đấu tranh của bạn cũng như cuộc đấu tranh của ta... Người cùng một hội, một thuyền phải giúp đỡ lẫn nhau, phải coi "giúp bạn tức là tự giúp mình".

Ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã thực hiện được trong đường lối chính trị của mình sự kết hợp nhuần nhuyễn *lợi ích dân tộc* và *nghĩa vụ quốc tế*. Đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành *Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương* phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau, cùng chiến đấu, cùng thắng lợi.

4. Mở rộng tối đa quan hệ hữu nghị, hợp tác, sẵn sàng "làm bạn với tất cả các nước dân chủ"

a) Trong những năm bôn ba tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng sống, làm việc, hoạt động ở nhiều nước "chính quốc" và thuộc địa, do đó có vinh dự là người đặt cơ sở đầu tiên cho tình hữu nghị giữa nhân dân

Việt Nam với nhân dân nhiều nước trên thế giới.

Sau khi nước ta giành lại được độc lập, Người đã nhiều lần tuyên bố: "Chính sách ngoại giao của Chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hoà bình"[1]. "Thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè"[2].

Ngay đối với nước Pháp, nước đang tiến hành cuộc chiến tranh thù địch chống Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: "Việt Nam sẵn sàng cộng tác thân thiện với nhân dân Pháp. Những người Pháp tư bản hay công nhân, thương gia hay trí thức, nếu họ muốn thật thà cộng tác với Việt Nam thì sẽ được nhân dân Việt Nam hoan nghênh họ như anh em bầu bạn"[3].

Năm 1949, trả lời phỏng vấn của một nhà báo Mỹ hỏi: Sau khi đã độc lập, Việt Nam có hoan nghênh tư bản ngoại quốc không? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời: Bất kỳ nước nào (gồm cả nước Pháp) thật thà muốn đưa tư bản đến kinh doanh ở Việt Nam, với mục đích làm lợi cho cả hai bên, thì Việt Nam sẽ rất hoan nghênh, còn nếu mong đưa tư bản đến để ràng buộc, áp chế Việt Nam thì Việt Nam sẽ cương quyết cự tuyệt.

Có thể xem những tuyên bố trên đây là tư tưởng đặt nền móng cho phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

b) Trong quan hệ rộng mở đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành ưu tiên cho mối quan hệ với các nước láng giềng

---

1, 2, 3. *Sđd*, t. 5, tr. 30, 136, 587.

gần gũi trong khu vực, nhất là các nước có chung biên giới với Việt Nam, trước hết là với Lào và Campuchia, nhằm hình thành liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung.

Đối với nước lớn Trung Quốc - một nước có quan hệ lịch sử - văn hoá lâu đời với Việt Nam, phát huy truyền thống hoà hiếu của cha ông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bằng những hoạt động liên tục, không mệt mỏi suốt nửa thế kỷ, xây đắp nên mối quan hệ "vừa là đồng chí, vừa là anh em".

Người cũng hết sức coi trọng, thiết lập mối quan hệ hữu nghị, láng giềng tốt với các nước trong khu vực có chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, sau chuyến đi thăm cảm ơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Người đã dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ nước ta đi thăm Ấn Độ, Miến Điện (nay là Mianma) và Inđônêxia, hình thành trục hữu nghị Hà Nội - Niu Đêli - Giacácta. Những hoạt động ngoại giao không mệt mỏi của Người đã nâng cao địa vị của Việt Nam trên trường quốc tế, trong phe xã hội chủ nghĩa cũng như trong các nước thuộc thế giới thứ ba.

Tóm lại, với trí tuệ thiên tài, với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, với đức độ khiêm nhường, thái độ thiện chí, Hồ Chí Minh đã vượt qua mọi trở ngại, khó khăn, từ trong những mối quan hệ chồng chéo, phức tạp của thời đại, đề ra được những đường lối, phương châm, phương pháp, đối sách, ứng xử,... đúng đắn sáng tạo, phù hợp với mỗi tình hình, mỗi giai đoạn cách mạng, nên đã phát huy được tối đa sức mạnh dân tộc trong sự kết hợp với sức mạnh thời đại để đưa cách mạng Việt Nam từng bước đi tới những

thắng lợi như ngày nay.

III. PHÁT HUY BÀI HỌC KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH QUỐC TẾ HIỆN NAY

Ngày nay, chúng ta đang sống trong một thế giới đầy biến động, trật tự cũ đã thay đổi, trật tự mới chưa hình thành. Tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, chứa đựng nhiều yếu tố bất trắc và thay đổi khôn lường. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tiểu vùng Đông Nam Á là nơi có sự đan xen về lợi ích và mâu thuẫn giữa các cường quốc trong khu vực và thế giới, đặc biệt là về chủ quyền lãnh thổ và an ninh biển Đông.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), trên cơ sở phân tích những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới và những xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế, đã xác định: "Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hoà bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"[1].

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đó, chúng ta cần quán

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 41.

triệt và vận dụng tốt những quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của Hồ Chí Minh trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

1. Hồ Chí Minh luôn luôn đặt tư duy của mình trong dòng chảy của thời đại, gắn cách mạng nước ta với cách mạng vô sản thế giới của giai cấp công nhân và cách mạng giải phóng của các dân tộc thuộc địa, nên đã định ra được đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan của lịch sử, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vượt qua mọi khó khăn đi tới những thắng lợi ngày càng vẻ vang.

Ngày nay, mặc dù chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại. Đảng ta khẳng định: "... loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức"[1].

Phát huy bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta vẫn luôn luôn xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới, Việt Nam tiếp tục đoàn kết, ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng và trào lưu tiến bộ của thời đại vì các mục tiêu

---

1. *Sđd,* tr. 76.

hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đảng ta và nhân dân ta tiến hành công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là một đóng góp thiết thực vào đổi mới chủ nghĩa xã hội, vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân thế giới. Hiện nay, cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi quốc tế vẫn đang tồn tại. Mục tiêu bất biến của chúng ta vẫn là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nếu chúng ta không nhận thức sâu sắc điều này, nếu chập chờn, dao động thì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam sẽ không thể tiến hành thắng lợi mà độc lập dân tộc cũng không giữ vững được, đất nước sẽ rơi vào mất ổn định và sự nghiệp đổi mới cũng sẽ không thể thành công.

2. Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ trương tận lực phát huy sức mạnh dân tộc - sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh của người làm chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân,... chỉ có trên cơ sở sức mạnh bên trong chúng ta mới có thể tranh thủ và tận dụng được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của lực lượng bên ngoài, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu cách mạng mỗi thời kỳ.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, chúng ta phải mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý, công nghệ và gia nhập thị trường quốc tế, nhưng phải trên cơ sở độc lập tự chủ, phát huy đầy đủ các yếu tố nội lực, dựa vào các nguồn lực trong nước là chính, bao gồm nguồn lực con người, đất đai, tài nguyên, trí tuệ, truyền thống (lịch sử

và văn hoá). Nếu không độc lập tự chủ, không phát huy đầy đủ nội lực thì không thể đứng vững và đi lên một cách vững chắc, lâu bền và cũng không thể hội nhập kinh tế quốc tế một cách bình đẳng.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã đề ra tư tưởng chỉ đạo: "*Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá... Nâng cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế...*"[1]. Đó là biểu hiện sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ có phát huy cao nhất các nguồn nội lực, trước hết là nguồn lực con người, chúng ta mới có thể thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, mới bảo vệ được độc lập, chủ quyền khi hội nhập với thế giới.

3. Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho đường lối ngoại giao rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá, hợp tác nhiều mặt với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tranh chấp tồn tại bằng hoà bình thương lượng. Tư tưởng và hoạt động ngoại giao Hồ Chí Minh đã tạo tiền đề thuận lợi

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 54.

cho công tác đối ngoại của Đảng và nhân dân ta trong thời kỳ mới.

Hiện nay, cục diện thế giới và khu vực đang còn nhiều biến động, đang tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định:

- Việt Nam, với vị trí địa - chính trị, với tài nguyên và dân số, với tiềm năng về nhiều mặt,... chiếm vị trí nhất định trong nhìn nhận chiến lược của các nước lớn và sự tập hợp lực lượng trong khu vực. Điều đó tạo khả năng và tiền đề để Việt Nam tham gia giải quyết các vấn đề khu vực và thế giới. Mặt khác, điều đó cũng tạo ra nguy cơ Việt Nam trở thành địa bàn tranh chấp, xung đột lợi ích chiến lược giữa các nước lớn và giữa các tập hợp lực lượng với nhau.

- Việt Nam tiến hành đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế vào lúc chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, hệ thống giá trị xã hội chủ nghĩa tạm thời suy yếu, hệ thống giá trị tư bản chủ nghĩa có điều kiện lan tràn. Lợi dụng tình hình đó, các lực lượng đế quốc và phản động đang đẩy mạnh cuộc tiến công bằng "diễn biến hoà bình" dưới nhiều hình thức nhằm làm suy yếu, tiến tới lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển như vũ bão, thúc đẩy xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế gắn liền với cạnh tranh gay gắt, mở ra thời cơ cho các nước có thể phát triển nhanh, thực hiện con đường rút ngắn; đồng thời cũng tạo ra nguy cơ tụt hậu nhanh chóng, biến một số nước thành "thuộc địa công nghệ".

Trước bối cảnh đó, để đứng vững và phát triển, chúng ta phải xử lý khéo léo các mối quan hệ, nghĩa là phải chủ động thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá; cải thiện và

mở rộng tối đa quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước có chế độ xã hội và con đường phát triển khác nhau. Càng giữ vững được độc lập tự chủ càng có điều kiện để đa dạng hoá, đa phương hoá. Ngược lại, càng thực hiện có hiệu quả đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại càng củng cố được độc lập tự chủ.

Cơ sở khách quan của đa dạng hoá, đa phương hoá là sự trùng hợp về lợi ích (lâu dài hoặc trước mắt), do đó có thể tham gia liên kết cả về kinh tế thương mại, chính trị và an ninh. Mục tiêu của ta tham gia liên kết là nhằm thúc đẩy xu thế hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển; nhưng không để các hình thức liên kết này trói buộc, hạn chế việc ta triển khai chính sách đối ngoại độc lập tự chủ.

Thực hiện tốt đường lối đối ngoại đó sẽ tạo thế đứng lâu dài và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhờ thiên tài trí tuệ và vốn hoạt động thực tiễn phong phú, Hồ Chí Minh đã sớm đến được với chủ nghĩa Mác-Lênin. Chính thế giới quan và phương pháp luận Mác-Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân - đã giúp Hồ Chí Minh thấy rõ được đặc điểm và bản chất của thời đại, đặt cách mạng Việt Nam trong sự gắn bó với cách mạng thế giới, đề ra được đường lối đúng đắn để dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một hệ thống luận điểm khoa học thấm đượm tinh thần độc lập tự chủ và tinh thần quốc tế

trong sáng, không phải chỉ có giá trị chỉ đạo đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam hiện nay mà còn có giá trị định hướng lâu dài cho cả sự nghiệp đấu tranh của nhân dân ta vì các mục tiêu cao cả của thời đại: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

CHƯƠNG IX

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

I. HỒ CHÍ MINH VÀ NỀN ĐẠO ĐỨC MỚI VIỆT NAM

1. Đạo đức, một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng

Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, những lãnh tụ cách mạng đã bàn nhiều nhất đến vấn đề đạo đức. Người không để lại những tác phẩm đạo đức lớn, nhưng những tư tưởng lớn của Người về đạo đức đã nằm trong những bài viết, bài nói ngắn gọn, được diễn đạt rất cô đọng, hàm súc theo phong cách phương Đông, rất quen thuộc với con người Việt Nam. Bản thân Người lại thực hiện trước nhất và nhiều nhất những tư tưởng ấy, nhiều hơn cả những điều Người đã nói, đã viết về đạo đức. Người vừa là một nhà đạo đức học lớn, lại vừa là tấm gương đạo đức trong sáng nhất, tiêu biểu nhất đã được thế giới thừa nhận.

Vì vậy, tìm hiểu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không phải chỉ thông qua những tác phẩm của Người về đạo đức, mà quan trọng hơn phải thông qua chính hành vi được thể

hiện trong toàn bộ hoạt động thực tiễn của Người, thông qua mẫu mực đạo đức trong sáng mà Người đã để lại cho Đảng, cho dân tộc và nhân loại. Sự thống nhất giữa tư tưởng và hành vi, động cơ và hiệu quả, giữa lý luận và thực tiễn đã trở thành một *đặc trưng* nổi bật của Hồ Chí Minh, đặc trưng này đã làm cho Hồ Chí Minh phân biệt với rất nhiều nhà tư tưởng, nhiều lãnh tụ cách mạng khác từ trước đến nay.

2. Nguồn gốc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh *bắt nguồn* từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam, đã được hình thành trong trường kỳ lịch sử, đồng thời kế thừa tư tưởng đạo đức phương Đông, những tinh hoa đạo đức của nhân loại; đặc biệt quan trọng là những tư tưởng đạo đức của Mác, Ăngghen, Lênin, cũng như những tấm gương đạo đức trong sáng mà các ông đã để lại. Điều này đã được thể hiện trong những dòng viết đầy xúc động của Người sau khi Lênin mất: Lênin là người "đã nêu cho chúng ta một tấm gương sáng về sự giản dị vĩ đại và sự khiêm tốn cao độ". "Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi"[1]. Đây không phải chỉ là tình cảm

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 1, tr. 295.

của Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam, mà còn là tình cảm của tất cả các dân tộc thuộc địa đối với Lênin vĩ đại.

Trong lĩnh vực đạo đức, Hồ Chí Minh đã sử dụng nhiều khái niệm, phạm trù của các tư tưởng đạo đức đã có từ trước, nhất là đạo đức Nho giáo. Nếu từ đó lại cho rằng bản chất của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức Nho giáo thì hoàn toàn sai lầm. Những khái niệm, phạm trù đánh dấu những bậc thang nhận thức của loài người. Qua các thời đại lịch sử, những khái niệm, phạm trù đã trở thành tài sản chung của nhân loại, nhưng nội dung đã có nhiều thay đổi. Những khái niệm như *trung, hiếu, nhân, nghĩa, cần, kiệm, liêm, chính*... đã có trong Nho giáo từ mấy trăm năm trước Công nguyên; *dân chủ, tự do, công bằng, bác ái* đã xuất hiện từ thời cổ đại HyLạp - La Mã. Nhưng trong hai thiên niên kỷ vừa qua, các giai cấp, các dân tộc đã hiểu những khái niệm đó rất khác nhau, thậm chí có những điểm trái ngược nhau. Điều đó là do những lợi ích khác nhau của các giai cấp, các dân tộc khác nhau quy định.

Hồ Chí Minh sử dụng những khái niệm, những phạm trù đạo đức đã từng quen thuộc với dân tộc Việt Nam từ lâu đời, đưa vào đó những nội dung mới, đồng thời bổ sung những khái niệm, những phạm trù đạo đức của thời đại mới. Chính vì vậy mà những giá trị đạo đức mới đã hoà nhập với những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, làm cho mỗi người Việt Nam đều cảm thấy gần gũi. Hơn nữa, những giá trị đạo đức truyền thống lại được nâng lên tầm cao mới, làm cho Người thực hiện được việc kết hợp truyền thống với hiện đại. Việc tiếp thu những tinh hoa

đạo đức của nhân loại đã làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh trở nên phong phú, đã được đông đảo những người nước ngoài chấp nhận, tìm thấy một Việt Nam trong nhân loại, cũng như nhân loại trong Việt Nam. Sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và nhân loại cũng là một *đặc trưng* nổi bật của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Với tư duy độc lập và sáng tạo, Hồ Chí Minh đã xuất phát từ thực tiễn Việt Nam thực hiện một công việc kế thừa có chọn lọc, thâu hóa những giá trị đạo đức của quá khứ, đề xuất những tư tưởng đạo đức mới, phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

3. Một cuộc cách mạng trên lĩnh vực đạo đức ở Việt Nam

Như vậy, Hồ Chí Minh đã thực sự làm một cuộc cách mạng trên lĩnh vực đạo đức ở Việt Nam. Từ Hồ Chí Minh, nền đạo đức Việt Nam đã mang bản chất mới và đã được Người gọi là *đạo đức mới, đạo đức cách mạng*.

Đạo đức mới đã lật ngược lại các kiểu đạo đức cũ của các giai cấp thống trị, áp bức bóc lột nhân dân lao động. Đạo đức mới xoá bỏ những chuẩn mực đạo đức phong kiến vẫn luôn luôn trói buộc nhân dân lao động vào những lễ giáo hủ bại, phục vụ cho chế độ đẳng cấp, tôn ty trật tự hết sức hà khắc của giai cấp phong kiến. Đạo đức mới hoàn toàn trái ngược với đạo đức cá nhân chủ nghĩa, ích kỷ cực đoan của giai cấp tư sản. Nó cũng xa lạ với đạo đức của giai cấp tiểu tư sản, kìm hãm con người trong những lợi ích riêng tư tủn mủn, cục bộ, hẹp hòi, cũng như trong vòng gia trưởng nhỏ bé. Nó càng xa lạ với đạo đức tôn giáo

luôn khuyên con người khắc kỷ, cam chịu, chấp nhận số phận trong chốn trần tục, để hướng về một cuộc sống tốt đẹp hơn sau khi chết ở nơi thiên đàng hay chốn niết bàn. Điều này đã được Hồ Chí Minh nói rõ: "Có người cho đạo đức cũ và đạo đức mới không có gì khác nhau. Nói như vậy là lầm to. Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều. Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chổng lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngửng lên trời"[1]. Người còn nói, "Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người"[2].

Đạo đức mới, đạo đức cách mạng do Hồ Chí Minh đề xướng và cùng với Đảng dày công xây dựng, bồi đắp là đạo đức mang bản chất của giai cấp công nhân, kết hợp với những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc và những tinh hoa đạo đức của nhân loại. Nền đạo đức ấy ngày càng phát triển cùng với sự vận động của thực tiễn cách mạng Việt Nam, trở thành một bộ phận hết sức quan trọng khắc hoạ bộ mặt của nền văn hoá Việt Nam. Nó đã trở thành vũ khí mạnh mẽ của Đảng và của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các dân tộc khác trên thế giới.

---

1. *Sđd,* t. 6, tr. 320 - 321.
2. *Sđd,* t. 5, tr. 252.

4. Vị trí đạo đức trong đời sống của con người và xã hội

Hồ Chí Minh coi đạo đức là *nền tảng* của người cách mạng, cũng giống như *gốc* của cây, *ngọn nguồn* của sông, của suối. Như Người vẫn thường nói, đối với con người, sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa; người cách mạng phải có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng. Bởi lẽ, sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp rất to lớn, khó khăn và nặng nề; con đường đi đến độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là con đường dài, không phải là một đại lộ thẳng tắp. Nó đòi hỏi sự phấn đấu không ngừng của mỗi người, mỗi thế hệ, hơn nữa còn của nhiều thế hệ nối tiếp nhau. Chăm lo cái gốc, cái nguồn, cái nền tảng ấy phải là công việc thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, của mỗi gia đình và mỗi người trong xã hội ta.

Có phải như vậy là Hồ Chí Minh theo thuyết chủ nghĩa xã hội đạo đức? Hoàn toàn không phải như vậy. Người không bao giờ đặt hy vọng vào "lòng tốt" của bọn thực dân phong kiến cũng như của các giai cấp bóc lột để kêu gọi lòng thương cảm và sự ban ơn. Người cũng không bao giờ nghĩ rằng chỉ cần mọi người tu nhân tích đức là đất nước sẽ độc lập, dân tộc sẽ được tự do hạnh phúc. Phải bằng cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, mới đi tới được mục tiêu đó. Đạo đức là một vũ khí sắc bén phục vụ cho cuộc đấu tranh đó, đúng như quan điểm của Lênin: "Chúng ta nói rằng:

đạo đức đó là những gì góp phần phá huỷ xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản"[1].

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Đảng phải "*là đạo đức, là văn minh*", thì mới hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình. Người cũng thường nhắc lại ý của Lênin: Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc mình và của thời đại. Nếu xét đến cùng thì văn minh tức là trí tuệ, trong đó chủ yếu là sự hiểu biết đúng đắn về chủ nghĩa Mác - Lênin, những tri thức hiện đại của nhân loại, thực tiễn Việt Nam và thế giới, những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, những hiểu biết để đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi. Còn đạo đức chính là những phẩm chất đòi hỏi con người cần phải có để tham gia vào cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, để cống hiến được nhiều nhất cho cuộc đấu tranh đó. Đạo đức là gốc, là nguồn, là nền tảng, bởi vì muốn làm cách mạng thì trước hết con người phải có cái tâm trong sáng, cái đức cao đẹp đối với giai cấp công nhân, nhân dân lao động, với cả dân tộc mình. Cái tâm, cái đức ấy lại phải thể hiện trong các mối quan hệ xã hội hàng ngày với dân, với nước, với đồng chí, đồng nghiệp, với mọi người chung quanh mình. Phải có tâm, có đức mới giữ vững được chủ nghĩa Mác - Lênin và đưa được chủ nghĩa Mác - Lênin vào cuộc sống. Con đường

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t. 41, tr. 369.

Hồ Chí Minh đi đến chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin là một minh chứng rất rõ về điều đó.

Chính vì vậy, cùng với việc giáo dục nâng cao trình độ hiểu biết của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, Hồ Chí Minh đã thường xuyên quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cho mọi người. Tuỳ theo từng thời kỳ cách mạng, Người đề ra những yêu cầu đạo đức sát hợp để mọi người phấn đấu rèn luyện nhằm hoàn thành nhiệm vụ ngày càng nặng nề, khó khăn, phức tạp hơn, từ đó mà giành thắng lợi càng to lớn hơn cho sự nghiệp cách mạng.

Đường Kách mệnh là cuốn sách bồi dưỡng lớp cán bộ đầu tiên của cách mạng Việt Nam đi theo học thuyết Mác - Lênin và con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, đi theo đường lối cách mạng mới đã được Nguyễn Ái Quốc xác định. Đó cũng là cuốn sách đầu tiên tuyên truyền trực tiếp về chủ nghĩa Mác - Lênin cho lớp thanh niên cách mạng ưu tú nhất thời đó. Nhưng mở đầu cuốn sách lại là bài nói về *Tư cách một người cách mệnh*. Chắc chắn chúng ta không thể tìm thấy một trường hợp nào truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin giống như vậy. Phải chăng Hồ Chí Minh đã nêu lên một quan điểm lớn: *phải có cái đức để đi đến cái trí*. Vì khi đã có cái trí, thì cái đức chính là cái đảm bảo cho người cách mạng *giữ vững được chủ nghĩa* mà mình đã giác ngộ, đã chấp nhận, đã đi theo.

Quan điểm lấy đức làm gốc của Hồ Chí Minh không có nghĩa là tuyệt đối hoá mặt đức, coi nhẹ mặt tài. Đức là gốc, nhưng đức và tài, hồng và chuyên phải kết hợp, phẩm chất và năng lực phải đi đôi, không thể có mặt này, thiếu

mặt kia. Như Người đã phân tích, người nào có đức mà không có tài thì cũng chẳng khác gì ông bụt ngồi trong chùa, không làm hại ai, nhưng cũng chẳng có ích gì. Ngược lại, nếu có tài mà không có đức, thì cũng chẳng khác gì một anh làm kinh doanh giỏi, đem lại nhiều lãi, nhưng lãng phí, tham ô, ăn cắp của công, thì như vậy chỉ có hại cho dân cho nước, còn sự nghiệp của bản thân thì sớm muộn cũng đổ vỡ. Người thực sự có đức thì bao giờ cũng cố gắng học tập, nâng cao trình độ, nâng cao năng lực, tài năng để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Khi đã thấy sức không vươn lên được thì đối với ai có tài hơn mình, mình sẵn sàng học tập, ủng hộ và nhường bước để họ vượt lên trước. Ý nghĩa "đức là gốc" chính là ở chỗ đó.

5. Phạm vi bao quát của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

Những vấn đề đạo đức đã được Hồ Chí Minh xem xét một cách toàn diện:

- *Đối với mọi đối tượng* - từ công nhân, nông dân đến trí thức, văn nghệ sĩ; từ các cụ phụ lão đến phụ nữ, thanh thiếu niên nhi đồng; từ đồng bào các dân tộc đến đồng bào các tôn giáo, các nhà tu hành... Cùng với việc đề cập đạo đức công dân, người đặc biệt quan tâm đến đạo đức của cán bộ, đảng viên. Có thể nói đây là nội dung chiếm phần chủ yếu nhất trong tư tưởng đạo đức của người.

- *Trên mọi lĩnh vực hoạt động của con người* - từ đời tư đến đời công, như sinh hoạt, học tập, lao động, chiến đấu, lãnh đạo, quản lý...

- *Trên mọi phạm vi* từ hẹp đến rộng - từ gia đình đến

xã hội (làng xóm, phố phường, một tập thể, một đơn vị, một tổ chức...), từ giai cấp đến dân tộc, từ các vùng - miền, địa phương đến cả nước, từ quốc gia đến quốc tế.

- *Trong cả ba mối quan hệ chủ yếu của mỗi người- đối với mình, đối với người, đối với việc*. Đối với người thì có quan hệ giữa cán bộ, đảng viên của Đảng và Nhà nước với dân, quan hệ giữa cấp trên - cấp dưới, v.v..

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đặc biệt được mở rộng trong lĩnh vực đạo đức của cán bộ, đảng viên, khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền. Hai mươi bốn năm trên cương vị Chủ tịch nước, Người đã kiên trì giáo dục cán bộ, đảng viên về đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Nếu quyền lực là sức mạnh để giữ vững những thành quả cách mạng, để tổ chức và xây dựng chế độ xã hội mới, để phát triển kinh tế và văn hoá, để biến đất nước từ nghèo nàn, lạc hậu trở thành giàu mạnh, văn minh, thì quyền lực lại có mặt trái của nó là có thể làm tha hoá con người nắm quyền lực, có thể đưa đến những tổn thất lớn cho cách mạng. Người đã nhìn thấy điều này từ rất sớm, không phải chỉ ở trong nước, mà còn ở nhiều nước, kể cả những nước xã hội chủ nghĩa khác. Những vấn đề đạo đức mà Người đặt ra với cán bộ, đảng viên chính là nhằm ngăn chặn, khắc phục những hiện tượng tha hoá có thể hoặc đã xảy ra, nhất là để chống lại những khuynh hướng sai lệch về quyền lực như quan liêu, cậy thế cậy quyền, lợi dụng quyền lực, lạm dụng quyền lực, say mê quyền lực, chạy theo quyền lực, tranh giành quyền lực, tham quyền cố vị, v.v., những tệ nạn có thể trở thành nguy cơ làm sụp đổ sự nghiệp của một người, thậm chí của cả một Đảng Cộng sản.

Trong bài viết đăng báo Nhân dân dịp kỷ niệm lần thứ 39 ngày thành lập Đảng (3-2-1969) Hồ Chí Minh đã tập trung vào vấn đề đạo đức của cán bộ, đảng viên với tiêu đề *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*. Trong bản *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn dân trước lúc đi xa, trước hết Người nói về Đảng, và vấn đề đạo đức đã được đặc biệt nhấn mạnh: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"[1].

Bốn lần nhấn mạnh chữ *thật* và *thật sự* chỉ trong một đoạn ngắn nói về Đảng, chắc chắn Người đã cân nhắc rất nhiều. *Thật* có nghĩa là đối lập với *giả*, với *dối*. *Thật sự* là đối lập với *qua loa, nửa vời*, *không đến nơi đến chốn*. Thực hiện cho được một chữ *thật* hay *thật sự* có khi suốt đời chưa chắc đã làm nổi, trong khi cái giả, cái dối, cái nửa vời... lại vẫn thường trở đi trở lại hàng ngày. Điều căn dặn tâm huyết ấy của Người mãi mãi có ý nghĩa đối với việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, đối với công tác xây dựng Đảng. Đảng phải là đạo đức, văn minh mới có thể lãnh đạo cả dân tộc xây dựng được một xã hội văn minh, đạo đức.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 498.

II. NHỮNG PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC CƠ BẢN CỦA CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI MỚI

Trong di sản tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta có thể tìm thấy rất nhiều những ý kiến đánh giá về người, về việc, về tập thể cũng như về cá nhân. Đó là những lời khen ngợi, biểu dương hay phê bình nhắc nhở. Đó là những lời phân tích phải trái, đúng sai, hay dở, hay đó là những lời khuyên nên tránh hay nên làm, cần xây hay cần chống. Bao giờ Người cũng phân biệt mặt tốt với mặt xấu, mặt thiện với mặt ác trong động cơ cũng như trong hành vi của con người, trong mối quan hệ xã hội vô cùng đa dạng, để làm rõ những phẩm chất đạo đức cần phải xây dựng. Người làm công việc ấy rất thường xuyên, gần như một người làm vườn cần mẫn, hàng ngày bắt sâu nhặt cỏ, tỉa lá cắt cành, vun xới cho những mầm cây. Phải chăng bất cứ người Việt Nam nào cũng có thể tìm thấy những vấn đề đạo đức mà Hồ Chí Minh đặt ra rất gần gũi với mình, những phẩm chất cần tu dưỡng, những định hướng để vươn tới *cái chân, cái thiện, cái mỹ* của cuộc sống con người. Đó là những vấn đề đạo đức Người rút ra từ cuộc đời thực của con người và xã hội Việt Nam, khái quát thành tư tưởng, lý luận đạo đức, từ đó trở lại cải tạo con người, làm biến đổi hiện thực xã hội .

Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, những phẩm chất đạo đức được nêu ra là phù hợp với từng đối tượng, hơn nữa Người nhấn mạnh phẩm chất này hay phẩm chất khác là nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng

trong từng thời kỳ nhất định. Từ đó Người đã khái quát thành những phẩm chất chung, cơ bản nhất của con người Việt Nam trong thời đại mới. Nói cách khác, đó là những chuẩn mực chung nhất của nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng Việt Nam.

Dưới đây là bốn phẩm chất chung, cơ bản nhất:

1. Trung với nước, hiếu với dân

Về quan hệ đạo đức thì mối quan hệ của mỗi người với đất nước mình, với nhân dân, dân tộc mình là mối quan hệ lớn nhất.

Về phẩm chất đạo đức thì trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất quan trọng nhất, bao trùm nhất.

Trung, hiếu là những khái niệm đã có trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông đã được Hồ Chí Minh sử dụng và đưa vào nội dung mới. Trước kia là trung quân, là trung thành với vua; trung thành với vua cũng có nghĩa là trung thành với nước, vì vua với nước là một, vua là nước, nước là nước của vua. Còn hiếu thì chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình là con cái phải hiếu thảo với cha mẹ. Tư tưởng trung với nước, hiếu với dân của Hồ Chí Minh không những kế thừa giá trị của chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc, mà còn vượt qua những hạn chế của truyền thống đó. Trung với nước là trung thành với sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Nước ở đây là nước của dân, còn dân lại là chủ nhân của đất nước. Khi Hồ Chí Minh đặt vấn đề "bao nhiêu quyền hạn đều của dân", "bao nhiêu lợi ích đều vì dân", "bao nhiêu quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân", Đảng và Chính phủ là "đày tớ nhân dân" chứ không

phải "quan nhân dân để đè đầu cưỡi cổ nhân dân", thì quan niệm về nước và dân đã hoàn toàn đảo lộn so với trước. Có thể nói rất ít lãnh tụ cách mạng đã nói về dân như vậy. Nhưng vấn đề không phải chỉ là nói mà là làm như thế nào, có làm hay không, - điều này càng làm cho tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vượt xa lên phía trước.

Trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Câu nói đó của Người vừa là lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi người Việt Nam không phải chỉ trong cuộc đấu tranh cách mạng trước mắt, mà còn lâu dài về sau.

Đối với cán bộ, đảng viên, như Hồ Chí Minh đã nói, "*điều chủ chốt nhất*" của đạo đức cách mạng là "quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng", là "tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân", là "trung với nước, hiếu với dân", hơn nữa phải là "*tận trung, tận hiếu*" thì mới xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là đày tớ thật trung thành của nhân dân.

Tư tưởng hiếu với dân không còn dừng lại ở chỗ thương dân với tính chất là đối tượng cần phải dạy dỗ, ban ơn, mà là đối tượng phải phục vụ hết lòng. Vì vậy phải gần dân, gắn bó với dân, kính trọng và học tập dân, dựa hẳn vào dân, lấy dân làm gốc. Theo Hồ Chí Minh, lãnh đạo phải nắm vững *dân tình*, hiểu rõ *dân tâm*, lại phải thường xuyên quan tâm đến việc cải thiện *dân sinh*, nâng cao *dân trí*, để nhân dân hiểu được quyền và trách nhiệm của

người chủ đất nước, quyền thì hưởng còn trách nhiệm thì phải làm tròn. Có được cái đức ấy thì người cách mạng, người lãnh đạo sẽ được dân tin yêu, quý mến, kính trọng, nhất định sẽ tạo ra được sức mạnh to lớn cho cách mạng.

2. Yêu thương con người

Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tiếp thu tinh thần nhân văn của nhân loại qua nhiều thế kỷ, cùng với việc thể nghiệm của chính bản thân mình qua hoạt động cách mạng thực tiễn, Hồ Chí Minh đã xác định tình yêu thương con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

Tình yêu thương đó là tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột. Tình yêu thương đó đã được thể hiện ở Hồ Chí Minh bằng ham muốn tột bậc là làm cho nước được độc lập, dân được tự do, mọi người ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Nếu không có tình yêu thương con người như vậy thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tình yêu thương con người còn được thể hiện trong mối quan hệ bạn bè, đồng chí, với mọi người bình thường trong quan hệ hàng ngày. Nó đòi hỏi mọi người phải luôn luôn chặt chẽ nghiêm khắc với mình, rộng rãi, độ lượng với người khác. Nó đòi hỏi thái độ tôn trọng con người, phải biết cách nâng con người lên, chứ không phải hạ thấp, càng không phải vùi dập con người. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những

người ở cương vị lãnh đạo, bất cứ ở cấp nào.

Tình yêu thương con người, theo Hồ Chí Minh, còn được thể hiện đối với những người có sai lầm khuyết điểm, nhưng đã nhận rõ khuyết điểm sai lầm và cố gắng sửa chữa; kể cả đối với những người lầm đường lạc lối đã hối cải, kể cả đối với những kẻ thù đã bị thương, bị bắt hoặc đã chịu quy hàng. Chính tình yêu thương đó đã đánh thức những gì tốt đẹp mà Hồ Chí Minh tin rằng trong mỗi người đều có, tuy nhiều ít có khác nhau.

Trong *Di chúc*, Người căn dặn Đảng *phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*. Đây chính là điều nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải luôn luôn chú ý đến phẩm chất yêu thương con người. Đây là tình thương yêu trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành, nghiêm túc giữa những người cùng lý tưởng, cùng phấn đấu cho một sự nghiệp chung. Nó hoàn toàn xa lạ với thái độ dĩ hoà vi quý, bao che sai lầm khuyết điểm cho nhau, càng xa lạ với thái độ yêu nên tốt, ghét nên xấu, bè cánh có thể đưa đến những tổn thất lớn cho Đảng, cho cách mạng.

3. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư

Đây là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hàng ngày của mọi người. Vì vậy Hồ Chí Minh đã đề cập phẩm chất này nhiều nhất, thường xuyên nhất, từ *Đường Kách mệnh* cho đến bản *Di chúc* cuối cùng.

Đối với mọi người, phẩm chất này có hay không, có nhiều hay ít đều được thể hiện qua hoạt động thực tiễn, trong đời công cũng như đời tư, trong sinh hoạt cũng như trong công việc người đó làm, những cương vị người đó

đảm nhiệm. Trong cuộc sống, nếu sự dối trá vẫn còn tìm được nhiều chỗ ẩn náu, thì những thói lười biếng, xa phí, bất liêm, bất chính, hủ bại, sa đọa, thu vén lợi ích riêng tư, làm hại lợi ích chung... thì khó che giấu được con mắt của những người bình thường.

Hồ Chí Minh đã sử dụng những khái niệm cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của đạo đức phương Đông và đạo đức truyền thống Việt Nam. Người đã giữ lại những gì tốt đẹp của quá khứ, lọc bỏ những gì không còn phù hợp và đưa vào những nội dung mới, do sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặt ra.

Mỗi chữ cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đã được Hồ Chí Minh giải thích rất rõ, rất cụ thể, rất dễ hiểu đối với mọi người. Nếu phẩm chất này đã cần thiết đối với con người Việt Nam khi đất nước còn phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược rất tàn bạo do chủ nghĩa thực dân đế quốc gây ra, thì lại càng cần thiết khi đất nước phát triển trong xây dựng hoà bình. Đây không phải chỉ là yêu cầu về đạo đức, mà còn là yêu cầu của chính sự phát triển kinh tế.

Theo Hồ Chí Minh thì:

Cần tức là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm. Phải thấy rõ "lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta".

Kiệm tức là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của của dân, của nước, của bản thân mình;

phải tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ, nhiều cái nhỏ cộng lại thành cái to; "không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi"[1], không phô trương hình thức, không liên hoan, chè chén lu bù.

Liêm tức là "luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân"; "không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân". Phải "trong sạch, không tham lam"[2]. "Không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá.

Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ"[3].

Người đã chỉ ra những hành vi trái với chữ liêm, như:

"... cậy quyền thế mà đục khoét dân, ăn của đút, hoặc trộm của công làm của tư..."[4].

"Dìm người giỏi, để giữ địa vị và danh tiếng của mình là đạo vị (đạo là trộm).

Gặp việc phải, mà sợ khó nhọc nguy hiểm, không dám làm, là tham vật uý lạo.

Gặp giặc mà rút ra, không dám đánh là tham sinh uý tử"[5].

Người đã nhắc lại một số ý hay của Khổng, Mạnh:

"Cụ Khổng Tử nói: "Người mà không Liêm, không bằng súc vật".

Cụ Mạnh Tử nói: "Ai cũng tham lợi, thì nước sẽ nguy"[6].

Chính "nghĩa là không tà, thẳng thắn, đứng đắn".

1, 2, 3, 4, 5, 6. *Sđd*, t. 5, tr. 636, 640, 252, 640, 641.

Đối với mình - không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân mình.

Đối với người - không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết thật thà; không dối trá, lừa lọc.

Đối với việc - để công việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà. Đã phụ trách việc gì thì quyết làm cho kỳ được, cho đến nơi đến chốn, không sợ khó khăn, nguy hiểm; việc *thiện* thì dù nhỏ mấy cũng làm, việc *ác* thì dù nhỏ mấy cũng tránh. Mỗi ngày cố làm một việc lợi cho nước, cho dân.

Về ***Chí công vô tư,*** Người nói: "Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc". "Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau"; "phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ" (tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc).

Đối lập với "chí công vô tư" là "*dĩ công vi tư*"; đó là điều mà đạo đức mới đòi hỏi phải chống lại.

Chí công vô tư, về thực chất là nối tiếp Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Người giải thích:

"Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp "dĩ công vi tư"[1].

Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư có quan hệ mật thiết với nhau. Có khi Hồ Chí Minh coi cần kiệm như hai chân của

---

1. *Sđd*, tr. 641.

con người, phải đi đôi với nhau. Cần mà không kiệm thì chẳng khác nào "gió vào nhà trống", "nước đổ vào chiếc thùng không đáy", "làm chừng nào xào chừng ấy", rốt cuộc "không lại hoàn không". Còn kiệm mà không cần thì sản xuất được ít, không đủ dùng, không có tăng thêm, không có phát triển. Có khi Người coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức của con người, thiếu một đức thì không thành người; cũng như trời có bốn mùa, đất có bốn hướng, thiếu một mùa thì không thành trời, thiếu một hướng thì không thành đất.

Cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư; ngược lại đã chí công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì Đảng, thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính, *và có được nhiều tính tốt khác*. "Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt như sau, ngày càng thêm.

Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có năm điều: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm"[1].

Bồi dưỡng phẩm chất cần kiệm liêm chính, chí công vô tư sẽ làm cho con người vững vàng trước mọi thử thách: "Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục", và có thể "Trợn mắt coi khinh nghìn lực sĩ, cúi đầu làm ngựa đám nhi đồng".

Nhưng đây lại là vấn đề rất phức tạp, nói dễ làm khó, và trong cuộc sống vẫn thường hay vi phạm. Bởi vì nó đụng chạm đến nhiều mặt lợi ích cá nhân, tập trung nhất là *chức, quyền, danh, lợi*, mà nếu không vượt qua được chủ nghĩa cá

---

1. *Sđd*, tr. 251.

nhân thì bất cứ ai cũng có thể sa vào những hành vi vô đạo đức.

4. Tinh thần quốc tế trong sáng

Đó là tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, mà Hồ Chí Minh đã nêu lên bằng mệnh đề "Bốn phương vô sản đều là anh em".

Đó là tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước mà Hồ Chí Minh đã dày công vun đắp bằng hoạt động cách mạng thực tiễn của bản thân mình và bằng sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc.

Đó là tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với tất cả những người tiến bộ trên thế giới vì hoà bình, công lý và tiến bộ xã hội.

Sự đoàn kết ấy là nhằm những mục tiêu lớn của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước, các dân tộc.

Tinh thần quốc tế ấy vẫn được gọi là chủ nghĩa quốc tế vô sản, hay chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa quốc tế vô sản gắn liền với chủ nghĩa yêu nước, hơn nữa phải là chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Nếu tinh thần yêu nước không chân chính và tinh thần quốc tế không trong sáng thì có thể dẫn đến chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sôvanh, biệt lập, kỳ thị chủng tộc, hoặc chủ nghĩa bành trướng bá quyền, như thế giới thường nói hiện nay. Tất cả những khuynh hướng lệch lạc ấy có thể dẫn đến chỗ phá vỡ cả một quốc gia dân tộc hay một liên bang đa quốc gia dân

tộc, phá vỡ tình đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chung, thậm chí có thể đưa đến tình trạng đối đầu, đối địch.

Tinh thần quốc tế trong sáng là phẩm chất đạo đức, là yêu cầu đạo đức nhằm vào mối quan hệ rộng lớn, vượt qua khuôn khổ quốc gia dân tộc. Không phải đối với bất cứ ai, vào bất cứ lúc nào cũng thấy được tinh thần quốc tế có hay không, trong sáng hay không trong sáng, nhưng việc giáo dục của Đảng và việc rèn luyện của cá nhân mỗi người về tinh thần quốc tế lại không thể coi nhẹ. Trong vấn đề này, đường lối chính trị của Đảng lãnh đạo và những chủ trương, chính sách cụ thể của Nhà nước có ý nghĩa định hướng đúng đắn cho việc bồi dưỡng tinh thần quốc tế ở mỗi người.

III. NHỮNG NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC MỚI

Để xây dựng một nền đạo đức mới, Hồ Chí Minh đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản để định hướng cho sự lãnh đạo của Đảng, cũng như cho việc rèn luyện của mỗi người:

1. Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

Điều này đã được Hồ Chí Minh nói ngay trong *Đường Kách mệnh*, khi đề cập tư cách của một người cách mệnh. Trong suốt cuộc đời mình, Người đã giáo dục mọi người và chính bản thân Người đã thực hiện điều đó một cách nghiêm túc và đầy đủ nhất. Hơn nữa, chúng ta còn thấy Người nói ít nhưng làm nhiều, có những vấn đề đạo đức

Người làm mà không nói. Phải đi sâu vào hành vi đạo đức của Người, chúng ta mới khám phá ra được những tầng bản chất sâu xa của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm thì mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính bản thân mình và có tác dụng đối với người khác. Nếu nói nhiều làm ít, nói mà không làm, hơn nữa nói một đằng, làm một nẻo thì chỉ đem lại những hậu quả phản tác dụng. "Hãy làm theo tôi nói, đừng làm theo tôi làm", thói đạo đức giả ấy là đặc trưng đạo đức của các giai cấp bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử của xã hội loài người, trong mỗi quốc gia dân tộc; nó hoàn toàn xa lạ với đạo đức cách mạng, với nền đạo đức mới mà chúng ta cần xây dựng. Chúng ta phải phấn đấu để làm sao trong xã hội ta không còn những kẻ đạo đức giả, càng không cho phép những kẻ đạo đức giả vẫn đi dạy dỗ người khác về đạo đức. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với chủ nghĩa xã hội một phần quan trọng phụ thuộc vào vấn đề này.

Từ đó chúng ta cũng thấy rằng không ở lĩnh vực nào mà vấn đề *nêu gương* lại được đặt ra như trong lĩnh vực đạo đức. Trong gia đình thì đó là tấm gương của bố mẹ đối với con cái, của anh chị đối với những người em; trong nhà trường thì đó là tấm gương của thầy cô giáo đối với học sinh; trong tổ chức, tập thể, Đảng, Nhà nước là tấm gương của những người phụ trách, lãnh đạo, của cấp trên đối với cấp dưới; trong xã hội thì đó là tấm gương của người này đối với người khác, những gương "người tốt việc tốt" mà Hồ Chí Minh đã phát hiện để mọi người học tập noi theo. Một trăm bài diễn văn hay không bằng một tấm gương sống - điều mà Hồ Chí Minh nói về Lênin, đã đặt ra cho

việc xây dựng đạo đức mới một nguyên tắc rất cơ bản là sự nêu gương về đạo đức. Đó cũng là điều chúng ta thấy ở Hồ Chí Minh - một tấm gương đạo đức trong sáng tuyệt vời của một cuộc đời trọn vẹn.

Trong xã hội, tấm gương của các thế hệ trước đối với các thế hệ sau là đặc biệt quan trọng. Mỗi thế hệ đều có trách nhiệm của mình, nhưng thế hệ trước bao giờ cũng có trách nhiệm rất nặng nề đối với thế hệ sau trong việc giáo dưỡng, nhất là trong việc bồi dưỡng về đạo đức. Đương nhiên trong cuộc sống không phải bao giờ cũng chỉ diễn ra một chiều ảnh hưởng, tác động như vậy, do đó Hồ Chí Minh cũng đã nói đến việc người già có thể học tập người trẻ để không ngừng hoàn thiện đạo đức của mình.

Đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đã nêu ra một luận điểm quan trọng: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước"[1]. Luận điểm ấy đã khẳng định rất rõ vấn đề nêu gương có tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống đạo đức, nhất là đối với trách nhiệm của cán bộ, đảng viên.

Tấm gương đạo đức của Bác Hồ là tấm gương chung cho cả dân tộc, cho các thế hệ người Việt Nam mãi mãi về sau. Nhưng còn nhiều tấm gương của các anh hùng, chiến sĩ thi đua, những tấm gương của những người tiêu biểu

---

1. *Sđd*, tr. 552.

trong từng ngành, từng tập thể, những tấm gương "*người tốt việc tốt*" rất gần gũi trong đời thường, có ở mọi nơi mọi lúc mà chúng ta không thể coi thường. Về vấn đề này, Hồ Chí Minh đã nói: "Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông. Biết bao nhiêu giọt nước nhỏ hợp lại mới thành biển cả. Một pho tượng hay một lâu đài cũng phải có cái nền rất vững chắc mới đứng vững được. Nhưng người ta dễ nhìn thấy pho tượng và lâu đài mà không chú ý đến cái nền. Như thế là chỉ thấy cái ngọn mà quên mất cái gốc.

Người tốt, việc tốt nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có"[1].

Như vậy, những tấm gương đạo đức đã được hiểu theo một nghĩa rộng. Có những tấm gương chung và riêng, lớn và nhỏ, xa và gần. Một nền đạo đức mới chỉ được xây dựng trên một cái nền rộng lớn, vững chắc, khi những phẩm chất đạo đức, những chuẩn mực đạo đức đã trở thành hành vi đạo đức ngày càng phổ biến trong toàn xã hội, mà những tấm gương đạo đức của những người tiêu biểu, những người tốt việc tốt có ý nghĩa thúc đẩy cho quá trình đó.

2. Xây đi đôi với chống

Muốn xây dựng đạo đức mới, muốn bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cách mạng cho hàng triệu, hàng triệu con người - cán bộ, đảng viên, các công dân trong các giai tầng khác nhau, thì cùng với việc xây dựng, bồi dưỡng

---

1. *Sđd,* t. 12, tr. 549.

những phẩm chất tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện sai trái xấu xa, trái với những yêu cầu của đạo đức mới, những hiện tượng vẫn thường gọi là tệ nạn, tiêu cực, thoái hoá biến chất. Trong đời sống hàng ngày, những hiện tượng tốt - xấu , đúng - sai, cái đạo đức và cái vô đạo đức vẫn thường đan xen nhau, đối chọi nhau, thông qua hành vi của những con người khác nhau. Hơn nữa những đan xen và đối chọi ấy còn diễn ra ngay trong bản thân mỗi người. Chính vì vậy việc xây và chống trong lĩnh vực đạo đức hoàn toàn không đơn giản. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây.

Việc xây dựng đạo đức mới trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới từ trong gia đình đến nhà trường và ngoài xã hội, nhất là trong những tập thể - nơi mà phần lớn thời gian cuộc đời mỗi người gắn bó bằng hoạt động thực tiễn của mình. Những phẩm chất chung nhất, cơ bản nhất lại phải được cụ thể hoá cho sát hợp với từng giai tầng, từng lớp đối tượng khác nhau. Đó là điều Hồ Chí Minh đã làm trong việc giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên, cho công nhân, nông dân, phụ nữ, trí thức, văn nghệ sĩ, cho thiếu niên nhi đồng, cho bộ đội, công an, các tướng lĩnh, v.v..

Vấn đề quan trọng trong việc giáo dục đạo đức là phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mọi người, để mọi người tự giác nhận thức được trách nhiệm đạo đức của mình và như Hồ Chí Minh đã nói, cảm nhận thấy sâu sắc việc trau dồi đạo đức cách mạng là việc làm "*sung sướng vẻ vang nhất trên đời này*". Tiếp nhận sự giáo dục đạo đức là vấn đề nhất thiết không thể thiếu được, nhưng sự tự

giáo dục, tự trau dồi đạo đức ở mỗi người còn quan trọng hơn nhiều. Phải chăng sức mạnh của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là khơi dậy sự tự giác của mỗi người nhằm đấu tranh tự loại bỏ cái thấp hèn để vươn tới cái cao đẹp, loại bỏ cái ác, cái vô đạo đức để vươn tới cái thiện, cái đạo đức. Chắc chắn chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản tương lai càng phải như vậy, và đó cũng chính là điều mà Hồ Chí Minh nói về niềm vui của việc trau dồi đạo đức phải trở thành phổ biến trong xã hội.

Trong khi xây dựng, bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức mới, phải đồng thời chống lại cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức vẫn thường diễn ra. Điều quan trọng là phải phát hiện sớm, hướng mọi người vào cuộc đấu tranh cho sự trong sạch lành mạnh về đạo đức. Hơn nữa còn phải thấy trước những gì có thể xẩy ra để đề phòng, ngăn chặn.

Ngay trong thời kỳ 1925-1927, khi bồi dưỡng những lớp cán bộ cách mạng đầu tiên theo đường lối cách mạng mới, Nguyễn Ái Quốc đã nhắc nhở mọi người không được hiếu danh, kiêu ngạo, phải ít lòng ham muốn về vật chất. Chỉ hai tháng sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong thư gửi Uỷ ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, Người đã phát hiện thấy nhiều loại lỗi lầm rất nặng nề của nhiều cán bộ, đảng viên: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. Đến tháng 3-1947, trong thư gửi các đồng chí Bắc bộ, Người chỉ ra hàng chục thứ khuyết điểm cần phải tẩy sạch, đó là: địa phương chủ nghĩa, bè phái, quân phiệt, quan liêu, hách dịch, hoạnh họe với dân, coi thường cấp trên, lấn áp cấp dưới, hẹp hòi, ham chuộng hình thức, làm việc lối bàn giấy, vô kỷ luật -

kỷ luật không nghiêm, ích kỷ, hủ hoá, tranh giành địa vị, chỉ lo ăn ngon mặc đẹp, chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị công tác để buôn bán phát tài, v.v.. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, viết tháng 10-1947, Người lại vạch ra nhiều khuyết điểm sai lầm cụ thể hơn như bệnh lười biếng - lười học, lười suy nghĩ; bệnh thích người khác tâng bốc, khen ngợi mình; ưa sai khiến người khác, làm thầy người khác; bệnh tham lam, sinh hoạt xa hoa, tiêu sài bừa bãi, xoay sở của đồng bào, buôn lậu; bệnh hữu danh vô thực, bệnh cận thị, bệnh ba hoa nói suông, bệnh "cá nhân" với không biết bao nhiêu biểu hiện rất tệ hại. Đến năm 1952, Người đã quy tụ những tệ nạn cần phải chống vào ba loại chính là tham ô, lãng phí, quan liêu. Người coi những tệ nạn đó là *tội ác*, là *kẻ thù khá nguy hiểm* của nhân dân, là *bạn đồng minh* của thực dân, phong kiến, là thứ "*giặc nội xâm*", "*giặc ở trong lòng*", phá từ trong phá ra. Người đã chỉ rõ tội lỗi của những kẻ tham ô, lãng phí, quan liêu cũng nặng như tội lỗi "*việt gian, mật thám*".

Phải kiên quyết chống lại những tệ nạn đó, vừa bằng giáo dục, vừa bằng xử phạt với những mức độ nặng nhẹ khác nhau.

Tuy nhiên, trong bài nói về *Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu* lúc đó, có lẽ đây là lần duy nhất, Người đã trích dẫn khá dài những ý kiến rất quyết liệt của Lênin về vấn đề này: "Cần phải nêu những đồng chí đã ăn hối lộ ra để cho dư luận quở trách và cần phải đuổi họ ra khỏi Đảng... Phải lập tức đề nghị một đạo luật để trừng trị những vụ hối lộ (ăn hối lộ, tặng hối lộ, và những cách hối lộ khác). Ít nhất cũng phải phạt

10 năm giam cầm và 10 năm khổ sai"[1]. Trước việc Toà án nhân dân Mạc Tư Khoa xử nhẹ một vụ ăn hối lộ, Lênin không bằng lòng và viết: "Không xử bắn lũ ăn của đút lót, mà xử một cách pha trò, mềm mỏng nhẹ nhàng như vậy, - đó là một điều xấu hổ cho những đảng viên cộng sản, cho những người cách mạng"[2].

Đến năm 1958, Người đã vạch rõ nguồn gốc của mọi thứ tệ nạn, đó là *chủ nghĩa cá nhân*. Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ tệ nạn. Muốn xây dựng đạo đức mới, chung quy lại là phải chống cho được chủ nghĩa cá nhân. Một bài báo gần cuối cùng mà Người để lại là bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, được công bố vào ngày 3-2-1969, nhân kỷ niệm lần thứ 39 ngày thành lập Đảng, đã mang ý nghĩa xây phải đi đối với chống - muốn nâng cao đạo đức cách mạng thì phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Để xây và chống có kết quả, phải tạo thành *phong trào quần chúng* rộng rãi, Hồ Chí Minh đã phát động nhiều phong trào như vậy: Năm 1952, đó là phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống tham ô - lãng phí - quan liêu; năm 1963, đó là cuộc vận động "nâng cao ý thức trách nhiệm , tăng cường quản lý kinh tế - tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô - lãng phí - quan liêu", gọi tắt là cuộc vận động "3 xây, 3 chống". Có phong trào, có cuộc vận động chung cho toàn Đảng, toàn dân; có phong trào, có cuộc vận động riêng cho từng ngành, từng giới. Qua đó lôi cuốn mọi người vào cuộc đấu tranh nhằm xây gì, chống gì

1, 2. *Sđd*, t. 6, tr. 496.

rất cụ thể, rõ ràng, thôi thúc trách nhiệm đạo đức cá nhân, để mọi người phấn đấu tự bồi dưỡng và nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng. Thực tiễn chứng minh, những cuộc vận động đó đã mang lại kết quả rất lớn.

3. Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

Hồ Chí Minh đã nhiều lần chỉ rõ: mỗi người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày, đấy cũng là công việc phải làm kiên trì bền bỉ suốt đời, không người nào có thể chủ quan tự mãn. Người thường nhắc lại luận điểm "chính tâm, tu thân..." của Khổng Tử, từ đó rút ra ý nghĩa tích cực để vận dụng vào việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng của mỗi người. Người cũng thường nêu lại tấm gương của người xưa, mỗi tối đều tự kiểm điểm để bỏ đỗ đen, đỗ trắng vào hai cái lọ, để cứ nhìn vào đó có thể biết mình tốt xấu ra sao. Người đưa ra lời khuyên rất dễ hiểu: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[1]. Do không chú ý điều này, nên: Có những người trong lúc tranh đấu thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là *có công với cách mạng*. Song đến khi có ít quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác mà biến thành người *có tội với cách mạng*. Từ đó, Người đi đến một kết luận khái

1. *Sđd*, t. 9, tr. 293.

quát: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Cho nên trong khi ta kiên trì và đẩy mạnh cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, làm cho văn minh chiến thắng bạo tàn thì đồng thời phải loại trừ những cái xấu xa do chế độ cũ để lại trong xã hội và trong mỗi con người"[1].

Đó là điều chúng ta vẫn thấy diễn ra trong cuộc sống hàng ngày. Có những người đã phấn đấu gần hết cuộc đời, có nhiều công lao, nhưng cuối đời lại không giữ được tấm lòng trong sáng, nên sự nghiệp đã đổ vỡ. Kết luận của Hồ Chí Minh cũng đúng với sự đổ vỡ của một số Đảng ở cuối thế kỷ XX. Điều này cũng đúng như Lênin trước kia đã nhận định: cái chết về đạo đức nhất định sẽ dẫn tới cái chết về chính trị.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đã là người thì ai cũng có chỗ hay chỗ dở, chỗ xấu chỗ tốt, ai cũng có *thiện* có *ác* ở trong bản thân mình. Vấn đề là dám nhìn thẳng vào con người mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc; thấy rõ cái hay cái tốt, cái thiện để phát huy và thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục.

Đối với mỗi người, việc tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong đời tư cũng như đời công - sinh hoạt, học tập, lao động, chiến đấu; trong mọi mối quan hệ xã hội từ hẹp đến rộng, từ nhỏ đến lớn - gia đình, nhà trường, xã hội ; từ quan hệ bạn bè,

---

1. *Sđd,* t. 12, tr. 557 - 558.

đồng chí, anh em đến quan hệ tập thể, với cấp trên cấp dưới, với Đảng, với nước, với dân, và cả trong các mối quan hệ quốc tế. Trong cuộc sống, mỗi người có nhiều cương vị, nhiều vai trò khác nhau đòi hỏi phải điều chỉnh hành vi của mình, và phẩm chất đạo đức của mỗi người được thể hiện rất cụ thể, phong phú, đa dạng. Có rèn luyện công phu như vậy, con người mới có được phẩm chất đạo đức tốt đẹp, và những phẩm chất ấy ngày càng được bồi đắp, nâng cao.

IV. TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HIỆN NAY

Mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ cách mạng bao giờ cũng đặt ra những nhiệm vụ mới, với những khó khăn, thử thách mới. Đội ngũ cách mạng *một mặt* càng được tôi luyện và trưởng thành để giành những thắng lợi ngày càng to lớn hơn, *mặt khác* cũng đào thải những kẻ hư hỏng, thoái hoá, biến chất đã làm tổn hại đến uy tín và thanh danh của Đảng, đến lợi ích của nước, của dân. Tiến trình cách mạng Việt Nam suốt mấy chục năm qua đã chứng minh điều đó.

Nếu trong chiến đấu chống ngoại xâm đã có nhiều khó khăn, thử thách thì trong xây dựng hoà bình không phải chỉ có dễ dàng, thuận lợi. Đã nhiều lần, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Thắng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ; thắng bần cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều"[1]. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội là phải xây dựng lại từ quan hệ sản

---

1. *Sđd,* t. 10, tr. 4.

xuất đến lực lượng sản xuất, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng, xây dựng kinh tế và phát triển văn hoá "nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"[1]. Đây là sự nghiệp rất to lớn, nặng nề và phức tạp, một cuộc chiến đấu mới mà thắng lợi không thể giành được bằng những thời hạn ngắn.

Theo Hồ Chí Minh, cái khó khăn của cuộc chiến đấu mới không phải chỉ ở tầm vóc và quy mô của sự nghiệp xây dựng, mà còn ở chỗ mỗi người phải khắc phục những yếu kém của mình, chiến thắng "*giặc ở trong lòng*" mình, "*giặc nội xâm*" ở ngay trong tổ chức của mình. Đó là loại giặc "vô hình, vô ảnh", nhưng rất mạnh. Nó "luôn luôn lẩn lút trong mình ta", "khó thấy, khó biết". "Việc tranh đấu với kẻ địch ở tiền tuyến bằng súng, bằng gươm còn dễ, nhưng việc tranh đấu với kẻ địch trong người, trong nội bộ, trong tinh thần, là một khó khăn, đau xót"[2].

Tinh thần đó đã được Người nhấn mạnh trong bản *Di chúc* để lại cho Đảng, cho dân: Sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh là "một cuộc chiến đấu khổng lồ" để "chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi".

Cuộc chiến đấu khổng lồ ấy lại diễn ra trong những điều kiện mới với những biến động rất to lớn của nước ta và của thế giới. Đường lối đổi mới được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng xác định và được các Đại hội đại biểu

---

1. *Sđd,* tr. 17.
2. *Sđd,* t. 7, tr. 36.

toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX phát triển là nhằm tìm ra mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta, tìm ra con đường đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội với những hình thức, biện pháp, bước đi thích hợp. Chúng ta chấp nhận kinh tế thị trường, nhưng là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta chủ trương hội nhập kinh tế thế giới, thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, nhưng giữ vững độc lập tự chủ, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước, vì hoà bình, độc lập và phát triển. Trong khi đó, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bị sụp đổ, phong trào xã hội chủ nghĩa, phong trào cách mạng thế giới lâm vào thoái trào, cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và xu thế toàn cầu hoá vẫn đang bị chủ nghĩa tư bản hiện đại chi phối. Đối với nước ta, có nhiều thời cơ và thách thức, vận hội và nguy cơ đang đan xen nhau, đang tác động qua lại hết sức phức tạp.

Phải tranh thủ nắm bắt thời cơ, tận dụng vận hội, vượt qua mọi thử thách, đẩy lùi mọi nguy cơ để đưa đất nước đi lên. Vì vậy, Đảng ta đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải có một sự nỗ lực phi thường. Sự nỗ lực ấy trước hết tập trung vào việc nâng cao hai mặt trí và đức của mỗi người, cũng như nâng cao mặt bằng trí - đức của toàn xã hội. Phải có cái trí ngang tầm thời đại và cái đức theo gương đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta mới thực hiện được thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta mới đi tới được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nâng cao trí tuệ trong tình hình mới đòi hỏi Đảng và nhân dân ta tiếp tục đổi mới tư duy, như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã đề ra. Phải hiểu cho đúng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, biết vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết và tư tưởng của các ông, đặc biệt là những vấn đề về chủ nghĩa xã hội vào những điều kiện lịch sử cụ thể hiện nay. Phải hiểu cho đúng thực tiễn Việt Nam và thế giới, những xu thế lớn của thời đại khi nhân loại bước vào thế kỷ XXI, những kiến thức về khoa học - kỹ thuật, công nghệ hiện đại, và đặc biệt là về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn rất mới mẻ đối với chúng ta. Từ đó Đảng ta không ngừng hoàn chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; cán bộ, đảng viên phải quán triệt và lãnh đạo nhân dân biến những đường lối, chủ trương, chính sách ấy thành hiện thực.

Nâng cao đạo đức trong tình hình mới, đòi hỏi Đảng và nhân dân ta quán triệt tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, ra sức bồi dưỡng các phẩm chất đạo đức, vận dụng các nguyên tắc xây dựng đạo đức mà Người đã nêu ra. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa rất thời sự trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã xác định xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ. Như vậy, đạo đức có quan hệ gì với kinh tế?

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức luôn luôn gắn với kinh tế. Trung với nước, hiếu với dân, suốt đời hy sinh cho cách mạng để giành lấy độc lập và tự do là nhằm xóa bỏ áp bức, bóc lột, phát triển kinh tế đem lại đời sống ấm no, hạnh

phúc cho nhân dân, cho mỗi con người.

Hồ Chí Minh động viên mọi người cần kiệm xây dựng đất nước chính là để dân giàu, nước mạnh. Không lẽ thoát khỏi bóc lột về kinh tế, được no ấm và giàu có, con người lại nhất thiết đi đến chỗ suy thoái về đạo đức, như tình hình đã diễn ra ở nhiều nước tư bản phát triển. Tiếp nối quan điểm của Mác, Lênin về chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh luôn luôn chủ trương tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển mọi mặt của xã hội; phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hoá, đạo đức, con người. Phát triển kinh tế là điều kiện thiết yếu, là cơ sở để xây dựng một xã hội văn minh, để phát triển văn hoá, đạo đức, con người. Con người có đạo đức, có văn hoá lại là động lực để phát triển kinh tế. Tinh thần này đã được thể hiện trong câu nói bất hủ của Hồ Chí Minh "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*"[1], đó là con người có đủ đức và tài, phẩm chất và năng lực, và cả hai mặt đó đều không ngừng được bồi đắp, nâng cao. Đây cũng là điểm khác biệt giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản.

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa nền kinh tế ấy hội nhập kinh tế thế giới mà phổ biến là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, điều đó đương nhiên đặt ra vấn đề phải vừa hợp tác vừa đấu tranh vì lợi ích của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tình hình đó càng đặt ra nhiều yêu cầu mới về đạo đức rất gay gắt.

Kinh tế thị trường có mặt tích cực là kích thích mọi sự

---

1. *Sđd*, t. 10, tr. 310.

suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo. Nó đòi hỏi con người phải năng động, nhạy bén trong mọi tình huống; phải có hiệu quả trong mọi hoạt động; dám đối mặt với mọi thách thức, dám đương đầu với mọi rủi ro. Nó không chấp nhận sự chậm chạp lề mề, xa lạ, với thói ỷ lại, dựa dẫm, lười biếng. Nó hoàn toàn đối lập với lối làm ăn "lãi giả lỗ thật", "của chùa" tha hồ phung phí, hoang toàng ...

Tuy nhiên, kinh tế thị trường lại có mặt tiêu cực là tạo ra khát vọng làm giàu bằng mọi cách, tâm lý chạy theo đồng tiền, lấy đồng tiền làm giá trị cao nhất. Nó kích thích thói ích kỷ, tự tư tự lợi, đặt lợi ích của cá nhân và gia đình lên trên lợi ích của tập thể và xã hội. Nó dung dưỡng thói dối trá, gian giảo, lừa lọc, lối sống hưởng lạc, sa đoạ, lối sống gấp của xã hội tiêu thụ... Mặt tiêu cực ấy không chỉ thể hiện trong lĩnh vực kinh tế, mà còn tác động đến tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Xây dựng nền đạo đức mới trong tình hình hiện nay đòi hỏi chúng ta phải biết khai thác mặt tích cực, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lại mặt tiêu cực của kinh tế thị trường. Vừa hợp tác, vừa đấu tranh với bên ngoài, vừa chấp nhận vừa đấu tranh ở bên trong, đó là vấn đề mà nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đặt ra cho mọi hoạt động chính trị, kinh tế và đạo đức. Và chỉ có làm như vậy, chúng ta mới xây dựng được nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa đất nước ta vững vàng quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cuộc chiến đấu mới để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng đã tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao những phẩm chất đạo đức

mới trong đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Những tấm gương "người tốt việc tốt" vẫn xuất hiện hàng ngày ở mọi lứa tuổi, ở khắp mọi nơi, ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Thể hiện tiêu biểu nhất, tập trung nhất những phẩm chất đạo đức ấy là tấm gương của những anh hùng chiến sĩ thi đua đã hội tụ trong Đại hội thi đua toàn quốc năm 2000, đã đem lại nhiều bài học bổ ích để xây dựng nền đạo đức Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Lý giải về những thành tựu trong đổi mới không thể tách rời vấn đề này.

Tuy nhiên, đời sống đạo đức của xã hội, bên cạnh mặt tốt đã xuất hiện mặt xấu như những đám mây đen cứ lan rộng dần trên bầu trời trong sáng. Càng lùi xa thời kỳ chiến tranh khốc liệt, công cuộc xây dựng đất nước trong hoà bình, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống càng làm cho không ít người nghĩ tới hưởng thụ, nghĩ tới định hướng cá nhân chủ nghĩa của bản thân và vợ con mình nhiều hơn là định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước và dân tộc. Khi đi vào kinh tế thị trường, mặt tiêu cực của kinh tế thị trường đã lan toả khá nhanh, gây nên nhiều tệ nạn trong đời sống xã hội. Đảng ta đã nhiều lần chỉ ra những tệ nạn đó, đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm chống những tệ nạn đó. Nhưng đến năm 1994, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã phải thừa nhận *nạn tham nhũng và tệ quan liêu* đã trở thành một trong bốn *nguy cơ lớn* đang đe doạ sự nghiệp đổi mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996) lại vạch rõ: "Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí

của công chưa ngăn chặn được"[1], "... còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của nhận dân... Điều đáng lo ngại là không ít cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hoá về phẩm chất, đạo đức; sức chiến đấu của một bộ phận tổ chức cơ sở đảng suy yếu"[2]; "Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên... *sa đoạ về đạo đức và lối sống*".

Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (tháng 2-1999) lại nhận định: sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên *có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn*.

Từ những nhận định trên của Trung ương, từ đời sống đạo đức của Đảng, Nhà nước và xã hội, có thể rút ra một số điểm:

Một là, những tệ nạn tiêu cực xuất hiện trong những năm qua trong một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý là:

+ Tham nhũng;

+ Lãng phí;

+ Quan liêu;

+ Tha hoá, sa đoạ về đạo đức, lối sống;

+ Chạy theo địa vị, danh lợi, tranh giành kèn cựa lẫn nhau, mất đoàn kết nội bộ;

+ Dối trá: nói dối, làm dối, báo cáo không trung thực;

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 64, 67.

+ Lười biếng: lười học, lười nghĩ, lười làm;

+ Suy thoái về tư tưởng chính trị, phai nhạt lý tưởng cách mạng.

Những tệ nạn ấy đã trở thành nguy cơ "tự diễn biến" từ trong, không thể coi thường.

Nguyên nhân chủ yếu của những tệ nạn đó là do chủ nghĩa cá nhân phát triển.

Hai là, những tệ nạn đã được chỉ ra và đòi hỏi phải khắc phục, nhưng vẫn chưa ngăn chặn và đẩy lùi được; ngược lại, lại có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn; nhiều tệ nạn đã mang tính tập thể, thâm nhập vào trong cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị.

Nguyên nhân của tình hình này là do:

+ Cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu rèn luyện về phẩm chất, đạo đức;

+ Tự phê bình, phê bình và sửa chữa khuyết điểm chưa nghiêm túc;

+ Đấu tranh chống các tệ nạn chưa quyết liệt; nói mạnh làm nhẹ, mạnh với tội nhỏ, nhẹ với tội to, nể nang ô dù bao che cho nhau;

+ Nói nhiều làm ít, nói nhưng không làm, nói một đằng làm một nẻo.

Những tệ nạn ấy đã gây nên những bất bình trong nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với Nhà nước. Chúng ảnh hưởng tiêu cực đến việc xây dựng đời sống đạo đức lành mạnh của nhân dân.

Trong các tầng lớp nhân dân đương nhiên không có vấn đề quan liêu, tham nhũng như trong cán bộ, đảng viên, viên chức Nhà nước. Tuy nhiên, công cuộc xây dựng kinh tế, nhất

là khi đi vào kinh tế thị trường cũng đã làm xuất hiện nhiều tệ nạn xã hội. Tình trạng suy thoái về đạo đức công dân là khá phổ biến: buôn gian bán lận, làm hàng giả, trốn lậu thuế, móc ngoặc, hối lộ, mua chuộc cán bộ, ăn cắp tài sản công dân, tài sản xã hội chủ nghĩa, vi phạm pháp luật, làm giàu không chính đáng... đã và đang gây nên những tác hại nghiêm trọng trong đời sống xã hội.

Cuộc sống đang đòi hỏi phải làm trong sạch Đảng và làm lành mạnh đời sống đạo đức của xã hội. Hai mặt đó phải tiến hành song song, phải làm đến nơi đến chốn, phải giành được những hiệu quả thiết thực. Phải khắc phục các nguyên nhân đẻ ra các tệ nạn tiêu cực; càng phải khắc phục nguyên nhân đã để cho các tệ nạn tiêu cực phát triển. Trong cuộc đấu tranh này, phải lấy việc xây dựng Đảng làm nhiệm vụ then chốt, như đã được nêu ra trong nhiều nghị quyết của Đảng. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng hiện nay chính là thực hiện nhiệm vụ then chốt đó. Đó cũng là thực hiện những điều căn dặn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại trong *Di chúc* trước lúc đi xa.

Cuộc sống đang đòi hỏi phải xây dựng nền đạo đức Việt Nam ngang tầm với những yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vẫn soi sáng cho Đảng và nhân dân ta hoàn thành sự nghiệp vẻ vang đó.

CHƯƠNG X

TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH

I. TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH, GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA TRUYỀN THỐNG NHÂN VĂN VIỆT NAM

1. Nói đến tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là nói tới toàn bộ suy nghĩ và tình cảm đã chi phối suốt cuộc đời của Người, một cuộc đời đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập của dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân, cho sự giải phóng của cả nhân loại và của mỗi con người.

Tư tưởng nhân văn của Người được hình thành từ hoàn cảnh sống và chiến đấu của bản thân và cũng từ sự kế thừa một cách sáng tạo những truyền thống nhân văn của dân tộc và nhân loại.

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống giàu lòng nhân ái. Con người Việt Nam truyền thống gắn bó chặt chẽ với cộng đồng gia tộc, xóm làng và dân tộc theo tinh thần "thương người như thể thương thân", "một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ", "một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao", v.v..

Truyền thống nhân ái của dân tộc đã nảy sinh và được bồi đắp trong hoàn cảnh lịch sử đất nước chẳng những thường xuyên bị thiên tai tàn phá, mà còn từng bị phương Bắc đô hộ hết sức tàn khốc hàng ngàn năm, sau đó lại bị xâm lược nhiều lần.

Lòng từ bi của Phật giáo, đạo nhân nghĩa của Nho giáo và tinh thần bác ái của Công giáo cũng đã góp phần ít nhiều, khác nhau vào truyền thống nhân ái của dân tộc.

Tại Việt Nam, suốt mấy ngàn năm qua, vấn đề con người luôn luôn gắn liền với vấn đề dân tộc. Những khi bị đô hộ hay bị xâm lược thì vấn đề con người hòa vào vấn đề dân tộc. Vào những thời điểm ấy, niềm đau, nỗi khổ lớn nhất của con người là mất độc lập, tự do. Khát vọng lớn nhất của con người là khát vọng giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng đánh Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nhằm thôn tính nước ta. Tổ quốc lâm nguy. Dân tộc bị áp bức. Cá nhân bị chà đạp. Mất tự do trở thành nỗi đau khổ nhất của con người.

"Trên đời ngàn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do".

Hồ Chí Minh

Dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam bước sang thế kỷ thứ XX với nhu cầu tìm ra một hệ tư tưởng mới, đủ sức *giải quyết cả vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người*. Truyền thống nhân ái đứng trước yêu cầu phải được nâng lên một trình độ cao hơn dưới ánh sáng của một hệ tư tưởng mới. Tìm ra hệ tư tưởng này chính là sứ mệnh lịch sử đã được đặt trên vai

Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác - Lênin được Nguyễn Ái Quốc tiếp thu và truyền bá vào trong nước đã nâng cao truyền thống dân tộc về con người, góp phần hình thành một cách hoàn chỉnh tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh. Nó khẳng định thêm những tư tưởng mà Hồ Chí Minh đã tiếp thu từ truyền thống của dân tộc chung quanh vấn đề con người.

Trước hết là vai trò của con người trong chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Trong sự nghiệp đấu tranh vũ trang chống xâm lược, con người Việt Nam truyền thống tin ở chính mình, ở cộng đồng dân tộc mình chứ không trông đợi ở trời phật hay ở bất kỳ một "đấng cứu thế" nào. Có thể thấy rõ điều này khi đọc *Hịch tướng sĩ*, *Bình Ngô đại cáo* và các bài hịch xuất hiện hồi nửa cuối thế kỷ XIX.

Về vai trò của con người, vai trò cá nhân anh hùng và quần chúng nhân dân, Trần Hưng Đạo là người đã phát biểu hết sức sâu sắc. Ông đã đưa ra hình ảnh con chim Hồng hộc có sức bay ngàn dặm là nhờ ở "sáu trụ lông cánh" của nó. Nếu như không có "sáu trụ lông cánh" ấy, thì nó cũng chỉ như loài chim thường mà thôi. Trong hình ảnh này, cá nhân anh hùng và quần chúng gắn bó với nhau, gắn bó không thể tách rời, giống như chim Hồng hộc không thể tách rời "sáu trụ lông cánh của nó". Cá nhân anh hùng và quần chúng nhân dân thống nhất lại thành một sức mạnh quyết định sự phát triển của lịch sử. Cá nhân anh hùng không đứng trên quần chúng, ngược lại quần chúng được nâng lên ngang tầm anh hùng.

Đến cuộc kháng chiến chống quân Thanh, vua Quang

Trung là người đầu tiên trong lịch sử và lịch sử tư tưởng nước ta đưa ra khái niệm "*Nam quốc anh hùng*", có nghĩa là đưa một khái niệm có giá trị tổng kết truyền thống yêu nước của dân tộc ta, đồng thời đã hé mở ra một quan niệm của cái mà ngày nay chúng ta gọi là "*anh hùng tập thể*".

Trần Quốc Tuấn đã chỉ rõ nguyên nhân thắng lợi căn bản của các cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông là do "*vua tôi đồng tâm, anh em hoà thuận, cả nước góp sức*". Trước lúc tạ thế, ông dặn lại vua Trần: ... *thu được quân lính một lòng như cha con một nhà thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế bền gốc, sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước*.

Nguyễn Trãi tổng kết chiến thắng chống quân Minh, nhấn mạnh nguyên nhân thắng lợi là gắn bó với nhân dân và phát huy sức mạnh của nhân dân: *Dựng gậy làm cờ, tụ hợp bốn phương manh lệ. Rượu hoà nước lã, dưới trên một dạ cha con*.

Đến đầu thế kỷ XX, các nhà văn thân yêu nước, mà tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, vượt qua hệ tư tưởng phong kiến, đã tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản, thực hiện một bước tiến về chất trong lịch sử tư tưởng của dân tộc nói chung và trong vấn đề con người nói riêng.

2. Khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh mang theo trong mình truyền thống yêu nước và thương người trên đây của dân tộc và của gia đình. Người mang cả nỗi đau của người nô lệ mất nước, gần nhất là những nỗi đau đẫm máu và nước mắt mà Người đã trực tiếp cảm nhận của những người đi phu tại Cửa Rào, những người nông dân chống thuế tại Trung kỳ và những nhà yêu nước bị

tàn sát khủng bố hết sức man rợ thuở ấy. Ở Người, lòng yêu nước gắn bó chặt chẽ với lòng yêu thương con người, khát vọng giải phóng dân tộc gắn liền với khát vọng giải phóng con người.

Trong quá trình đi vòng quanh thế giới, chứng kiến tội ác của chủ nghĩa thực dân đối với các dân tộc thuộc địa khác, Người đã đi đến kết luận rằng ở đâu chủ nghĩa thực dân cũng tàn ác, ở đâu các dân tộc thuộc địa cũng đau khổ. Từ nhận thức ấy, lòng yêu thương con người nô lệ mất nước Việt Nam đã mở rộng thành lòng yêu thương con người nô lệ mất nước trên toàn thế giới. Đồng thời, khát vọng giải phóng dân tộc Việt Nam đã được mở rộng thành khát vọng giải phóng tất cả các dân tộc thuộc địa. Tiếp đó, sống và làm việc trong thân phận người làm thuê nghèo khổ tại Mỹ, Anh và Pháp nhiều năm, trực tiếp cảm nhận và hoà mình trong cuộc sống của những người cùng khổ trong xã hội tư bản, Người đã hiểu được rằng đằng sau các khái niệm Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Công lý, Nhân quyền, Khai hoá, v.v., là sự phản bội, lừa bịp của chủ nghĩa thực dân, đế quốc và là niềm đau nỗi khổ của nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột. Tư tưởng nhân văn của Người đã được mở rộng ra phạm vi toàn nhân loại. Kết luận mà Người đã rút ra là: *Dù màu da có khác nhau, trên đời này cũng chỉ có hai giống người, giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là một mà thôi: tình hữu ái vô sản*. Như vậy, từ sự thể nghiệm bản thân, với trí tuệ sắc bén, Hồ Chí Minh đã bước đầu thấy được sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Trong những năm sống tại Pháp, Hồ Chí Minh đã dành nhiều thời gian đọc sách tại các thư viện, đi thăm và nghiên cứu các di sản văn hoá, có quan hệ bạn bè với nhiều nhà văn hoá, nhờ vậy Người đã tiếp thu tư tưởng nhân đạo của cách mạng tư sản.

Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 đã tấn công hết sức mạnh mẽ vào hệ tư tưởng của nhà thờ và của chế độ phong kiến. Nó xoá bỏ các xiềng xích tinh thần và xã hội mà nhà thờ và chế độ phong kiến trói buộc con người trong thần quyền và trong thế quyền của Nhà nước quân chủ chuyên chế. Nó nêu cao các tư tưởng giải phóng con người, khẳng định quyền con người, quyền công dân. Nó muốn thực hiện Tự do, Bình đẳng, Bác ái trong quan hệ giữa người với người. Nó khẳng định con người, nâng con người đứng thẳng dậy, bất chấp mọi quyền uy trên trời và dưới đất, tự mình nắm chắc vận mệnh của mình, tự mình giành lấy và hưởng thụ tự do, hạnh phúc của mình. Chủ nghĩa nhân văn trong hệ tư tưởng tư sản là một thành quả rực rỡ của lịch sử tư tưởng nhân loại.

Hồ Chí Minh rất khâm phục cuộc Đại cách mạng Pháp 1789, một cuộc cách mạng vĩ đại đã đem sức mạnh của lý trí khoa học khắc phục thần quyền, đem sức mạnh của con người phủ định thần thánh, đem quyền con người và quyền công dân xoá bỏ quyền lực của nền quân chủ chuyên chế. Như đã thể hiện rõ trong *Tuyên ngôn độc lập* ngày 2 - 9 - 1945, Người trân trọng tiếp thu và phát triển tư tưởng bất hủ về nhân quyền và dân quyền được ghi trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ và bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng

Pháp năm 1791.

Mặt khác, qua thể nghiệm bản thân, Người đã thấy rằng sau khi cách mạng tư sản thành công, giai cấp tư sản đã phản bội lại các tư tưởng nhân đạo cao cả mà nó đã nêu lên trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến, và rằng trong xã hội tư sản vẫn đầy rẫy bất công áp bức, bóc lột làm cho con người cùng khổ. Chính vì vậy mà Người đã tìm đến và tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa cộng sản.

3. Chủ nghĩa Mác khẳng định bản chất xã hội của con người, chỉ ra nguồn gốc cơ bản của niềm đau nỗi khổ của con người, vạch rõ con đường khoa học, tất yếu đưa đến sự giải phóng triệt để và vĩnh viễn của toàn thể loài người. Trong chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa nhân đạo thống nhất với chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản là một bước phát triển của chủ nghĩa nhân đạo truyền thống. Nó mang tính triệt để, giải phóng con người tới cùng. Các cuộc cách mạng trước cách mạng vô sản đều dừng lại trước nguồn gốc sâu xa của nỗi khổ của con người là chế độ tư hữu. Chỉ có cách mạng vô sản, được chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó có học thuyết "cách mạng không ngừng" - soi sáng, mới đi đến cùng trong việc giải phóng con người. Cũng như chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản là khoa học và cách mạng, bởi lẽ đã phản ánh đúng quy luật khách quan, tất yếu của việc chế độ tư hữu phải nhường chỗ cho chế độ công hữu, đồng thời kế thừa biện chứng các học thuyết, các chủ nghĩa nhân đạo truyền thống.

Hồ Chí Minh đã tin theo chủ nghĩa cộng sản từ khi Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Nhưng chỉ sau khi

được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin[1], Người mới thấy rõ con đường giải phóng dân tộc và giải phóng con người. Tiếp đó, qua quá trình nghiên cứu con đường của Cách mạng Tháng Mười, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, hoạt động trong phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc, bằng thiên tài trí tuệ của mình, Người đã vạch ra con đường tất thắng của cách mạng Việt Nam. Đó là con đường đặt sự nghiệp giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của cách mạng vô sản, thực hiện ba cuộc giải phóng: giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, bắt đầu từ giải phóng dân tộc. Đến đây, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thống nhất với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và là *sự vận dụng* chủ nghĩa nhân đạo cộng sản vào sự nghiệp giải phóng con người trong hoàn cảnh Việt Nam và thuộc địa. Như vậy quá trình Hồ Chí Minh đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin cũng là quá trình Người đi từ truyền thống nhân ái của dân tộc đến chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Và tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh mở ra một giai đoạn mới của truyền thống nhân văn Việt Nam.

II. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH

1. Khái niệm "con người" trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, không có con người trừu

---

1. Xem: V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t. 41, tr. 197.

tượng. Người viết “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn là cả loài người”[1]. Có thể thấy trong định nghĩa vừa được trích dẫn, Hồ Chí Minh xem xét con người trong các quan hệ xã hội của nó. Cách tiếp cận vấn đề con người như vậy là phù hợp với cách tiếp cận của chủ nghĩa Mác.

Bao giờ Hồ Chí Minh cũng nói đến con người cụ thể, lịch sử. Tùy theo từng thời điểm lịch sử cụ thể gắn liền với từng thời kỳ cách mạng, Người dùng khái niệm này hay khái niệm khác để chỉ “con người” và xem xét nó trong những bình diện, những chiều khác nhau. Trong những năm 20 của thế kỷ XX, Người thường dùng các khái niệm “người bản xứ”, “người bản xứ bị áp bức”, “người bản xứ bị bắt làm nô lệ”, “người mất nước”, “người lao động bản xứ”, “người bị bóc lột”, “người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc”, “người da vàng”, “người da đen”, “người vô sản”, “người vô sản ở thuộc địa”, “người vô sản ở chính quốc”, “người cùng khổ”,... và đối lập với họ là những tên “thực dân”, “thực dân độc ác”, “viên chức tàn bạo”, “bọn ăn bám đủ các cỡ”, “kẻ diễm phúc có đặc quyền đặc lợi”, “đức ngài tư bản chủ nghĩa”, v.v..

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, con người Việt Nam đã trở thành người tự do cùng với toàn thể nhân dân làm chủ đất nước, thực hiện đại đoàn kết để kháng chiến chống thực dân Pháp. Hồ Chí Minh thường dùng các khái niệm “đồng bào”, “nhân dân”, “quốc dân”, “dân”... và qua

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 644.

đó đặt con người trong quan hệ gắn bó với khối thống nhất của cộng đồng dân tộc.

Trong các thời kỳ cải cách ruộng đất và cải tạo xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đã nói rõ về con người trong các quan hệ giai cấp. Sau khi miền Bắc đã hoàn thành công cuộc cải cách và cải tạo nói trên thì Hồ Chí Minh dùng những khái niệm phù hợp với các quan hệ xã hội mới, như "lao động chân tay", "lao động trí óc", "công nhân", "nông dân tập thể", "người chủ tập thể",... Ngoài các quan hệ xã hội, Hồ Chí Minh còn xem xét con người theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, v.v..

Cách tiếp cận cơ bản nhất của Hồ Chí Minh là thống nhất lập trường giai cấp với lập trường dân tộc, cũng như cách tiếp cận xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh và là sự vận dụng một cách sáng tạo lập trường giai cấp vô sản vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

Hồ Chí Minh chỉ dùng khái niệm "CON NGƯỜI" trong một số trường hợp hãn hữu. Trong *Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa*, Người viết rằng nhân dân thuộc địa bị tước đoạt mất các quyền lợi gắn liền với "*phẩm giá con người*". Trong *Lời kêu gọi* đăng trên trang nhất, số đầu tiên, báo *Người cùng khổ,* Người viết rằng sứ mệnh của tờ báo là "*giải phóng con người*". Và trong bản bổ sung cho *Di chúc*, Người viết: "*Đầu tiên là công việc đối với con người*".

Con người với những đặc điểm nói trên là cốt lõi của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh và thể hiện ở ba nội dung sau đây:

Một là: Sự cảm nhận, cảm thông hết sức sâu sắc mọi niềm đau nỗi khổ của con người nô lệ và con người cùng

khổ. Có thể thấy rõ điều này qua các bài viết của Người tố cáo tội ác mà chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chế độ tư bản chủ nghĩa gây ra cho con người.

Hai là: Quyết tâm hy sinh chiến đấu để giải phóng con người và đem lại tự do hạnh phúc cho con người. Người viết: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[1].

Ba là: Tin tưởng tuyệt đối ở khả năng tự giải phóng của con người và không ngừng rèn luyện, phát huy khả năng ấy.

2. Tình yêu thương vô hạn của Hồ Chí Minh đối với con người

a) Hồ Chí Minh yêu thương đồng bào, đồng chí của Người, không phân biệt họ ở miền xuôi hay miền ngược, là trẻ hay già, trai hay gái... không phân biệt một ai, không trừ một ai, hễ là người Việt Nam yêu nước thì đều có chỗ trong tấm lòng nhân ái của Người.

Thấm nhuần chủ nghĩa quốc tế vô sản, tình yêu thương con người ở Hồ Chí Minh còn được dành cho những người nô lệ mất nước và những cùng khổ trên khắp thế gian, cho những người da đen - nạn nhân của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, cho cả những người da trắng bần cùng, cho những phụ nữ Pháp và Mỹ có chồng con bị

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 161.

đưa sang Việt Nam làm bia đỡ đạn. Và, cho chính cả những người lính bị đưa đi chết uổng trong các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Người viết: "Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người"[1], "Tôi vô cùng công phẫn trước những tổn thất và tàn phá do quân Mỹ gây ra cho nhân dân và đất nước chúng tôi, tôi cũng rất xúc động thấy ngày càng có nhiều thanh niên Mỹ chết vô ích ở Việt Nam"[2] và "Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau"[3].

Tấm lòng nhân ái bao la của Hồ Chí Minh được đặt trên một cơ sở khoa học. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã chỉ ra nguồn gốc của niềm đau, nỗi khổ của con người nô lệ - mất nước và của con người cùng khổ. Nguồn gốc ấy ở ngay trên trần gian, ngay trong cuộc đời này. Đó là chủ nghĩa thực dân, đế quốc mà Người từng nghiên cứu về mặt lý luận và đánh bại trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đó là ách áp bức bóc lột giai cấp mà công nhân, nông dân và nhân dân lao động là nạn nhân. Mặt khác, Người đã chỉ rõ con đường giải phóng của con người Việt Nam, đồng thời góp phần chỉ rõ con đường giải phóng của các dân tộc thuộc địa và của nhân dân lao động toàn thế giới.

b) Vì lòng yêu thương vô hạn đối với con người, Hồ Chí Minh coi hoà bình trong độc lập tự do là một nguyện vọng sâu

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 457.
2. *Sđd*, t. 12, tr. 488.
3. *Sđd*, t. 5, tr. 19.

xa, còn chiến tranh chỉ là bắt buộc.

Con người là sức mạnh đầu tiên và cũng là mục tiêu cuối cùng của cách mạng, bởi vậy phải hết sức bảo vệ con người như bảo vệ sinh mệnh của cách mạng. Hồ Chí Minh đã hết sức thận trọng đối với vấn đề khởi nghĩa. Tháng 9 - 1944, Người đã chỉ thị hoãn cuộc khởi nghĩa giành chính quyền địa phương do Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng quyết định, để tránh những khó khăn tổn thất do việc chuẩn bị ở các nơi khác chưa đầy đủ và thời cơ chưa đến.

Người còn chủ động chuẩn bị cho nhiều khả năng phát triển của cách mạng và tranh thủ khả năng phát triển hoà bình để đỡ tốn xương máu cho nhân dân ta và cho cả nhân dân các chính quốc. Đây cũng là một biểu hiện cho thấy lòng nhân ái bao la của Người.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã sử dụng sức mạnh chính trị của nhân dân là chính. Trong lịch sử thế giới, đây là một cuộc cách mạng ít đổ máu nhất, có thể nói là hầu như không có đổ máu nhưng có sức mạnh và uy lực to lớn.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã làm tất cả những gì có thể làm được để cố tránh cuộc chiến tranh Việt - Pháp cũng như các cuộc chiến tranh sau đó. Đối với những cuộc chiến tranh này, lịch sử đã chứng minh rằng:

Thứ nhất: Chính chủ nghĩa đế quốc thực dân là kẻ đã gây ra chiến tranh, sử dụng bạo lực phi chính nghĩa, nhằm bắt dân tộc ta phải khuất phục, trở lại kiếp nô lệ - mất nước một lần nữa.

Thứ hai: Không có con đường nào khác, dân tộc ta buộc phải tiến hành kháng chiến suốt hơn ba mươi năm để bảo vệ nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc và phẩm

giá của con người Việt Nam.

Chung quanh vấn đề hoà bình và chiến tranh, Hồ Chí Minh luôn luôn thể hiện một thái độ hết sức nghiêm túc, một tinh thần nhân đạo hết sức cao cả đối với con người và loài người.

c) Tình yêu thương vĩ đại của Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ suốt đời đấu tranh cho tự do và hạnh phúc của mọi người, còn đối với bản thân mình thì sống vô cùng giản dị, thanh đạm. Sở dĩ như vậy là vì lẽ sống của Người là: Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ.

Hồ Chí Minh chăm lo tất cả, chỉ quên có riêng mình. Rời nước ra đi với thân phận người nô lệ - mất nước, từng sống và hoạt động hàng chục năm trong cuộc đời của người lao động làm thuê, lúc bần hàn cũng như khi làm chủ tịch nước đều không chút của riêng nào khác ngoài một chiếc máy chữ cũ, một đôi dép lốp, vài bộ quần áo bạc màu và mấy thứ đồ dùng cá nhân giản dị khác. Hồ Chí Minh - trong tư tưởng cũng như trong hành động, từ tuổi trẻ cho đến khi tạ thế - không đứng ở trên cao, không ở bên ngoài, mà đứng ngay trong niềm đau nỗi khổ, trong chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân và trong sự thanh cao, tinh khiết của tâm hồn, trong tầm cao của trí tuệ để nhận thức và giải quyết vấn đề con người. Hồ Chí Minh không đứng trên cao nhìn xuống ban ơn, không đứng bên ngoài thông cảm, mà đứng ở trong lòng nhân dân, đập cùng một nhịp tim, chia cùng một sức sống, mang cùng một khát vọng... với nhân dân. Hồ Chí Minh gắn bó với dân tộc, với nhân dân và với con người từ trong con tim và khối óc, trọn vẹn suốt cả cuộc đời.

3. Điểm nổi bật trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là khoan dung rộng lớn trước tính đa dạng của con người

Hồ Chí Minh nhìn con người trong tính đa dạng của nó: đa dạng trong quan hệ xã hội (quan hệ dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đồng chí, đồng bào, gia đình, nhà trường...), đa dạng trong tính cách khát vọng, đa dạng trong phẩm chất và khả năng... Theo Người, mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng người đều có ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu, mặt được, mặt chưa được... hết sức phong phú, như năm ngón tay dài ngắn khác nhau, như mấy mươi triệu con người Việt Nam "*có thế này, thế khác...*". Nhưng, tấm lòng nhân ái của Người *bao dung tất cả*. Người từng nói rằng, tuy dài ngắn khác nhau nhưng cả năm ngón tay đều hợp nhau lại nơi bàn tay, tuy người thế này, người thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều cùng là nòi giống Lạc Hồng, ai cũng có ít hay nhiều lòng yêu nước.

"*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,*

Thành công, thành công, đại thành công"[1], khẩu hiệu này trong chiều sâu của nó, thấm đượm lòng nhân ái bao la của Hồ Chí Minh. Thực vậy, không có một lòng nhân ái bao la, một sự khoan dung cao cả, trân trọng cái phần thiện, dù nhỏ nhất ở mỗi con người thì làm sao có thể quy tụ rộng rãi, rồi lại rộng hơn, rộng rãi hơn nữa toàn thể dân tộc? Người từng viết: "Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu

---

1. *Sđd*, t. 10, tr. 350.

nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ. Người mà tự kiêu, tự mãn, cũng như cái chén, cái đĩa cạn"[1].

Với độ lượng như sông sâu biển rộng, vì lợi ích tối cao của Tổ quốc và nhân dân, Hồ Chí Minh đã tập hợp quanh mình và phát huy tác dụng của những vị vốn là đại thần của Nam triều cũ như cụ Thượng thư Bùi Bằng Đoàn, cụ Khâm sai đại thần Phan Kế Toại và nhiều người khác. Hồ Chí Minh cũng dung nạp cả cựu hoàng Bảo Đại mà bản thân ông ta và triều đình hư vị của ông ta theo mệnh lệnh của thực dân ký án tử hình vắng mặt dành cho Nguyễn Ái Quốc (sau giảm xuống thành án tù chung thân vắng mặt).

Một cộng đồng dân tộc, một xã hội bao giờ cũng có muôn vàn mối quan hệ phức tạp thuộc về cả quá khứ lẫn hiện tại. Việc giải quyết các mối quan hệ ấy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải xuất phát từ mục đích tập hợp lực lượng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội, vì tình thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau giữa con người với con người. Hồ Chí Minh đã thể hiện tinh thần này qua các chính sách đối với kiều dân nước ngoài tại Việt Nam và đối với tù hàng binh.

Tháng 10 - 1945, trong *Thư gửi những người Pháp ở Đông Dương*, rất có lý có tình, Hồ Chí Minh đã chỉ ra tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến của nhân dân ta, kêu gọi lương tri, lương năng của những người Pháp đang

---

1. *Sđd*, t. 5, tr. 644.

sống ở Đông Dương, trịnh trọng tuyên bố chính sách bảo vệ tính mạng, tài sản của họ và tình thân ái đối với những người lương thiện.

Ngày 26 - 1 - 1946, trong *Quốc lệnh*, bao gồm 10 công được thưởng và 10 tội phạt tử hình, do Hồ Chí Minh ban bố với tư cách là Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, có khoản "*7. Vô cớ sát hại kiều dân ngoại quốc sẽ bị xử tử*"[1]. Như vậy, tội này cũng bị phạt nặng ngang các tội phản quốc, trái quân lệnh, ra trận tự ý rút lui, tự ý phá hoại giao thông, phá hoại quân khí, để cho bộ đội hại dân, trộm cắp của công, hãm hiếp cướp bóc, bắt cóc ám sát. Những tội này cũng đều bị *Quốc lệnh* ghép vào tử hình.

Các chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang nhân dân của chúng ta đều biết rất rõ rằng trong các "kỷ luật chiến trường" có kỷ luật cấm giết hại và ngược đãi tù binh. Về khoản này, những cựu binh Pháp và Mỹ từng được hưởng chính sách khoan hồng của chúng ta đều xác nhận là họ đã được đối xử nhân đạo. Một số người đã viết thư cảm ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một số người gần đây đã trở lại thăm chiến trường xưa, họ đã rất xúc động vì được đón tiếp bằng những nụ cười.

Vì quyền sống, quyền bình đẳng, quyền tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc, dân tộc Việt Nam qua hơn ba mươi năm chiến tranh cách mạng đã phải chịu biết bao hy sinh, đau thương, mất mát! Nhưng, nối tiếp truyền thống nhân từ: *Thương người như thể thương thân*, *đánh kẻ*

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 164.

chạy đi, không đánh kẻ chạy lại, thấm nhuần lòng nhân ái bao la của Hồ Chí Minh, dân tộc chúng ta đã không bao giờ hạ mình xuống mức "trả thù báo oán", mà bao giờ cũng đứng ở tầm cao của lòng khoan dung vốn gắn liền với bản chất nhân đạo của cách mạng Việt Nam.

Đối với cán bộ, đảng viên có lỗi, Hồ Chí Minh bao giờ cũng mong muốn và tạo điều kiện cho họ sửa chữa lỗi lầm. Người nâng niu trân trọng khuyến khích mặt tốt, mặt thiện trong con người, lấy đó là biện pháp giúp đỡ những người có thói hư, tật xấu. Người viết: "Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời"[1].

4. Đối với Hồ Chí Minh con người vừa là mục tiêu giải phóng vừa là động lực của cách mạng

Trung thành với tư tưởng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống về vai trò của con người trong sự nghiệp cứu quốc và với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng và cá nhân trong lịch sử, trong khi khẳng định mục tiêu của cách mạng là giải phóng con người, mang lại tự do, hạnh phúc cho con người, Hồ Chí Minh cũng

1. *Sđd*, t. 12, tr. 558.

đồng thời khẳng định rằng sự nghiệp giải phóng là do chính bản thân con người thực hiện.

Nhưng trước hết phải trả lời câu hỏi sau đây: Nhân dân các nước thuộc địa nói chung và nhân dân Việt Nam nói riêng, mà hầu hết là nông dân bị chính sách ngu dân làm cho mù chữ, dốt nát, bị nền nông nghiệp manh mún, lạc hậu làm cho phân tán, rời rạc, lại bị chủ nghĩa thực dân và tay sai của chúng tìm đủ mọi cách để chia rẽ..., liệu một nhân dân như vậy có khả năng cứu nước hay không? Liệu cách mạng có thể tin vào một nhân dân như vậy hay không? Hơn nữa, liệu một nhân dân như vậy có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi tự giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân hay không?

Từ những bài viết đầu tiên sau khi trở thành người cộng sản, Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng chính sự áp bức của đế quốc, thực dân sẽ thúc đẩy và buộc nhân dân các thuộc địa và nhân dân Việt Nam nổi dậy giành quyền sống. Sự đầu độc về tinh thần không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt khát vọng giải phóng của họ. Từ rất sớm Hồ Chí Minh đã thấy ở nhân dân bị áp bức bóc lột, gầy còm xơ xác ấy cái sức mạnh lấp biển vá trời, đã thấy ở những người bị đầu độc, bị thất học ấy cái trí tuệ lớn lao. Người đã chỉ ra rằng: "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến"[1].

Lòng tin của Hồ Chí Minh đối với nhân dân ta dựa

---

1. *Sđd*, t. 1, tr. 28.

trên sự hiểu biết sâu sắc truyền thống lịch sử của dân tộc và con người Việt Nam: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"[1].

Phát hiện về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nước ta, Hồ Chí Minh đã bổ sung cho nhận thức về truyền thống yêu nước của dân tộc, tạo thành nền tảng vững chắc cho lòng tin của Người đối với nhân dân. Khác với giai cấp vô sản phương Tây, vào những năm đầu của thập kỷ 20 của thế kỷ XX, giai cấp công nhân Việt Nam vừa thoát thai từ đồng ruộng, đang còn ở giai đoạn phát triển "tự nó", đang còn rất non yếu. Nhưng từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, được tin 600 thợ nhuộm Chợ Lớn quyết định bãi công, Nguyễn Ái Quốc đã coi đó là dấu hiệu chứng tỏ ở Việt Nam "giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình"[2]. Người coi đó là "dấu hiệu của thời đại" và tin tưởng rằng cùng với dân tộc, giai cấp công nhân sẽ đào mồ chôn chủ nghĩa đế quốc tại Việt Nam: "Việc đã tạo ra một giai cấp vô sản và dạy cho người An Nam biết sử dụng súng ống là một bằng cớ chứng tỏ chủ nghĩa đế quốc tự mình đào hố để chôn mình"[3]. Trong câu trên, có thể thấy: người đào mồ chôn chủ nghĩa đế quốc - thực dân tại Việt Nam gồm cả

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 171.
2, 3. *Sđd*, t. 2, tr. 114, 361.

giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam biết sử dụng súng ống. Đây là một sáng tạo hết sức quan trọng của Hồ Chí Minh. Từ rất sớm và suốt đời, Người kiên trì gắn bó, thống nhất giai cấp công nhân với dân tộc. Giai cấp công nhân liên minh chặt chẽ với nông dân phải tập hợp được toàn thể dân tộc chung quanh mình; ngược lại, dân tộc phải được giai cấp công nhân lãnh đạo. Giai cấp công nhân tìm được sức mạnh của mình ở dân tộc; ngược lại, dân tộc tìm thấy ở giai cấp công nhân người dẫn đường thắng lợi cho mình.

Lòng tin của Hồ Chí Minh đối với nhân dân vừa bắt rễ sâu và vững chắc trong truyền thống yêu nước của dân tộc lại vừa được đặt trên tầm cao của sự phát hiện và khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Chính nhờ vậy mà Hồ Chí Minh tin tưởng một cách có cơ sở khoa học rằng nhân dân ta chẳng những có khả năng cứu nước mà còn có khả năng tiến lên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đến đây, cần phải chú ý một điều quan trọng: Trong khi nhận thức sâu sắc, đầy đủ sức mạnh của nhân dân, Hồ Chí Minh vẫn rất chú ý đến những nhược điểm, khuyết điểm của mỗi giai cấp xã hội. Giữa những năm 20 của thế kỷ XX, Người đã thẳng thắn cảnh tỉnh tầng lớp thanh niên nước ta đương thời. Sau khi nêu gương yêu nước của thanh niên Trung Quốc, Người kêu lên: “Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ

đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi!

Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh"[1].

Và Hồ Chí Minh đã suốt đời tự mình tiến hành và tổ chức một sự nghiệp tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, thường xuyên, giúp cho con người phát huy bản chất tốt đẹp, khắc phục khuyết điểm, nhược điểm, không ngừng hoàn thiện, tự nâng cao, xứng đáng là thành viên của NHÂN DÂN VĨ ĐẠI và đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ mà thực tiễn giải phóng dân tộc và cách mạng đòi hỏi. Không chỉ khẳng định vai trò của công nhân, nông dân, Hồ Chí Minh còn rất coi trọng tầng lớp trí thức. Những nhà trí thức tiêu biểu của dân tộc, kể cả lớp cũ và lớp mới, đáp ứng lời kêu gọi tham gia cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đều được Người tin cậy, chăm sóc, và trao cho những trách nhiệm quan trọng.

Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc và tin tưởng vững chắc rằng sức mạnh của nhân dân được thức tỉnh và được tổ chức là vô địch. Cần phải thức tỉnh tầng lớp thanh niên của những năm 20 thế kỷ XX, làm cho họ hồi sinh. Cần phải tổ chức họ thành đội ngũ. Cần phải thức tỉnh và tổ chức hàng chục triệu nông dân thất học và sống phân tán trong các lũy tre làng. Cần phải thức tỉnh và tổ chức toàn thể nhân dân, dân tộc. Cần phải thức tỉnh và tổ chức chính bản thân giai cấp công nhân. Có vậy mới có thể tạo ra và

---

1. *Sđd*, tr. 132 - 133.

phát huy sức mạnh duy nhất mà trong buổi ban đầu cách mạng có trong tay để chống lại và lật đổ bộ máy đàn áp và lừa bịp khổng lồ của chủ nghĩa thực dân và các thế lực phản động đồng minh của nó. Câu hỏi đặt ra là: Bắt đầu từ tay trắng, từ con số "không", trong vô số nhu cầu, từ cái kim, sợi chỉ trở đi, thì "*Cách mệnh trước hết phải có cái gì?*".

Trước hết, cách mạng phải có cái gì để thức tỉnh và tổ chức nhân dân? Phải có cái gì để từ đó nhân dân, dân tộc và con người sẽ có tất cả? Phải có cái gì thì mới có đường lối cách mạng đúng đắn, thì mới có các nhân tố đảm bảo thắng lợi của đường lối ấy, như các nhân tố: Mặt trận dân tộc thống nhất, lực lượng vũ trang nhân dân, Nhà nước của dân - do dân - vì dân, sự ủng hộ của quốc tế? Trước hết phải có cái gì? Như chúng ta đã biết, câu trả lời của Hồ Chí Minh là: Trước hết phải có Đảng cách mạng và học thuyết cách mạng. Đảng ấy, là Đảng Cộng sản Việt Nam. Học thuyết ấy, là chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì lợi ích của con người, Hồ Chí Minh đã suốt đời để công sức xây dựng Đảng và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, phát huy sức mạnh vô tận của con người trong sự nghiệp cách mạng.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Sự nghiệp đổi mới và bài học của Hồ Chí Minh

Từ năm 1975, đất nước được hoàn toàn giải phóng, chấm dứt thời kỳ chiến tranh, mở ra giai đoạn xây dựng hoà bình.

Đảng và nhân dân đứng trước những nhiệm vụ lớn lao với muôn vàn khó khăn về mọi mặt: chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá. Kinh tế lâm vào khủng hoảng, đời sống của nhân dân thiếu thốn. Về mặt chính trị, chủ nghĩa đế quốc và những phần tử phản động chưa cam chịu thất bại.

Thêm vào đó là tình hình thế giới lại diễn ra không thuận lợi. Chế độ xã hội chủ nghĩa lần lượt sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

Làm thế nào trong tình hình nói trên có thể đưa đất nước ra khỏi những khó khăn và thử thách? Đảng và Nhà nước ta đã phát huy những suy nghĩ độc lập của mình, mở ra cho đất nước một con đường tiến lên phía trước. Trong những đường lối và chủ trương đúng đắn của Đảng ta, không thể không nói tới những bài học sâu sắc mà Hồ Chí Minh đã để lại.

Cuộc đời Hồ Chí Minh là một chuỗi dài những gian nan thử thách. Nhưng *kiên trì và nhẫn nại*, tin tưởng ở dân tộc và ở bản thân mình, Hồ Chí Minh đều vượt qua gian nguy để đạt tới thắng lợi.

"Dĩ bất biến, ứng vạn biến", đó là phương châm mà Hồ Chí Minh đã nêu ra cho toàn Đảng và cho bản thân mình. Cái "bất biến" đó chính là mục tiêu *Độc lập - Tự do và Chủ nghĩa xã hội*, chính là học thuyết Mác - Lênin, chính là niềm tin vào sức mạnh vô tận của quần chúng nhân dân và con người.

Với cái "bất biến" nói trên, Đảng ta đã vạch ra đường đi cho đất nước: phát triển được kinh tế, ổn định được chính trị và xã hội, trong hoàn cảnh khủng hoảng tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước.

Đảng ta cũng kế thừa ở Hồ Chí Minh *một cái nhìn biện chứng và toàn diện* khi giải quyết mọi vấn đề đất nước: gắn liền chính trị với kinh tế, vật chất và tinh thần, truyền thống và hiện đại, dân tộc và thế giới. Đảng đã phát huy *tiềm năng vô tận của con người* trong giai đoạn mới.

Với di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh, qua 15 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, nhân dân ta đã nỗ lực và sáng tạo, đẩy nhanh được nhịp độ phát triển kinh tế. Quan hệ sản xuất đã được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang tiếp tục được xây dựng. Đời sống vật chất phần lớn của nhân dân được cải thiện. Chính trị được ổn định, quốc phòng an ninh được củng cố, trật tự an toàn xã hội được tăng cường, quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm. Người lao động được giải phóng khỏi ràng buộc của nhiều cơ chế không hợp lý, phát huy được tính năng động sáng tạo, chủ động hơn trong tìm việc làm, tăng thu nhập, tham gia các sinh hoạt chung của cộng đồng xã hội. Mục tiêu mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đề ra được toàn Đảng, toàn dân phấn đấu thực hiện. Đó là: "... nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hoá khá. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh, gia đình hạnh phúc"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 81.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 nêu mục tiêu phấn đấu về con người như sau: "*Nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân... Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao*"[1].

Với những nỗ lực nói trên, Đảng ta đã bước đầu thực hiện lòng mong mỏi suốt đời của Hồ Chí Minh là đem lại cho nhân dân đời sống ấm no, tự do và hạnh phúc. Theo Hồ Chí Minh, đó là mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng. Người đã từng dạy rằng: "Nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì" và rằng "Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? - Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động".

Trong quá trình đổi mới đất nước, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, trong đời sống xã hội cũng đã nảy sinh không ít những hiện tượng tiêu cực. Nền kinh tế thị trường đã phát huy tính tích cực của cá nhân, tinh thần sáng tạo của mọi người trong sản xuất và kinh doanh, vừa làm giàu cho đất nước, vừa cải thiện đời sống riêng tư. Song ở nhiều nơi, nhiều lúc đã nảy sinh những con người cá nhân ích kỷ chỉ biết chạy theo đồng tiền, chỉ chú

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 159.

trọng đời sống vật chất, chỉ tìm mọi cách để hưởng thụ những thú vui thấp kém, bất chấp dư luận xã hội, chà đạp lên đạo đức và hủy hoại nhân phẩm của mình.

Phải chăng những điều trên đây là hậu quả của nền kinh tế thị trường? Là sản phẩm tất yếu của sự phát triển kinh tế - xã hội? Không lẽ cứ kinh tế đi lên thì đạo đức xuống thấp? Những hiện tượng trên đây có sự tác động của hoàn cảnh khách quan, nhưng cũng có nguyên nhân từ thái độ chủ quan của con người, trong đó có việc lãng quên những lời răn dạy của Hồ Chí Minh về sự giáo dục và rèn luyện đối với con người.

Gần đây, Đảng ta nêu khẩu hiệu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", chính là khái quát và thực hiện lời răn dạy của Hồ Chí Minh về xây dựng xã hội mới và con người mới. *Dân giàu và nước mạnh* là mục tiêu phấn đấu của chúng ta ngày nay, nhưng mục tiêu đó vẫn chưa đủ. Dân giàu nước mạnh, nhưng con người còn phải phấn đấu cho *một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh* nữa.

2. Phấn đấu cho hạnh phúc của con người trong một xã hội công bằng

Công bằng xã hội là khát vọng của con người và tác động to lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội. Hồ Chí Minh đã từng nói: *Không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng*. Có ý kiến cho rằng, để đạt được tăng trưởng kinh tế thì phải tạm thời hy sinh công bằng xã hội. Ý kiến ấy xa lạ với tư tưởng Hồ Chí Minh, trái với bản chất chế độ xã hội phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với chế độ tư

bản thì có thể tăng trưởng kinh tế mà vẫn không có công bằng xã hội. Trái lại, ở chế độ xã hội của chúng ta, cần phải thực hiện công bằng xã hội tương ứng với mỗi bước phát triển kinh tế, sao cho hai lĩnh vực này hỗ trợ lẫn nhau và theo tư tưởng "tất cả vì con người".

Trong nền kinh tế nhiều thành phần, có thành phần kinh tế và bộ máy hành chính sự nghiệp của Nhà nước. Chế độ phân phối trong phạm vi này đương nhiên là phải theo nguyên tắc phân phối theo lao động. Các chế độ tiền lương, đãi ngộ, khen thưởng mà Nhà nước ta thực hiện đều hướng theo nguyên tắc ấy, dẫu rằng còn có những điều chưa hợp lý đang được phát hiện và uốn nắn.

Tuy nhiên, hiện nay có một hiện tượng nhức nhối lương tâm, không thể chấp nhận, đó là tình trạng chênh lệch quá đáng giữa một bên là những người lao động chân chính, những người có nhiều cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc với một bên là bọn tham nhũng, mọt dân hại nước, làm ăn phi pháp, làm giàu bất chính, ăn cắp của công, tước đoạt của nhân dân, ăn chơi sa đoạ. Tội ác của bọn chúng đang gây nên lòng căm phẫn, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, bôi đen các giá trị cao đẹp của chế độ xã hội của chúng ta. Đối với hạng sâu mọt, dòi bọ như bọn chúng, ngay từ ngày 3-10-1946, trong kỳ họp thứ hai của Quốc hội khoá đầu tiên, Hồ Chí Minh đã tuyên bố: *Về việc Chính phủ liêm khiết, thì chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ, từ Hồ Chí Minh cho đến những người làm việc ở các Uỷ ban làng đông lắm và phức tạp lắm. Dù sao, Chính phủ đã hết sức làm*

gương. Và nếu làm gương không xong, thì sẽ dùng pháp luật mà trị. Những kẻ ăn hối lộ đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết. Chống tham nhũng và các tệ nạn đi liền với "quốc nạn" này rõ ràng là vấn đề nóng bỏng, cấp bách trong việc thực hiện công bằng xã hội.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần, công bằng xã hội chấp nhận đảm bảo đồng thời cả lợi ích của người lao động lẫn lợi ích của các nhà đầu tư, chấp nhận bình đẳng của mọi thành phần kinh tế tuy vẫn khẳng định vị trí chủ đạo của kinh tế nhà nước. Nhiệm vụ của chính sách xã hội là thống nhất các nhân tố ấy trong mục tiêu phát triển kinh tế và hạn chế các mặt tiêu cực, cố hữu của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng xấu đến đời sống của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, cũng như ảnh hưởng xấu đến truyền thống và bản sắc văn hoá của dân tộc. Đây là một nhiệm vụ rất khó khăn, đòi hỏi cả khoa học lẫn nghệ thuật lãnh đạo và quản lý trong việc chế định và thực hiện các chính sách xã hội cụ thể trên bước đường phát triển của đất nước. Và, tất cả đều phải được thể chế hoá bằng pháp luật. Nhà nước ta đã ban bố và còn tiếp tục ban bố các điều luật và các chính sách xã hội theo tư tưởng chỉ đạo nói trên. Như vậy, công bằng xã hội được đảm bảo bằng pháp luật. Mọi công dân, mọi tầng lớp, mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng với nhau trước pháp luật, đều có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, đều được pháp luật bảo vệ. Như vậy là công bằng. Ai vi phạm pháp luật, không tuân thủ pháp luật thì bị pháp luật trừng phạt. Như vậy cũng là công bằng.

3. Đào tạo những con người của xã hội văn minh

Hồ Chí Minh mượn câu nói của Quản Trọng, chỉ ra tầm quan trọng của sự nghiệp giáo dục, rèn luyện, đào tạo con người: *Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*. Tư tưởng Hồ Chí Minh về "trồng người" luôn luôn mang tính chiến lược và được rút ra từ mệnh đề cơ bản "TẤT CẢ VÌ CON NGƯỜI, DO CON NGƯỜI". Sự nghiệp "trồng người" mà Hồ Chí Minh và Đảng dày công thực hiện đã là đảm bảo cơ bản nhất, quyết định nhất cho việc thực hiện thắng lợi mọi đường lối, chủ trương, chính sách, cũng như cho sự vững vàng, kiên định của Đảng và nhân dân, dân tộc ta trước mọi thử thách có ý nghĩa sống còn trên bình diện quốc gia cũng như trên bình diện quốc tế.

Để "trồng người", để xây dựng những con người vừa có cá tính vừa phát triển về mọi mặt cần phải áp dụng nhiều biện pháp. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục là biện pháp quan trọng bậc nhất. Để hiểu rõ tư tưởng này của Hồ Chí Minh, cần hiểu quan điểm của Người về mối quan hệ giữa "tính người" và giáo dục.

"Tính (hoặc "tính người") vốn là một phạm trù được Nho giáo quan tâm. Vấn đề "*tính người vốn thiện hay vốn ác*" đã được tranh luận suốt chiều dài lịch sử Nho giáo.

Hồ Chí Minh không thừa nhận rằng "tính" là do trời phú sẵn. Theo Người, "tính" *phần nhiều* do giáo dục tạo nên và gắn liền với hoạt động của con người:

"Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;

Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên"[1].

Không hề có một thứ "tính" do trời phú sẵn, cũng như không hề có một ông trời có nhân cách. "Tính" của con người thoạt tiên chỉ như một tấm lụa trắng, hết sức trong sạch. Sau đó, nó trở nên tốt hay xấu, phần nhiều là do giáo dục: "Óc những người tuổi trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ. Vì vậy sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên"[2].

Tổng kết kinh nghiệm lịch sử của nước ta và của các nước trên thế giới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã tiếp tục khẳng định rằng giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu. Nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VIII, họp từ ngày 16 đến ngày 24-12-1996 đã thảo luận và thông qua hai Nghị quyết có ý nghĩa rất quan trọng, trong đó có Nghị quyết *Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000*. Vấn đề là phải đưa Nghị quyết vào cuộc sống, được toàn dân thực hiện và nâng dân trí lên một tầm cao mới.

Hồ Chí Minh hết sức coi trọng việc nâng cao dân trí cho toàn thể dân tộc. Người đã biến khát vọng và chủ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 3, tr. 383.

2. *Sđd*, t. 5, tr. 102.

trương "khai dân trí" của thế hệ sĩ phu yêu nước hồi đầu thế kỷ thành hiện thực. Người đã hướng mọi hoạt động văn hoá, tư tưởng, giáo dục vào việc rèn luyện dân tộc ta thành dân tộc cách mạng và văn minh. Ngay trong thời chiến tranh, Người vẫn quan tâm xây dựng một mặt bằng văn minh để hoàn thiện con người tiên tiến và dân tộc anh hùng.

Là danh nhân văn hoá của dân tộc và của cả loài người, Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc mối quan hệ giữa văn hoá và phát triển, tầm quan trọng của việc đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, của việc đồng thời giữ gìn truyền thống và nâng cao con người, dân tộc lên ngang tầm thời đại.

Ngay sau những ngày đầu của Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã nêu lên khẩu hiệu *"chống giặc đói, chống giặc dốt"* là bước khởi đầu, cũng là nhiệm vụ thường xuyên của sự nghiệp mở mang dân trí. Không phải chỉ riêng quần chúng mới cần phải "chống dốt", cũng không phải "chống dốt" chỉ có nghĩa là chống nạn mù chữ. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nội hàm của các khái niệm "dốt" và "chống dốt" rộng lớn hơn việc xoá nạn mù chữ, dẫu rằng trước hết phải bắt đầu từ việc xoá nạn ấy cho dân tộc. Người nói: Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu[1]. Mục tiêu của Người là nâng dân tộc ta lên ngang tầm thời đại. Đây cũng là mục tiêu mà Đảng, Nhà nước ta và nhân dân ta phải ra sức thực hiện, trên cơ sở nhận thức sâu sắc về nền văn minh trí tuệ mà loài người đang bước vào.

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 8.

Trong việc đào tạo và sử dụng con người, Hồ Chí Minh coi trọng cả tài năng và đạo đức. Người trân trọng đón mời, sẵn sàng thể tất những mặt thứ yếu và trao thực chức thực quyền cho những người có tài năng, kể cả những người từng có lúc sa chân lỡ bước nhưng đã rời bỏ mê lầm. Người đã quy tụ được quanh mình những trí thức thuộc cỡ lớn nhất của dân tộc, trong đó có những bậc thầy đã vứt bỏ địa vị và cuộc sống cao sang ở nước ngoài, theo Người về nước, tham gia kháng chiến, kiến quốc. Người đòi hỏi ai nấy đều phải tinh thông nghiệp vụ của mình. Người từng chỉ ra rằng, có đức mà không có tài thì cũng chẳng khác gì ông Bụt gỗ ngồi trên toà sen, tuy không làm điều xấu nhưng cũng chẳng làm được việc gì có ích cho đời.

Rất mực coi trọng tài năng, Hồ Chí Minh cũng hết sức coi trọng đạo đức. Đạo đức là nền tảng cho tài năng phát huy: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[1].

Hai mặt đức và tài thống nhất với nhau, không tách rời nhau, tạo điều kiện cho nhau, giúp cho con người hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Trong hai mặt ấy "đức" giữ địa vị là nền tảng. Trong việc "trồng người", Hồ Chí Minh bắt đầu từ xây dựng nền tảng đạo đức; Người thường xuyên bồi đắp cái nền tảng ấy cho con người. Hồ Chí Minh yêu cầu tất cả mọi người không trừ một ai, không trừ một cấp nào đều phải thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng.

---

1. *Sđd*, t. 5, tr. 252-253.

Không có cuộc cách mạng nào có thể thắng lợi nếu nó không chuẩn bị, đào tạo được một lớp chiến sĩ tiên phong, mang trong mình lý tưởng và đường lối của cuộc sống cách mạng ấy, có đầy đủ cả đạo đức và tài năng, dẫn dắt quần chúng thay thế xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

4. Hồ Chí Minh và sự phát triển toàn diện của con người

Chủ nghĩa Mác thường xuyên lên án chế độ tư bản đã làm cho con người bị tha hoá sâu sắc và tạo ra những con người phát triển một chiều, những con người què quặt, những con người chỉ là công cụ cho lợi nhuận.

Chủ nghĩa Mác coi con người phải là *mục tiêu* cao nhất của con người. Con người không chỉ là động lực, mà luôn luôn phải là mục tiêu. Con người chỉ là động lực khi động lực ấy gắn liền với mục tiêu, góp phần thực hiện mục tiêu. Mục tiêu đó là : con người phải được sống tự do và hạnh phúc và được phát triển về mọi mặt để xứng đáng với con NGƯỜI theo chữ viết hoa.

Để phục vụ cho sự nghiệp giải phóng con người và phấn đấu cho một kiểu con người đẹp nhất, Hồ Chí Minh phê phán cách nhìn phiến diện về con người, phê phán việc đào tạo ra những con người phiến diện.

Về tiêu chuẩn cán bộ, Người phê phán cách nhìn nhận chỉ chú trọng đức mà coi nhẹ tài, hoặc chỉ chú trọng tài mà coi nhẹ đức. Về đào tạo con người, Người chú trọng phải phát triển đồng đều cả hai mặt: *nhận thức, tình cảm* và *ý chí,* phải có sự thống nhất giữa *Trí, Nhân, Dũng,* hay nói một cách khác là sự thống nhất giữa *khối óc, trái tim*

và *bàn tay*.

Trong vấn đề này, Hồ Chí Minh chính là mẫu mực của một con người phát triển toàn diện.

Về mặt nhận thức, Người thâu tóm ở bản thân mình tinh hoa trí tuệ của cả quá khứ và hiện tại, của dân tộc và thế giới, của cả phương Đông và phương Tây trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá.

Về mặt tình cảm, Người thống nhất trong chủ nghĩa nhân đạo của mình cả chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa quốc tế vô sản, lòng yêu thương đối với cả nhân loại và đối với mỗi con người.

Trong lĩnh vực hoạt động, Người là lãnh tụ lỗi lạc và chiến sĩ tài năng trên mọi lĩnh vực.

Với những phẩm chất toàn vẹn như trên, Hồ Chí Minh là mẫu mực của một con người phát triển toàn diện. Hồ Chí Minh bình tĩnh, ung dung giải quyết mọi vấn đề trong những lúc khẩn cấp nhất của đất nước. Người làm thơ giữa gông cùm của nhà ngục, làm thơ khi đuổi giặc. Người viết báo, viết văn với mọi tiêu thức. Người chan hoà với mọi tầng lớp nhân dân, gần gũi với bè bạn trên khắp thế giới, thân thiết với các bậc tu hành thuộc mọi tôn giáo. Không phải ngẫu nhiên mà UNESCO kỷ niệm Người vừa là anh hùng dân tộc vừa là danh nhân văn hoá thế giới, cũng không phải ngẫu nhiên một nhà thơ Nga đã coi Người là tiêu biểu cho nền văn hoá của tương lai.

Noi gương Người, chúng ta phấn đấu để xây dựng cho hôm nay và cho cả mai sau những con người toàn diện theo kiểu Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG XI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VĂN HOÁ VÀ NỀN VĂN HOÁ MỚI

1. Khái niệm "văn hoá" ở Hồ Chí Minh

Trong Mục đọc sách ở phần cuối tập *Nhật ký trong tù* (1942-1943), lần đầu tiên Hồ Chí Minh có nêu ra một định nghĩa về văn hoá:

"Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. *Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn*"[1].

---

1. *Sđd,* t. 3, tr. 431.

Người còn ghi thêm: "Năm điểm lớn xây dựng nền văn hoá dân tộc

1- Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội .

4- Xây dựng chính trị: dân quyền.

5- Xây dựng kinh tế"[1].

Như vậy, văn hoá đã được hiểu theo nghĩa rộng nhất. Đó là toàn bộ những giá trị vật chất và những giá trị tinh thần mà loài người sáng tạo ra nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn, đồng thời cũng là mục đích cuộc sống của loài người. Và muốn xây dựng nền văn hoá dân tộc thì phải xây dựng tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, tâm lý con người.

Nhưng đây là lần duy nhất Hồ Chí Minh định nghĩa văn hoá theo nghĩa rộng, (nhân đọc một cuốn sách trong hoàn cảnh bị giam cầm). Định nghĩa này đã không được Người nhắc lại về sau này.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, *văn hoá đã được Người xác định là đời sống tinh thần của xã hội, là thuộc về kiến trúc thượng tầng của xã hội*. Văn hoá được đặt ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội. Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý đến, *cũng phải coi là quan trọng ngang nhau*: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá. Nhưng *văn hoá là một kiến trúc thượng tầng*. Tinh thần

---

1. *Sđd*, tr. 431.

đó đã được thể hiện trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991): "Xây dựng nền văn hoá mới, tạo ra một *đời sống tinh thần* cao đẹp, phong phú và đa dạng"[1].

Theo Hồ Chí Minh, bốn vấn đề đó có quan hệ mật thiết với nhau, cùng tác động lẫn nhau:

- *Chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hoá mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hoá phát triển.*

Khi cả đất nước và dân tộc còn bị nô lệ thì văn hoá cũng cùng chung số phận nô lệ, tuyệt đại bộ phận nhân dân bị đầy đọa trong vòng tối tăm, dốt nát. Vì vậy có những nhà yêu nước chủ trương trước hết phải khai dân trí, phải nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, sau đó mới tính đến chuyện giành độc lập tự do cho đất nước và dân tộc. Đường lối cải lương đó đã hoàn toàn bị thất bại.

Khi chuẩn bị cuộc cách mạng vô sản ở nước Nga, vấn đề cũng đã được đặt ra tương tự như vậy. Có người cho rằng cần phải nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân Nga lên trước, rồi sau mới làm cách mạng chính trị. Lênin đã trả lời: Tại sao không làm cách mạng chính trị trước để sau đó có điều kiện thuận lợi nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân Nga? Quan điểm của Lênin đã được thực tiễn Cách mạng Tháng Mười Nga chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

Lãnh đạo nhân dân đi theo con đường cách mạng vô

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 14.

sản, Hồ Chí Minh đã vạch ra một đường lối mới: Phải tiến hành cách mạng chính trị trước mà cụ thể ở Việt Nam là tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, để giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, từ đó giải phóng văn hoá, mở đường cho văn hoá phát triển.

Về vấn đề này, Người đã viết:

"... Xưa kia chính trị bị đàn áp, nền văn hoá của ta vì thế không nảy sinh được".

"Xã hội thế nào, văn hoá thế ấy. Văn nghệ của dân tộc ta vốn rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tồi tàn, không thể phát triển được".

- *Xây dựng kinh tế để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hoá.*

Cùng với việc xác định bốn vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá đều phải coi trọng ngang nhau, Hồ Chí Minh vẫn chỉ rõ kinh tế là thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hoá, xây dựng kiến trúc thượng tầng. Từ đó Người nêu ra luận điểm phải xây dựng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng để có điều kiện xây dựng và phát triển văn hoá.

"... *Văn hoá là một kiến trúc thượng tầng*; nhưng cơ sở hạ tầng của xã hội *có kiến thiết rồi*, văn hoá *mới kiến thiết được* và có đủ điều kiện phát triển được".

"Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hoá. Vì sao không nói phát triển văn hoá và kinh tế? Tục ngữ ta có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước... Phát triển kinh tế và văn hoá để

nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân ta"[1].

- *Văn hoá không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị. Văn hoá phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.*

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Văn hoá, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị"[2]. Quan điểm này của Người đã định hướng cho mọi hoạt động văn hoá, động viên giới văn hoá văn nghệ đi vào kháng chiến, thực hiện khẩu hiệu "*văn hoá hóa kháng chiến, kháng chiến hoá văn hoá*", tạo nên một phong trào văn hoá kháng chiến sôi động chưa từng thấy trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Văn hoá không đứng ngoài mà ở trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Và cuộc kháng chiến đã trở thành cuộc kháng chiến không thể thiếu văn hoá. Quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh cũng định hướng cho việc xây dựng và phát triển nền văn hoá mới của nước ta trong suốt 20 năm chống Mỹ cứu nước, cũng như trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Văn hoá không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị, điều này có nghĩa là văn hoá phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế, tác động tích cực trở lại đối với kinh tế và chính trị, như một động lực hết sức quan trọng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 10, tr. 59.

2. *Sđd*, t. 6, tr. 368-369.

Người đã chỉ rõ: "Trình độ văn hoá của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ... cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"[1].

Cũng phải thấy rằng văn hoá đứng ở trong chính trị và kinh tế cũng có nghĩa là chính trị và kinh tế phải *có tính văn hoá,* điều mà chủ nghĩa xã hội cũng như thời đại đang đòi hỏi. Văn hoá sẽ càng phát triển mạnh mẽ cùng với sự phát triển của kinh tế và chính trị. Trong thời kỳ hiện nay, Đảng ta xác định văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước cũng là theo tinh thần đó.

2. Tính chất của nền văn hoá mới

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, việc xây dựng một nền văn hoá mới đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đặt ra như một trong những nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Ngay sáng 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra một loạt vấn đề về văn hoá, như giải quyết nạn dốt, giáo dục nhân dân tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, cấm hút thuốc phiện, tự do tín ngưỡng... Cùng ngày, Người đã ra thông báo về việc tiếp đại biểu các đoàn thể, các tầng lớp nhân dân, nêu ra một phong cách làm việc mới, một thứ văn hoá chính trị mới của người đứng đầu Nhà nước, hoàn toàn khác với chế độ thực dân phong kiến trước kia.

Cũng trong những ngày đầu tháng 9-1945, Chủ tịch

---

1. *Sđd*, t. 8, tr. 281-282.

Hồ Chí Minh đã cho thành lập Uỷ ban văn hoá lâm thời Bắc bộ. Trong buổi tiếp đại biểu của Ủy ban này ngày 7-9-1945, Người nói:

Tôi mong rằng các ngài trong giới văn hoá nhận thấy rõ nhiệm vụ của các ngài trong lúc này là củng cố nền độc lập của Việt Nam, sửa soạn gây dựng cho đất nước *một nền văn hoá mới*. Bổn phận của các ngài là lãnh đạo tư tưởng quốc dân, đấu tranh cho độc lập và kiến thiết *một nền văn hoá mới*.

Nền văn hoá trong thời kỳ đó là nền văn hoá dân chủ mới, đồng thời là nền văn hoá kháng chiến. Đến thời kỳ miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì nền văn hoá được xây dựng là nền văn hoá xã hội chủ nghĩa.

Về *tính chất của nền văn hoá* cũng đã được điều chỉnh nhiều lần. Nền văn hoá trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã được Đảng ta và Hồ Chí Minh xác định có ba tính chất: *dân tộc, khoa học, đại chúng*. Điều này đã được nêu ra khá sớm trong *Đề cương văn hoá năm 1943* của Đảng.

Khi đặt vấn đề phải xây dựng nền văn hoá mới của một nước Việt Nam độc lập, Hồ Chí Minh đã nói rõ: Cái văn hoá mới này cần phải có *tính khoa học, tính đại chúng*, thì mới thuận với trào lưu tiến hoá của tư tưởng hiện đại; Nay nước ta đã có được độc lập, tinh thần được giải phóng, cần phải có một nền văn hoá hợp với khoa học và hợp với cả nguyện vọng của nhân dân[1]. Đến Đại hội đại

---

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 3, tr. 16.

biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, năm 1951, Hồ Chí Minh khẳng định phải "xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng"[1].

Tính chất dân tộc của nền văn hoá còn được Hồ Chí Minh biểu đạt bằng những khái niệm khác như *đặc tính dân tộc*, *cốt cách dân tộc*, để nhấn mạnh hơn nữa đến cái tinh tuý bên trong rất đặc trưng của văn hoá dân tộc.

Khi miền Bắc bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "... để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hoá phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức"[2]; Con đường đúng đắn duy nhất là xây dựng một nền văn hoá nghệ thuật *xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức* [3].

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, vấn đề này đã được điều chỉnh lại: nền văn hoá mới là nền văn hoá *có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc*. Đây là quan điểm của Hồ Chí Minh và của Đảng ta từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (tháng 9-1960) đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6-1991). Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII trở đi, tính chất của nền văn hoá được xác định là một nền văn hoá *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 6, tr. 173.

2. *Sđd*, t. 10, tr. 60.

3. Xem: Hồ Chí Minh: *Văn hoá, văn nghệ cũng là một mặt trận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1981, tr. 516.

Đến năm 1992, trong bản Hiến pháp mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tính chất của nền văn hoá lại được xác định là *dân tộc, hiện đại, nhân văn.*

Dù có những thay đổi, điều chỉnh trong cách diễn đạt thì tính chất tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của nền văn hoá mà chúng ta đang xây dựng vẫn bao hàm trong đó tính dân tộc, tính khoa học, tính hiện đại, tính nhân văn, tính đại chúng.

Đây chính là sự nối tiếp tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về tính chất của nền văn hoá được đề ra trong các thời kỳ trước, đã được cô đúc lại một cách ngắn gọn. Vấn đề chính là hiểu cho đúng nội hàm của những khái niệm đó để thúc đẩy công cuộc xây dựng nền văn hoá mới Việt Nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Hai tính chất *tiên tiến* và *đậm đà bản sắc dân tộc* có quan hệ chặt chẽ với nhau. *Tiên tiến* là khoa học, hiện đại, là xã hội chủ nghĩa, là biết tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. *Đậm đà bản sắc dân tộc* là biết kế thừa, phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, phát triển những truyền thống tốt đẹp ấy cho phù hợp với những điều kiện lịch sử mới của đất nước. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, xây dựng nền văn hoá với hai tính chất tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc sẽ làm cho văn hoá Việt Nam trở thành một nền văn hoá ngang tầm thời đại, phục vụ tích cực cho việc thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đồng thời đóng góp làm phong phú thêm kho tàng văn hoá của nhân loại. Đó cũng chính là thực hiện quan điểm của Hồ Chí Minh về sự phát triển biện chứng của văn

hoá, cũng như quan điểm "có vay, có trả" trong văn hoá.

3. Chức năng của văn hoá

Từ di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, chức năng của văn hoá mới có thể quy tụ vào ba chức năng chủ yếu sau đây:

Một là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp.

Tư tưởng và tình cảm là vấn đề chủ yếu nhất của đời sống tinh thần của con người. Tư tưởng có thể đúng đắn hoặc sai lầm, tình cảm có thể thấp hèn hoặc cao đẹp. Theo Hồ Chí Minh, văn hoá có chức năng là phải bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho nhân dân, loại bỏ những sai lầm và thấp hèn có thể có trong tư tưởng, tình cảm mỗi người. Chức năng cao quý ấy phải được tiến hành thường xuyên, vì tư tưởng, tình cảm của con người luôn chuyển biến theo hoạt động thực tiễn xã hội. Việc bồi dưỡng ấy lại phải đặc biệt quan tâm đến những tư tưởng và tình cảm lớn có ý nghĩa chi phối đời sống tinh thần của mỗi người và của cả dân tộc.

Trong Diễn văn khai mạc Hội nghị văn hoá toàn quốc ngày 24-11-1946, Hồ Chí Minh nêu rõ:

Văn hoá phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập tự do. Đồng thời văn hoá phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng.

Hai mươi năm sau, trong lời kêu gọi nhân dân chống Mỹ cứu nước, Người đã nhắc lại lý tưởng độc lập tự do bằng một mệnh đề mới: *Không có gì quý hơn độc lập tự do*!. Tuy nhiên, lý tưởng mà Người xác định cho Đảng và

nhân dân ta là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc phải đi tới chủ nghĩa xã hội để làm cho độc lập dân tộc được vững bền, để sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người được thực hiện trọn vẹn.

Lý tưởng là điểm hội tụ của những tư tưởng lớn của cả một Đảng, của cả một dân tộc. Mọi hành động anh hùng cũng như mọi sự nghiệp lớn chỉ có thể bắt nguồn từ một mục tiêu lớn, một lý tưởng lớn. Khi đã phai nhạt lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì bất cứ người nào cũng sẽ trở nên nhỏ bé, tầm thường và sẽ không còn ý nghĩa trong sự vận động của lịch sử, dù đó là người đã được coi là lỗi lạc, đã từng được yêu mến quý trọng một thời. Lịch sử đã để lại không ít những dẫn chứng về điều đó.

Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã thường xuyên quan tâm đến việc bồi dưỡng lý tưởng và những tư tưởng lớn cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, và cũng đặt chức năng cao quý đó vào văn hoá.

Hồ Chí Minh còn nói: Phải làm thế nào cho *văn hoá đi sâu vào tâm lý quốc dân* để xây dựng những tình cảm lớn như lòng yêu nước, tình yêu thương con người; yêu cái chân, cái thiện, cái mỹ; yêu tính trung thực, chân thành, thuỷ chung, ghét những thói hư tật xấu, những sa đọa biến chất, căm thù mọi thứ "giặc nội xâm...". Hơn nữa chính những tư tưởng đúng đắn lại được tiếp nhận không phải chỉ bằng lý trí mà còn bằng tình cảm, từ đó lại trở thành tình cảm lớn, tạo nên sự bền vững bên trong mỗi người. Mà điều này văn hoá lại có nhiều khả năng nhất.

Hai là, nâng cao dân trí.

Nói đến văn hoá là phải nói đến dân trí. Đó là trình độ hiểu biết, trình độ kiến thức của người dân, của mỗi công dân. Trình độ đó phải từ chỗ biết chữ đến chỗ hiểu biết các lĩnh vực khác cần thiết cho hoạt động của mỗi người, nhằm phục vụ cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, điều mà Đảng ta xác định hiện nay là mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Những hiểu biết đó bao gồm nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá (theo nghĩa vẫn thường dùng là trình độ học vấn), nghiệp vụ chuyên môn, khoa học - kỹ thuật, lịch sử, thực tiễn Việt Nam và thế giới, v.v..

Khi đất nước đã được độc lập, Hồ Chí Minh nói: "Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí...

Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu,

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình... phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ"[1].

Khi miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Người nói:

"Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống tươi vui hạnh phúc"[2].

Vấn đề nâng cao dân trí trước kia đã được nhiều nhà

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 36.

2. *Sđd*, t. 8, tr. 494.

yêu nước đặt ra. Phan Chu Trinh là người tiêu biểu nhất đã đề ra chủ trương "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" ngay dưới chế độ thực dân phong kiến, nhưng đã không thể thực hiện được. Dòng văn hoá cách mạng xuất hiện trong những thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám chỉ làm chuyển biến dân trí được phần nào. Vấn đề nâng cao dân trí thực sự chỉ có thể thực hiện khi chính quyền đã về tay nhân dân, khi chính trị đã được giải phóng. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thế giới hiện đại càng đòi hỏi nâng cao dân trí hơn nữa và không bao giờ có điểm tận cùng. Đó chính là chức năng chủ yếu của văn hoá.

Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh, luôn hướng con người vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ để không ngừng hoàn thiện bản thân mình.

Muốn tham gia vào việc tạo ra những giá trị văn hoá, đồng thời biết hưởng thụ một cách đúng đắn những giá trị văn hoá của xã hội, mỗi người không những cần phải có những tư tưởng và tình cảm lớn, những hiểu biết ngày càng được nâng cao, mà còn phải có những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh trong cuộc sống. Phải biến những tư tưởng, tình cảm lớn thành phẩm chất và phong cách con người mới sử dụng được kiến thức để tham gia vào việc tạo ra những giá trị văn hoá cho xã hội và biết hưởng thụ một cách đúng đắn những giá trị văn hoá của xã hội .

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, Hồ Chí Minh đã đề ra những phẩm chất và phong cách cần thiết để mỗi người tu dưỡng, rèn luyện. Trước hết là đối với cán bộ,

đảng viên. Đó là những phẩm chất đạo đức - chính trị, những phong cách trong lao động, sinh hoạt và trong mọi quan hệ xã hội. Từ *Đường Kách mệnh*, *Sửa đổi lối làm việc*, *Đời sống mới* đến hàng loạt bài nói, bài viết về sau này của Người đã chứa đựng những chỉ dẫn rất phong phú về vấn đề này.

Phẩm chất và phong cách được hình thành trong đạo đức, lối sống của con người và xã hội, trong thói quen của cá nhân và trong phong tục tập quán của cả cộng đồng dân tộc. Văn hoá giúp cho con người phân biệt cái tốt đẹp, lành mạnh với cái xấu xa hư hỏng, cái tiến bộ thúc đẩy sự phát triển xã hội với cái lạc hậu cản trở con người và dân tộc tiến lên phía trước. Từ đó con người phấn đấu để làm cho cái tốt đẹp, lành mạnh ngày càng tăng, cái tiến bộ ngày càng nhiều; mặt khác, làm cho cái lạc hậu lỗi thời ngày càng bớt, cái xấu xa hư hỏng ngày càng bị loại bỏ khỏi đời sống con người và xã hội. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Phải làm thế nào cho văn hoá *vào sâu trong tâm lý quốc dân*, nghĩa là *văn hoá phải sửa đổi được* những tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Người đã nêu ra một luận điểm khái quát: *Văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi*.

Với đặc trưng không giống với chính trị và kinh tế, văn hoá hướng con người vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ, từ cái hiện có vươn tới cái lý tưởng, từ cái chưa hoàn thiện vươn tới cái hoàn thiện luôn luôn ở phía trước, đặc biệt là việc hoàn thiện bản thân mỗi người.

Xây dựng nền văn hoá mới là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân. Hồ Chí Minh

coi đội ngũ những nhà văn hoá, những người làm công tác văn hoá, những văn nghệ sĩ là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp to lớn này. Đối với đội ngũ này, Người đã nói những câu bất hủ:

"Văn hoá nghệ thuật cũng là *một mặt trận*.

Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy"[1]; "Văn hoá giáo dục là một mặt trận quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà"[2].

Quan điểm của Hồ Chí Minh coi văn hoá là một mặt trận là quan điểm rất độc đáo, đòi hỏi các chiến sĩ chiến đấu trên mặt trận này vừa phải bền bỉ, kiên cường, dũng cảm, vừa phải biết sử dụng vũ khí của mình một cách sắc bén và có hiệu quả trong kháng chiến chống ngoại xâm trước kia cũng như trong "cuộc chiến đấu khổng lồ" phục hưng và phát triển đất nước hiện nay.

Ba chức năng trên đây được thực hiện trên các lĩnh vực khác nhau của mặt trận văn hoá. Tư tưởng Hồ Chí Minh về các lĩnh vực chính của văn hoá sẽ được trình bày trong phần tiếp theo.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁC LĨNH VỰC CHÍNH CỦA VĂN HOÁ

Văn hoá bao gồm nhiều lĩnh vực. Ở đây tập trung làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về ba lĩnh vực chính: Văn hoá giáo dục, văn hoá nghệ thuật, văn hoá và đời sống mới.

---

1. *Sđd*, t. 6, tr. 368.
2. *Sđd*, t. 10, tr. 190.

1. Văn hoá giáo dục

- Khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã bỏ nhiều công sức phân tích sâu sắc nền giáo dục phong kiến cũng như nền giáo dục thực dân, từ đó chuẩn bị cho những suy tư về việc xây dựng nền giáo dục của nước Việt Nam độc lập sau này.

Nền giáo dục phong kiến là nền giáo dục từ chương, kinh viện xa rời thực tế, không quan tâm đến thực nghiệm, coi kinh sách của thánh hiền là đỉnh cao của tri thức. Mẫu người của nền giáo dục phong kiến hướng tới là kẻ sĩ, là người quân tử, là bậc trượng phu, hoàn toàn khác với kẻ bình dân. Phụ nữ bị tước quyền học vấn.

Còn nền giáo dục thực dân là nền giáo dục *ngu dân*, không phải để mở mang trí tuệ và phát triển tư tưởng cho dân, trái lại chỉ làm cho họ "đần độn thêm". Đó là *một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát*. Nó "chỉ dạy cho họ một lòng "trung thực" giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải là Tổ quốc của mình"[1], chỉ giáo dục cho họ thái độ thờ ơ đối với xã hội, xa rời đời sống lao động và đấu tranh của nhân dân, học để lấy bằng cấp, dạy theo lối "nhồi sọ". Mục đích của nền giáo dục đó là đào tạo những người phục vụ cho chính quyền thực dân - tùy phái, thông ngôn, viên chức nhỏ...

Hồ Chí Minh đã tố cáo nền giáo dục thực dân trước thế giới, làm cho thế giới hiểu rõ thực chất của nền giáo dục

---

1. *Sđd*, t. 1, tr. 399.

"ngu dân", "nhồi sọ" của chủ nghĩa thực dân, đồng thời thức tỉnh nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa vùng dậy đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

- Nền giáo dục mới của nước Việt Nam độc lập sau này đã được Hồ Chí Minh chuẩn bị từ những lớp bồi dưỡng cán bộ cách mạng của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên những năm 1925 - 1927.

Sau khi chính quyền đã về tay nhân dân, việc xây dựng một nền giáo dục mới đã chính thức được đặt ra như là một trong những nhiệm vụ chiến lược cơ bản lâu dài, đồng thời cũng là một nhiệm vụ cấp bách phải tiến hành ngay, không thể để chậm trễ: "Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập"[1].

- Để xây dựng nền văn hoá giáo dục của nước Việt Nam độc lập, Hồ Chí Minh đã nêu ra nhiều quan điểm rất quan trọng. Những quan điểm ấy được Người nêu ra cùng với thực tiễn phát triển nền giáo dục của nước ta, định hướng cho văn hoá giáo dục phát triển đúng đắn và giành được những thành tựu to lớn. Nền văn hoá giáo dục mới ra đời trong cách mạng và phát triển trong hai cuộc kháng chiến lâu dài, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta thực sự là niềm tự hào của nhân dân ta.

Những quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hoá giáo dục tập trung ở những điểm sau đây:

---

1. *Sđd*, t. 4, tr. 8.

a) *Mục tiêu của văn hoá giáo dục* là thực hiện cả ba chức năng của văn hoá bằng giáo dục, có nghĩa là bằng dạy và học.

Dạy và học để mở mang dân trí, nâng cao kiến thức, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp, những phẩm chất trong sáng và phong cách lành mạnh cho nhân dân.

Đó là đào tạo những con người mới vừa có đức, vừa có tài, những công dân biết làm chủ để đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Học không phải để chạy theo bằng cấp, mà phải có *thực học*. *Học để làm việc, làm người, làm cán bộ*. Người đặt việc học để làm cán bộ sau việc học để làm việc và làm người là hàm chứa ý nghĩa hoàn toàn khác với việc học để làm quan của xã hội cũ. Trong những mục tiêu đó, học làm người là khó nhất.

Đó là "cải tạo trí thức cũ", "đào tạo trí thức mới", thực hiện "công nông trí thức hoá", "trí thức công nông hoá", xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng đông đảo và có trình độ ngày càng cao. Trong đấu tranh giành độc lập tự do, trí thức đã có vai trò quan trọng; trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, vai trò của trí thức lại càng quan trọng hơn.

Nền văn hoá giáo dục còn phải đào tạo những lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng, xây dựng đất nước giàu mạnh và văn minh để "theo kịp các nước khác trên hoàn cầu", "sánh vai cùng các cường quốc năm châu". Tinh thần ấy cũng được cô đọng trong câu nói: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người"[1].

---

1. *Sđd*, t. 9, tr. 222.

Mở mang dân trí phải bắt đầu từ việc *xoá nạn mù chữ, chống giặc dốt*, nâng cao dần trình độ, *kết hợp phổ cập với nâng cao*; biến nước ta thành *một nước văn hoá cao*. Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, phong trào xoá nạn mù chữ, chống giặc dốt, bình dân học vụ, bổ túc văn hoá, đào tạo trí thức mới đã đem lại những thành tựu hết sức rực rỡ cho nền giáo dục mới trong suốt thời kỳ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc vô cùng oanh liệt của nhân dân ta.

b) Phải tiến hành *cải cách giáo dục* để xây dựng một hệ thống trường lớp với chương trình, nội dung dạy và học thật khoa học, thật hợp lý, phù hợp với những bước phát triển của ta.

Nội dung giáo dục phải bao gồm cả văn hoá, chính trị, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghề nghiệp, lao động. Người nói với thanh niên: Các cháu phải cố gắng học tập kỹ thuật, văn hoá, chính trị... Nếu không học văn hoá, không có trình độ văn hoá thì không học tập được kỹ thuật, không học tập được kỹ thuật thì không theo kịp được nhu cầu về kinh tế nước nhà; nhưng phải chú ý học chính trị, vì nếu chỉ học văn hoá, kỹ thuật mà không có chính trị thì như người nhắm mắt mà đi.

Học chính trị là học chủ nghĩa Mác- Lênin và đường lối quan điểm của Đảng để hiểu rõ nhiệm vụ cách mạng, đồng thời xây dựng cho bản thân mình một phương pháp nhận thức đúng đắn trước những diễn biến phức tạp của cuộc sống, để từ đó vững tin vào lý tưởng cách mạng, tránh được mọi sai lầm vấp ngã. Để đạt kết quả, Hồ Chí Minh yêu cầu phải học một cách sáng tạo, chứ không phải học một cách giáo điều, học một cách cẩn thận chứ không phải qua loa

đại khái. Học chủ nghĩa Mác- Lênin, như Người nói, không phải để "thuộc sách lầu lầu", để biết "cụ Mác nói thế này cụ Lênin nói thế kia", mà là "học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta" [1].

Lại rất cần phải học tập khoa học, kỹ thuật, bởi chúng ta đang sống trong một thời đại mà cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang tiến như vũ bão, loài người đang vận dụng những thành tựu kỳ diệu của khoa học, kỹ thuật, công nghệ để đẩy mạnh sản xuất và cải tạo nhanh chóng bộ mặt của thế giới. Theo Hồ Chí Minh, trên nền tảng giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng tốt, phải *nâng cao chất lượng văn hoá và chuyên môn*, nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật".

Phải *luôn luôn gắn nội dung giáo dục với thực tiễn Việt Nam, học đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế, học tập phải kết hợp với lao động*. Có như vậy văn hoá giáo dục mới có *tính hướng đích đúng đắn, rõ ràng, thiết thực*.

Trong quá trình xây dựng nền văn hoá giáo dục mới, Hồ Chí Minh yêu cầu phải tẩy sạch tàn dư của giáo dục nô dịch. Nhà trường không phải là nơi nhồi nhét quá thừa những kiến thức vô bổ, nhưng lại quá thiếu những kiến

---

1. *Sđd*, tr. 292.

thức cần thiết cho việc xây dựng kinh tế, quản lý xã hội và hình thành con người Việt Nam mới.

Muốn đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục *phải phối hợp cả ba khâu gia đình, nhà trường, xã hội*. Sự yếu kém, lơi lỏng ở bất cứ khâu nào cũng đều hạn chế kết quả của giáo dục, hơn nữa còn có thể đưa lại những hậu quả không thể lường trước đối với các lứa tuổi đang cần được giáo dục và đào tạo để chuẩn bị bước vào đời.

c) *Học ở mọi nơi, mọi lúc; học mọi người; học suốt đời; coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại*

Đối với mỗi người, học ở trường lớp chỉ là một phần, còn phần chủ yếu là phải học trong lao động, trong công tác, trong hoạt động thực tiễn. "Không phải chỉ ở tại nhà trường, có lên lớp, mới học tập, tu dưỡng, rèn luyện và tự cải tạo được. Trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo"[1]. Cũng không phải chỉ là những người thầy ở trong các trường lớp, mà còn tìm thấy người thầy ở những người xung quanh - bạn bè, đồng chí, đồng nghiệp và đặc biệt là nhân dân. Nếu bản thân mình là người thầy thì lại càng phải học nhiều hơn, như quan điểm mà Mác đã nêu ra từ lâu: người đi giáo dục cũng phải được giáo dục. Còn Hồ Chí Minh lại chỉ rõ: Người huấn luyện phải học thêm mãi thì mới làm được công việc huấn luyện của mình. Lênin khuyên chúng ta: "Học, học nữa, học mãi". Mỗi người đều phải ghi nhớ và thực hành điều đó, những người huấn luyện lại càng phải ghi nhớ hơn ai hết. Người huấn luyện nào tự cho mình là đã biết

---

1. *Sđd*, tr. 284.

đủ rồi thì người đó dốt nhất.

Hồ Chí Minh cũng thường nhắc lại câu nói của Khổng Tử: "Học không biết chán, dạy không biết mỏi" để khuyên mọi người. Quan điểm của Người là *học không bao giờ đủ, còn sống còn phải học*.

Vấn đề kết hợp học với tự học, đào tạo với tự đào tạo và đào tạo lại đã được Hồ Chí Minh đặt ra từ rất sớm. Đây chính là quan điểm rất hiện đại trong lĩnh vực văn hoá giáo dục.

Học tập là một quá trình lao động gian khổ. Phải rèn luyện những đức tính, những tập quán tốt trong học tập, và điều đó đòi hỏi vượt qua không ít khó khăn. Trước hết phải có tinh thần say mê học tập, phải có quyết tâm, phải có nghị lực để học tập không ngừng, hơn nữa còn phải có phương pháp đúng để học tập có kết quả.

d) *Phải không ngừng nâng cao đảng trí*

Nếu nâng cao *dân trí* là mục tiêu của giáo dục đối với các tầng lớp nhân dân, thì nâng cao *đảng trí* phải là mục tiêu của giáo dục đối với cán bộ, đảng viên. Giáo dục cán bộ, đảng viên là vấn đề đã được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm trong suốt cuộc đời của Người.

Đối với cán bộ, đảng viên, Người đòi hỏi "phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác- Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ

nghĩa thích hợp với tình hình nước ta"[1]. Không hiểu quy luật, làm sai quy luật mà vẫn tưởng là đúng, đó là bài học đã phải trả giá ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có nước ta. Chính vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã rút ra nhiều bài học lớn, trong đó có bài học phải xuất phát từ thực tiễn, làm theo đúng quy luật, không phải chỉ là những quy luật phổ biến chung của chủ nghĩa xã hội, mà còn là những quy luật của cách mạng Việt Nam, như Hồ Chí Minh đã nêu ra trong buổi khai giảng khoá học đầu tiên của trường Đảng cao cấp năm 1957.

Cán bộ, đảng viên phải học tập văn hoá, khoa học, kỹ thuật, kinh tế, quản lý: "Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội... đòi hỏi Đảng ta phải nắm vững khoa học và kỹ thuật, do đó mỗi đảng viên đều phải cố gắng *học tập văn hoá, học tập khoa học và kỹ thuật*"[2]; "Cán bộ chính trị phải chú trọng học tập kinh tế, kỹ thuật để lãnh đạo sản xuất được tốt. Cán bộ chính trị phải biết kỹ thuật, không biết, chỉ chính trị suông, không lãnh đạo được"[3]. Đối với cán bộ, "ai lãnh đạo ngành hoạt động nào thì phải biết chuyên môn ngành ấy". Có như vậy mới không rơi vào tình trạng lãnh đạo chung chung, quyết định những vấn đề mà mình không hiểu biết. Những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa quan trọng để cán bộ, đảng viên nâng cao tầm trí tuệ trong điều kiện đất nước đi vào kinh

---

1. *Sđd,* t. 8, tr. 494.
2. *Sđd,* t. 10, tr. 21.
3. *Sđd,* t. 12, tr. 22.

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nhân loại đang bước vào nền văn minh tin học với những biến đổi không thể lường trước được.

Những quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hoá giáo dục là một hệ thống quan điểm rất phong phú và hoàn chỉnh. Nếu những quan điểm ấy đã được thực hiện, từ đó đem lại những thành tựu và niềm tự hào to lớn cho nền giáo dục mới Việt Nam trong mấy thập niên cách mạng và kháng chiến, thì sự suy thoái của nền giáo dục nước ta hiện nay đòi hỏi chúng ta lại phải nghiên cứu để quán triệt hơn nữa những quan điểm ấy, nhằm đưa cuộc cải cách giáo dục tiếp tục tiến lên phía trước.

2. Văn hoá văn nghệ

Văn nghệ là biểu hiện tập trung nhất của nền văn hoá, là đỉnh cao của đời sống tinh thần, là hình ảnh của tâm hồn dân tộc. Trong chiều dài lịch sử, dân tộc Việt Nam là một dân tộc rất quý trọng văn nghệ. Văn nghệ đã trở thành nhu cầu không thể thiếu của nhân dân ta.

Tiếp nối truyền thống của dân tộc, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng văn nghệ. Từ một người đi tìm đường trở thành người dẫn đường cho cả dân tộc đi đến độc lập tự do, Người đã khai sinh ra một nền văn nghệ cách mạng, và bản thân Người lại là chiến sĩ tiên phong trong sáng tạo văn nghệ, trên rất nhiều bình diện - truyện ký, kịch, thơ ca, chính luận, lý luận văn nghệ. Những cống hiến to lớn của Người về văn nghệ là một bộ phận rất đặc sắc trong toàn bộ sự nghiệp của Người đã để lại cho Đảng, cho dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn nghệ bao gồm nhiều

quan điểm lớn. Dưới đây sẽ trình bày những quan điểm chủ yếu nhất.

a) Văn nghệ là mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng xã hội mới, con người mới.

Tư tưởng này đã được thể hiện từ những năm 20 của thế kỷ XX, khi Hồ Chí Minh còn đang bôn ba ở nước ngoài tìm đường cứu nước.

Từ bài viết đầu tiên *Yêu sách của nhân dân An Nam* đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp ngày 18-6-1919, đến hàng loạt bài báo và tác phẩm khác như *Đông Dương*, *Con rồng tre*, *Con người biết mùi hun khói*, *Hành hình kiểu Lin-sơ*, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường Kách mệnh*, v.v., ngòi bút xung trận của Nguyễn Ái Quốc đã không mệt mỏi vạch trần bộ mặt tàn ác, âm mưu thâm độc của bọn thực dân đế quốc, tố cáo tội ác của chúng trước thế giới, đồng thời thức tỉnh nhân dân Đông Dương và các dân tộc thuộc địa đứng lên tự giải phóng.

Người tố cáo sự đầu độc văn hoá, đàn áp nền văn hoá dân tộc: Mọi người đều biết rằng, để đặt ách thống trị của chúng, bọn cá mập thực dân đã phá hoại tất cả các phong tục tập quán và nền văn minh của dân tộc bị xâm chiếm... Muốn biến một dân tộc thành nô lệ thì phải làm cho dân tộc đó càng ít văn hoá chừng nào tốt chừng ấy, phải ban cho dân tộc đó "một nền giáo dục theo chiều nằm chứ không phải theo chiều đứng" như viên toàn quyền Merlin đã từng nói.

Người dùng văn hoá đả kích cái gọi là "công lý" mà bọn thực dân đem thi hành ở các nước thuộc địa: "Công lý

được tượng trưng bằng một người đàn bà dịu hiền, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tẩu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên người đàn bà tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội"[1].

Người dùng văn hoá cổ vũ tinh thần đấu tranh, nổi dậy của nhân dân bị áp bức: "Không: *người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi*. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến.

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"[2].

Chính những người cộng sản Pháp đã thừa nhận Nguyễn Ái Quốc là người thầy đã giúp họ hiểu thế nào là chủ nghĩa thực dân. Người đã trở thành một trong những

---

1. *Sđd,* t. 2, tr. 91.
2. *Sđd,* t. 1, tr. 28.

chiến sĩ tiên phong chống chủ nghĩa thực dân đế quốc ở đầu thế kỷ XX. Những chính luận, những tác phẩm văn nghệ của Người đã thực sự là vũ khí sắc bén đánh thẳng vào những tên đầu sỏ của chủ nghĩa thực dân Pháp như bộ trưởng thuộc địa, toàn quyền và toàn bộ những tên thực dân xấu xa, những tên quan cai trị tàn ác, những tên vua quan phong kiến cam chịu làm tôi tớ cho bọn ngoại xâm, và đã thổi một luồng gió cách mạng về quê hương mình cũng như đến các nước thuộc địa khác.

Từ đầu những năm 40 của thế kỷ XX, sau khi trở về nước cùng với Đảng trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam cho đến cuối đời, những tác phẩm văn nghệ của Hồ Chí Minh đã có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục, cổ vũ, động viên nhân dân cả nước trong khởi nghĩa giành chính quyền, trong kháng chiến chống ngoại xâm, trong xây dựng nền văn nghệ mới, xã hội mới, con người mới. *Ba mươi bài ca Việt Minh*, *Lịch sử nước ta* gồm 210 câu thơ lục bát, những bài thơ làm ở Pắc Bó đăng trên báo *Việt Nam độc lập*, *Nhật ký trong tù*, *Sửa đổi lối làm việc*, *Đời sống mới*, *Cách viết*, *Vừa đi đường, vừa kể chuyện*, *Giấc ngủ 10 năm*, hàng loạt các bài thơ chúc tết hay xướng hoạ với các nhân sĩ yêu nước, những bài thơ làm ở chiến khu Việt Bắc hay sau một buổi bàn việc quân, những bức thư gửi các hội nghị văn hoá văn nghệ, những bài nói chuyện với giới văn nghệ sĩ - những nghệ sĩ tạo hình, sân khấu, điện ảnh, xiếc, những người viết văn, viết báo, v.v., tất cả đã chứng tỏ Hồ Chí Minh không những là lãnh tụ tối cao của Đảng và dân tộc, mà còn luôn luôn là chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá văn nghệ.

Quan điểm "Văn nghệ là mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí" của Người đặc biệt có ý nghĩa to lớn trong việc tập hợp ngày càng đông đảo văn nghệ sĩ vào một mặt trận, làm cho họ trở thành những chiến sĩ chiến đấu bằng vũ khí sắc bén của mình theo tinh thần:

"Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong".

Những chiến sĩ trên mặt trận văn hoá văn nghệ bước vào cuộc chiến đấu đã thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chí Minh:

"Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà"[1].

"Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có *nhiệm vụ* nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh.

Để làm trọn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật cần có lập trường vững, tư tưởng đúng... đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết"[2].

Hơn nữa, người chiến sĩ trên mặt trận văn nghệ lại phải có tài năng sáng tạo do chính yêu cầu của văn nghệ đặt ra. Vì vậy, ngoài việc nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, nghề nghiệp, nâng cao hiểu biết về cuộc sống và con người, Hồ Chí Minh vẫn thường căn dặn văn nghệ sĩ phải bồi dưỡng phẩm chất và tài năng - những điều kiện cần thiết cho sáng tạo văn nghệ. Một tác phẩm văn nghệ nhất

---

1. *Sđd*, t. 5, tr. 131.
2. *Sđd*, t. 6, tr. 368.

thiết phải do tài năng sáng tạo của cá nhân văn nghệ sĩ quyết định.

Điều đó được thể hiện rất sinh động trong nền văn nghệ cách mạng của nước ta suốt mấy chục năm qua.

b) *Văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân.*

Thực tiễn đời sống của nhân dân ta là lao động sản xuất, chiến đấu, sinh hoạt và xây dựng cuộc sống mới. Văn nghệ vừa phản ánh thực tiễn ấy, vừa hướng cho nhân dân thúc đẩy sự phát triển của thực tiễn ấy theo quy luật của cái đẹp.

Sau Cách mạng Tháng Tám, không ít văn nghệ sĩ vẫn còn chưa tìm ra hướng đi đúng trong sáng tác, Hồ Chí Minh đã rất quan tâm giúp họ thoát ra khỏi tình trạng lúng túng đó. Khi đến thăm phòng triển lãm văn hoá (tháng 10 - 1945), Người ân cần trao đổi với các hoạ sĩ:

"Những bức tranh này tỏ rõ các nghệ sĩ của ta lâu nay đều đã cố gắng tìm một con đường đi. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi dưới đất, mà cứ vút lên trời: chất mơ mộng quá nhiều, mà cái chân thật của sinh hoạt rất ít...".

"Thật là một thế giới tiên! Nhưng tôi nhớ mường tượng như Lỗ Tấn, nhà đại văn hào cách mạng Trung Hoa đã nói ở đâu một câu đại ý như thế này: Người trần lên tiên có lẽ cũng thích thật. Nhưng nhìn thấy mãi cái đẹp không thay đổi, rồi cũng thấy chán, thấy nhạt nhẽo và mới biết rằng muốn tìm thấy *sự thay đổi, sự ham mê thật* thì phải trở về với cuộc sinh hoạt thực tại của con người"[1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1981, tr. 344- 345.

Chỉ có thực tiễn đời sống của nhân dân mới đem lại nguồn sinh khí vô tận cho văn nghệ. Thực tiễn ấy cung cấp những chất liệu không bao giờ cạn cho văn nghệ sĩ, từ đó với tài năng sáng tạo của mình và tinh thần nhân văn luôn hướng về những người lao động, văn nghệ sĩ có thể nhào nặn, thăng hoa để tạo nên những tác phẩm có giá trị có sức sống vượt qua giới hạn của không gian và thời gian. Những tác phẩm văn nghệ lớn của những nghệ sĩ lớn thuộc nhiều dân tộc từ trước đến nay trở thành tài sản chung của nhân loại đã chứng minh điều đó.

Theo tinh thần đó, Hồ Chí Minh đã nêu ra yêu cầu quan trọng bậc nhất đối với chiến sĩ văn nghệ là phải "thật hoà mình với quần chúng" và không được quên rằng "... chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho sáng tác của nhà văn bằng những nguồn nhựa sống. Còn nếu nhà văn quên điều đó - nhân dân cũng sẽ quên anh ta"[1].

Những chất liệu của cuộc sống không phải tự nhiên đến với văn nghệ sĩ. Muốn nắm được những chất liệu đó, và rút ra từ đó những gì cần thiết cho sáng tác, thì như Hồ Chí Minh nói, văn nghệ sĩ phải "liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân"[2] để "hiểu thấu" tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của nhân dân, cuộc đời và số phận của biết bao nhiêu con người trong các tầng lớp nhân dân đông đảo.

Nguồn nhựa sống mà nhân dân đem lại để nuôi dưỡng cho sáng tác của văn nghệ sĩ không phải chỉ là thực tiễn

---

1. *Sđd*, tr. 516.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 6, tr. 368.

đời sống vô cùng phong phú, mà còn là những tinh hoa trong sáng tác dân gian đã được chắt lọc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhân dân không phải chỉ là người hưởng thụ, mà còn là người sáng tác văn hoá văn nghệ, điều mà chúng ta thường gọi là sáng tác dân gian. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "... quần chúng không phải chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người sáng tác nữa... Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những sáng tác của quần chúng... Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý"[1], mà văn nghệ sĩ cần phải dày công nghiên cứu, học tập, hấp thu cho được những tinh hoa đó trong sáng tác của mình.

c) Phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới của đất nước và dân tộc. Phải phản ánh cho hay, cho chân thật sự nghiệp cách mạng của nhân dân

Tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III, ngày 1-12-1962, Hồ Chí Minh đã nói với văn nghệ sĩ: "Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta"[2]. Tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại phải là những tác phẩm miêu tả vừa hay, vừa chân thật sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Tác phẩm đó phải phục vụ quần chúng nhân dân đông đảo, được quần chúng yêu thích, đem lại những chuyển biến tích cực trong tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mọi người.

Như vậy theo tư tưởng Hồ Chí Minh, văn nghệ phục vụ quần chúng không phải là hạ thấp nghệ thuật, không

---

1. *Sđd,* t. 9, tr. 250.
2. *Sđd,* t. 10, tr. 646.

phải là cung cấp cho họ những sản phẩm "loại hai", những món ăn tinh thần được chế biến vội vàng, mà phải là những tác phẩm có tính nghệ thuật cao.

Tính nghệ thuật cao trước hết phải là tác phẩm hay. Về điều này, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "... một tác phẩm văn chương không cứ dài mới hay. Khi nào tác phẩm ấy chỉ diễn đạt vừa đủ những điều đáng nói, khi nó được trình bày sao cho mọi người ai cũng hiểu được, và khi đọc xong độc giả phải suy ngẫm, thì tác phẩm ấy mới xem như là một tác phẩm hay và biên soạn tốt"[1].

Người thường chê những người viết dài và rỗng, dài về hình thức, rỗng về nội dung; "Nhiều anh em hay viết dài. Viết dòng này qua dòng khác, trang này qua trang khác. Nhưng không có ích cho người xem. Chỉ làm tốn giấy tốn mực, mất công người xem...

Viết làm gì dài dòng và rỗng tuếch như thế? Chỉ có một cách trả lời: là quyết không muốn cho quần chúng xem"[2].

Tính nghệ thuật cao còn phụ thuộc vào nội dung của tác phẩm phải chân thực và phong phú, hình thức của nó phải trong sáng và vui tươi, tạo nên sự hấp dẫn vì sự bổ ích của nó đối với quần chúng: "Quần chúng mong muốn những tác phẩm có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì *có bổ ích*"[3].

---

1. *Sđd,* t. 2, tr. 157.
2. *Sđd,* t. 5, tr. 299.
3. *Sđd,* t. 10, tr. 646-647.

Văn nghệ đương nhiên cần đến sự hư cấu, nhưng hư cấu phải trên cái nền hiện thực, xuất phát từ hiện thực, để rồi trở lại phục vụ hiện thực, nâng hiện thực lên cao hơn nữa. Giữa lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang ở vào giai đoạn quyết liệt (1951), Hồ Chí Minh căn dặn văn nghệ sĩ phải "bày tỏ được cái tinh thần anh dũng và kiên quyết của quân và dân ta, đồng thời để giúp phát triển và nâng cao tinh thần ấy"[1]. Đến những năm 60 của thế kỷ XX, Người đã nói những tác phẩm mà quần chúng chờ đợi là "những tác phẩm *ca tụng* chân thật những người mới, việc mới chẳng những để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay, mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau"[2].

Phản ánh chân thực không phải chỉ dừng lại ở chỗ phản ánh những gì đã có trong đời sống của nhân dân, mà còn phải hướng nhân dân loại bỏ cái giả, cái sai, cái không đúng, cái dở, cái xấu để vươn tới cái lý tưởng - đó chính là sự phản ánh có tính hướng đích của văn nghệ.

Một luận điểm quan trọng mà Hồ Chí Minh đặt ra cho văn nghệ là các tác phẩm văn nghệ phải phong phú, đa dạng, không thể đơn điệu, nghèo nàn. Có như vậy, văn nghệ mới đáp ứng được nhu cầu rất đa dạng của các tầng lớp nhân dân. Người nêu rõ: "... cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú, không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi. Cũng như vào vườn hoa, cần cho mọi người được thấy nhiều loại hoa đẹp"[3]. Định hướng thẩm

---

1. *Sđd,* t. 6, tr. 368.
2. *Sđd,* t. 10, tr. 646.
3. *Sđd,* t. 12, tr. 551.

mỹ cho quần chúng là hoàn toàn cần thiết, nhưng không có nghĩa là bắt ép mọi người chỉ ăn một món duy nhất. Chỉ có một mục tiêu, lý tưởng là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, và đó cũng là "đề tài" bao trùm nhất của Hồ Chí Minh: "Về nội dung viết, mà các cô các chú gọi là "đề tài", thì tất cả những bài Bác viết chỉ có một "đề tài" là: chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"[1]. Đó cũng là đề tài bao trùm của giới văn nghệ sĩ nước nhà. Nhưng văn nghệ thể hiện đề tài bao trùm đó bằng nhiều thể loại, nhiều tác phẩm khác nhau, cung cấp cho xã hội nhiều món ăn khác nhau, đương nhiên phải là những món ăn bổ ích cho đời sống tinh thần của con người và xã hội. Chính điều đó mở ra con đường sáng tạo không giới hạn của văn nghệ sĩ.

3. Văn hoá đời sống

Tháng 1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào xây dựng *Đời sống mới*. Tháng 4-1946, Người ký sắc lệnh thành lập Uỷ ban Trung ương vận động Đời sống mới. Tháng 3-1947, Người viết cuốn sách *Đời sống mới* để hướng dẫn việc xây dựng Đời sống mới trong các tầng lớp nhân dân, trong toàn xã hội.

Như vậy là việc xây dựng Đời sống mới đã được Hồ Chí Minh nêu ra từ rất sớm, khi vấn đề lối sống, nếp sống, phong cách sống, chất lượng sống... hầu như chưa được bàn đến một cách rộng rãi ở các nước. Nét nổi bật của cuộc vận

---

1. *Sđd,* t. 9, tr. 419.

động này là nó đã nhanh chóng trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi ngay từ khi cách mạng mới thành công và nhân dân ta đã phải đi ngay vào cuộc kháng chiến chống ngoại xâm hết sức quyết liệt, cuộc sống còn trăm bề thiếu thốn. Cuộc vận động đã có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc, tạo nên những chuyển biến to lớn trong đời sống văn hoá của nhân dân ta.

Quan điểm xây dựng đời sống mới thực sự là quan điểm rất độc đáo của Hồ Chí Minh về văn hoá. Văn hoá là bộ mặt tinh thần của xã hội, nhưng bộ mặt tinh thần ấy không phải là cái gì cao siêu, trừu tượng, mà lại được thể hiện ra ngay trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người, rất dễ hiểu, dễ thấy. Điều ấy đã được Hồ Chí Minh chỉ ra khi nói về nội dung của đời sống mới, cũng như cách thức xây dựng đời sống mới trong một nước Việt Nam độc lập.

Khái niệm *Đời sống mới* được Hồ Chí Minh nêu ra bao gồm cả *đạo đức mới, lối sống mới* và *nếp sống mới*. Ba nội dung ấy có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó đạo đức đóng vai trò chủ yếu. Đạo đức gắn liền với lối sống và nếp sống, và nói chung lại được thể hiện trong lối sống và nếp sống. Chính vì vậy việc xây dựng đạo đức mới phải được tiến hành đồng thời với việc xây dựng lối sống mới và nếp sống mới. Có dựa trên cái nền đạo đức mới thì mới xây dựng được lối sống, nếp sống mới lành mạnh, vui tươi, hướng con người tới tầm cao của văn hoá, của một đất nước độc lập và xã hội chủ nghĩa.

a) *Đạo đức mới*

Đời sống mới trước hết bao gồm *đạo đức mới*. Về vấn

đề này, Hồ Chí Minh đã viết: "... thực hành đời sống mới là Cần, Kiệm, Liêm, Chính"[1];

"Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân"[2];

"Nêu cao và thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính tức là nhen lửa cho đời sống mới"[3].

(Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã được trình bày kỹ ở chương IX của tập sách này, vì vậy ở đây chỉ trình bày về vấn đề lối sống và nếp sống).

b) *Lối sống mới*

Lối sống Hồ Chí Minh (lối sống mà Hồ Chí Minh xây dựng cho mọi người và thể hiện ngay ở bản thân mình) trước hết là lối sống có lý tưởng, có đạo đức. Đó còn là lối sống văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hoà truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá của nhân loại.

Cùng với việc bồi dưỡng, nâng cao đạo đức, việc xây dựng đời sống mới đòi hỏi phải "sửa đổi những việc rất cần thiết, rất phổ thông, trong đời sống của mọi người, tức là sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc"[4]. Theo Hồ Chí Minh, đó là *năm cách* phải sửa đổi đối với mỗi người cũng như đối với một tập thể, một cộng đồng. Theo ngôn ngữ thường dùng hiện nay thì đây là phong cách sống (sinh hoạt, ứng xử) và phong cách làm việc, hoặc gọi chung là *lối sống mới*.

Con người phải làm sao có ăn, mặc, ở, đi lại, có nghĩa là phải giải quyết được những nhu cầu cần thiết trước hết

---

1, 2. *Sđd*, t. 5, tr. 94, 104.

3, 4. *Sđd*, tr. 110, 95.

để tồn tại, rồi mới có thể nghĩ đến làm văn thơ, làm triết học, v.v., điều này đã được C. Mác nêu rõ trong học thuyết của ông. Tiếp nối tư tưởng của C. Mác, Hồ Chí Minh lại nói đến cách ăn, cách mặc, cách ở... thế nào cho đúng với đời sống mới mà chúng ta cần phải xây dựng, có nghĩa là nói về mặt văn hoá của ăn, mặc, ở, v.v.. Mặt văn hoá của ăn, mặc, ở không phụ thuộc vào những thứ dùng để ăn, mặc, ở nhiều hay ít, sang trọng hay đơn giản, mà lại phụ thuộc vào lối sống có hay không có văn hoá của con người.

Theo Hồ Chí Minh, phải xây dựng một phong cách sống khiêm tốn, giản dị, chừng mực, điều độ, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, biết quý trọng thời gian, ít lòng ham muốn về vật chất, về chức - quyền - danh - lợi. Trong quan hệ với nhân dân, bạn bè, đồng chí, anh em thì cởi mở, chân tình, ân cần, tế nhị; giàu tình yêu thương quý mến con người, trân trọng con người; đối với mình thì chặt chẽ, đối với người thì khoan dung, độ lượng.

Làm Chủ tịch nước, Người vẫn *nhà gỗ đơn sơ, quần áo vải*. Người cho rằng, "Cách *ăn mặc* phải sạch sẽ, giản đơn, chất phác, chớ lượt thượt, xa xỉ, loè loẹt"[1]. Không phải Người phủ nhận nhu cầu chính đáng của mỗi người trong việc cải thiện và nâng cao các điều kiện sinh hoạt *ăn, mặc, ở* của mình ngày càng tốt hơn. Người chỉ rõ rằng: Người ta ai cũng muốn ăn ngon mặc đẹp, nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon mặc đẹp, như vậy không có đạo đức.

---

1. *Sđd,* tr. 99.

Người chỉ rõ phong cách làm việc phải bao gồm tác phong quần chúng, tác phong tập thể - dân chủ, tác phong khoa học. Ba loại tác phong đó đều có những nội dung rất cụ thể, phong phú và có quan hệ mật thiết với nhau. Những tác phong ấy được thể hiện ra khi mỗi người hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhất là đối với những người ở cương vị quản lý, lãnh đạo. Phong cách làm việc đó trước kia rất cần thiết, hiện nay lại càng cần thiết hơn.

Phong cách làm việc của Hồ Chí Minh đã thể hiện rất rõ những nội dung trên đây, tiêu biểu cho một lãnh tụ của quần chúng. Chỉ cần xem cách Người nói cho quần chúng nghe, viết cho quần chúng đọc là thấy được điều đó.

Là người có học vấn uyên bác cổ kim Đông Tây, thông thạo nhiều ngoại ngữ, nhưng Người luôn luôn thể hiện một *cách viết, cách nói* chân thật - dễ hiểu mà tế nhị, mộc mạc - bình dân mà không thô thiển. Người rất không ưa sự phô trương hình thức, sự cầu kỳ rắc rối trong cách biểu hiện. Tư tưởng của Người đi thẳng đến quần chúng và mọi người đều có thể hiểu được, nhớ được và làm được.

c) *Nếp sống mới*

Quá trình xây dựng lối sống mới cũng là quá trình làm cho lối sống mới dần dần trở thành *thói quen* ở mỗi người, thành *phong tục tập quán* của cả một cộng đồng, trong phạm vi một địa phương hay mở rộng ra cả nước và bây giờ thường gọi là *nếp sống mới* hay *nếp sống văn minh*.

Nếp sống mới mà chúng ta xây dựng phải kế thừa những truyền thống tinh thần tốt đẹp, những *thuần phong mỹ tục* lâu đời của nhân dân ta.

Tháng 6-1957, về thăm quê hương Nghệ Tĩnh, Hồ Chí Minh

nói: "Nhân dân ta nói chung cũng như nhân dân Hà Tĩnh nói riêng, có một truyền thống tốt đẹp, nhưng hiện nay về thuần phong mỹ tục bị kém sút... Vì vậy, đồng bào phải cố gắng xây dựng lại thuần phong mỹ tục để hạn chế và tiễu trừ những tệ nạn đó"[1].

Hồ Chí Minh dạy chúng ta chẳng những phải kế thừa mà còn phải phát triển những thuần phong mỹ tục, đồng thời phải biết cải tạo những phong tục tập quán cũ lạc hậu; bổ sung những cái mới tiến bộ mà trước chưa có.

"Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới.

Cái gì cũ mà *xấu*, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam.

Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: Đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi.

Cái gì *cũ* mà *tốt*, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: Ta phải tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước.

Cái gì *mới* mà *hay*, thì ta phải làm. Thí dụ: Ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp"[2].

Việc sửa đổi những thói quen, phong tục, tập quán không còn phù hợp, loại bỏ những cái xấu, xây dựng những cái tốt là công việc rất khó khăn, phức tạp. "Thói quen rất khó đổi. Cái tốt mà lạ, người ta có thể cho là xấu. Cái xấu mà quen người ta cho là thường. Một vài thí dụ:

---

1. *Sđd,* t. 8, tr. 426.
2. *Sđd,* t. 5, tr. 94-95.

Chồng đánh chửi vợ, cha mẹ đánh chửi con, là điều rất dã man. Nhưng vì ta quen thấy, nên ta cho là việc thường..."[1]. Vì vậy phải nâng cao nhận thức, phải phấn đấu kiên trì mới có thể xây dựng được những thói quen, phong tục tập quán mới, thực hiện được đời sống mới.

Hồ Chí Minh rất nhiều lần nhấn mạnh phải xây dựng thuần phong mỹ tục: Về phong tục, phải cấm hẳn say sưa, cờ bạc, hút xách, bợm bãi, trộm cắp. Phải tìm cách làm cho không có đánh chửi nhau, kiện cáo nhau, làm cho làng mình thành một làng *phong thuần tục mỹ*. Người nêu ra những việc rất cụ thể như vấn đề vệ sinh trong nhà ngoài ngõ, trong làng xã, phố phường, đường sá, ao hồ, cầu tiêu, nước ăn nước rửa, quan hệ làng xóm láng giềng, việc lễ hội, giỗ tết, ma chay, cưới hỏi, v.v.. Trong thói quen, phong tục, tập quán có không biết bao nhiêu vấn đề cần phải rà soát, đánh giá để xây, để chống cho đúng, có như vậy mới xây dựng được một nếp sống có văn hoá, xây dựng được đời sống mới, thể hiện được bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, việc thay đổi những thói quen, cải tạo những phong tục, tập quán cũ lạc hậu không thể tiến hành một cách giản đơn, tuỳ tiện. Như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to, nó ngấm ngầm cản trở cách mạng; nhưng chúng ta không thể xoá bỏ nó bằng cách trấn áp thô bạo, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài. Trước hết phải tuyên truyền, giải thích để mọi người hiểu

---

1. *Sđd,* tr. 107.

được cái lợi của việc xây dựng những thói quen, phong tục, tập quán mới, hướng dẫn cách làm cụ thể, hiểu để làm, để thực hiện cho được đời sống mới. "Tuyên truyền đời sống mới cũng như tuyên truyền việc khác, phải hăng hái, bền gan, chịu khó, đồng thời phải cẩn thận, khôn khéo, mềm mỏng"[1]. Những biện pháp ép buộc, trấn áp thô bạo chỉ đem lại những hậu quả không tốt. Qua tác phẩm *Đời sống mới*, chúng ta hiểu rằng việc lấy kéo cắt tóc dài, cắt quần ống loe, phạt tiền người nào không chịu học quốc ngữ, v.v., là hoàn toàn không phù hợp với việc vận động xây dựng đời sống mới.

Nhưng quan trọng là phải có những người làm gương, trước hết là chính những người lãnh đạo, quản lý, những người tuyên truyền xây dựng đời sống mới, phải miệng nói tay làm, phải nêu gương trước. Hơn nữa còn phải xây dựng cho được những tập thể kiểu mẫu để mọi người noi theo.

"Đời sống mới cũng cần có những người làm gương, những nhà làm gương, những làng làm gương. Khi trông thấy hiệu quả tốt tươi, thì chắc những nơi khác sẽ hăng hái làm theo. Nếu miệng thì tuyên truyền bảo người ta siêng làm, mà tự mình thì ăn trưa, ngủ trễ; bảo người ta tiết kiệm, mà tự mình thì xa xỉ, lung tung, thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích"[2].

Về xây dựng đời sống mới, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ có hai thứ: *một là* đời sống mới riêng, từng người - trẻ em hay người lớn, người giàu hay người nghèo, người chủ hay

---

1. *Sđd,* tr. 109.

2. *Sđd,* tr. 108.

người thợ, thầy giáo hay học trò, cán bộ, đảng viên hay người dân, chủ tịch chính phủ hay người chạy giấy, người quét dọn trong một cơ quan nhỏ, v.v.; *hai là* đời sống mới chung, từng nhà, từng gia đình, từng tập thể - nhà máy, công sở, trường học, bộ đội ..., từ làng xã đến phố phường, từ vùng miền đến cả nước. Đối với mỗi người hay nhóm người, Hồ Chí Minh đều có những chỉ dẫn rất cụ thể.

Việc xây dựng đời sống mới phải bắt đầu từ từng người, từng gia đình, vì mỗi người là một cá thể để tạo nên gia đình, mỗi gia đình là một tế bào để tạo nên xã hội. Mỗi người, mỗi gia đình đều thực hiện đời sống mới thì mới có thể xây dựng được đời sống mới ở các tập thể, các đơn vị, ở làng xã, phố phường cho đến cả nước. Hồ Chí Minh đã đặc biệt nhấn mạnh và đòi hỏi mỗi người, mỗi gia đình phải thực hiện đời sống mới. "Do nhiều người nhóm lại mà thành làng. Do nhiều làng nhóm lại mà thành nước. Nếu người này cũng xấu, người kia cũng xấu, thì thành làng xấu, nước hèn. Nếu mỗi người đều tốt, thì thành làng tốt, nước mạnh... Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường"[1]; "Ai cũng làm như thế, thì tự nhiên nước Việt Nam ta trở nên một nước mới, một nước văn minh"[2]. Như vậy khái niệm văn minh mà Hồ Chí Minh sử dụng không phải chỉ khuôn vào trình độ phát triển sản xuất vật chất, của khoa học kỹ thuật như quan niệm của nhiều người, mà còn để chỉ trình độ phát triển đời sống tinh thần của

---

1. *Sđd,* tr. 98-99.
2. *Sđd,* tr. 100.

xã hội. Ý nghĩa đó được thể hiện trong những câu nói của Người đã trở thành rất quen thuộc với chúng ta: "Văn minh thắng bạo tàn", "Đảng là đạo đức, là văn minh"... Ngày nay việc mở rộng cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá cũng là theo tinh thần đó.

III. TƯ TƯỞNG VĂN HOÁ HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC XÂY DỰNG NỀN VĂN HOÁ TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC HIỆN NAY

1. Văn hoá hôm nay - những thành tựu và hạn chế

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã kế thừa những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, tạo nên những sức mạnh mới cho cách mạng Việt Nam. Trước hết đó là sức mạnh của văn hoá Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Đảng ta đã dựa vào đó để lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi thử thách, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược và giành nhiều thành tựu trong xây dựng đất nước.

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã được Đảng ta vận dụng sáng tạo và phát triển trong sự nghiệp đổi mới, ngày càng tỏ rõ giá trị bền vững của một học thuyết khoa học và cách mạng, làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

Khẩu hiệu hành động vì mục tiêu "dân giàu, nước

mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" đang cổ vũ mọi người ra sức phấn đấu, thiết thực phục vụ cho lý tưởng *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

Nhiều nét mới có giá trị trong văn hoá - đạo đức được hình thành, củng cố và phát triển: tính năng động trong các hoạt động kinh tế - xã hội, tính tích cực công dân được khơi dậy và phát huy, thay cho tâm lý thụ động, ỷ lại, dựa dẫm, trông chờ từng tồn tại dai dẳng trong cơ chế cũ; thế hệ trẻ có ý chí vươn lên lập thân, lập nghiệp; mặt bằng dân trí được nâng cao; năng lực, sở trường cá nhân được khuyến khích; không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội tăng lên; phong trào hướng về cội nguồn, tưởng nhớ anh hùng dân tộc, đền ơn đáp nghĩa người có công, giúp đỡ người hoạn nạn ngày càng phát triển; cuộc vận động bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, làng ấp văn hoá ngày càng được nhân dân hoan nghênh và tích cực hưởng ứng, v.v..

Hoạt động văn hoá, nghệ thuật, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, v.v. có những bước phát triển mới, cả về số lượng và chất lượng, cả về xây dựng đội ngũ, phát huy tác dụng tích cực làm cho đời sống văn hoá trở nên phong phú và sôi động hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng bộc lộ nhiều nhược điểm và yếu kém:

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã gây ra trạng thái dao động, hoài nghi, giảm sút lòng tin ở một số người, kể cả một số cán bộ, đảng viên.

Kinh tế thị trường bằng lợi ích vật chất kích thích mọi người suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo. Tuy nhiên kinh tế thị

trường cũng kích thích khát vọng làm giàu, làm giàu bằng bất cứ giá nào, lấy đồng tiền làm mục tiêu cao nhất. Từ đó dẫn đến đủ kiểu làm ăn bất chính với lối sống hưởng lạc, xa phí, với thái độ lạnh lùng, tàn nhẫn, giả dối trong ứng xử, những thứ đó đang làm xói mòn truyền thống đạo đức tốt đẹp, lối sống lành mạnh và quan hệ có tình có nghĩa của dân tộc ta.

Nhiều tệ nạn xã hội phát triển: buôn lậu, ma tuý, mại dâm, mê tín dị đoan, nhiều hủ tục cũ, mới lan tràn... Giáo dục xuống cấp nghiêm trọng; nhiều tiêu cực phát sinh trong cả dạy và học: gian dối, man trá, mua bằng bán điểm, v.v.. Những tệ nạn ấy đã gây nên nhiều nỗi lo lắng trong nhân dân.

Với đường lối đổi mới, đất nước ta mở rộng cửa đón gió bốn phương, trong đó có cả gió lành, gió độc. Với tâm lý sùng ngoại, nhiều người đã chạy theo lối sống thực dụng và cá nhân cực đoan, ích kỷ, hưởng lạc trong thế giới tư bản. Họ ngộ nhận những giá trị văn hoá, coi thường những giá trị dân tộc, tiếp nhận xô bồ mọi thứ văn hoá ngoại lai, không phân biệt hay dở, tốt xấu.

Đời sống văn hoá nghệ thuật còn nhiều bất cập: có xu hướng đi vào tâm tư tủn mủn, thiếu vắng những tác phẩm lớn tương xứng với sự nghiệp cách mạng và kháng chiến; có hiện tượng sa vào chủ nghĩa hình thức, phủ nhận thành tựu văn học cách mạng và kháng chiến, tách rời văn nghệ với chính trị, xu hướng thương mại hoá, chạy theo thị hiếu thấp hèn...

Điều rất đáng quan tâm và cũng là điều nhức nhối của chúng ta là đang hiện diện một sự suy thoái về tư tưởng

và đạo đức, lối sống trong một bộ phận không ít cán bộ có chức, có quyền. Họ bòn rút của công để làm giàu cho gia đình và bản thân mình, dùng tiền Nhà nước để tiêu xài phung phí, đua đòi phô trương hình thức, tham nhũng, hối lộ, sách nhiễu dân chúng, ăn chơi trác táng; những hiện tượng quan liêu, cửa quyền, vi phạm quyền làm chủ của dân, không tôn trọng pháp luật đã diễn ra khá nặng nề; việc chạy theo chức - quyền - danh - lợi, mua quan, bán chức, cơ hội, luồn lách, nịnh bợ, dối trá, bè cánh, mất đoàn kết, lời nói không đi đôi với việc làm, không còn là hiện tượng cá biệt. Họ đã nêu gương xấu trong xã hội, gây bất bình trong nhân dân, làm tổn thương đến uy tín của Đảng và Nhà nước.

Thực trạng đó có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có nguyên nhân rất quan trọng, đó là: những di sản vô giá của Hồ Chí Minh chưa được quan tâm đúng mức, chưa tiếp tục được khai thác và sử dụng như một sức mạnh tinh thần cực kỳ quan trọng để phát huy hơn nữa những thành tựu văn hoá đã đạt được và khắc phục những hiện tượng tiêu cực đã nảy sinh trong đời sống văn hoá hôm nay.

Hiện nay, toàn Đảng toàn dân đang phấn đấu tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (lần 2) khoá VIII về văn hoá, về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Trong tình hình này, tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh vẫn soi đường cho sự thành công và phát triển của nền văn hoá Việt Nam.

2. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng văn hoá hiện nay là một yêu cầu cấp thiết, một vấn đề có ý nghĩa lớn cả về lý luận và thực tiễn

Thực trạng văn hoá hôm nay phản ánh một tình hình xã hội đang chuyển biến, có nhiều thuận lợi nhưng cũng có nhiều khó khăn lớn. Nhân dân ta phải đương đầu với nhiều thử thách, trong đó có những thử thách về văn hoá.

Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất của văn hoá Việt Nam trong thời đại mới. Tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh đã được thực tiễn xây dựng và phát triển văn hoá của nước ta cũng như thế giới trong hơn nửa thế kỷ qua kiểm nghiệm, xác nhận là những tư tưởng mang tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo, tính thực tiễn sâu sắc, hơn nữa còn tiêu biểu cho cả nền văn hoá của tương lai. Tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh đang có ý nghĩa chỉ đạo cực kỳ quan trọng đối với việc xây dựng nền văn hoá của nước ta hiện nay.

- Xây dựng văn hoá phải bắt đầu từ mỗi con người với tư cách là chủ thể của văn hoá.

Để xây dựng được con người đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng mới, phải đánh giá cho đúng mặt mạnh, mặt yếu của con người Việt Nam nói chung, của những nhân liệu do lịch sử để lại. Điều đó cũng cần được xem xét trong từng người cụ thể. Đó phải là những con người được bồi dưỡng, giáo dục về nhiều mặt và phải được rèn luyện, trưởng thành trong hoạt động thực tiễn, trong sinh hoạt cùng với những cộng đồng nhất định.

- Con người trước hết phải gắn với gia đình và tập thể mà mình hoạt động, sinh hoạt. Vì vậy việc *xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, những tập thể văn hoá* - đơn vị, làng bản, xã ấp, phố phường văn hoá - là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng. Đối với mỗi nhà, mỗi gia đình phải xây dựng cho được gia phong nghiêm chỉnh, làm cho gia đình không phải chỉ là một tổ ấm của tình cảm ruột thịt, mà còn là nơi hun đúc nhân cách, nhân phẩm của mỗi thành viên trong suốt cuộc đời.

- Giữ vững và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế.

Trước xu thế khu vực hoá, toàn cầu hoá của thế giới hiện nay, không một quốc gia nào có thể phát triển trong sự tách biệt với thế giới. Hội nhập về kinh tế, giao lưu về văn hoá giữa các nước đang diễn ra hết sức sôi động. Tình hình đó đang mở ra thời cơ lớn để thâu hoá những tinh hoa văn hoá, văn minh nhân loại, làm phong phú thêm cho văn hoá dân tộc mình, rút ngắn khoảng cách của chúng ta với thế giới.

Tuy nhiên, quá trình đó không phải chỉ diễn ra theo chiều thuận, mà có cả chiều nghịch. Nếu không có một bản lĩnh vững vàng, một chiến lược phát triển văn hoá đúng đắn thì việc giao lưu đó sẽ dẫn đến nguy cơ sùng ngoại, đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc, chỉ còn là bản sao vụng về, mờ nhạt của một thứ văn hoá vay mượn, ngoại lai.

Làm thế nào để mở rộng giao lưu, hội nhập mà không đánh mất cái bản sắc của mình?

Chúng ta phải trở về với tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh:

bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại là hai mặt của một quá trình, hai mặt đó luôn luôn kết hợp chặt chẽ với nhau, bất cứ một sự lệch lạc nào cũng đưa đến những tổn hại cho việc xây dựng nền văn hoá mới. Phải lấy bản sắc văn hoá dân tộc làm nền tảng, làm bản lĩnh. Nền tảng có chắc, bản lĩnh có vững thì mới tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại được đúng đắn; mới chắt lọc được những gì thực sự là tinh hoa, vứt bỏ những gì là phế thải của bất cứ loại phản văn hoá nào từ bên ngoài.

Bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc phải gắn liền với việc nâng cao nhận thức, tư tưởng, nâng cao những hiểu biết về văn hoá, khoa học hiện đại, để phân biệt được những gì thực sự là chân, thiện, mỹ với những cái giả, cái ác, cái xấu; nhận cái hay, bỏ cái dở. Khôi phục lễ hội, tôn tạo đình chùa, miếu mạo, những di tích văn hoá lịch sử và cách mạng, suy tôn các anh hùng liệt sĩ, đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, đề cao văn hoá làng xã, văn hoá dòng họ, v.v., cũng là những hình thức để tạo ra rào chắn nhằm chống lại sự xâm nhập ồ ạt của văn hoá ngoại lai.

Tuy nhiên, ngay trong việc này cũng phải quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh: cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm, cũ mà xấu thì phải bỏ, cũ mà phiền phức thì phải sửa; mới mà hay thì phải làm; mới mà dở, hoặc không phù hợp với con người Việt Nam thì không tiếp nhận.

Bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc lại cần phải được cân nhắc đầy đủ trong mối quan hệ giữa văn hoá và phát triển, không để cho lợi ích kinh tế trước mắt làm ảnh hưởng tới lợi ích lâu dài của việc duy trì và phát triển bản

sắc văn hoá dân tộc.

- Cảnh giác ngăn chặn âm mưu lợi dụng giao lưu văn hoá để thực hiện "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

Chúng ta đang sống trong kỷ nguyên thông tin với hàng nghìn vệ tinh hoạt động trên các quỹ đạo khác nhau, có khả năng chuyển tải tức thời mọi thông tin tới bất kỳ điểm nào trên trái đất.

- Lợi dụng thành tựu này, các "đế quốc văn hoá" đang nhân danh quyền con người để áp đặt cho các dân tộc những thị hiếu và lối sống theo quan điểm của họ. Các thế lực thù địch của chủ nghĩa xã hội cũng đang lợi dụng chiêu bài "dân chủ hoá về chính trị", "tự do hoá về kinh tế" để thổi lên những luồng gió độc, phủ nhận quá khứ, hạ bệ thần tượng, gieo rắc hoài nghi về sự lãnh đạo của Đảng, gây mất niềm tin vào tương lai của chủ nghĩa xã hội, v.v..

Về văn hoá, họ thông qua cái gọi là *văn hoá đại chúng, văn hoá nghe - nhìn* của phương Tây, hòng làm cho thế hệ trẻ ngày càng xa rời cốt cách, tâm hồn dân tộc, chạy theo các *phản giá trị*, để từ tự diễn biến về văn hoá đi đến tự diễn biến về chính trị.

Về lối sống, họ lợi dụng phim ảnh, video đen, các cuộc giao lưu trực tiếp để khơi dậy bản năng sinh vật trong mỗi con người, lôi kéo con người chạy theo lạc thú, dẫn đến nghiện ngập, mại dâm, trác táng, bạo lực... để từng bước huỷ hoại nhân cách con người, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình và băng hoại đạo đức xã hội.

Đây không phải là nỗi lo riêng của nước ta, mà cũng là nỗi lo chung của các nước đang phát triển. Nhiều nhà

lãnh đạo các nước trong khu vực xung quanh chúng ta đã lên tiếng đề cao các giá trị châu Á, kêu gọi phải trở về với các giá trị châu Á, lên án các khuôn mẫu ngoại lai đang làm tổn hại đến nền văn hoá dân tộc.

- *Phương pháp mà Hồ Chí Minh nêu ra để xây dựng nền văn hoá mới* là phải xây dựng và bồi dưỡng *những điển hình tích cực về văn hoá*, phải thường xuyên biểu dương, cổ vũ những tấm gương đó, phải tạo thành *những phong trào quần chúng* ngày càng sâu rộng, làm cho văn hoá mới ngày càng thấm sâu vào đời sống của nhân dân, làm cho đời sống ngày càng trở thành đời sống có văn hoá.

Vì vậy, phải ra sức đẩy mạnh các phong trào "người tốt, việc tốt", "dạy tốt, học tốt", "xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá", "xây dựng các làng bản, xã ấp, phố phường văn hoá", "xây dựng thuần phong, mỹ tục", v.v., làm cho các phong trào thi đua ấy thực sự trở thành động lực thúc đẩy việc xây dựng đời sống văn hoá của xã hội ta.

Đối với bất cứ phong trào quần chúng nào cũng phải khắc phục tình trạng có phát mà không có động, động lúc đầu nhưng càng về sau càng im ắng, càng hình thức chủ nghĩa, khi nào nhớ đến mới "đẩy mạnh" một cách qua loa, đại khái; không sơ kết, tổng kết từng bước để nâng cao cuộc vận động.

Tóm lại, tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh đã hội tụ đủ các yếu tố truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, kế thừa và đổi mới. Từ Hồ Chí Minh đã toả ra một thứ văn hoá không phải chỉ của quá khứ và hiện tại, mà còn là một nền văn hoá của tương lai, đúng như nhà thơ

Xôviết Ôxíp Mendenxtam đã phát hiện và nhận xét cách đây gần tám chục năm. Đó là di sản tinh thần vô cùng quý báu của dân tộc ta. Đó là những giá trị mà Hồ Chí Minh, đại diện cho cả dân tộc Việt Nam đóng góp làm phong phú thêm kho tàng văn hoá của nhân loại.

Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng chúng ta trên con đường xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

CHƯƠNG XII

MẤY VẤN ĐỀ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh là di sản vô giá, niềm tự hào vô hạn của Đảng và dân tộc ta, của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Tư tưởng Hồ Chí Minh chứa đựng những chân lý bền vững, đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam, trước kia cũng như hiện nay kiểm nghiệm và xác nhận. Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa trong đấu tranh giải phóng dân tộc, trong công cuộc đổi mới mà còn có giá trị bền vững, lâu dài đối với sự phát triển của đất nước trong tương lai. Nghiên cứu, tổng kết để vận dụng và phát triển tư tưởng đó trong công cuộc đổi mới hiện nay là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân ta.

Hồ Chí Minh là nhà lý luận kiệt xuất, đã nêu cho chúng ta một tấm gương sáng chói về việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của nước ta. Ngày nay, chúng ta học tập, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong một bối cảnh mới, điều kiện mới, đòi hỏi phải noi theo tấm gương

sáng tạo của Hồ Chí Minh, tức là cũng phải biết xuất phát từ thực tiễn, từ những điều kiện và hoàn cảnh mới của đất nước ở thời kỳ hiện nay.

I. BỐI CẢNH MỚI, CỤC DIỆN MỚI KHI NHÂN LOẠI BƯỚC VÀO THẾ KỶ XXI

Hồ Chí Minh bước lên vũ đài chính trị khi cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vừa bùng nổ, mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Thời kỳ Chủ tịch Hồ Chí Minh sống và hoạt động là thời kỳ chủ nghĩa xã hội ngày càng mở rộng, phát triển và trở thành một hệ thống thế giới. Đây cũng là thời kỳ mà các trào lưu cách mạng của thời đại đang phát triển mạnh mẽ và giành được những thắng lợi to lớn chưa từng có.

Thời kỳ hiện nay, hơn 30 năm sau ngày Hồ Chí Minh qua đời, bối cảnh quốc tế và trong nước đã có những biến đổi rất to lớn và sâu sắc về nhiều mặt.

A- ĐẶC ĐIỂM CỦA TÌNH HÌNH THẾ GIỚI HIỆN NAY

Thế giới hiện nay đang trải qua một thời kỳ biến đổi cực kỳ nhanh chóng với những diễn biến phức tạp và thay đổi khó lường.

1. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, đã có bước phát triển nhảy vọt chưa từng thấy, dẫn tới những thay đổi to lớn trong xã hội loài người:

- Nhân loại đang bước vào *nền văn minh trí tuệ* mà hai

đặc trưng cơ bản là *xã hội thông tin* và *kinh tế tri thức*.

- Cách mạng khoa học và công nghệ là một động lực xuyên quốc gia, nó đang tạo cơ sở vật chất cho quá trình *toàn cầu hoá*, thúc đẩy sự chuyển dịch kinh tế, cơ cấu kinh tế, làm thay đổi nhiều quan niệm cũ về nhiều lĩnh vực trên phạm vi quốc gia và quốc tế. *Toàn cầu hoá* là một xu thế khách quan, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia chi phối.

- Trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển, *xu hướng liên kết, hợp tác* đang diễn ra mạnh mẽ với nhiều cấp độ, cả về kinh tế, chính trị, an ninh, giữa những nước có chế độ chính trị khác nhau. Tất nhiên, sự liên kết nào cũng là vừa hợp tác, vừa đấu tranh, vừa liên kết, vừa cạnh tranh, nó là sự thống nhất giữa các mặt đối lập.

2. Cục diện chính trị thế giới có sự thay đổi căn bản

- *Sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội* mô hình Xôviết dẫn đến sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô, làm thay đổi căn bản cục diện thế giới. *Chủ nghĩa xã hội thế giới* lâm vào thoái trào.

- *Các quốc gia độc lập* cũng đang bị phân hoá mạnh về kinh tế, chính trị, tư tưởng và lợi ích quốc gia, dân tộc; nhiều nước đang đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình, chống lại sự can thiệp, áp đặt và xâm lược từ bên ngoài.

- *Chủ nghĩa tư bản hiện đại* đang tiếp tục tự điều chỉnh, còn có khả năng phát triển nhất định do nắm và sử

dụng được các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, song vẫn không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có.

Như vậy, các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới, biểu hiện dưới những hình thái và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, lúc hoà hoãn, lúc gay gắt. Lịch sử thế giới đã, đang và sẽ còn trải qua những bước quanh co, song như Đảng ta đã nhận định: loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử.

3. Chiến tranh lạnh đã kết thúc nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố quốc tế vẫn đang còn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, tính chất phức tạp ngày càng tăng. Cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình và phát triển, vì độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, vì tiến bộ và công bằng xã hội vẫn đang tiến bước.

4. Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ đang từng bước phục hồi và tiếp tục phát triển, song vẫn đang tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, có thể tác động đến các mặt đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của nước ta.

Tuy nhiên, xét từ xu thế của thế giới, trong mối liên hệ gắn bó với toàn cầu hoá về kinh tế, *hoà bình*, *hợp tác* và *phát triển* đang trở thành xu thế lớn của thời đại hiện nay.

B- TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU HƠN 15 NĂM ĐỔI MỚI

Những biến động trong cục diện thế giới, đặc biệt là những đảo lộn lớn về chính trị - xã hội ở Đông Âu và Liên Xô đã tác động rất mạnh đến tình hình nước ta, làm gay gắt thêm sự khủng hoảng kinh tế - xã hội của đất nước vốn đã bắt đầu từ cuối thập niên 70 thế kỷ XX. Nguồn viện trợ không còn mà thị trường ngoại thương của ta cũng bất ngờ bị thu hẹp. Kẻ thù ra sức bao vây, cấm vận ta về kinh tế, âm mưu lợi dụng những khó khăn của ta để đẩy ta vào thế bị cô lập về chính trị và ngoại giao.

Trong hoàn cảnh hiểm nghèo đó, *Đảng ta đề ra đường lối đổi mới*, chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa; trong mỗi chặng đường phát triển phải luôn luôn gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, nhằm từng bước đưa nước ta ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

Về đối ngoại, Đảng ta nêu ra khẩu hiệu: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"[1].

Sau hơn 15 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn, đất nước ta không những đứng vững mà còn vươn lên, đạt những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 119.

Đánh giá tổng quát tình hình sau hơn 15 năm đổi mới, *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng viết: "Cùng với những thắng lợi đã giành được từ trước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu to lớn và rất quan trọng của 15 năm đổi mới làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường... Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hoà bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực - nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường - phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đó là cơ hội lớn.

Đồng thời, đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ - tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, "diễn biến hoà bình" do các thế lực thù địch gây ra - đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân; nước ta vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống

nhân dân còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế"[1].

Vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta là nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, vững vàng trước mọi sóng gió quốc tế hay khu vực. Dân tộc ta, Đảng ta đã khẳng định mình trong thế kỷ XX, nhất định sẽ càng khẳng định mình hơn trong thế kỷ XXI, phấn đấu đưa đất nước ta đi lên, sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Tóm lại, chúng ta vẫn đang đứng trước một tình hình thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Trong điều kiện đó, chúng ta phải vận dụng tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh như thế nào để có thể "dĩ bất biến ứng vạn biến", nắm lấy vận hội, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức?

Cũng như chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là giáo điều mà làm kim chỉ nam cho hành động của chúng ta. Nhiều tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm, xác nhận, trở thành những chân lý lịch sử, nhưng cũng có những điều cụ thể được Người nói ra trong những hoàn cảnh cụ thể. Vì vậy, muốn hiểu đúng và vận dụng tốt tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện lịch sử mới cần nắm vững mấy quan điểm phương pháp luận dưới đây.

---

1. *Sđd*, tr. 66 - 67.

II. MẤY QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CHỈ ĐẠO VIỆC HỌC TẬP, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ MỚI

Muốn vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết cần phải tổ chức học tập một cách nghiêm túc và có hệ thống để hiểu đúng đắn, nắm được *những nội dung cốt lõi* và *phương pháp luận cơ bản* của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhưng muốn vận dụng tốt và phát triển đúng lại phải được trang bị về *quan điểm* và *phương pháp*. Sở dĩ hiện nay còn có cách giải thích khác nhau về tư tưởng Hồ Chí Minh vì đang còn những cách hiểu khác nhau về tư tưởng của Người. Do đó, cần thiết phải trở về với lý luận nhận thức của chủ nghĩa Mác - Lênin và những chỉ dẫn của bản thân Hồ Chí Minh về vấn đề này, để có thể từ hiện tượng đi đến bản chất, từ bản chất cấp một đến bản chất cấp hai, cấp ba,...

Trong công việc này, cần thiết phải nắm vững mấy quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận dưới đây.

1. Quan điểm lý luận gắn với thực tiễn

Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin không phải chỉ để giải quyết vấn đề nhận thức mà là tìm kim chỉ nam cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Người ghi nhớ sâu sắc lời dạy của Lênin đối với các nhà cách mạng phương Đông: "... trước mắt các bạn đang có một nhiệm vụ mà trước kia những người cộng sản toàn thế giới không có: dựa vào lý luận và thực tiễn chung của

chủ nghĩa cộng sản, áp dụng vào những điều kiện đặc biệt, không có ở các nước châu Âu, các bạn phải biết vận dụng lý luận và thực tiễn ấy vào điều kiện, khi nông dân là quần chúng cơ bản, khi cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không phải chống tư bản, mà chống những tàn tích của thời trung cổ"[1].

Vì vậy, Người thường nhắc nhở: "Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc tiếp thu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của nước ta. Cơ sở của tinh thần sáng tạo đó là quan điểm gắn liền lý luận với thực tiễn, thực tiễn Việt Nam và thực tiễn thời đại. Người dạy: Đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi "vì sao"?, đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều. Có lúc coi chủ nghĩa Mác - Lênin là cái "cẩm nang thần kỳ" nhưng Người

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 516.

2. *Sđd,* t. 8, tr. 494.

không biến nó thành một mớ giáo điều, chỉ việc sao chép, rập khuôn cái có sẵn mà luôn luôn đối chiếu nó với thực tiễn thế giới, phương Đông và Việt Nam để lựa chọn, tiếp thu cái gì phù hợp với đất nước mình, dân tộc mình, từ đó tiến lên góp phần bổ sung, phát triển, làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin bằng những kinh nghiệm và bài học thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Tóm lại, muốn vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết phải quán triệt lời dạy của chính Hồ Chí Minh: vận dụng *lập trường, quan điểm, phương pháp* của chủ nghĩa Mác - Lênin *để áp dụng một cách sáng tạo tư tưởng của Người vào hoàn cảnh cụ thể của tình hình mới*, phù hợp với điều kiện từng nơi, từng lúc.

Lập trường Hồ Chí Minh nói đây là lập trường của giai cấp công nhân làm chủ. Chỉ có đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân mới nhận thức và giải quyết đúng đắn, hợp lý những vấn đề do thực tiễn cách mạng nước ta đặt ra, đặc biệt là mối quan hệ lợi ích giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế.

Quan điểm Hồ Chí Minh nói đây là cách xem xét, suy nghĩ, cách hiểu các hiện tượng, các vấn đề phải theo hệ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, những quan điểm cơ bản ta đang bàn như quan điểm thực tiễn, quan điểm lịch sử - cụ thể, quan điểm toàn diện và hệ thống, quan điểm kế thừa và phát triển, v.v..

Phương pháp Hồ Chí Minh nói ở đây là phương pháp biện chứng duy vật, tức là phương pháp xem xét xã hội như một cơ thể sống đang không ngừng vận động và phát

triển trong sự tương tác giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định; nó chống lại cách xem xét sự vật cô lập, ngưng đọng, tĩnh tại của tư duy bảo thủ, siêu hình. Từ đó, Hồ Chí Minh nhắc nhở chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ: "... lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động"[1]. Chỉ có như vậy chúng ta mới thực hiện được di huấn của Người, dần dần làm rõ quy luật và những vấn đề có tính quy luật trong phát triển của cách mạng Việt Nam.

2. Quan điểm lịch sử - cụ thể

Ở một vĩ nhân tầm cỡ như Hồ Chí Minh, với một di sản tinh thần phong phú, đầy sáng tạo của Người, nếu như muốn tìm một ý gì, một câu gì đó nhằm viện dẫn để chứng minh cho một ý tưởng chủ quan nào đó của người nghiên cứu thì hoàn toàn có thể tìm được. Nhưng vấn đề không phải ở câu chữ mà là *ở tinh thần cơ bản, ở nội dung cốt lõi, đích thực* của tư tưởng Hồ Chí Minh được Người thể hiện nhất quán suốt cả cuộc đời đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; ở cả *cơ đồ, sự nghiệp* mà Người để lại, *ở phong trào* mà Người tạo dựng; *ở tần số xuất hiện của những lời nói và viết*, nhưng hơn cả vẫn là *ở việc làm và cách làm* của Người.

Hồ Chí Minh chẳng những là một nhà chiến lược vĩ đại mà còn là một nhà sách lược tài giỏi, tùy đối tượng, tùy

---

1. *Sđd*, tr. 496.

hoàn cảnh cụ thể mà Người có những cách ứng xử linh hoạt, sáng tạo riêng. Nghiên cứu để nhận thức hay vận dụng một câu nói nào đó của Hồ Chí Minh cần thiết phải đặt nó trong bối cảnh cụ thể: nói với ai, nhằm mục đích gì, do hoàn cảnh nào mà nói như vậy,... để không dẫn đến những suy diễn hay quy kết lầm lẫn, sai lệch với tư tưởng của Người.

Ngày 11-11-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán nhằm xoá đi một lý do mà các thế lực thù địch trong - ngoài nước muốn lợi dụng để chống phá cách mạng. Trong hoàn cảnh đó, tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội khoá I, Người tuyên bố: Tôi chỉ có một Đảng, Đảng Việt Nam. Nếu căn cứ vào câu đó mà cho rằng Hồ Chí Minh chỉ là một người dân tộc, không phải là người cộng sản thì sẽ rất sai lầm. Người không bao giờ phủ nhận danh hiệu cộng sản của mình, dù ở những thời điểm khó khăn nhất. Tháng 8-1944, trước khi được tự do, rời Liễu Châu trở về Việt Nam, Người đã nói với Trương Phát Khuê rằng: Tôi là một người cộng sản, nhưng điều mà tôi quan tâm hiện nay là độc lập và tự do của nước Việt Nam chứ không phải là chủ nghĩa cộng sản[1].

Có thể thấy rằng: mỗi sự kiện có nhiều tầng ý nghĩa, dựa vào câu nói của Hồ Chí Minh nhưng lại phải đặt vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi lời nói mới hiểu được ý nghĩa đích thực của nó.

Một khía cạnh nữa, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của một thời kỳ lịch sử cụ thể, nên cũng *chịu sự chế*

---

1. Xem: *Hồi ký của Trương Phát Khuê,* đăng trên *Liên hợp tạp chí*, xuất bản tại Hồng Kông, 1962.

ước của điều kiện lịch sử đó. Do hoàn cảnh chiến tranh, ta chưa thực sự bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đúng nghĩa của nó, ta cần học tập, tham khảo lý luận và kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có nhiều điểm đúng, nhưng cũng có những điểm nay đã bị thực tiễn vượt qua.

3. Quan điểm toàn diện và hệ thống

Là nhà chiến lược thiên tài của cách mạng Việt Nam, trong xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng, xã hội hay con người, Hồ Chí Minh luôn luôn xem xét một cách toàn diện: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội; quá khứ, hiện tại, tương lai; truyền thống và hiện đại; dân tộc và quốc tế; cá nhân, tập thể, cộng đồng; thời, thế, lực; thiên thời, địa lợi, nhân hoà; nhận thức, tư tưởng, tình cảm; đức và tài; lý luận và thực tiễn, nói và làm, v.v.. Người thường nhắc nhở cán bộ trong công tác phải có cái nhìn toàn cục, tránh chủ quan, phiến diện cục bộ. Nghiên cứu, học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh phải quán triệt quan điểm đó của Người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống và nhất quán ngay từ đầu. Giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản tức là giành độc lập dân tộc để đi tới chủ nghĩa xã hội. Đó là hạt nhân cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Mọi tư tưởng cụ thể đều xuất phát từ đó và phục vụ cho mục tiêu đó. Tách rời một yếu tố nào đó khỏi hệ thống sẽ hiểu sai tư tưởng Hồ Chí Minh. Tách rời độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là xa rời tư tưởng Hồ Chí Minh. Vấn đề không phải ở câu chữ mà ở tinh thần cơ bản, ở nội dung

cốt lõi đích thực của tư tưởng Hồ Chí Minh, ở "ham muốn tột bậc" của Người là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Ham muốn tột bậc đó, Người thấy chỉ có thể thực hiện được trong chủ nghĩa xã hội khoa học.

4. Quan điểm kế thừa và phát triển

Chúng ta nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào công cuộc đổi mới nhằm soi sáng và giải quyết những vấn đề đang đặt ra cho dân tộc, đất nước ở bối cảnh thời đại hiện nay.

Thực tiễn đổi mới của đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề mới vô cùng phức tạp, đòi hỏi cần được giải quyết sáng tỏ về mặt lý luận để góp phần thúc đẩy đất nước tiến lên. Nhiều vấn đề cụ thể, mới nảy sinh trong công cuộc đổi mới hiện nay, Hồ Chí Minh chưa có điều kiện đề cập. Nhưng Người đã cung cấp cho chúng ta những nguyên lý, những nguyên tắc phương pháp luận. Ta phải biết vận dụng tinh thần Hồ Chí Minh, phương pháp Hồ Chí Minh để suy nghĩ tìm lời giải đáp cho những vấn đề của chúng ta, phù hợp với bối cảnh và điều kiện lịch sử hiện nay. Nói cách khác, *phải vừa kế thừa, vừa phát triển, có phát triển tốt mới kế thừa tốt*.

Vấn đề đặt ra là: Vậy *quan niệm như thế nào là phát triển trung thành tư tưởng Hồ Chí Minh*?

Trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là khư khư bám giữ lấy những câu chữ của Người khi tình hình đã đổi mới. V.I. Lênin đã từng nói: Người cộng sản

phải có dũng khí nhìn vào sự thật, phải có gan vứt bỏ những nhận thức của ngày hôm qua không phù hợp với tình hình diễn biến của ngày hôm nay, phải biết "thay đổi sách lược, chọn một con đường khác để đi tới đích của chúng ta, nếu con đường cũ, trong một thời gian nhất định nào đó, xem ra không thích hợp nữa, không đi theo được nữa"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã dạy chúng ta như vậy: *Mục đích* bất di, bất dịch của chúng ta vẫn là hoà bình, độc lập, dân chủ. *Nguyên tắc* của ta phải vững chắc, nhưng *sách lược* của ta thì linh hoạt"[2].

Vì vậy, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết là *trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Người*: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[3]. Hoài bão lớn nhất của Người là độc lập và thống nhất cho Tổ quốc, tự do và cơm áo cho nhân dân, công bằng và hạnh phúc cho mọi người, hoà bình và hữu nghị cho các dân tộc. Trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh là đi tiếp con đường Người đã chỉ dẫn, hoàn thành tốt mục tiêu Người đã vạch ra, cũng như dòng sông chỉ có chảy thẳng ra biển mới thật là trung thành với ngọn nguồn của nó.

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t. 44, tr. 189.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 319.

3. *Sđd*, t. 4, tr. 161.

Trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh còn là *trung thành với logic phát triển tư tưởng của Người*. Hồ Chí Minh là con người năng động và luôn luôn "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Nếu còn sống đến ngày hôm nay, trước bối cảnh mới, cục diện mới, nhất là trước sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, chắc chắn Người cũng sẽ có nhiều nhận định, đánh giá mới, đề ra nhiều luận điểm mới.

Như vậy, *trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh là kiên trì con đường và mục tiêu Người đã chỉ dẫn, là vận dụng* ***tinh thần*** *và* ***phương pháp*** *Hồ Chí Minh để phát hiện ra* ***những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam****, tìm ra những luận điểm mới, cách làm mới phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện mới*, đưa nước nhà nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, làm cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"[1], đảm bảo cho đất nước không đi chệch mục tiêu, lý tưởng của Người, không đi chệch những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Đó chính là kế thừa trung thành và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NỘI DUNG VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

V.I. Lênin đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác về

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 59.

tất cả các mặt trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản đã chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh cũng đã vận dụng, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trên một loạt vấn đề ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh tự giải phóng.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, chúng ta cũng tìm trong tư tưởng Hồ Chí Minh những điều chỉ dẫn để đưa đất nước đi lên.

Các thế hệ sau cũng sẽ tìm trong tư tưởng Hồ Chí Minh những thông điệp cần cho thế hệ của họ. Điều đó nói lên hàm lượng chân lý tiềm ẩn phong phú và sức sống bất diệt của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Khi nghiên cứu mỗi bài, mỗi chương của giáo trình này chúng ta đã rút ra những bài học cần vận dụng cho mỗi vấn đề cụ thể. Bài này chỉ đề cập việc vận dụng mấy vấn đề chung nhất trong tinh thần và phương pháp Hồ Chí Minh, những vấn đề cơ bản, có ý nghĩa cấp bách nhất đối với chúng ta ở thời điểm hiện nay.

1. Phương hướng vận dụng: nắm vững quan điểm thực tiễn, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giải đáp đúng những vấn đề do thực tiễn cách mạng nước ta đặt ra hiện nay

Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, đó là quan điểm cốt lõi nhất của nhận thức luận mácxít. Nhờ nắm vững và vận dụng tốt quan điểm thực tiễn, Hồ Chí Minh đã phân tích đặc điểm xã hội Việt Nam và kinh nghiệm cách mạng thế giới để đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo cho cách

mạng Việt Nam. Từ xác định đúng mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai với các giai cấp, các tầng lớp yêu nước trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trước hết, còn vấn đề cách mạng thổ địa sẽ làm rải ra từng bước, nhằm tập hợp rộng rãi mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất, trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và trí thức, đưa đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Tiếp theo, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhờ đứng vững trên quan điểm độc lập tự chủ và quan điểm thực tiễn, ta nhận viện trợ kinh tế và quân sự, nhưng vẫn đánh theo đường lối và cách đánh Việt Nam, phù hợp với chiến trường Việt Nam, vì vậy chúng ta đã giành được thắng lợi vô cùng vẻ vang: giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, từ một nước nông nghiệp lạc hậu, phải trải qua 30 năm chiến tranh tàn phá, phát triển bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, đối với chúng ta là một điều mới mẻ trong lịch sử. Thực tế đó đòi hỏi chúng ta phải ra sức tìm tòi, sáng tạo, không chủ quan nôn nóng, cũng không được dập khuôn, giáo điều. Những vấp váp, sai lầm trong 10 năm đầu khi cả nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội chậm được phát hiện và khắc phục đã đưa đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội. Do dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật,

nắm vững quan điểm thực tiễn, trở lại với bài học của Bác Hồ, Đảng ta dũng cảm tự phê bình, đề ra đường lối đổi mới, đưa đất nước từng bước thoát ra khủng hoảng, giành được những thắng lợi to lớn, làm nên một việc thần kỳ: từ một nước thiếu đói, phải nhập khẩu lương thực, chỉ sau một số năm đổi mới đã trở thành một nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai, thứ ba trên thế giới. Trong khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ thì nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa vẫn đứng vững và tiếp tục tiến lên. Tốc độ tăng trưởng đạt mức tương đối cao trong nhiều năm, vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Cần thấy hết thắng lợi để tự hào, tin tưởng, đồng thời đứng vững trên quan điểm thực tiễn, cần tỉnh táo nhìn vào sự thật để thấy rằng nước ta hiện nay vẫn còn là một trong những nước nghèo và lạc hậu trên thế giới. Thu nhập tính theo đầu người còn rất thấp, trình độ khoa học và công nghệ còn lạc hậu hàng mấy thập kỷ so với các nước trong khu vực và hàng trăm năm so với các nước tiên tiến. Trong khi các nước phát triển đã đi qua hai cuộc cách mạng công nghiệp, đang bước vào nền kinh tế tri thức thì nước ta mới bắt đầu bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Điều kiện đi lên chủ nghĩa xã hội của ta ngày nay không hoàn toàn giống với sinh thời của Bác Hồ. Trước đây V.I. Lênin đã nói: với sự giúp đỡ của một nước xã hội chủ nghĩa phát triển, các nước kinh tế lạc hậu có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Ngày nay, điều kiện đó không còn. Vậy

chúng ta, một nước Việt Nam chậm phát triển, sẽ đổi mới và đi lên chủ nghĩa xã hội như thế nào?

Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: "... *đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo*. Tiến hành đổi mới xuất phát từ thực tiễn và cuộc sống của xã hội Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm tốt của thế giới, không sao chép bất cứ một mô hình có sẵn nào; đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để với những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết về chủ trương, phương pháp, biện pháp; tìm và lựa chọn những giải pháp mới, linh hoạt, sáng tạo, nhạy bén nắm bắt cái mới, tận dụng thời cơ, khắc phục sự trì trệ, làm chuyển biến tình hình"[1].

Như vậy, Đảng ta nhấn mạnh phải kiên trì quan điểm thực tiễn, phải không ngừng đi vào cuộc sống, tổng kết các mô hình tiên tiến, nâng lên thành lý luận, đề ra luận điểm mới, tìm ra quy luật về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

2. Một số nội dung có ý nghĩa cấp bách ở thời điểm hiện nay

a) Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với lý tưởng xã hội chủ nghĩa

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của

---

1. *Sđd*, tr. 81.

Đảng chỉ rõ: "... *trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*"[1].

Hiện nay, thế giới đã thay đổi nhiều, song cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vẫn đang diễn ra gay gắt. Các thế lực đế quốc và phản động đang ra sức khai thác, kích động, lôi cuốn các dân tộc vào cơn lốc bạo lực mới.

Với nước ta, các thế lực thù địch vẫn chưa muốn khép lại quá khứ, nhìn về tương lai, vẫn đang kích động hận thù, theo đuổi những mưu toan thâm độc mới. Do đó, cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền đất nước, toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn từng tấc núi, tấc sông,... vẫn phải luôn luôn đặt ra, không được một phút lơ là.

Ta đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện toàn cầu hoá về kinh tế tức là đi vào một cuộc trường chinh mới với nhiều vận hội, cơ may nhưng cũng không ít lo âu, bất trắc. Các đế quốc công nghệ đang thực hiện âm mưu biến các nước chậm phát triển thành những bãi thải công nghệ của chúng, hòng kìm hãm các nước này trong vòng lạc hậu để dễ bề thao túng, bóc lột.

Trong điều kiện đó, chúng ta sẽ dùng *động lực* nào để đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước tiến lên? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cho chúng ta ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ta có nhiệm vụ trao lại cho các thế hệ nối tiếp; nghĩa là phải ra sức phát triển *chủ nghĩa yêu nước* và *tinh thần dân tộc*, kết hợp với bồi

1. *Sđd,* tr. 81.

dưỡng cho họ về *lý tưởng xã hội chủ nghĩa*, tạo ra nguồn nội lực mới để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Muốn thế, chúng ta phải ra sức tìm tòi, hoàn thiện cơ chế kết hợp các lợi ích, có hành lang pháp lý an toàn cho các thành phần kinh tế yên tâm bỏ vốn đầu tư, làm ăn lâu dài; cán bộ, đảng viên phải thực sự gương mẫu đi đầu, nêu tấm gương trong sạch, liêm khiết, hoàn toàn vì nước vì dân.

b) Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh: đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; mọi chủ trương, chính sách phải dựa vào dân, lấy dân làm gốc

Trong tư tưởng chỉ đạo cũng như trong thực tiễn hành động, Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao vai trò làm chủ của nhân dân, tôn trọng quyền lực của dân, tin tưởng vào khả năng và sức mạnh của dân. Người quan niệm: chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng, do đó phải đem *tài dân, sức dân, của dân* để *làm lợi cho dân*. Trong *Di chúc*, đề cập những công việc đổi mới to lớn, phức tạp, khó khăn sau chiến tranh, Người nhắc nhở: "Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân"[1].

Quán triệt bài học này, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta nhấn mạnh: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 505.

dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"[1]. Nói cụ thể là phải khơi dậy mạnh mẽ mọi nguồn nội lực trong nhân dân.

Hiện nay, chúng ta đang nói nhiều đến bốn nguy cơ: tụt hậu; chệch hướng; quan liêu, tham nhũng; và "diễn biến hoà bình", nhưng còn ít nói về khâu đột phá để tạo sức mạnh vượt nguy cơ. Trong lịch sử dân tộc, không có thời kỳ nào cha ông ta không phải đối phó với những nguy cơ rình rập đến từ nhiều phía, song cha ông ta đều đã biết dựa vào dân để vượt qua và chiến thắng. Nếu cần phải đề phòng một nguy cơ nữa thì xin được nhắc lại lời nhắn nhủ ân cần của Hồ Chí Minh là phải lo làm sao để không xa dân, mất lòng dân, "sao cho được lòng dân", vì mất lòng dân là mất tất cả.

Để vận dụng, quán triệt quan điểm "dựa vào dân, lấy dân làm gốc" của Hồ Chí Minh, chúng ta phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề. Trước hết, phải chăm lo *phát triển nguồn lực con người* nhằm hình thành được một đội ngũ *cán bộ chiến lược giỏi*, một đội ngũ *trí thức - các nhà khoa học và công nghệ* có trình độ cao, một đội ngũ đông đảo những *người lao động đã qua đào tạo*, có văn hoá, đạo đức, có tay nghề, có ý chí, dẻo dai về thể chất và tinh thần để lao động trong điều kiện cạnh tranh dữ dội với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 86.

Thứ hai, để khơi dậy sức mạnh toàn dân tộc, phải *mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ, bồi dưỡng ý thức làm chủ của người dân*. Người lãnh đạo, người quản lý phải coi dân chủ vừa là bản chất, vừa là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, vừa là sức mạnh, là chìa khoá để giải quyết mọi khó khăn, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói.

c) Không ngừng củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đưa chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh lên một tầm cao, một chiều sâu mới

Truyền thống đại đoàn kết dân tộc đã được thử thách trong lịch sử, đã chứng tỏ sức mạnh thần kỳ của nó trong đấu tranh và xây dựng.

Ở bối cảnh quốc tế mới đầy phức tạp hiện nay đang xuất hiện những nhân tố có khả năng tác động đến tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

- Kinh tế thị trường, dù định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng không tránh khỏi dẫn đến những thay đổi trong phân tầng xã hội, tạo ra sự đối lập giàu nghèo. Kinh tế thị trường cũng tạo ra tâm lý chạy theo đồng tiền, cạnh tranh không lành mạnh, làm phai nhạt truyền thống tình nghĩa, tương thân tương ái trong cộng đồng dân tộc. Kinh tế thị trường cũng đẻ ra nhiều tệ nạn xã hội, nhất là nạn tham nhũng, hối lộ, quan liêu, cửa quyền, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, gây ra những oan ức, khiến lòng dân không yên, dẫn đến những xung đột xã hội đáng lo ngại, nếu chậm khắc phục sẽ có nguy cơ đe doạ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc đòi hỏi phải chăm lo giải quyết tốt hơn nữa *mối quan hệ giữa các dân tộc anh em* trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Sau hơn 15 năm đổi mới, tình hình đời sống các dân tộc miền núi đã có một số chuyển biến rõ nét, tuy nhiên vẫn đang ở tình trạng khó khăn, nghèo nàn, lạc hậu: thiếu đất canh tác, tình trạng du canh du cư vẫn tiếp diễn, nạn mù chữ còn phổ biến, mê tín dị đoan đang phát triển,... Đó là những kẽ hở cho kẻ thù lợi dụng, khoét sâu mâu thuẫn, gây ra những xung đột, bạo loạn đáng tiếc.

- Cũng như vấn đề dân tộc, *tôn giáo* ở Việt Nam là một vấn đề lớn, sẽ còn tồn tại lâu dài trong đời sống tâm linh, tín ngưỡng của một bộ phận không nhỏ trong cộng đồng dân tộc. Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo với hàng chục triệu tín đồ. Hiện nay, nhiều giáo phái mới, thực chất là tà giáo, đang được đưa vào Việt Nam. Các lực lượng thù địch chưa lúc nào từ bỏ âm mưu lợi dụng tôn giáo vào mục đích chống phá cách mạng Việt Nam, rêu rao Việt Nam chưa có tự do tôn giáo!

Chúng ta phải vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và tôn giáo, làm thất bại mọi âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững mạnh, đưa sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến thành công.

d) Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực của Nhà nước - nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới

- ***Đảng Cộng sản Việt Nam là một Đảng cầm quyền.*** Trong điều kiện cầm quyền, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội dễ có cơ phát triển, trở thành một hiểm hoạ trong Đảng. Biểu hiện nghiêm trọng nhất của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội hiện nay là nạn quan liêu, tham

những, bè phái, mất dân chủ,... Vì vậy, cần dũng cảm đấu tranh vạch mặt, kiên quyết loại trừ các phần tử cơ hội ra khỏi Đảng, ra khỏi các vị trí công tác quan trọng, ngăn ngừa không để cho các phần tử cơ hội chui vào hàng ngũ của Đảng.

Không lâu trước khi qua đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy điều này. Người nói: "Trước đây, Bác và các chú bước vào con đường cách mạng, ai cũng sẵn sàng nhận lấy hai cái này: một là ngồi tù, hai là lên máy chém. Ngoài cái được lớn là độc lập tự do cho nhân dân, Tổ quốc, không ai nghĩ đến sẽ giành phần danh lợi cho cá nhân mình. Bây giờ ta đã có chính quyền rồi, hoàn cảnh đã khác trước"[1].

Trong điều kiện duy nhất cầm quyền, cán bộ đảng dễ rơi vào nguy cơ độc quyền, chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, khiến nhiều nơi cấp ủy chỉ còn là cái bình phong, nơi hợp thức hoá ý muốn chủ quan của người đứng đầu đơn vị. Do đó: 1- Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý*; 2- Có *cơ chế bầu cử* công khai, dân chủ để thực sự lựa chọn được những người ưu tú nhất, có đủ đức tài, có tâm huyết, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, không còn hiện tượng mua quan, bán tước, chạy chức, chạy quyền; 3- Phải đảm bảo *quyền được thông tin* của đảng viên, được chất vấn cấp ủy và các cán bộ lãnh đạo có nghĩa vụ phải trả lời theo thời hạn quy định; 4- Phải *nâng cao năng lực tổ chức thực hiện*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 555.

đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng cho tốt, theo đúng tinh thần Hồ Chí Minh: "Chỉ tiêu một, biện pháp mười, quyết tâm hai, ba mươi", nói phải đi đôi với làm, có làm được thì mới nói, hoặc theo phương châm "thà ít mà tốt" như di huấn của V.I. Lênin.

- *Tiếp tục cải cách và hoàn thiện bộ máy nhà nước*, thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân, theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực chất của việc cải cách bộ máy nhà nước hiện nay là:

+ Chuyển mô hình nhà nước của nền kinh tế kế hoạch tập trung bao cấp sang một Nhà nước của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, *thực hiện chức năng công quyền*: quản lý chủ yếu bằng hoạch định chính sách, xây dựng thể chế pháp luật, kiểm tra giám sát việc thực hiện pháp luật, tổ chức cung cấp dịch vụ công (hành chính, y tế, giáo dục, an ninh, thông tin,...).

+ Vấn đề cốt lõi của cải cách, hoàn thiện nhà nước, xét đến cùng vẫn là *vấn đề con người vận hành bộ máy*. Nếu nhà nước là một tổ chức *công quyền* thì nhân viên nhà nước chỉ là *công bộc*, có trách nhiệm thi hành *công vụ* được giao phó, chứ không phải là "quan cách mạng" cậy quyền, cậy thế với dân. Do đó, phải nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước cả về *đạo đức* và *tài năng*; phải qua thi tuyển, thực hiện chế độ thi nâng bậc, thi chuyển ngạch,... một cách nghiêm túc, khắc phục tình trạng chiếu lệ, hình thức, nhiều tiêu cực hiện nay mà dư luận đang bất bình.

Trên đây chỉ là gợi ý một số vấn đề lý luận và thực tiễn, rút ra từ di sản tư tưởng phong phú của Hồ Chí Minh, nhằm

tìm cách vận dụng vào mấy vấn đề có ý nghĩa thời sự cấp bách nhất trong công cuộc đổi mới hiện nay.

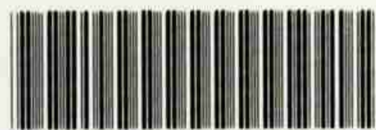
Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại, tinh hoa văn hoá nhân loại với truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, được nâng cao và làm phong phú thêm từ trong thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước hơn 70 năm qua. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng và của toàn dân tộc. Từ nhu cầu của thực tiễn hành động, mỗi thế hệ, mỗi ngành, mỗi giới mỗi người... sẽ tìm thấy trong *tinh thần và phương pháp Hồ Chí Minh* những chỉ dẫn cụ thể cho mình để vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của Người. Điều đó tiếp tục khẳng định sức sống và giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRỊNH THÚC HUỲNH

Biên tập: TS. HOÀNG VĂN TUỆ
HỒ DIỆU THUÝ
Trình bày, vẽ bìa: PHÙNG MINH TRANG
Sửa bản in: PHÒNG SỬA BÀI

In 19.320 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Nhà máy in Sách giáo khoa Đông Anh - Hà Nội. Giấy phép xuất bản số: 490-285/CXB - QLXB, Cấp ngày 20-3-2003. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2003.



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QU

24 Quang Trung – Hà Nội

ĐT: 9422008 FAX: 84-4-9421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn

Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH MÃI MÃI SOI SÁNG CON ĐƯỜNG CHÚNG TA ĐI

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương

- CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – TIỂU SỬ VÀ SỰ NGHIỆP

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Tạp chí Lịch sử Đảng

- TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Lê Mậu Hãn

- SỨC MẠNH DÂN TỘC CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



***Giá:* 36.000đ**